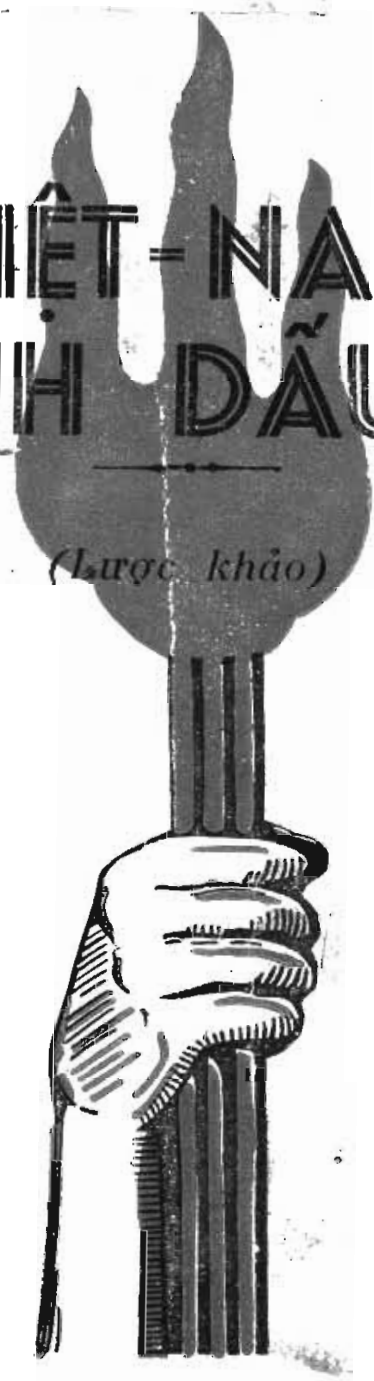


HÀNG-TRẦN-ON



VIỆT-NAM TRANH DẤU SỬ'

(Lược khảo)



1951

Nhà xuất bản VŨ-HÙNG
HÀ-NỘI

17. 1950

PHẠM-VĂN-SƠN

Việt-Nam Tranh-Đấu Sử



IN LẦN THỨ HAI

Có sửa đổi và

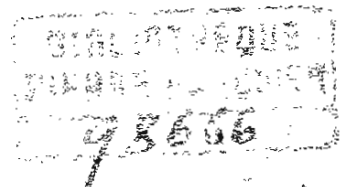
thêm nhiều tài-liệu

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1950

Nhà xuất bản Vũ-Hùng

HÀ-NỘI



*Nam-Quốc sơn-hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*



LÝ-THƯỜNG-KIỆT

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Lời tác giả



NƯỚC Việt-Nam thân-yeu của chúng ta sở dĩ còn tồn-tại lời nay cũng vì chúng ta không quên nguồn gốc. Mà quên làm sao được khi chúng ta có một giải non sông gấm vóc chạy dài từ Ải Nam-Quan vào tới mũi Cà-Mâu, cảnh trí như tranh vẽ, nguyên-liệu thiên-nhiên dồi-dào, những cánh đồng phì-nhiều bát-ngát thừa nuôi sống trên hai chục triệu con người và hứa hẹn rất nhiều về mọi cuộc mở mang rộng lớn cho đời sống của dân-tộc! downloadsachmienphi.com

Về tinh-thần, chúng ta có một nền văn-hóa cổ-cựu, nhiều thuần phong mỹ-tục, một trật-tự xã-hội điều hòa và trong bao nhiêu thế hệ, người công-dân đã tìm được đầy đủ cái sinh thú giữa gia đình cũng như ngoài quốc-gia hùng mạnh.

Những sự-trạng tốt đẹp đó là công nghiệp của nghìn đời, là một cuộc tranh đấu của tiền nhân liên miên vô tận từ 4.000 năm lập quốc đến giờ.

Chúng ta có thể kiêu-hãnh được ông cha để lại một gia-tài vô-cùng quý giá nhường ấy mà vì vậy cuốn Lịch Sử Việt-Nam của chúng ta đã được người ngoại quốc chú ý đến rất nhiều.

Chúng tôi cầm bút biên chép riêng những trang sử tranh đấu của nước nhà qua các thời-đại không thể không ngược dòng thời-gian để lòng rung động với những cái oai hùng của quá khứ, rồi sau đây theo rồi hiện-tại và tìm hiểu tương-lai trong một phút tự-sĩ và tự-hào.

Tự hào là chúng ta đã thuộc về một giòng giống từ thuở ra đời đã có nhiều phen thắng cường-lân, bại kẻ địch, xây dựng được quốc-gia trên nền tảng của tự-do và độc-lập. Tự-sĩ là chúng ta đã có những phen lắm đường lỗ bước nên đã chịu nhiều giai-đoạn đau-đớn lắm than.

Trong cuộc Thế-Giới-Chiến vừa qua, dân Việt-Nam chúng ta chẳng tranh vương đô bá mà cũng lâm vào cảnh núi xương sông máu. Vết thương đau của dân-tộc càng ngày càng mở rộng. Chúng ta vì Độc-Lập và Tự-Do mà bước vào vòng khói lửa cho tới ngày nay.

Có nên nói rằng : muốn sao thì cái cảnh nhà tan nước phá hiện tại cũng đã có những ảnh hưởng tai hại một phần nào và ta cũng nên tự thú rằng trước cái hoang tàn, trước cái bất chắc của tình thế dò chiến tranh gây nên, một số người của chúng ta đã bị ngã lòng tuyệt vọng.

Không lúc nào bằng lúc này, cần phải có những cuốn sách diễn tả cái tình-thần quật-cường, những cuộc chiến-thắng liên tiếp của anh-hùng liệt-sĩ XỬA và NAY đã hy-sinh xương máu trong cuộc giải phóng dân-tộc.

Loại sách đó sẽ là một liều thuốc bồi-dưỡng những tâm hồn bạc-nhược, là một ánh-sáng hé ra cho người ta nhận thấy tương-lai của tổ quốc để lại mạnh dạn bước lên đường tranh đấu cho tới khi lý tưởng của Quốc-Gia và dân tộc được thỏa-mãn.

Chúng tôi chép cuốn Sử này cũng mong đạt được cái cao vọng đó trong muôn một và nhờ trông các nhà học-giả trong nước bổ-khuyết cho những lỗi lầm thiếu sót.

PHẠM-VĂN-SƠN



Tài liệu tham khảo sách này

Phần Bắc-thuộc và cận kỳ Trung-dại ở Việt-Nam Sử-lược của cụ Trần-trọng-Kim đã nghiên cứu bằng cách kể dưới đây và riêng về triều nhà Lý có nghiên cứu thêm ở phần Lý-thường-Kiệt của ông Hoàng-xuân-Hãn. Phần cận đại, một ít trích ở Cải-Tạo đặc-san số 36, 37, về hiện đại hoàn toàn của tác giả.

A. — Sách chữ nho và chữ quốc ngữ :

- 1) Đại Việt Sử Ký, của NGÔ SĨ LIÊN
- 2) Khâm định Việt Sử Thông giám cương mục.
- 3) Trần triều thế phổ hành trang.
- 4) Bình Nguyên công thần thực lục.
- 5) Hoàng Lê nhất thống chí.
- 6) Lịch triều hiến chương, của PHAN HUY CHÚ
- 7) Đại Nam thực lục tiền biên.
- 8) Đại Nam thực lục chính biên.
- 9) Đại Nam thống chí.
- 10) Đại Nam chính biên liệt truyện.
- 11) Đại Nam điển lệ toát yếu, của ĐỖ VĂN TÂM
- 12) Minh Mệnh chính yếu.
- 13) Quốc triều sử toát yếu, của CAO XUÂN DỤC.
- 14) Thanh triều sử ký.
- 15) Trung Quốc lịch sử.
- 16) Hành thực ca, của bà NGUYỄN NHƯỘC THI.

B. — Sách chữ Pháp :

- 1) Cours d'histoire Annamite, par TRƯƠNG VĨNH KÝ
- 2) Notion d'histoire d'Annam, par MAYBON RUSSIER
- 3) Pays d'Annam, par E. LURO.
- 4) L'Empire d'Annam, par GOSSELIN.
- 5) Abrégé de l'histoire d'Annam, par SCHNEIDER.
- 6) Histoire de la Cochinchine, par P. CULTRU.
- 7) Les origines du Tonkin } par J. DUPUIS.
- 8) Le Tonkin de 1872 à 1886 }
- 9) La vie de Monseigneur PUGINIER, par E. LOUVE T.
- 10) L'insurrection de GIA ĐỊNH par J. SILVESTRE (Revue Indochinoise, Juillet — Août, 1915).



Nước Việt-Nam qua các Triều-Đại

NƯỚC Việt-Nam là một quốc-gia ở vào Đông-Nam Á-Châu, bề ngang hẹp, bề dọc dài, cong như hình chữ S, hai đầu phình ra (Bắc-Việt và Nam-Việt) ở giữa (Trung-Việt) thì thắt lại.

Đông và Nam giáp bờ bể Nam-Hải (Mer de Chine), Tây giáp Ai-Lao và Cao-Mên, Bắc giáp nước Trung-Hoa liền với tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam.

Diện-tích rộng chừng 312.000 cây số vuông chia ra :

- Bắc-Việt 105.000 cây số vuông.
- Trung-Việt 150.000 cây số vuông.
- Nam-Việt 57.000 cây số vuông.

Dân số trên 20 triệu người. Theo một vài người Pháp kê cứu thì người Việt-Nam và người Thái đều ở miền núi Tây-Tạng xuống. Người Việt-Nam theo sông Hồng-Hà lần về phía Đông-Nam lập ra nước Việt-Nam ngày nay, còn người Thái thì theo sông Mékong lập ra nước Xiêm và Lào.

Người Việt-Nam thuộc về giống da vàng. Người nào làm ăn nơi đồng ruộng thì ngăm ngăm đen. Người thư-nhàn thì nước da vàng như màu ngà cũ.

So sánh với người Tàu thì người Việt-Nam hao hao giống người Tàu chỉ khác là có vẻ linh lợi và nhanh nhẹn hơn. Mặt thì xương xương bèn bẹt, trán cao rộng, mắt đen hơi xếch về đằng cuối, mũi hơi tẹt, răng to nhuộm đen, râu thưa tóc phều và dài, hơi cứng. Dáng đi nhẹ nhàng nhưng vững chắc.

Áo quần thì rộng. Đàn ông tóc húi ngắn. Đàn bà quần khắn, áo mặc dài quá đầu gối, tay áo thì chặt, ống quần thì rộng. Đàn bà ở Bắc-Việt, và phía bắc Trung-Việt quần khắn. Ở nơi thành-thị thì mặc quần và ở nơi thôn quê thì mặc váy. Ở phía nam Trung-Việt và Nam-Việt thì đàn bà mặc quần cả và búi tóc.

Người Việt-Nam là một giống thông minh, linh lợi và theo đạo Khổng. Đàn ông lấy Nhân, Nghĩa, Lễ, Tri, Tín là năm điều chính của Khổng-Giáo làm trọng. Đàn bà theo Tiết, Nghĩa, Cần, Kiệm.

Từ Bắc chí Nam người Việt-Nam nói cùng một thứ tiếng, theo cùng một phong tục. Về mặt tinh thần như vậy có thể nói là duy nhất.

Sự mở mang bờ cõi của người Việt-Nam xưa kia về phía bắc đã gặp hai sự cản trở vì phương Bắc trực tiếp Trung-Hoa, một dân tộc đông trên 400 triệu người, phía tây lại lắm rừng nhiều núi không tiện đi lại nên người Việt chỉ có thể tiến về phía nam theo bờ bể đánh Lâm-Áp, Chiêm-Thành và Chân-Lạp lập thành quốc-gia Việt-Nam ngày nay.

Người Việt-Nam thành lập quốc gia kể tới bốn nghìn năm. Vì vị-tri ở sát một nước lớn như Trung-Quốc mà dân số chiếm 1/4 dân số toàn thể Thế-Giới, lại văn minh sớm vào bậc nhất nên lịch sử của Việt-Nam đã trải nhiều giai đoạn hắc-ám. Bên cạnh Trung-Quốc hùng cường ấy trong bao nhiêu thế-hệ mà Việt-Nam đã giữ nổi nền độc-lập, cá-tính quốc-gia và tinh-thần cố-hữu của mình kể cũng là một điều phi thường. Vì vậy mà dân-tộc Việt-Nam càng ngày càng được Thế-Giới chú-ý cho tới cuộc tranh giành độc-lập ngày nay có nhiều trang sử oanh liệt đẹp đẽ.

Nhà chép sử cuối cùng của chúng ta, ông TRẦN-TRỌNG-KIM, một học giả trứ-danh, chia lịch-sử Việt-Nam ra làm 5 thời-đại.

1) — Thượng cổ thời đại. — Kể từ họ Hồng-Bàng cho đến đời nhà Triệu. Giai đoạn này không có căn cứ thiết-thực, và cũng như lịch-sử nhiều dân-tộc, nói rằng giòng giống Việt-Nam là giòng giống thần tiên thuộc về Vua Đế-Minh cháu ba đời vua Thần-Nông đi tuần thú về phương Nam gặp

một nàng tiên lấy nhau đẻ ra hai Hoàng-Tử là Đế-Nghi cho làm Vua phương Bắc và Lộc-Tục làm Vua phương Nam xưng là Kinh-Dương-Vương. Kinh-Dương-Vương làm Vua nước Xích-Quỷ năm Nhâm-Tuất (2879 trước tây lịch kỷ-nguyên ?) lấy con gái Động-dinh-Quân là Long-Nữ đẻ ra Sùng-Lãm nối ngôi gọi là Lạc-Long-Quân. Lạc-Long-Quân lấy con gái Vua Đế-Lai tên là Âu-Cơ. Nước Xích-Quỷ chia ra những nước gọi là Bắc-Việt gồm có đất Hồ-Quảng, Quảng-Đông, Quảng-Tây. Nhưng đây chỉ có thể coi là dã sử mà thôi cũng như người Nhật tự coi mình là giòng giống của Thái-Dương thần-nữ để lấy đó làm một điều bảnh diện cho chủng tộc.

2) — Thời đại thứ nhì là Bắc-thuộc thời-dại. — Kể từ khi Vua Vũ Đế nhà Hán (bên Tàu) chiếm lấy đất Nam-Việt của nhà Triệu — Người Nam-Việt vào hồi đó chưa được tiến hóa, học hành còn kém, sách vở không có. Người Tàu trên một nghìn năm đô hộ người Việt-Nam đã đặt cả nền văn-hóa của mình ở đấy. Ảnh hưởng của nền văn-hóa này rất là sâu-xa và đã thành quốc túy đến tận kim thời đại do sự xúc-tiếp với nền văn-hóa Âu Tây gần một trăm năm về đây đã phai nhạt được ít nhiều.

3) — Thời đại thứ ba tức là thời đại tự-chủ. — Mặc dầu cuộc thống trị của người Trung-Hoa đã thành nền tảng ở đất Việt trên 1000 năm, lan cành bén rễ rộng sâu, nhưng nòi giống người Việt-Nam có một tinh thần cố-hữu bất diệt, một cá tính vô cùng bền bỉ, nền văn-hóa Trung-Quốc mãnh liệt như vậy cũng vẫn không thể đồng hóa nổi nước Việt-Nam dù rằng trong phong-tục lễ-nghi, tiếng nói người Việt có nhiều điều của người Tàu phẳng phất phổ cập vào.

Và về phương-diện chính-trị, mặc dầu chính sách cai-trị của người Tàu có nhiều khi rất ôn hòa đạo-đức, (thời Sĩ-nhiếp và Nhâm-Diem là hai vị Thứ-Sử của Trung-Quốc đã thương dân Việt-Nam như con) người Việt-Nam với người Tàu vẫn là hai dòng nước song hành mà vẫn không hợp chung với nhau. Cũng nên công bằng nói rằng trong giai đoạn trên 1000 năm Bắc-thuộc đó, người Tàu cũng đã khai hóa cho người Việt rất nhiều, nhưng người Việt vẫn nhớ đến giòng giống của mình, cốt rễ của quốc-gia với một quan-niệm rất thiết tha về

độc-lập nên luôn luôn tìm cơ-hội để tự giải-phóng trong khi người Tàu lấy sức mạnh đặt nền thống trị ở Việt-Nam. Đối với nhiều dân-tộc trên thế-giới trong kỷ-nguyên ấy, quan-niệm đó, tinh-thần đó có thể coi là rất sớm sửa.

Thời đại độc-lập này kể từ nhà Ngô (Ngô-Quyền), nhà Đinh cho đến nhà Hậu-Lê, nước Việt-Nam nghiêm nhiên là một quốc-gia có triều-đình riêng một phương trời với tất cả những sự đàng hoàng như một vương triều, đối với Trung-Quốc tuy vẫn phải xưng thần nạp cống, nhưng kỳ thực không ai xâm phạm đến ai nữa. Sự xưng thần nạp cống đó chỉ là một phương sách mềm dẻo về chính trị để giao hảo với một nước to, mạnh, phú-cường gấp trăm mình cho khỏi những cuộc binh đao tàn khốc vô ích.

Trong thời kỳ này vừa thoát hẳn vòng lệ thuộc, người Việt-Nam vội xây đắp lại giang-san, chấn chỉnh lại đời sống của dân chúng, sửa sang nền võ bị tức là vấn đề phòng nạn xâm-lăng của Trung-Quốc cho nên về các phương diện kể trên đây bành trướng nhiều, còn về văn-học thì chưa được chu đáo lắm.

Sau này đến đời nhà Lý, nhà Trần, công việc trong nước mọi mặt đều được chỉnh bị, thành nền nếp. Kẻ cường lân không dám nhòm ngó quấy nhiễu. Việc văn học, chính trị, tôn giáo mỗi ngày một tiến do những bậc minh quân lương tể. Và phía Bắc có thể chống được với Trung-Quốc và về phương Nam bờ cõi mở rộng thêm. Nhà Lý, nhà Trần lại gây được quốc hồn mạnh mẽ. Cuối đời nhà Trần, do sự lộn sộn về chính trị, người Trung-Hoa lại đem quân sang (Nhà Minh) định tái chiếm Việt-Nam thì người Việt sẵn đức tự tin, giàu lòng đoàn-kết, đánh đuổi được quân xâm-lăng ra khỏi đất nước. Cầm đầu phong trào này là vua Lê-Lợi, người anh hùng áo vải ở đất Lam-Son. Với triều đại nhà Lê, một trăm năm đầu có thể nói là toàn thịnh : võ công, văn trị, nông nghiệp nhất là về năm Quang-Thuận (1460-1469) và Hồng-Đức (1470-1497) thật là một giai đoạn lịch-sử vô cùng sán lạn.

4) — Thời-đại thứ tư — Sau thời kỳ oanh-liệt kể trên, những vị vua kế tiếp của Lê Triều tinh thần suy nhược, chính sự rối ren, trong nước sinh cuộc binh đao và cuộc Nam Bắc phân tranh tức là *thời-đại thứ tư*.

Nước Việt-Nam từ khi Ngô-vương-Quyền đánh đuổi được quân Nam-Hán cho tới nhà Hậu-Lê kế tiếp đã lập thành được một quốc gia đủ quyền tự chủ đời nọ nối theo đời kia.

Đến đầu thế-kỷ thứ 16, nhà Lê tới lúc suy vi thì nhà Mạc thoán đoạt triệt bỏ con cháu nhà Lê về phía Nam (Thanh-hóa Nghệ-An) dựng lên triều đại dài được trên 60 năm. Nhà Mạc đóng ở phương Bắc (Bắc-kỳ) gọi là Bắc-Triều và họ Trịnh phù con cháu nhà Lê lập nên Nam-Triều. Mỗi bên hùng cứ một phương. Sau này họ Trịnh diệt được nhà Mạc thì lại lâm vào cảnh nội chiến nữa là Trịnh-Nguyễn giao tranh. Trịnh đuổi Mạc ra thay thế Mạc ở phương Bắc và Nguyễn lại lập triều đình ở phương Nam. Thực quyền của dòng họ Lê bấy giờ thì không còn nữa và đã lọt sang tay họ Trịnh. Cả hai họ Trịnh và Nguyễn đều xưng Chúa mà không dám xưng Vương vì họ đều nấp sau cái bình phong phù Lê, bởi, mặc dầu họ Lê suy rồi nhưng dân nước vẫn còn nhiều cảm tình với dòng họ đã có công đánh đuổi quân Minh giữ vững nền độc lập của quốc-gia trọn một thế-kỷ. Trịnh Nguyễn đánh nhau trước sau bảy lần từ năm Đinh-Mão (1627) đến năm Nhâm-Ti (1672) tức là từ đời vua Thần-Tôn nhà Lê đến đời vua Gia-Tôn vừa 45 năm.

Năm Ất-Dậu (1765) chúa Nguyễn-Phúc-Khoát (Vũ-Vương) mất. Thế-tử còn nhỏ. Trương-Phúc-Loan là một quyền thần làm nhiều điều can rõ nên ở phía Nam (Qui-Nhơn) anh em ông Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ nổi lên đánh bật chúa Nguyễn về phía Nam và về phía Bắc tiến ra diệt Trịnh lập lên Nhà Tây-Sơn oanh liệt được ngót hai chục năm (1788-1802) rồi vì anh em nghi ngờ nhau sinh ra ly tán. Một điều may mắn cho Chúa Nguyễn trong dịp này là sự gặp gỡ Giám-Mục Bá-da-Lộc (Evêque d'Adran). Ngài liền nhờ Giám-Mục mang con là Hoàng-Tử Cảnh sang nước Pháp cầu viện binh, và vì nhà Tây-Sơn tới lúc suy vi, vị vua anh hùng nhất là Quang-Trung lại chết sớm, nên Chúa Nguyễn bình định được từ Nam chí Bắc, giang sơn từ Ải Nam-Quan tới Mũi Cà-Mâu lập thành bản triều cho tới bây giờ.

5) — Cận kim Thời-đại — Cận kim thời đại bắt đầu từ vua Thái-Tổ (Gia-Long) bản triều cho đến cuộc Bảo-Hộ của nước Pháp trở về đây. Vua Thế-Tổ nhà Nguyễn cũng như nhiều vị

khai sáng các triều đại đã rất khôn ngoan, khéo léo sâu sắc, nhiều sáng kiến mới gây dựng được cơ nghiệp. Các vị vua kế nghiệp kém Ngải về các phương diện này lại thêm triều thần là những kẻ hủ nho thiển cận nên đã làm nhiều điều vụng về như việc ngược đãi các giáo-sĩ ngoại-quốc : Pháp, Y-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha, giết-tróc các giáo dân, đóng các cửa bể không chịu xúc tiếp với các dân tộc Tây-phương. Vì thế người Pháp đã nắm được những cơ hội tốt đẹp dùng võ-lực xâm chiếm Việt-Nam và đặt nền Bảo-Hộ ở đây. Có cuộc Bảo-Hộ của người Pháp trên giải đất Việt-Nam trong 80 năm, và trước đây lại thêm trên 1000 năm đụng chạm với người Trung-Hoa, một dân tộc hùng-cường với một nền văn-minh cổ cựu nhất thế-giới đã có lần quân hùng tướng mạnh dầy xéo lên các dân tộc tự Á sang Âu, người ngoại quốc đọc sử Việt-Nam sẽ được thưởng thức một cách vô cùng hào hứng những trang sử oanh liệt của chúng ta mà chúng ta có thể nói ra không chút khoe khoang kiêu hãnh. Người ta sẽ hiểu dân tộc Việt-Nam có một sức chịu đựng phi thường các cuộc áp bức vô cùng nguy hiểm và có tinh thần quật cường vô cùng dũng mãnh ; cho nên nước Việt-Nam trải qua bao nhiêu thế-kỷ đã không bị xóa nhòa trên bản đồ thế giới trong khi nhiều quốc gia khác đã bị lu mờ tàn tạ thảm thương.

Sau cuộc Thế-Giới-Chiến kỳ thứ hai vừa qua, cũng như một vài dân tộc bị trị khác biết lợi dụng thời cơ đập đổ chế độ Thực-Dân, Việt-Nam lại tiếp tục cuộc tranh đấu cổ-truyền, giành được chủ quyền ở tay hai Đế-Quốc Pháp, Nhật năm 1945. Từ cuộc Cách-Mạng tháng 8 (1945) cho đến cuộc bang giao Việt-Pháp ngày nay qua Hiệp-ước Elysée, trong đó nền Độc-Lập của Việt-Nam đã được nước Pháp long trọng công nhận và quốc-tế-hóa, dân tộc Việt-Nam hiện giờ đang đi đến một chỗ rẽ của Lịch Sử.

Bằng cuộc kháng-chiến tiếp diễn luôn 4 năm nay, đến giờ phút này vẫn chưa hạ màn, người Việt-Nam củng-cố ý-niệm Độc-lập và thực hiện nó vừa bằng ngoại-giao vừa bằng chiến-sự.

Một phần kết quả của cuộc kháng chiến thế nào ta đã thấy rõ, còn tương lai sẽ trả lời ta về những điều phải đến.

Chúng ta đã gặp gỡ người Trung-Hoa

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Hai bà Jeanne d'Arc của Việt-Nam thượng cổ thời đại

GIA-trị lịch-sử của một dân tộc phải là tinh thần tranh đấu và óc liêm-sĩ của dân tộc đó. Nếu khi nước Pháp bị người La-Mã chinh phục và sau đó người Anh đô hộ mà không có Vercingétorix và nữ chiến sĩ Jeanne D'Arc thì đâu có một nước Pháp hiển hách về cận đại! Cuộc cách-mạng 1789 đã tò nên những trang sử rực rỡ đẹp đẽ cho nước Pháp, nếu truy nguyên thì nó cũng ở những chỗ bột khởi của ông cha người Pháp thuộc giòng giống người Gô-loa xưa kia. Nói một cách khác theo quan niệm của người Á-Đông: *Hồ phụ đâu có sinh khuyến tử.*

Đem Việt-Nam so sánh với nước Pháp thì ta thấy hai dân-tộc giống nhau vô cùng: Vào lúc ban sơ, khi còn ở trong vòng cổ lậu, chưa văn minh tiến hóa nên người Gô-loa bị những giống mạnh giỏi hơn (người Hồng-Mao và La-Mã) cướp nước, thống trị. Người Việt-Nam bắt đầu thiết lập quốc-gia, chưa có học-thuật, chưa có văn hóa thì bị ngay nước Trung-Hoa khổng lồ văn minh sẵn, tiến hóa nhiều, đầy óc phong kiến đem binh hùng tướng mạnh sang chiếm cứ. Điều đó là một việc tất nhiên phải xảy ra từ khi có lịch-sử loài người, giữa sự đụng chạm của các dân tộc trình độ lực lượng khác nhau.

Nhưng áp bức mạnh bao nhiêu, phản-lực chống áp bức hăng hái bấy nhiêu, thì giá trị càng tăng thêm. Người Việt-Nam cũng như người Pháp nếu có nhiều khi thua những dân tộc mạnh hơn mình kể cũng là thường và thắng được họ thì thật một điều phi thường.

Nước Trung - Hoa xâm lăng kia hẳn đã nhiều phen ngạc nhiên rằng mình là một anh khổng lồ mà ăn hiếp không nổi một chú bé con.

Năm Giáp-Ngọ (34) là năm Kiến-Vũ thứ 10, vua Hán-Quang-Vũ sai Tô-Định sang làm Thái-Thủ Bộ Giao-Chỉ tức là nước Nam-Việt. Sau khi con cháu Triệu-Vũ-Vương là Triệu-Dương-Vương bị diệt, nước Nam-Việt bị đổi ra Bộ Giao-Chỉ lại chia thêm ra làm chín quận, mỗi quận đặt một quan Thái-Thủ cai trị rất là tàn nhẫn.

Tô-Định là người độc ác tham lam, lòng người Nam-Việt đều oán hờn. Năm Canh-Ti (40), Tô-Định giết ông Thi-Sách người ở Huyện Châu-Diên (Phủ Vĩnh-Tường thuộc tỉnh Vĩnh-Yên ngày nay và ngày xưa thì lại sát nhập về tỉnh Sơn-Tây).

Vợ ông là Trưng-Trắc, con gái quan Lạc-Tướng (tức là quý tộc của người Nam-Việt thời đó) ở huyện Mê-Linh (làng Hạ-Lôi, huyện Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên), phần vì thù chồng, phần vì hận nước, đã cùng em gái là Trưng-Nữ huy động dân chúng nổi lên đánh Tô-Định. Viên thái-thủ này bại trận chạy trốn về quận Nam-Hải (Quảng-Đông) là một trong chín quận của Giao-Chỉ-Bộ :

1°) Nam-Hải	(Quảng-Đông)
2°) Thương-Ngô	} Quảng-Tây
3°) Uất-Lâm	
4°) Hợp-Phố	Quảng-Đông
5°) Giao-Chỉ	} Bắc-Kỳ và mấy tỉnh ở
6°) Cửu-Chân	
7°) Nhật-Nam	} đảo Hải-Nam.
8°) Châu-Nhai	
9°) Dạm-Nhĩ	

Các quận Cửu-Chân, Nhật-Nam và Hợp-Phố nổi lên theo hai vị nữ anh hùng và chẳng bao lâu 65 thành trì lọt vào tay Hai Bà. Hai Bà liền đóng đô tại Mê-Linh là quê hương của mình, lập triều đình và xưng Vương. Năm Tân-Sửu (41) vua

Hán-Quang-Vũ cho Mã-Viện là một danh tướng thời ấy sang đánh. Mã-Viện đem quân theo bờ bể, phá rừng đào núi làm đường sang Lãng-Bạc gặp quân Trưng-Vương. Chống với một đạo quân có huấn luyện, dày kinh nghiệm về quân sự lại dưới quyền một vị lão tướng ngoài 70 tuổi đã từng xông pha trăm trận dĩ nhiên phần ưu thắng không ở phía hai Bà Trưng là những người không chuyên về quân sự trong một quốc gia vừa mới thành hình.

Hai Bà rút quân về Cầm-Kê, (Phủ Vĩnh-Tường, Vĩnh-Yên) rồi sau một cuộc tấn công nữa, Hai Bà thua to, chạy về đến xã Hát-Mòn thuộc huyện Phúc-Lộc, (tức là Huyện Phúc-Thọ tỉnh Sơn-Tây) hai Bà gieo mình xuống sông Hát - Giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng-Hà). Bấy giờ là mùng 6 tháng 2 năm Quý-Mão (43). Người Việt-Nam thương xót hai vị nữ anh hùng cứu quốc làm đền thờ khắp mọi nơi và hàng năm cúng tế rất là long trọng cho tới bây giờ.

Đến thế kỷ thứ 13, sử-gia Lê-văn-Hựu, trong khi biên soạn cuốn « Đại-Việt sử-ký » đã nhiệt liệt khen hai Bà Trưng :

« Trưng-Trắc, Trưng-Nhị dĩ nữ tử nhất hô nhi Cứu-chân, « Nhật-nam, Hợp-phố, cập Lãng-ngoại, lập thập ngũ thành giai « ứng chi kỳ lập quốc xưng vương dĩ như phản chương, khả « kiến ngã Việt hình thể tức chi bá vương chi nghiệp dã. Tích « hồ kể Triệu chi hậu, dĩ chí Ngô-thị chi tiên, thiên dư niên « chi gian, nam tử đồ tự đề đầu thúc thủ vi bắc nhân thần « bộc tăng tăng bất quý nhị Trưng nữ tử ! Ô ! khả vị-tự khí-hỉ ! »

(Trưng-Trắc, Trưng-Nhị là đàn bà, hô lên một tiếng mà các quân Cứu-chân, Nhật-Nam, Hợp-phố và 65 thành ở Lĩnh-ngoại đều hưởng ứng, dựng nước xưng vương dễ dàng như trở bàn tay. Thế mới biết hình thể nước Việt đủ để làm nổi nghiệp bá vương. Tiếc rằng từ sau đời Triệu đến trước đời Ngô, trong hơn một ngàn năm, bọn đàn ông đều chỉ cúi đầu bỏ tay làm tôi tớ người ngoài, không từng biết xấu hổ với hai bà Trưng là phan đàn bà ! Ôi ! thế là mình tự bỏ mình vậy !)

Xem câu trên, ông Lê-văn-Hựu đã mỉa mai phái đàn ông đã hờ hững với nước non trong 10 thế-kỷ. Ông Lê-văn-Hựu đã có phần quá nghiêm ngặt nếu xét mười thế kỷ trước tình thế Trung-Quốc mạnh-mẽ thế nào, tỉ dụ đời nhà Đường binh-

lực và tổ-chức đã cường thịnh hết sức. Mà có phải đầu trong 10 thế kỷ đó bọn mây râu vằng hấn kẻ ra đương đầu với cường địch. Chỉ tiếc rằng việc phục-quốc trong giai-đoạn này không thành tựu được lâu dài.

Mã-Viên đánh được Trưng-Nữ-Vương xong, liền xửa đổi lại việc cai trị ở Giao-Chỉ. Các quan Thái-Thủ của Tàu vẫn cứ giữ thói tham-tàn như khiêu khích dân Giao-Chỉ nên khi nhà Đông-Hán sắp đổ thì Giao Chỉ lại dậy động can qua, vì vậy hai thế-kỷ sau Giao-Chỉ lại sản xuất thêm một vị nữ anh hùng cứu quốc nữa :

Bà Triệu-Âu

Năm Mậu-Thìn (248) là năm Xích-Ô thứ 11, nhà Đông-Ngô (lúc đó nhà Đông-Hán bên Tàu bị diệt rồi và nước Tàu chia ra ba nước : Bắc-Nguy, Tày-Thục, Đông-Ngô. Đất Giao-châu thuộc về Đông-Ngô. Nhà Hán mất thì Thái-Thủ Giao-Châu là Sĩ-Nhiếp lại xin lệ thuộc về Đông-Ngô) cho Lục-Dận sang làm Thù-sử Giao-Châu. Ai mà không nhớ rằng người Tàu sang đặt nền thống trị ở Việt-Nam, chỉ vì quan lại những nhiều, hà khắc nên đất Giao-Chỉ, sau này thành Giao-Châu, luôn luôn có những cuộc khởi loạn trừ một vài giai đoạn yên ổn là do những quan cai trị có lòng nhân đạo biết thương dân. Đó là trường hợp các ông Tích-Quang, Sĩ-Nhiếp và Nhâm-Diem. Và những cuộc loạn ly đó dĩ nhiên phải có vì cái cá tính quật cường của dân tộc Việt-Nam.

Bấy giờ ông Triệu-Quốc-Đạt cùng em gái là bà Triệu-Âu người huyện Nông-Cống (Thanh-Hóa) khởi binh đánh quân Ngô, cướp quận Cửu-Chân. Bà Triệu là một vị anh thư thời đó, tuổi độ 20 thông minh chí chí, mồ côi sớm cả cha lẫn mẹ ở với ông Đạt thì bị chị dâu hành hạ. Bà là người có óc cách mạng, liền giết người chị dâu tàn ác vào trong rừng ở, chiêu binh tập mã được hơn nghìn thủ túc. Anh Bà có ý can ngăn, bà trả lời rằng :

« Tôi muốn cưỡi gió mạnh, đạp sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi chốn cát lăm, chứ không muốn bắt chước các bạn quần thao cúi đầu còng lưng làm tì thiếp cho người ta ! »

Ông Triệu-Quốc-Đạt nghe theo. Bà Triệu vì có cán đảm phi thường nên được quân sĩ cảm phục tôn lên làm chủ-tướng giao tranh cùng Lục-Dân được năm sáu tháng. Sau vì quân ít thế cô, bà chạy về xã Phú-Điền thuộc huyện Mỹ-Hòa (Thanh-Hóa) thì tự tử. Năm ấy bà mới 23 tuổi.

Cuối đời nhà Đông-Hán, nước Tàu chia ra làm ba nước (Tam-Quốc). Hết đời Tam-Quốc là đời nhà Tấn và Nam Bắc Triều, Giao-châu hay bị nước Lâm-Áp (Chiêm-Thành) sang quấy nhiễu. Trong giai đoạn này nước Tàu cũng loạn lạc nhiều, ông Lý-Bôn nổi lên đánh đuổi người Tàu tức là vua Tiền Lý Nam-Đế. Nổi nghiệp vua Lý-Nam-Đế năm 549 ông Triệu-Quang-Phục lên làm vua xưng là Triệu-Việt-Vương lại đánh nhau với quân Tàu và thu phục được toàn cõi.

Sau Triệu-Việt-Vương là Hậu Lý-Nam-Đế, Nam-Việt lại bị Tàu chinh phục trong 306 năm nữa. Việc này xảy ra vào đời nhà Tùy năm 618, Tùy mất về nhà Đường.

Năm 722, ở Giao-Châu có Mai-Thúc-Loan nổi lên chống với nhà Đường (722) đến năm 791 lại tiếp có ông Phùng-Hưng dấy động tức là Bồ-Cái-Đại-Vương. Sau mấy tháng lên ngôi, ông Phùng-Hưng mất đi, con là Phùng-An nổi ngôi. Tháng 7 năm Tân Vị, vua nhà Đường lại mang đại quân sang chiếm được Giao-Châu.

Năm 906-907 nhà Đường sắp mất thì ở Giao Châu họ Khúc nắm được cơ-hội đuổi quân Tàu lấy lại độc-lập cho quốc-gia.

*
* *

Ngô - Vương - Quyền người đã đặt hòn đá đầu tiên cho nền Độc-Lập Việt-Nam

Năm Đinh-Mão (907) bên Tàu nhà Đường mất ngôi vì bị cái nạn tam phân ngũ liệt trong vòng 52 năm, ông Khúc-thừa-Dụ (906-907) không bỏ lỡ cơ hội lên cầm chính quyền ở Giao-Châu, rồi tiếp đến con là ông Khúc-Hạo, cháu là Khúc-Thừa-Mỹ thì quân nhà Hán lại sang xâm lăng, Khúc-Thừa-Mỹ bị bại trận, người Hán đặt Lý-Tiến làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Tướng của ông Khúc-Hạo ngày trước là ông Dương-Diên-Nghệ đánh đuổi được bọn Lý-Tiến, Lý-Khắc-Chính rồi ông Dương-Diên-Nghệ lại bị Kiều-Công-Tiến là nha tướng giết đi để cướp quyền. Ngô-Quyền là tướng và là con rể của Dương-Diên-Nghệ lại trừ được Kiều-Công-Tiến để báo thù cho Chúa, lúc đó giữ Ái-Châu (Thanh-Hóa) Kiều-Công-Tiến bại trận sang cầu cứu nhà Nam-Hán. Vua Nam-Hán liền cho Thái-Tử Hoàng-Thao dẫn quân đi trước còn tự mình đem quân tiếp viện đi sau. Quân nhà Nam Hán tới sông Bạch-Đăng thì Kiều-Công-Tiến đã bị Ngô-Quyền trừ xong rồi (938).

Còn đối với quân của bọn Hoàng-Thao, lúc đó đang ở trên sông Bạch-Đăng, Ngô-Quyền dùng các cọc gỗ đầu bít sắt nhọn cắm xuống lòng sông cho nước thủy-triều lên mới khai chiến rồi bỏ chạy. Quân Nam-Hán khi đã đi sâu vào mặt trận thì nước thủy-triều xuống, thuyền bè mắc hết vào cọc nhọn. Quân của Ngô-Quyền quay lại đánh úp các mặt. Toàn đội quân Nam-Hán bị chết quá nửa và chủ tướng là Hoàng-Thao bị bắt đem về rồi giết đi.

Vua Nam-Hán thấy dân khí người Việt-Nam mạnh mẽ thất vọng rút quân về Phiên-Ngung, tam mông xâm lăng Giao-Châu.

Với họ Khúc, họ Ngô, nước Việt-Nam chấm dứt giai đoạn Bắc-Thuộc dù sao nó cũng là một cái nạn cho người Việt-Nam trong thời gian trên 1000 năm.

Đánh Tống Bình Chiêm

Ngô-Vương làm vua được 6 năm thì mất, Giao-Châu lại loạn. Trong nước chia làm 12 sứ quân đánh lẫn nhau (913-967). Sau này kiệt-hiệt hơn cả, ông Đinh-bộ Lĩnh dẹp được loạn sứ quân, tức là vua Đinh-tiên-Hoàng.

VUA Đinh-Tiên-Hoàng dựng ra nhà Đinh (968-980) sau bị tên nho lụy là Đỗ-Thích ám-sát cùng với người con trưởng là Nam-Việt Vương-Liên. Kế tiếp vua Đinh-Tiên-Hoàng là người con nhỏ. Nhà Tống thấy nội tình nước Việt-Nam thuận tiện cho việc xâm lăng liền đem quân đội sang do bọn Hầu-Nhân-Bảo, Lưu-Trùng và Tôn-Toàn-Hưng lĩnh đạo.

Trong triều lúc đó có ông Lê-Đại-Hành làm Thập-đạo-trưởng-quân là người có tài hơn cả. Triều đình tôn lên làm vua gọi là Đại-Hành Hoàng-Đế để giải quyết tình thế hồi đó rất bối rối.

Quân nhà Tống tiến sang Việt-Nam hồi tháng ba năm Tân-Tị (981) theo đường Lạng-Sơn và thủy quân sang lối sông Bạch-Đằng-Giang.

Vua Lê-Đại-Hành bày mưu trá hàng Hầu-Nhân-Bảo đến chỗ hiểm bắt giết đi. Hai bộ tướng của Hầu Nhân-Bảo bị bắt và quân sĩ bị hại quá nửa. Thủy quân của Lưu-Trùng thấy thế trùn lại và rút về.

Muốn ổn định tình thế cho dân khỏi bị lầm than vì chiến tranh ông xin giao hiếu với nhà Tống cho Tống khỏi mất thể diện. Nhà Tống thấy người Việt hùng cường nên cũng không kiếm chuyện nữa và phong cho Lê-Đại-Hành làm Giao-Chỉ Quận-Vương sau lại gia phong làm Nam-bình-Vương (993-997).

Thời vua Lê-Đại-Hành lên ngôi, ông cho sứ sang Chiêm-Thành là một xứ ở miền nam Việt-Nam (ở vào tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi bây giờ). Người Xiêm có lẽ là nòi giống Mã-Lai, theo văn minh Ấn-Độ cũng là một dân tộc cường thịnh thời bấy giờ và hết đời nọ tới đời kia luôn luôn quấy nhiễu đất Giao-chỉ, cứ năm bảy năm lại một lần và khi họ bị thua họ lại chịu tiến cống.

Vua Chiêm-Thành giam cầm sứ giả của Việt-Nam. Ông Lê-Đại-Hành cho là họ phạm vào quốc thể Việt-Nam nên sau khi đã yên với nhà Tống liền đem binh mã sang hỏi tội Chiêm-Thành, chiếm được kinh đô xứ này, Chiêm - Thành phải xưng thần nạp cống.

Việt-Nam dưới Triều-Lý đã độ gươm thử sức với Trung-Quốc thế nào ?

Trung-Quốc từ hồi Hán-Quang-Vũ năm Kiến-Vũ 10 rồi đến nhà Đường đã có dịp nhận thấy rằng trong các đám phiên thân, Bắc thì có các rợ Hung-Nô, Nam thì có giống Bách-Việt mà Trung-Quốc thường lên giọng « Thiên-Triều » coi là man-di, bắt đầu giết mình từ cuộc dấy động của hai gái Việt-Nam (chị em Trưng-nữ-Vương) và ngoài hai thế-kỷ sau của bà Triệu ; Trung-Quốc dần dần trông thấy Việt-Nam tiến-bóa về chính-trị thì quốc sử bắt đầu có đường mối, quy-củ, quân sự có tổ-chức, biên giới có đề phòng và mở mang mỗi ngày một rộng, dân sinh thì nông-nghiệp mỗi ngày một bành trướng cho nên Trung-Quốc bắt đầu kiêng nể. Việc bang-giao với Việt-Nam đã phải áp dụng nhiều lần chính sách hòa-hoãn, ngoài ra còn vì lẽ Tống khi ấy đang lúng túng với Liêu và Hạ là hai lân quốc khá hùng cường về miền Bắc giáp Vạn-Lý Trường-Thành.

Cứ xem như khi nhà Đinh gặp biến-cổ, Trung-Quốc lần mò sang bị Lê-Đại-Hành đánh bại quân Tống ở Bạch-Đằng-Giang, tại Chi-Lăng (giáp giới Bắc-Giang và Lạng-Sơn) tướng chỉ huy của Tống là Hầu-nhân-Bảo bị rụng đầu, lục-quân của Thầm-Khâm-Tổ ở Tây-Kết (tháng ba năm Tân-Tị 981) tan tành, Tống Triều biết rằng Việt-Nam là cái mối khó nuốt. Rồi người ta nản với giải pháp quân-sự trong một giai đoạn.

Tháng ba năm 1074, viên chuyển-vận-xứ Quảng-Tây tố cáo các việc kể trên và do các cuộc xung đột với Liêu, Hạ chưa ngã ngũ tuy Tống-thần-Tông đã quyết định đánh Giao-Chỉ lại ngừng lại và Vương-An-Thạch cũng không tin rằng Thầm-Khỉ có thể chinh-phục được Giao-Chỉ, nhất là sau đó ít lâu Thầm-Khỉ đã để xảy ra nhiều việc vụng về nên bị đổi đi Đàm-Châu.

Ta coi trên đây đủ rõ Tống-Triều đã không dám giải quyết một cách cầu thả vấn đề Giao-Chỉ mặc dầu lòng tham lên cực độ.

Lúc này ở Giao-Chỉ, Lý-Thường-Kiệt lên cầm quyền được hai năm và cũng rõ nội tình Tống-Triều cùng mưu đồ của họ nên ông huy động quân đội rất nhiều ở biên giới.

Tháng ba năm Giáp-Dần (1074) vua Tống hạ chiếu cho Lưu-Di thay Thầm-Khỉ ở Quế-châu và dặn dò rằng nếu xảy ra sự biến cố gì chỉ nên giữ thế thủ mà thôi và buộc chuyển lệnh này cho viên coi Ung-Châu là Tô-Giâm. Chính sách của Tống-Triều sau đó thay đổi là về bắc-thủy hòa với nước Liêu cắt 700 dặm đất Hà-Đông biên nước Liêu để quay chiều về phía Nam tức là *hòa với nước mạnh để hiệp nước yếu*. Như vậy ai bảo rằng chính sách thực dân ngày nay với ngày xưa khác nhau?

Lưu-Di lại bắt chước Thầm-Khỉ chiêu binh luyện mã. Tình thế của đôi bên mỗi ngày một căng và đã xảy ra hai việc:

A. — Lý-Triều đòi lại Nùng-Thiên-Mỹ, Thủ-Lĩnh Châu Ân-Tĩnh (Bắc-Kạn ngày nay) và 700 bộ thuộc trốn sang Trung-Thồ. Tống không chịu. Giao-chỉ rất bức tức.

B. — Con Nùng-Trí-Cao là Trí-Hội ở châu Quý-Hóa lúc ấy quy phục Tống được Tống dùng để đánh Giao-Chỉ. Vua Tống xuống chiếu cho Ty Kinh-Lược Quảng-Tây mộ định tráng các khe động làm thanh-viện cho Trí-Hội.

Tình thế dồn dập thúc đẩy Lý-Thường-Kiệt quyết định sự tấn công Tống-Triều trước. Xét bấy giờ chỉ có hai đường cho quân Tống vào Giao-Chỉ: đường bộ lấy Ung-Châu, đường thủy lấy các cửa bể Khâm và Liêm làm cứ-điểm.

Đánh Khâm-Châu, thủy quân Giao-Chỉ có thể tập trung ở Đồn-Sơn (tại Vịnh Hạ-Long) lên lối sau núi đá mà tiến vào Khâm-Châu.

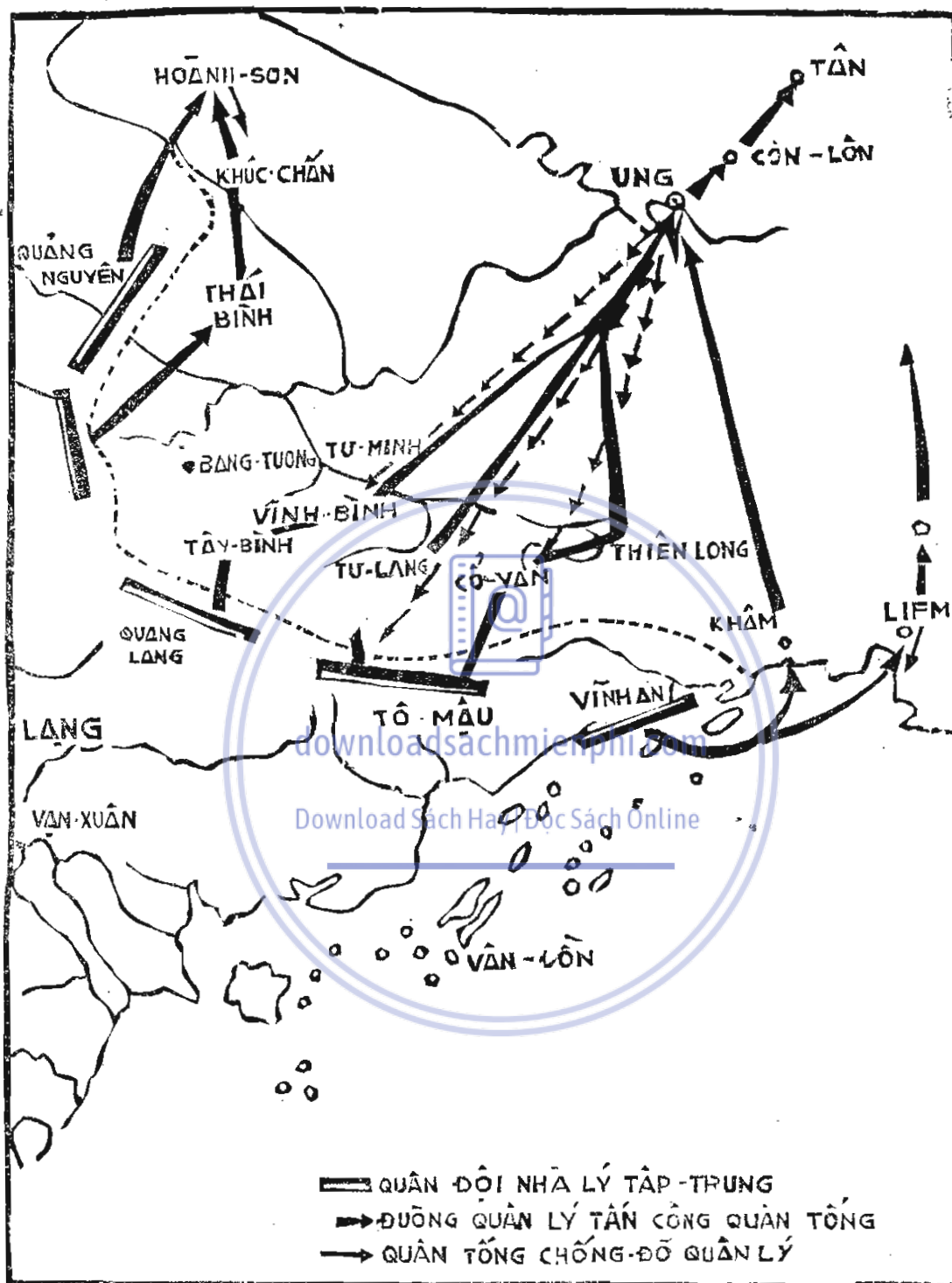
Đánh vào Ung-Châu (Nam-Ninh) có nhiều đường: đường Quảng-Nguyên theo bờ sông Tả mà qua trại Thái-Bình. Từ châu Tô-Mậu vượt núi qua các đất Lộc-Châu, Cỗ-Vạn, Tư-Lăng và Thượng-Tư. Đường chính từ châu Quảng-Lăng qua Tây-Bình, Bằng-Tường, Tư-Minh và trại Vĩnh-Bình. Nếu chiếm được Khâm-Châu thì thẳng lên Ung-Châu cũng gần mà không phải qua những đồn trại Tống như đường trên.

Quân Lý hạ-du tập trung ở Vĩnh-An và quân thượng-du ở dọc biên thủy tại các châu Quảng-Nguyên, Quảng-Lăng, và Tô-Mậu, tổng số có từ 6 đến 10 vạn.

Đại quân Lý-Thường-Kiệt do đường thủy đánh vào ven bể Quảng-Đông. Còn lục quân do Tống-Đản từ biên-giới tấn công Quảng-Tây. Chiến lược của Lý-Thường-Kiệt là đem bộ binh vào quấy rối các trại Hoành-Sơn, Thái-Bình, Vĩnh-Bình, Cỗ-Vạn lân cận châu Ung để Tống quân phải chú ý về mặt này và sẽ kéo xuống miền Tây và Tây-Nam để cứu các trại ấy, mặt đông-nam châu Ung sẽ bỏ ngỏ. Quân Tống quả trúng kế đổ xô vào các ngả kể trên thì thủy quân của Lý đổ bộ lên Khâm-Châu rồi tiến thẳng đến Ung-Châu. Tất cả 7 ngày quân Giao-Chỉ đã từ châu Khâm tiến đến châu Ung.

Tống quân đi cứu các trại biên thủy thì thành Ung bị mất liền, nếu không đi cứu thì quân Lý có thể tiến thẳng đến Ung để bao vây, hai đảng cũng nguy. Bộ binh ở tả dực theo chỉ thị cứ tiến thẳng đường biên giới vượt qua các trại Vĩnh-Bình, Thái-Bình, từ Lạng-Châu đến chiếm châu Tây-Bình, châu Lộc. Quân Quảng-Nguyên và châu Môn cướp trại Hoành-Sơn. Quân Tống chống lại cũng kịch liệt, nhiều chúa trại tử trận (Hoành-Sơn, Vĩnh-Bình, Thái-Bình v. v.). Khi thể quân Giao-Chỉ mỗi ngày một mạnh, đi đến đâu cũng dễ dàng và tinh thần của quân Tống thì hoảng hốt và suy nhược dần.

Thủy quân của Lý-Thường-Kiệt, theo kế sách đã định, đề sông tiến vào cửa bể Khâm-Châu (1075) và Liêm-Châu. Bộ binh Giao-Chỉ gần Khâm-Châu cũng kéo vào các trại Như-Hồng,



LÝ-THƯỜNG-KIỆT TẤN CÔNG QUÂN TÔNG

Như-Tịch và Đề-Trạo. Ngày 20 tháng 11, Khâm-Châu bị lọt vào tay Giao-Chỉ, ba ngày sau đến lượt Liêm-Châu (2-1-1076). Các quan văn võ trong hai thành bị hại cả và sự chống đỡ rất là yếu, nhất là ở Khâm-Châu.

Xét trận mở đầu, ta đã thấy Lý-Thường-Kiệt đã dùng thủ đoạn vào hai điểm cốt yếu trong chiến lược xưa nay:

1. — *Triệt để dùng sở-trường của mình về thủy quân,*
2. — *Rình chỗ bất ngờ mà đánh úp.*

Sau khi, quân Giao-Chỉ đã tiến vào nội địa Trung-Quốc, Lý-Thường-Kiệt khôn khéo liền yết bảng kể tội quân Tống đã dung túng các dân làm phản ở Giao-Chỉ trốn sang và dẫu họ đi, mọi kháng-ngại của Giao-Chỉ với các quan Tống ở Quảng-Châu bị bỏ rơi, cuộc hành binh chỉ có mục đích đuổi bắt bọn dân phản bội ấy. Ông còn tố cáo ý-chí xâm lăng Giao-Chỉ của Tống-Triều và kích-thích lòng dân ở chỗ Trung-Quốc dùng các phép thanh-miêu, trợ địch, làm dân khốn khổ nên ông mang quân đến cứu. . . .

Vì các lời phủ-dụ đó, dân khắp nơi hết hoang mang và bày hương án bên đường đón tiếp quân Giao-Chỉ coi như là quân cứu tinh và gọi Lý-thường-Kiệt là *cha Lý*.

Ngày 10 tháng chạp, Tống-Đản kéo thẳng đến Ung-Châu. Đại quân ở Liêm và Khâm tiến lên phía Bắc. Đạo đồ bộ ở Khâm-Châu tiến lên Ung-Châu. Đạo đồ bộ ở Liêm-Châu tiến sang Đông-Bắc chiếm châu Bạch.

Nửa tháng sau, Ty Kinh-Lược Quảng-Tây mới hay tin về cuộc biến cố này đề tâu về triều làm vua tôi Tống hết sức hoang mang bối rối.

Sau đó Quảng-Châu và Quảng-Tây được lệnh của vua Tống phải phòng bị cẩn mật, các tướng phải cố thủ ở các nơi hiểm yếu và không được khinh địch. Ít bữa sau, nghe tin các nơi khác bị mất nữa, triều đình Tống càng hoảng hốt xuống chiếu-chỉ giữ các nơi hiểm yếu nhất, tiền, vải, lương thực phải chuyển đi, cách chức Lưu-Di, cho Thạch-Giám thay coi Quế-Châu và đưa viện binh tới giúp các nơi đang bị uy-hiếp.

Lấy được Khâm, Liêm xong, Lý-Thường-Kiệt chia quân làm hai đạo :

A.— Một, từ Liêm-Châu kéo lên lấy châu Bạch chặn quân tiếp ứng, từ phía đông tiến đến.

B.— Một, rời Khâm-Châu kéo thẳng lên Ung-Châu cách xa chừng 120 cây số.

Ngày 10 tháng chạp (18 - 1 - 1076) đại quân đến thành Ung. Cả hai đạo quân này vây chặt thành Ung mà Tống triều xưa nay tin là rất vững lúc đó do Tô-Giảm trấn thủ là người thông-minh, cương quyết và ở đấy đã lâu năm. Tô-Giảm có thể là một địch thủ lợi hại của họ Lý. Tô áp dụng chính sách cố thủ tính chờ viện binh chỉ 14 ngày tới nơi. Tuy nhiên vẫn có cuộc giao-tranh của hai bên và mỗi bên đều chịu một phần thiệt hại. Nếu Tô-Giảm thiếu sự khôn ngoan, dân và quân có lẽ đã trốn hết vì việc hãm thành của quân Giao-Chỉ đã gây nên một làn không khí vô cùng kinh-khủng. Tô đem tiền bạc công-tư ra khích-lệ mọi người phao tin viện quân sắp tới và chém đầu một kẻ trái lệnh định trốn (*trường hợp Dịch-Tích*).

Ung-châu cho sứ cáo cấp về Quế-Châu cách đó 400 cây số về phía Bắc. Lúc đó Lưu-Di còn trong nhậm liên cho Trương-thủ-Tiết đem quân đi cứu. Đạo quân này đi vòng theo đường Qui-Châu để tới Tân-Châu nghe ngóng tình thế nên không dám thẳng tiến. Thế của Ung-Châu càng thêm nguy ngập, vòng quân của Giao-Chỉ cứ thắt chặt dần. Tô phải cho người đem lập-thư phá vòng vây chạy ra ngoài cầu tiếp-viện với viên Đề-kiểm Tống-Cầu. Cầu nhận được thư khóc yêu cầu Thủ-Tiết tiến quân. Thế chẳng đứng, Thủ-Tiết đành kéo đi giữ ải Côn-Lôn giữa đường Ung-Châu cách Ung 40 cây số. Quân Giao-Chỉ biết tin liền chen đánh. Quân Tống tan rã, Thủ-Tiết bị giết. Việc này vào ngày 4 tháng Giêng năm Bính-Thìn.

Thành Ung-Châu bị vây vào khoảng gần một tháng nhờ được địa thế cao, Tô lại giỏi điều khiển binh lính, quân Giao-Chỉ tìm đủ phương pháp để đột kích vào mà không có hiệu quả. Bên quân Giao-Chỉ quân và voi chết nhiều. Bên Tống bị tên độc bắn vào thành cũng thiệt hại lớn. Sau nhờ kế hỏa-công nghĩa là bắn các chất nhựa vào thành biết rằng thành khi ấy thiếu nước, kế này thành công một phần lớn, tiếp đến kế thổ-công là lấy đất đổ vào bị xếp thành đồng làm bậc nhảy vào thành ngày 23 tháng Giêng năm Bính-Thìn (1-3-1076). Mặc dầu quân Giao-Chỉ đã lọt vào bên trong, Tô còn cố gắng với bọn

tàn quân chiến đấu đến giờ phút cuối cùng. Đến khi kiệt sức, Tô cùng 36 người nhà tự sát và tự thiêu mà chết.

Tất cả dân và quân thành Ung đã vì cuộc chiến tranh này mà chết hết. Ung-Châu thất thủ, Thường-Kiệt kéo quân lên phía Bắc định lấy Tân-Châu. Tướng trấn thủ thành này là Cồ-Cảng-Lặc sợ quá bỏ thành chạy trước.

Quân Lý đánh thành Ung hơn một tháng lúc ấy cũng đã có phần mỏi mệt. Chủ đích của quân Lý dĩ-nhiên không phải là mở một cuộc xâm lăng sang Trung-Quốc, nhưng để phá mưu-mô Đế-Quốc của Tống-Triều cho nên chỉ cần đốt phá các trại, các căn cứ quân sự của Tống để khỏi bị một cuộc tấn công và sau đó Tống có trả thù Giao-Chỉ ít nhất phải tái-tạo những miền bị phá vì chính sách tiêu-thổ không phải là ít công, ít của, và Lý-Thường-Kiệt đã áp dụng đúng chiến lược : *nếu không thể tránh được cuộc xung đột, nên lợi dụng lúc kẻ địch bất ngờ mà đánh trước.*

Tháng ba năm Bình-Thìn (1076), Lý-Thường-Kiệt rút quân ra khỏi đất Tống để đề phòng sự phục thù của Tống-Triều bằng cách lên đánh hậu-phương của mình. Chính Vương-an-Thạch đã có ý này thật và dự-bị cuộc khởi hân. Nhưng dư luận của Tống-Triều xôn-xao, kẻ-muốn người không, Vương-an-Thạch lúc đó bị cô-thế nên việc này lịm dần đi cho đến khi họ Vương chán nản xin từ-chức.

Phải chi Tống nuốt trôi được Giao-Chỉ mười thế-kỷ trước trên con đường xâm lăng, Tống có lẽ còn đi xa nhiều và chẳng khỏi tai hại cho bao nhiêu lân-quốc thời Trung-Cổ.

Nhà Trần xung đột với Mông-Cổ

Nhà Lý đến đời Cao-Tôn và Huệ-Tôn thì suy nhược. Vua Huệ-Tôn nghe Trần-Thủ-Độ nhường ngôi cho con gái là bà Chiêu-Hoàng. Bà Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho chồng là Trần-Cảnh. Nhà Lý làm vua được 8 đời tính được 216 năm. Nhà Lý tàn thì đến nhà Trần, Trần-Cảnh (lên ngôi 1225) tức là vua Trần-Thái-Tôn kế tiếp. Từ Lý đến Trần, quốc-gia Việt-Nam đã có một hùng khí rõ rệt, bờ cõi rộng lớn thêm. Cuộc xung đột với Tống như ta đã thấy, rồi sau đây với Mông-Cổ, đã là cả một lời giải thích thực trạng Việt-Nam trong giai đoạn đó.

Việc xung đột này xảy ra ngay trong bước đầu của triều nhà Trần.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NÓI đến người Mông-Cổ, không một ai trên thế-giới đã đọc những lịch sử hưng vong của các thời đại mà không biết dân tộc này. Họ ở phía Bắc nước Tàu vào khoảng thượng lưu sông Hắc-Long-Giang (Amour). Vóc người cao lớn, khỏe mạnh, hung tợn, hiếu chiến, bắn cung cưỡi ngựa không ai bì kịp. Binh lính của họ thường là quân kị chia thành từng đoàn, từng đội rất thạo nghề ra trận. Từ Á sang Âu họ đã làm kinh khủng thế-giới những nơi dám chiến sĩ của họ đã qua, quân của họ đã reo, ngựa của họ đã hí.

Thành-cát-tư-hãn (Gengis Khan) miếu hiệu là Nguyên-Thái-Tổ chiếm được cả vùng Trung-Á, đất Ba-tư sang cả đất Đông-Bắc Âu-Châu. Họ chinh phục được cả nước Tây-Hạ, phía Tây-Bắc nước Tàu, hạ được nước Kim, tràn xuống Triều-Tiên (Cao-Ly) sau cùng họ thôn tính được nhà Tống lấy quốc hiệu là Nguyên. Cả nước Trung-Hoa từ đó thuộc về Mông-Cổ (nhà Nguyên). Chưa đủ thỏa mãn cái mộng Đế-Quốc, nhà Nguyên

tìm đường tiến về phía Nam. Họ đem quân đi lấy nước Đại-Lý (thuộc tỉnh Vân-Nam) rồi tướng Mông-Cổ là Ngột-Lương-Hợp-Thai sai sứ sang báo vua Trần Thái-Tôn về thần-phục Mông-Cổ.

Thái-Tôn không những không chịu lại còn giam sứ của nhà Nguyên lại. Một cử chỉ đó tỏ được hết cái óc cương-cường của người Việt-Nam thời bấy giờ mặc dầu người Việt-Nam biết Mông-Cổ là một giống kiêu hùng, đã đè bẹp hầu khắp các dân tộc trên thế giới mà chưa từng gặp địch thủ.

Năm Đinh-Tý (1257) vua Thái-Tôn sai ông Trần-Quốc-Tuấn đem binh lên phía Bắc chờ quân Mông-Cổ. Ngột-Lương-Hợp-Thai tiến từ Vân-Nam theo sông Nhĩ-Hà xuống Thao-Giang (tỉnh Hưng-Hóa) để đổ về Thăng-Long. Quân Mông-Cổ nhiều quá và đang hăng hái, quân Việt lui về Sơn-Tây rồi rút về sông Hồng-Hà. Quân Mông-Cổ và quân Nam xô sát nhau một trận ở Đông-Bộ-Đầu (phía đông sông Nhĩ-Hà ở về hạt Thượng-Phúc) Thái-Tôn phải bỏ kinh đô về đóng ở sông Thiên-Mạc (Huyện Đông-An tỉnh Hưng-Yên).

Vào đến thành Thăng-Long, Ngột-Lương-Hợp-Thai thấy ba người sứ Mông-Cổ còn bị trói trong ngục. Cởi ra thì một người bị chết. Y giận cho giết hai hết nam phụ lão ấu trong thành.

Thấy tình thế chiến tranh chừng bất lợi, vua Thái-Tôn hỏi ý-kiến Thái-sư Trần-Thủ-Độ. Thủ-Độ trả lời : « *Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ-Hạ đừng lo !* »

Thái-Tôn lại vững lòng và tiếp tục chiến sự. Được ít lâu nhờ quân Nguyên mỗi mệt, một phần do thủy-thổ không hợp, quân Việt đánh bại quân Nguyên một trận lớn ở Đông-Bộ-Đầu. Quân Nguyên chạy về Quí-Hòa thì ở đấy lại bị dân chúng tự động đón đánh. Họ đành phải rút về Vân-Nam và vì quá mỏi mệt chán nản đi đâu cũng không quấy đảo dân chúng như khi mới sang hùng dũng, kiêu ngạo và tàn ác vô cùng.

Sau nhà Tống bị mất hẳn về Mông-Cổ. Người Mông-Cổ vẫn theo đuổi trí xâm-lăng, song vì bại trận và Việt-Nam muốn cho yên chuyện khỏi khổ dân chúng nên xin mở cuộc barg-gao. Nhà Nguyên cũng thuận để cùng giao hiếu, nhưng

trong bụng vua tôi nhà Nguyên vẫn rình cơ hội để tái chiếm Việt-Nam nên thường sai sứ sang sách nhiễu điều nọ điều kia như dụ vua Việt-Nam sang châu.

Vua Việt-Nam tìm có thoái thác.

Nhà Nguyên một mặt vẫn hòa hoãn với Việt-Nam, một mặt vẫn đòi tiến cống ba năm một kỳ mà lễ cống thì phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền mỗi hạng ba người và sản vật thì: sừng tê, ngà voi, quế, đồi mồi, châu báu và các vật lạ.

Đồng thời họ lại đặt các viên chức giám sát các châu quận nước Việt-Nam để dần dần đặt nền Bảo-Hộ ở đây. Những thứ người và vật họ đòi tiến cống không ngoài ý xem nhân tài các giới và sản vật Việt-Nam có những gì quý, kể như vậy thì cái óc thực dân của Đế-Quốc Mông-Cổ ngày xưa với các Đế-Quốc thực dân ngày nay thật khéo gặp nhau.

Họ lại còn đòi :

- 1.) Vua phải thân sang châu.
- 2.) Cho con hay em sang làm tin.
- 3.) Biên sổ dân sang trình.
- 4.) Phải chịu việc binh-dịch.
- 5.) Phải nộp thuế-khóa.
- 6.) Phải nhận quan Giám-Trị.

Về phần vua Thánh-Tôn bề ngoài vẫn đấu dịu với Mông-cổ, nhưng bề trong vẫn chiêu binh luyện mã để đề phòng tranh chiến. Nhà Trần là một vương triều tổ-chức dân quân rất mạnh, cho tuyển tráng đinh các bộ làm lính, phân quân ngũ ra làm quân và đô; mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người, luôn luôn luyện tập.

Năm Bính-Dần (1266) vua Thánh-Tôn xin bãi bỏ lệ tiến cống, cùng chế-độ quan Giám-trị, cãi rằng dân Việt-Nam không phải là dân lạc hậu, man-di... Vua Mông-cổ không thuận vẫn bắt theo 6 điều trên. Vua Việt-Nam cứ lần lữa không chịu. Từ đấy hai bên sửa soạn cơ hội để đánh nhau.

Hai mươi sáu năm sau.

Quân nhà Nguyên xâm-lãng lần thứ hai (1284-1288)

Vua Trần-Thái-Tôn mất và Thánh-tôn nhường vị cho Thái-tử Trần-Khâm lên làm vua tức là vua Nhân-Tôn.

Cuộc khủng hoảng chính-trị giữa hai nước lại bùng lên vì nhà Nguyên vẫn cay vớ Việt-Nam về cuộc thất bại trước bởi họ là một dân-tộc bách chiến bách thắng, vậy mà qua Việt-Nam lại rút quân về, chết hại nặng nề.

Lòng kiêu hãnh dân tộc của họ bị tổn thương quá nhiều nên họ vẫn luôn luôn dò xét nội tình Việt-Nam để lại mò sang. Lần này nhà Nguyên nhân việc thay đổi vương-vị của Việt-Nam liền sai Lễ-bộ Thượng-thư là Sài-Thung sang sứ. Sài-thung đến kinh thành, dương-dương tự đắc đi thẳng vào cửa Dương-Minh cho thư vào trách vua Nhân-Tôn về việc tự lập không xin phép Nguyên-triều và đòi Nhân-Tôn sang châu Thiên-Triều Hoàng-Đế.

Vua Nhân-Tôn sai quan đại thần ra tiếp. Sài-Thung không đáp lễ. Rồi đến cuộc gặp gỡ giữa vua Nhân-Tôn với Sài-Thung là cả một sự khó chịu vì Nhân-Tôn nói cho Nguyên-sứ biết Ngài không sang Trung-Quốc được lấy cớ rằng không quen phong thổ...

Khi sứ Nguyên về đến nước, thì vua Nhân-Tôn cho sứ đem thư sang cùng nhắc lại việc này.

Năm Nhâm-Ngọ (1282), Nguyên-chủ lại đòi tiến cống người và các quý vật như cũ. Nhân-Tôn cho chú họ là Trần-di-Ái, Lê-Tuấn, Lê-Mục sang thay mình. Vua Nguyên không bằng lòng bèn xuống chiếu chỉ lập tòa Tuyên-Phủ-Ti đặt quan liêu đưa sang Việt-Nam.

Bọn này sang tới nơi bị Nhân-Tôn đuổi về ngay.

Nguyên-chủ giận lắm bèn phong cho Trần-di-Ái làm An-nam Quốc-vương, Lê-Mục làm Hàn-Lâm học-sĩ, Lê-Tuấn làm Thượng-thư và ủy Sài-Thung đem 1.000 quân đưa bọn này về nước. Nhân-Tôn được tin liền cho quân đón đánh tại Ái Nam-Quan. Sài-Thung bị bắn mù một mắt, trốn chạy về Tàu còn bọn Trần-Di-Ái bị bắt đưa về phải tội đồ làm lính.

Đại binh của Thoát-Hoan sang lần thứ nhất.

Có thể nói rằng qua các giai đoạn lịch-sử đấu tranh của Việt-Nam với các dân tộc láng giềng, chỉ có cuộc xung đột với nhà Nguyên là nguy hiểm và khó khăn hơn cả.

Một đẳng Nguyên quân vốn là những quân chuyên nghề chiến tranh, đông gấp trăm lần quân Việt-Nam, các tướng nhà Nguyên lại giàu kinh nghiệm về thao lược; như vậy về tinh thần họ cũng nhiều tin tưởng vì có nhiều bảo đảm vật chất hơn.

Đây là một đoạn lịch-sử mà không những người Việt mà cả đến người ngoại quốc xem đến sẽ thấy hứng thích vô cùng mà nhân ở chỗ đó người ta thấy rõ hơn hết bao giờ tinh thần quật cường và bản năng tự-vệ của dân tộc này.

Nguyên-chủ thấy bọn Sài-Thung đại bại, bị thương chạy về, giận lắm liền phong cho con là Thoát-Hoan làm Trấn-Nam-Vương đem 50 vạn quân cùng với các đại tướng Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi giả vờ mượn đường qua Việt-Nam sang tấn công Chiêm-Thành.

Quan Trấn-Thủ Lạng-Son vội cáo cấp về kinh đô, Vua Nhân-Tôn ngự thuyền ra sông Bình-Tham (thuộc huyện Chí-Linh Hải-Dương) để họp với quần thần nghĩ mưu đối phó.

Tháng mười năm Quý-mùi (1283) Trần-Quốc-Tuấn được phong làm Tiết-Chế Thống-Lĩnh quân đội. Ông cùng Trần-Khánh-Dư đem quân phòng giữ các nơi hiểm yếu.

Năm sau (1284) Trần - Quốc - Tuấn hội họp các tướng lãnh và quân đội ở Đông-bộ-Đầu để ra chỉ-thị. Quân thủy và bộ được hơn 20 vạn. Ông khuyên :

« Các vương hầu và các tướng sĩ ai nấy đều giữ phép tắc, đi đâu không được quấy nhiễu dân sự và đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các người phải giữ ».

Mấy nơi quan-hệ là miền duyên-hải (Quảng-Yên) và nhiều địa-điểm quân-sự khác được Trần-Khánh-Dur và Trần-Bình-Trọng chiếm cứ. Còn chính Trần-Quốc-Tuấn thì đóng đại quân ở Vạn-Kiếp (thuộc Hải-Dương) để tiếp ứng cho các nơi.

Được ít lâu quân Nguyên hội tại Hồ-Quảng tiến sang Lạng-Son. Thế giặc mạnh như vũ bão, Nhân-Tôn phải họp các bô lão tại điện Diên-Hồng để trưng cầu dân ý. Thật là một chính-trị khôn khéo để hiểu biết lòng dân đối với thời cuộc. Kết quả là dân chúng một lòng hăng hái, đồng thanh quyết chiến mặc dầu lực lượng của quân Nguyên gấp trăm lực lượng của Việt-quân.

Quân Nguyên chia làm hai đạo :

A. — Một theo lối Quảng-Châu tức là đi đường thủy.

B. — Một tiến vào cửa Ải-Nam-Quan đánh thốc xuống làm thế bao vây Việt-quân như hai gọng kìm và trước khi đó, Thoát-Hoan đưa thư sang điều đình với nhà Trần nói mượn đường sang đánh Chiêm-Thành.

Nhân-tôn khước từ rằng : « *Việt-Nam không có đường nào dù thủy hay bộ để sang Chiêm Thành* ». Thoát-Hoan giận lắm lại cho sứ đến thương thuyết rằng :

« Nhà Nguyên không có bụng xâm lăng Việt-Nam, xin đừng ngại, chỉ cần đi qua Việt-Nam để tiến đánh Chiêm-Thành mà thôi » và để che đậy cho mưu mô của mình, sứ Nguyên còn yêu cầu Việt-Nam giúp đỡ ít nhiều lương thực, khi xong việc sẽ hậu tạ.

*
* *

GIẢI ĐOẠN THỨ NHẤT

Quân Nam lui để tiến.

Dĩ nhiên cuộc thương thuyết thất bại rồi chiến tranh xảy ra ngay ở địa phận thành Lạng-Son. Thế của Nguyên quân đang mạnh nên mấy cửa ải như Khả-Li, Lộc-Châu bị thất thủ ; quân Việt phải rút về Chi-Lăng. Rồi Trần-Quốc-Tuấn lui về Vạn-Kiếp, đồng thời ra lệnh các quân đội các nơi về tập trung ở đó.

Nhân-Tôn đã có ý lo ngại. Ngài liền ngự một chiếc thuyền nhỏ đi Hải-Dương để gặp Trần-Quốc-Tuấn và nói :

— Giặc mạnh như vậy, nếu chống với nó nguy hại cho muôn dân chăng ?

Trần-Hung-Đạo cương quyết nói : « *xin chém đầu tôi trước rồi hãy hàng giặc.* »

Vua nhân-Tôn nghe lời anh dũng của Trần-Hung-Đạo lại yên lòng và liền đó Trần-Hung-Đạo huy động ngay được 20 vạn quân ; lòng người vẫn hăng hái như thường và thể trận các nơi lại được chỉnh bị ráo riết.

Trước mặt quân sĩ, Trần-Quốc-Tuấn đã đọc một bài hịch như sau. Chúng tôi xin chép nguyên văn vì đó là một áng văn có giá-trị, không những về đạo lý dạy người ta phải biết lễ trung quân ái quốc, mà còn kích-thích lòng kiêu-hãnh dân tộc để kêu gọi óc tự cường, tự-lin vì thế lòng quân lại phấn khởi và bốc mạnh lên như giông tố :

« *Ta thường nghe chuyện : « Kỷ-Tín liều thân chịu chết thay cho vua Cao-Đế ; Do-Vũ lấy mình đỡ ngọn giáo cho vua Chiêu-Vương ; Dư-Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ ; Thân-Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước ; Kinh-Đức là một chức quan nhỏ, mà liều thân cứu vua Thái-Tôn được thoát vòng vây ; Kiều-Khanh là một bề tôi ở xa, mà kẻ tội nặng thăng Lộc-Son là quân nghịch-lặc. Các bậc trung thần nghĩa sĩ ngày xưa, bỏ mình vì nước, đời nào không có ? Giả sử như mấy ông ấy cũng cứ bo-bo theo lối thường tình, chết già ở xó nhà, thì sao cho lưu danh sử-sách đến nghìn muôn đời như thế được ?*

« *Nay các người vốn dòng vũ-tướng, không hiểu văn-nghĩa, nghe những truyện cổ tích ấy, nửa tin nửa ngờ, ta không nói làm gì nữa ; ta hãy đem truyện đời Tống, Nguyên mới rồi ra mà nói : Vương-công-Kiên là người thế nào ? tỳ tướng của Vương-công-Kiên là Nguyễn-văn-Lập lại là người thế nào ? mà giữ một thành Điều-Ngư nhỏ mọn, chống với quân Mông-Kha kẻ hàng trăm vạn, khiến cho dân sự đời Tống, đến nay còn đời ơn xấu. Đường-ngột-Ngại là người thế nào ? Tỳ tướng của Đường-ngột-Ngại là Xích-lử-Tư lại là*

« người thế nào mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi đánh
 « được quân Nam-Chiếu trong vài ba tuần, khiến cho quân
 « tướng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt. Huống chi ta
 « cùng các người sinh ở đời nhiều nhương gặp phải buổi gian
 « nan, trông thấy những nguy-sứ đi lại rầm rập ngoài đường
 « uốn lười cú điều mà sợ hãi triều đình, đem thân dê chó
 « mà bắt nạt tể-phụ, lại cậy thế Hốt-tất-Liệt mà đòi ngọc lụa,
 « ỷ thế Vân-Nam-Vương để vét bạc vàng; của kho có hạn,
 « lòng tham không cùng, khác nào như đem thịt mà nuôi
 « hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau !

« Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau
 « như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ cảm tức rằng chưa được sả
 « thịt lột da quân giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác
 « này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng. Các người cùng
 « ta coi giữ bình quyền, cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta
 « cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng
 « thưởng, lương có ít thì ta tăng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền,
 « đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống
 « chết, lúc nhàn hạ cùng nhau vui cười, những cách cư-xử so
 « với Vương-công-Kiên, Đường-ngột-Ngai ngày xưa cũng
 « chẳng kém gì.

« Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo,
 « trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải
 « hầu quân giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển
 « nguy sứ, mà không biết căm; hoặc lấy việc trọi gà làm vui
 « đùa hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú về
 « vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi
 « riêng mà quên việc nước, hoặc ham về săn bắn mà quên việc
 « binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc
 « đến thì cậy gà trống sao cho đám thú được áo giáp; mẹo
 « cò bạc sao cho dùng nổi được quân mưu; dầu rằng ruộng
 « lắm tiền nhiều, thân ấy nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ
 « biau con riu, nước này trăm sự nghĩ sao; tiền của đâu mà
 « mua cho được dầu giặc; chó săn ấy thì địch sao nổi quân
 « thù; chén rượu ngon không làm được cho giặc say chết;
 « tiếng hát hay không làm được cho giặc điếc tai, khi bấy
 « giờ chẳng những là thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc
 « của các người cũng hết, chẳng những là gia-quyển của ta

« bị đuổi, mà vợ con của các người cũng nguy ; chẳng những
 « là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về sau, tiếng xấu hãy
 « còn mãi mãi, mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi
 « mang tiếng nhục, đến lúc bấy giờ các người đâu muốn vui
 « vẻ, phỏng có được hay không ?

« Nay ta bảo thật các người : nên cẩn thận như nơi củi
 « lửa, nên giữ gìn như kẻ hớp canh, giấy bảo quân sĩ, luyện
 « tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức khỏe như
 « Bàng-Mông và Hậu-Nghệ thì mới có thể dẹp tan được quân
 « giặc mà lập nên được công danh. Chẳng những là thái ấp
 « của ta được vững bền, mà các người cũng đều được hưởng
 « bổng lộc ; chẳng những là gia-quyển của ta được yên-ổn, mà
 « các người cũng đều được vui vợ con, chẳng những là tiền
 « nhân ta được vẻ vang, mà các người cũng được phụng thờ
 « tổ phụ, trăm năm vinh hiển ; chẳng những một mình ta được
 « sung sướng, các người cũng được lưu truyền sử sách, nghìn
 « đời thơm tho ; đến bấy giờ các người đâu không vui-vẻ,
 « cũng tự khắc được vui-vẻ.

« Nay ta soạn hết các binh pháp của các nhà danh gia hợp
 « lại làm một quyển, gọi là « Binh-thư yếu-lược ». Nếu các
 « người biết chuyén tập sách này, theo lời giấy bảo, thì mới
 « phải đạo thần-tử ; ngược bằng khinh bỏ sách này, trái lời
 « giấy bảo, thì tức là kẻ nghịch-thù.

« Bởi cớ sao ? Bởi giặc Nguyên cùng ta là kẻ thù không
 « đội trời ở chung, thế mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ
 « đến việc báo thù, lại không biết giấy quân-sĩ, khác nào như
 « quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giờ tay không mà chịu
 « thua quân giặc, khiến cho sau trận Bình-Lỗ mà ta phải chịu
 « tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt mũi nào đứng trong trời
 « đất nữa. Vậy nên ta phải làm ra bài hịch này để cho các
 « người biết bụng ta ».

GIAI ĐOẠN THỨ HAI

Thành Thăng - Long thất thủ

Lời hịch này làm các tướng sĩ nức lòng đánh giặc. Họ
 khắc vào cánh tay hai chữ SÁT-ĐẤT nghĩa là giết giặc Mông
 Cổ, để luôn-luôn nhớ đến kẻ thù và hăng hái trong cuộc giao
 tranh.

Từ Lạng-Sơn quân Nguyên đánh xuống Vạn-Kiếp kéo về Bắc-Ninh rồi về Đông-Bộ-Đầu. Quân của họ đi đâu cướp bóc tàn phá dân sự đến đấy. Bấy giờ quân Nam đóng ở phía nam-ngạn sông Hồng-Hà bị đạn đại bác của Nguyên quân bắn sang đồn trại bị phá hủy rất nhiều. Quân Nam lại rút lui. Quân Nguyên liền bắc cầu-phao để tiến sang thành Thăng-Long hạ trại thì Trần-Quốc-Tuấn đưa vua Nhân-Tôn xa giá ra ngoài và chạy về phía Nam. Quân Nguyên đuổi theo.

Đánh thành Nghệ-An

Toa-Đô đem đạo quân thứ hai sang đánh Chiêm-Thành, nhưng bị quân Chiêm phòng giữ cẩn thận các nơi. Nguyên chủ hạ lệnh cho Toa-Đô kéo ra mặt Nghệ-An hợp với đạo quân của Thoát-Hoan để đánh vào Việt-Nam.

Thoát-Hoan liền cho đại tướng Ô-Mã-Nhi theo đường bể tiếp viện cho Toa-Đô, còn mình thì đóng các đồn trại từ sông Hồng-Hà (bắt đầu từ Hà-nội) xuống đến sông Đại-Hoàng (thuộc Nam-Sang tỉnh Hà-Nam).

downloadsachmienphi.com

Quân Nam cầm cự ra sao?

Đại tướng Trần-Quang-Khải được lệnh đem quân vào án ngữ Toa-Đô ở Nghệ-An. Xa giá Trần-Nhân-Tôn về Thiên-Trường và Trần-Bình-Trọng đóng giữ Thiên-Trường cầm cự với Thoát-Hoan. Trong khi này thì xa-giá chạy về Hải-Dương.

Tại Nghệ-An thế quân Nguyên rất mạnh do sự tiếp ứng của Ô-Mã-Nhi ngoài bể tiến vào.

Ở Thiên-Trường, Trần-Bình-Trọng thấy quân Nguyên đã đến khúc sông Thiên-Mạc, huyện Đông-An tỉnh Hưng-Yên. Hai bên kịch chiến. Trần-Bình-Trọng bị bắt. Thoát-Hoan đồ dành, thết đãi long trọng, biết Trần là một tay anh-kiệt của An-Nam. Thoát-Hoan dụ Trần :

— Nhà ngươi có muốn làm vua đất Bắc không?

Trần quát lên :

— Ta chỉ muốn làm quở nước Nam chứ không thêm làm vua đất Bắc. Ta bị bắt chỉ có một chết mà thôi, đừng hỏi lời _thời.

Thoát-Hoan biết không thể mua chuộc được lòng người chiến sĩ liền đem Trần ra chém.

Tình thế Nam quân có vẻ nguy-ngập.

Xa giá chạy ra Quảng-Yên, thuyền đi về sông Tam-Chỉ (Tiên-Yên) tông tích bại lộ, liền chuyển lên bờ vào làng Thủy Chú rồi lại xuống thuyền ra sông Nam-Triệu (tức Bạch-Đằng-Giang, thuộc Hải-Dương) vượt cửa bể Đại Bàng (thuộc huyện Nghi-Dương) rồi vào Thanh-Hoá.

Một số người hèn nhất là Trần-Ích-Tắc, Trần-tú-Viên ra hàng Thoát-Hoan. Còn Trần-Quốc-Tuấn lúc nào cũng bình tĩnh mặc dầu bao nhiêu cuộc chiến bại.

Thế bại chuyển sang thế thắng

Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi xung đột với quân của Trần-Quang-Khải nhiều trận ở Nghệ-An, thắng bại không rõ rệt về bên nào, lương thực của Nguyên quân mỗi ngày một cạn sau phải rút bỏ Nghệ-An, xuống thuyền vượt bể ra ngoài Bắc để họp với đại binh của Thoát-Hoan. Tin ấy báo về Thanh-Hóa.

Trong một buổi họp, Hưng-đạo-Vương nói :

— « Quân của Toa-Đô từ Chiêm-Thành ra Thuận-Hóa, Nghệ-An, Thanh-Hóa, xông pha nhiều trận nay lại phải lùi ra Bắc, lúc này ở thủy, bộ hai đường họ phải nhiều sự gian nan vất vả, nay cho quân đuổi theo đón đường mà đánh. . . »

Năm vạn quân được huy động do Trần-nhật-Duật, Trần-quốc-Toản và Nguyễn-Khoái tiến đón Nguyên quân ở Hải-dương. Tháng tư năm Ất-dậu (1285) Trần-nhật-Duật ra đến bến Hàm-tử (Hưng-Yên) thì gặp chiến thuyền của Toa-Đô. Hai bên đánh nhau rất dữ. Quân Toa-Đô đại bại phải chạy ra giữ cửa Thiên-Trường.

Trận Chương-Dương-Độ

Trần-quang-Khải lại được lệnh từ Nghệ-An ra đánh Thăng-Long và Trần-nhật-Duật đem quân chặn đường không cho Toa-Đô từ Thiên-Trường lên liên kết với Thoát-Hoan.

Quân của nhà Nguyên lúc ấy vừa đóng trong thành Thăng-Long vừa đóng ở dưới nước về mạn huyện Thượng-Phúc.

Quân của Trần-quang-Khải, Trần-quốc-Toản và Phạm-ngũ-Lão từ Thanh-Hóa theo đường bể đi ra gặp quân Nguyên giao tranh ở bến Chương-Dương rất mạnh. Quân Nguyên thua to chạy về Thăng-Long thì Nam quân đuổi theo vây thành Thăng-Long. Quân Thoát-Hoan ra trợ chiến cho đám quân ngoài chạy về thì bị phục binh của Trần-quang-Khải đánh úp. Quân Nguyên hai đảng đều bị bại, phải bỏ thành Thăng-Long chạy qua sông về Bắc-Ninh.

Trận Tây-Kết

Quân Toa-Đô đóng ở Thiên-Trường lúc này mất liên lạc nên không biết rằng Thoát-Hoan đã bỏ thành Thăng-Long chạy về Bắc-Giang liền kéo lên định hợp với Thoát-Hoan đóng ở Thiên-Mạc. Mấy đạo tiền quân của y bị bại và quân Nam bao vây khắp mọi nơi, y liền lui về đóng ở Tây-Kết để dò xét hành tung của đội quân Thoát-Hoan.

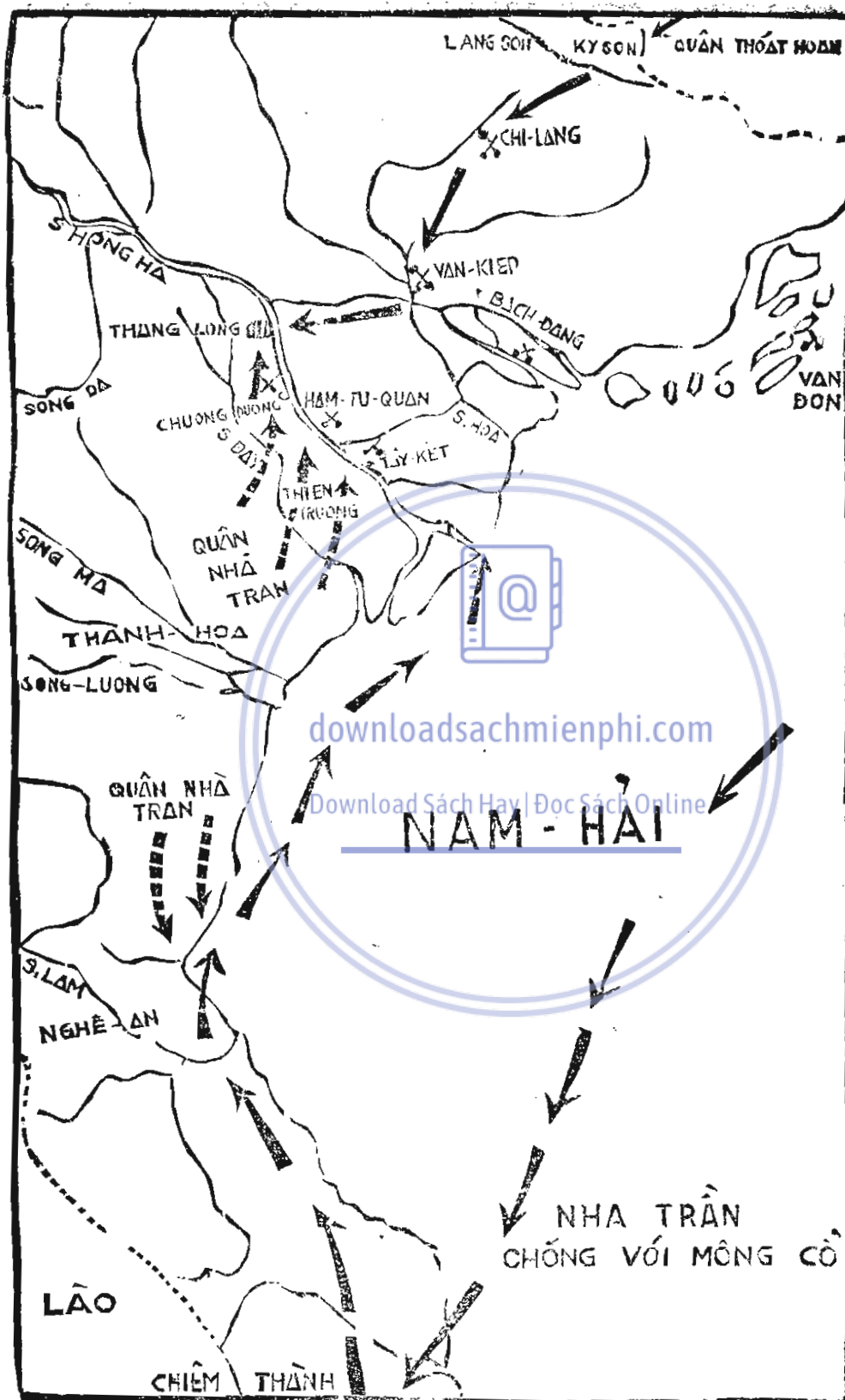
Thế quân Nam phần khởi vô cùng.

Lúc này Nam quân áp dụng chiến-thuật tập trung lực lượng do các tướng lĩnh Trần-nhật-Duyệt, Trần-quang-Khải đánh rẽ hai đạo quân Nguyên do Thoát-Hoan và Toa-Đô quản đốc để không liên lạc được với nhau và đặt phục binh ở những quãng đường ra bể.

Tới giai đoạn này, có thể nói quân Nam làm chủ tình thế nên trong cuộc giao tranh lực lượng của họ trội trông thấy và bên Nguyên phần ốm đau tật bệnh nhiều, phần bị vất vả khó nhọc và thua nhiều trận, đi đâu cũng bị phục binh đánh úp, tinh thần họ luôn luôn thẳng thốt nên họ mất hẳn đà.

Cầm cự không nổi, Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi liền diêm binh lên bộ tính chạy ra bể, nhưng bị phục binh của Nam quân chặn đường. Toa-Đô trúng tên tử trận. Ô-Mã-Nhi bí lối quay vào Thanh-Hóa rồi khi cùng đường, y xuống một chiếc thuyền con trốn ra bể chạy miết về Tàu.

Sau cuộc thắng trận lớn này, người ta mang đầu Toa-Đô về nộp, Nhân-Tôn trông thấy đầu viên đại tướng Nguyên than rằng:



NHÀ TRẦN CHỐNG VỚI MÔNG-CỔ

« *Làm bề tôi nên như người này !* »

Rồi cởi áo ngự bào đắp vào đầu Toa-Đô và cho làm lễ mai táng rất tử tế.

Trận Tây-kết đánh vào ngày tháng 5 năm Ất-Dậu (1285) tính ra quân Nguyên bị bắt hơn ba vạn người, chiến thuyền khi giới thì không sao kể xiết.

Trận Vạn-Kiếp

Như trên đây ta đã biết, quân Mông-Cổ sang Việt-Nam hồi đầu chiến tranh là 50 vạn quân (hải, lục) giúp Thái-Tử Thoát-Hoan có hai viên thượng tướng Ô-Mã-Nhi và Toa-Đô. Sau trận Tây-kết thì hai vị thượng tướng, 1 chết và 1 trốn về Tàu. Quân đội chết trận, chết dịch rất nhiều.

Thoát-Hoan với đám tàn quân chán nản vô cùng và tự lượng không thực hiện nổi chương trình xâm lăng buổi ra đi. Vua tôi nhà Trần nhận biết tinh thần của họ sụp đổ nhiều rồi nên cho 3 vạn quân mai phục ở các nơi rừng lau, sậy hai bên sườn núi theo đường ra bến Vạn-Kiếp đón chờ họ rút lui.

Hưng-võ-Vương Nghiễn và Hưng-Hiếu-Vương Uý (hai con của Thống-lĩnh Trần-quốc-Tuấn) được lệnh đem ba vạn quân ra đóng từ Hải-Dương ra Quảng-Yên, còn đại bản doanh của Trần-Quốc-Tuấn tiến thẳng lên Bắc-Giang để gặp Thoát-Hoan. Quân Nguyên thua chạy gặp bọn Nguyễn-Khoái chặn đường, 10 phần tan vỡ mất năm. Tướng Nguyên là Lý-Hảng bị bắn chết, Thoát-Hoan và mấy bộ tướng là A bát-Thích, Phàn-Tiếp, Lý-Quán cố sức đánh lấy đường để chạy. Sau bị đuổi gấp quá, Thoát-Hoan phải chui vào 1 cái ống đồng để lên xe cho quân kéo đi. Tới châu Tư-Minh họ gặp bộ đội của Hưng-Võ Vương và Hưng-Hiếu-Vương đuổi một phen nữa. Lý-Quán cũng bị tử trận còn lại Thoát-Hoan, A-Bát-Thích và Phàn-Tiếp chạy thoát được về Tàu.

Cuộc giao tranh giữa đội quân hùng mạnh của Mông-Cổ đã từng giằng co các dân tộc từ Á sang Âu, số lượng tới 50 vạn, mãnh tướng như Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi, A-Bát-Thích với quân Việt-Nam ít ỏi thừa thớt có ngờ đâu phần thắng lại về Việt-Nam.

Chiến thuật của Trần-Quốc-Tuấn là biết tùy thời tiến thoái, gây sự tự tin và kiên nhẫn trong lòng dân chúng. Ngoài ra ông lại lập được cái thế quân dân nhất trí nên đối trọi với đám quân kiêu hùng chưa hề có địch thủ, ông đã có lợi khi dũng mãnh hơn là sự ĐẠI ĐOÀN KẾT. Với sự đại đoàn kết đó đến ngày nay lịch sử nhân-loại đã nhiều phen dẫn chứng : *một dân tộc muốn sống thì không một sức mạnh nào của cường quyền đè nén nổi họ.*

Quân Mông-Cổ sang Việt-Nam lần thứ hai

Chiến cuộc lần thứ nhất bắt đầu từ tháng 12 năm Giáp thân (1284) đến tháng sáu năm Ất-Dậu (1285) bọn Thoát-Hoan bại trận về nước, Nguyên-chủ giận dữ vô cùng, liền cho đóng thêm 300 chiến thuyền và huy động 3 tỉnh Giang-Hoài, Hồ-Quảng, và Giang-Tây lại chiêu binh luyện mã để phục thù ngay. Nhưng Triều thần can ngăn rằng quân đội viễn chinh còn mỗi mệt, kẻ ốm đau chưa dầy được, kẻ bị thương còn băng bó hầy nên hoãn ít lâu. Vua Nguyên nghe hợp ý và thuận theo.

Sang mùa xuân, tháng 2 năm Đinh-Hợi (1287) Thoát-Hoan lại được cử làm Đại Nguyên-Sứ cùng bọn A-Bát-Thích, Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Áo-Lỗ-Xích kèn chọn được 7 vạn quân tinh nhuệ bản bộ 500 chiến thuyền, 6000 quân Văn-Nam, 15000 quân ở 4 châu ngoài bể và các nơi thêm vào tổng số là 30 vạn giả danh đưa Trần-Ích-Tắc về nước làm An-nam quốc Vương và ủy cho Trương-văn-Hổ tải 171 vạn thạch lương theo đường bể tiến sang Việt-Nam.

Quân Nguyên lại chia hai đường tấn công vào nội địa Việt-Nam hồi tháng một qua các Châu Khâm, Liêm và Tư-Minh. Bọn Trương-Ngọc lĩnh 2000 quân chở lương thực khí giới, Trịnh-Bằng-Phi, Áo-Lỗ-Xích dẫn 2 vạn quân đi đường bộ, Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp mang một đại đội đi đường bể đánh thẳng vào.

Tin báo về thành Thăng-Long, Hưng-đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn bình tĩnh như thường, hội chư tướng chia quân ra ba mặt :

a) Trần-Nhật-Duật, Nguyễn-Khoái dẫn 3 vạn quân lên đón mặt Lạng-Son.

b) Trần-Quốc-Toản, Lê-Phụ-Trần dẫn 3 vạn quân đi giữ mặt Nghệ-An, (đường thủy mà quân Mông-Cổ có thể do đó đột nhập vào nội địa An-Nam để đánh thốc ra Bắc-Hà).

c) Còn Ngải, Trần-Quốc-Tuấn, thống xuất đại quân tiến ra Quảng-Yên chia ra 3 điểm quanh châu Tư-Minh là Xa, Từ, Chúc, để đóng đồn. Ngải đóng quân ở núi Phù-Sơn và sai một tướng ra giữ sông Đại-Than (thuộc Hải-Dương).

Cũng như lần trước, quân Mông-Cổ trong giai đoạn đầu rất mạnh mẽ, quân Việt-Nam bị đánh lui về Vạn-Kiếp. Thoát-Hoan chiếm núi Phả-Lại và Chí-Linh do Trịnh-bằng-Phi đem hai vạn quân đến phá đồn Vạn-Kiếp của Nam-Quân, Ô-Mã-Nhi và A-bát-Thích đem bộ đội đóng từ Lục-đầu-giang xuống Hoàng-Hà.

Hưng-Đạo-Vương rút về Thăng-Long và xa-giá vào Hà-Nam rồi đi ra bể lánh vào Thanh-Hóa. Ô-Mã-Nhi đuổi theo không kịp.

Thoát-Hoan vây thành Thăng-Long nhưng đánh không nổi lại rút về Vạn-Kiếp, Chí-Linh, và Phả-Lại. Xa giá trở về Bắc.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trần Văn - Đồn

Trong khi Trương-Văn-Hồ tải lương còn đương lênh đênh ngoài bể thì ở Vạn-Kiếp quân Nguyên sắp cạn lương. Thoát-Hoan cho Ô-Mã-Nhi đem quân ra cửa bể Đại-Bàng (huyện Nghi-Dương thuộc Hải-Dương) đón Trương-Văn-Hồ thì gặp quân của Trần-Khánh-Dur tại Vân-Đồn (Quảng-Yên) chặn đường. Ô-Mã-Nhi do sự thúc bách của tình thế trở hết lực-lượng đánh nhau với Nam quân. Trần-Khánh-Dur thua trận. Quân Nguyên kéo thẳng ra bể để đón thuyền lương, Trần-Khánh-Dur bị gọi về chịu tội. Khi đó, ông nói với sứ :

« Tôi thua trận dĩ nhiên phải chịu tội, nhưng xin khoan cho vài hôm để tôi lấy công chuộc tội... »

Khi đó thuyền lương của Nguyên quân ở ngoài bể tiến vào. Quân của Ô-Mã-Nhi đi yểm-hộ. Trần-Khánh-Dur lại xếp đặt lại thuyền bè và quân đội mai phục mọi nơi. Công việc

bổ trí vừa xong thì thuyền của Trương-Văn-Hồ đến cửa Lục-Đầu. Quân Nguyên bị phục kích thuyền lương mất sạch khi giới bị tịch thu rất nhiều. Còn Trương-Văn-Hồ nhảy xuống thuyền con trốn về Quỳnh-Châu.

Thượng-Hoàng liền xá tội cho Trần-Khánh-Dur nói với Hưng-Đạo-Vương rằng :

« Quân Nguyên trông cậy vào lương thực và khí giới, nay ta cướp được hết các thứ này chắc thể của chúng không bền được nữa. Nhưng ở các nơi khác tất chưa biết tin này, có lẽ nên tha cho những tên quân bị bắt để chúng về báo tin, quân sĩ của chúng ngã lòng, ta phá mới dễ...»

Thật là một mảnh lời tuyên truyền rất khôn khéo.

Quả nhiên, từ đó quân đội của Thoát-Hoan sao suyển, nhất là lương thực mỗi ngày một cạn chỉ muốn rút lui về Tàu. Ô-Mã-Nhi đợi mãi thuyền lương không thấy cũng rút về Vạn-Kiếp.



Trần Bạch-Đẳng

Tinh thần của quân Nguyên bấy giờ vô cùng khủng hoảng. Thoát-Hoan định cho người về Tàu xin tiếp viện binh lương thì quân Nam đã được lệnh lên chặn các đường về Lạng-Sơn, gửi núi Kỳ-Cấp, ải Nữ-Nhi làm cho họ tuyệt lộ.

Bộ tham mưu của Thoát-Hoan bàn:

— Chúng ta đóng ở đây, thành trì không có, khí giới lương thực cạn đến nơi, các chỗ hiểm trở bị mất, bây giờ lại là mùa hạ, khí giới sinh nhiều tật bệnh nên rút về nước chờ cơ hội khác. . . .

Thoát-Hoan đồng ý liền cho Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch-Bằng rút về trước. Bộ quân do Trịnh-Bàng-Phi và Trương-Quân đi sau để đề phòng việc đánh úp.

Trần-Quốc-Tuấn hiểu rõ cơ mưu của Nguyên quân liền cho người đi đường tắt lên mé thượng lưu sông Bạch-Đẳng, đóng các cọc đầu bịt sắt cắm khắp giữa giòng sông và phục binh các nơi chờ lúc nào nước triều lên đem binh

ra khiêu chiến, rủ cho thuyền Nguyên ra giữa giồng, nước chiều xuống Nam-Quân mới đổ ra đánh phá kịch liệt. (Mẹo này do Ngô-Vương-Quyền dùng đầu tiên đã giết được Thái-Tử Hoảng-Thao thời Nam-Hán, năm 938).

Phạm-Ngũ-Lão, Nguyễn-Chế-Nghĩa lại đem quân lên mai phục ở ải Nội-Bàng (thuộc Lạng-Sơn) chờ quân Nguyên chạy qua.

Quân của Ô-Mã-Nhi ít lâu kéo tới Bạch-Đằng-Giang. Trần-quốc-Tuấn cùng đại quân lúc đó đóng ở sông Hóa-Giang chỉ xuống nước cùng thề: « *Trận này không phá được giặc Nguyên thì đừng về tới sông Hóa!* », Quân Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp đang lênh đênh trên sông Bạch-Đằng thì Nguyễn-Khoái dẫn chiến thuyền ra đánh. Ô-Mã-Nhi cho quân xô ra thì quân của Nguyễn-Khoái bỏ chạy. Bấy giờ nước triều lên, mặt nước mênh mông. Nguyên quân vô tình không biết cứ đuổi theo. Khi họ qua địa phận có cọc đóng thì Nguyễn-Khoái quay lại và đằng sau họ, đại quân của Trần-quốc-Tuấn tiến đến vừa đúng lúc nước triều xuống. Thuyền quân Nguyên bị vướng hết vào cọc, đổ vỡ mất nhiều. Nam quân càng đánh càng hăng. Trong khi đó thì quân Nguyên lúng lúng và đồn loạn nên bị chết như rạ, máu chảy đỏ cả lòng sông. Tướng Nguyên bị bắt hầu hết: Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Tích-Lệ, Cồ-Ngọc.

Trận Bạch-Đằng-Giang đánh vào tháng 3 năm Mậu-Tí (1288) Nguyên quân bị bắt rất nhiều và mất 400 chiến thuyền.

Trận cuối cùng.

Như ta coi đó thủy quân do bọn Ô-Mã-Nhi lãnh đạo bị tan tành mười phần không còn một. Tin này càng làm cho lực quân của Thoát-Hoan vô cùng tuyệt vọng. Họ kéo nhau chạy về phía ải Nội-Bàng đúng như kế hoạch của Nam Quân đã tính trước. Đi theo Thoát-Hoan bấy giờ có A-Bát-Thích, Áo-Lỗ-Xích, Trương-Quân, Trương-Ngọc, Trịnh-Bàng-Phi...

Phạm-Ngũ-Lão đã chờ ở đó ít ngày trước liền đổ ra đánh. Các tướng Nguyên hết sức bảo vệ cho Thoát-Hoan. Đạo quân đi sau yểm hộ của Trương-Quân lúc đó là 3000 người

mở con đường máu tháo lui. Trương-Quân bị Phạm-Ngũ-Lão chém chết. Chạy qua cửa ải này quân của Thoát-Hoan mười phần chỉ còn vài ba.

Từ ải Nữ-Nhi đến núi Kỳ-Cấp trên một quãng đường hơn 100 dặm họ được tin báo Nam quân đều đóng đồn ải túc trực, quân Nguyên càng sợ hãi. Về mặt sau họ lại nghe thấy tiếng reo hò long trời lở đất. Thoát-Hoan phải sai A-Bát-Thích và Trương-Ngọc đi tiên phong để mở đường, Áo-Lỗ-Xích đi sau để đoạn hậu.

Họ bị nghẽn đường. Tên thuốc độc hai bên sườn núi bắn xuống như mưa rào. Hai tướng bị tử trận ngay tại chỗ, quân sĩ cũng chết đầy đường rất là thê thảm. Còn lại có Trịnh-Bàng-Phi cố gín giữ Thoát-Hoan chạy qua Lộc-Châu lên do con đường tắt về châu Tư-Minh và Áo-Lỗ-Xích cũng nhặt được ít nhiều tàn quân cùng Thoát-Hoan chạy được về Yên-Kinh . . .

Cuộc chiến tranh này là cuộc cuối cùng. Trong khi đó quân Mông-Cổ coi người bằng nửa con mắt, hùng cường trấn động cả năm châu, đã mấy phen đo gươm thử sức cùng quốc-gia Việt-Nam trước sau huy động hàng trăm mãnh tướng, ngót triệu quân mã trắng kiện, kết quả là một sự thất bại nhục nhã cho họ là một dân tộc đã mở kỷ nguyên đầu tiên trong lịch-sử thế giới về xâm-lãng và thực-dân.

Họ thua nên cay cú quá nhiều với Việt-Nam, nên nhiều lần muốn tiếp tục chiến tranh để rửa hờn rồi lại thôi, một phần vì nội-bộ nhà Nguyên thay đổi (vua Nguyên là Hốt-Tất-Liệt mất, Nguyên-Hành-Tôn kế vị) một phần họ nản vì phải hao tổn bao nhiêu về người, về của mà chẳng đi tới đâu. Còn như ở Việt-Nam hồi đó, quân dân nhất trí, muôn người như một, quốc gia lại có trật tự, kỷ cương, nhân tài xung mãn.

Người anh hùng áo vải đất Lam-Sơn hay là Cuộc đụng chạm bằng binh đao với nhà Minh

Nhà Trần làm vua được 175 năm truyền được 12 đời. Năm 1400-1407 bị Hồ-Quý-Lý lên thay lấy quốc-hiệu là Đại-Ngu đóng đô ở Thanh-Hóa gọi là Tây-Đô. Nhà Hồ sửa sang mọi việc chính-trị, chỉnh đốn võ bị, đánh Chiêm-Thành lấy được Quảng-Nam, Quảng-Ngãi bây giờ. Sau nhà Hồ bị quân nhà Minh sang diệt được. Nhà Hồ trị vì được có 6 năm thì mất.

HUNG vọng là luật của muôn đời. Các triều-dại nhà Trần trước đây thịnh vượng oanh liệt như ta đã thấy, chẳng thể xưa kia dân tộc Việt-Nam cho đến ngày này dân số chẳng tới 1 phần trăm dân số của Trung-Quốc mà lại chống trọi nổi với Trung-Quốc, đang tiến hóa hùng cường.

Con cháu cuối cùng của họ Trần sau này hèn kém nên đến Trần-Giản-Định là hết. Hồ-Quý-Lý lên thay thế cho nhà Trần không phải là không có tài, nhưng vì sự củng cố địa-vị chưa xong thì nhà Minh lại mang quân sang. Nhà Minh là một vương triều thay thế cho nhà Nguyên sau khi đánh đổ được con cháu của Nguyên-Thái-Tổ (Thành-Cát-Tư-Hãn). Họ cũng lại do thám các lân quốc để tìm cơ hội chinh phục.

Bấy giờ họ Hồ lên thay nhà Trần, lòng người còn đang hoang mang, một phần bạc nhược về nhiều cuộc rối loạn vừa vì chính sự trong nước (họ Trần đổ, họ Hồ lên) vừa vì sự

đánh phá của Chiên-Thành giữa lúc dân khí suy vi. Nhà Minh đã nắm đúng cơ hội để kéo đại binh do bọn Trương Phụ, Mộc-Thanh cầm đầu.

Bọn này đánh phá được họ Hồ rồi lập nền đô hộ ở Việt-Nam ; dĩ nhiên là dưới sự áp bức của quân Tàu, dân Việt-Nam phải đau khổ lắm than không thể tả được, như bao nhiêu thế kỷ trước.

Nền thống-trị của nhà Minh chưa được mấy năm, các nơi đã nổi lên các phong trào khởi nghĩa nên người Minh tuy chiếm được Việt-Nam lúc đó mà vẫn chưa bình định được hẳn chỉ mới có vơ vét được quý vật như vàng, bạc, châu báu, đàn bà, con gái và những sách quý giá về văn học của Việt-Nam đem về nước.

Tại làng Lam-Son (Thanh-Hóa), ông Lê-Lợi là một nông dân do thời thế loạn ly tang-tóc tạo nên thành đấng anh hùng. Ông là người hào hiệp, biết bao dung kẻ dưới, kính nhường người trên nên lòng người bốn phương đều quy phục.

Nhà Minh biết ông là người khảng khái có chí lớn nên mời ra làm quan, ông từ chối. Ông phất cờ khởi nghĩa năm 1418, cùng các tướng Lê-Thạch, Lê-Kiều và tự xưng là Bình-Định-Vương. Mấy trận đầu do mưu kế thắng được quân Tàu, nhưng lực lượng chưa được ròi rã nên ngài lại lui binh về núi Chí-Linh sau lấy được Nghệ-An bấy giờ mới được đà phát triển để vây vùng ra Bắc.

Quân nhà Minh lúc đó đóng ở Tây-Đô (Thanh Hóa) nghe tin ngài động binh đem quân đánh dẹp bị bại. Nhưng tuy thắng thế mà vẫn yếu, chống giữ không nổi sau ngài cũng có trận thua, vợ con bị bắt, ngài đem quân chạy về núi Chí-Linh.

Năm sau (1419) ngài lại đem quân ra đánh phá Thanh-Hóa, giết được tướng nhà Minh là Nguyễn-Soạn nhưng lại rút về Chí-Linh vì quân ít, lương thực chưa được sung túc. Sau đó quân Minh đem đại quân vào vây Chí-Linh, nhờ có ông Lê-Lai hy sinh giả làm Bình-Định-Vương thế cho Ngài, Ngài mới trốn thoát. Quân Minh tưởng là bắt được Bình-Định-Vương nên rút về Tây-Đô.

Ngay năm ấy ở Nghệ-An, nhiều người Việt-Nam làm quan cho nhà Minh cũng hưởng ứng với phong trào nổi lên phản

Minh, nên quân Minh phải soay sủa khắp mặt, Ngải lại có dịp chiêu binh luyện mã, bồi dưỡng lực lượng.

Năm 1420, Ngải đem quân ra đóng ở làng Thời-Định đánh xuống Tây-Đô. Tướng Minh là Lý-Bân đem quân đi đánh bị phục binh của ngải đột kích thua chạy.

Giữa lúc muôn vàn khó khăn này thì ngải gặp được ông Nguyễn-Trãi con ông Bổng-Nhơn Nguyễn-Phi-Khanh là người có tài thao lược thời đó tìm đến đồn Ba-Lâm giúp Ngải.

Đến tháng 11 năm Tân-Sửu 1421, Trần-Chí đem mấy vạn quân hợp cùng người Lào, bị ngải đánh thua, sau đó quân Lào cũng rút lui.

Năm 1422, Ngải lại tiến đánh đồn quận Gia-Liễn, quân Minh-Lào vây kín bốn mặt. Nhờ sự nhất trí giữa Ngải cùng quân sĩ nên lại thoát được mọi sự nguy hiểm rồi Ngải lại rút về Chi-Linh lần thứ ba. Thời kỳ này khốn khổ vô cùng, lương thực cạn hết quân sĩ phải ăn rau cỏ, voi ngựa phải thịt hết dần.

Thấy quân sĩ mỏi mệt, cần phải nghỉ ngơi, ngải bắt buộc phải nghị hòa với quân Minh. Đã có một thời kỳ giao-hiệp (1423) quân Minh giúp trâu, bò, thóc lúa, ngựa, cá mắm, Ngải đưa vàng bạc ra tạ, sau vì quân Minh có bụng ngờ giữ sứ của Ngải là Lê-Trần, ngải tuyệt giao ngay rồi đem quân về Lư-Sơn.

Năm Giáp-Thìn (1424) ngải bàn cùng các tướng đánh Nghệ-An làm chỗ trú chân vì nơi này người nhiều của lắm. Ít lâu sau ngải hạ được thành Đa-Cang, tướng Minh là Lương-Như-Hốt bỏ chạy. Trần-Chí, Phương-Chính đem đại quân xuống đánh bị bại, tướng Trần-Trung bị giết cùng 2000 sĩ tốt, Ngải lại cho vây Trà-Long, nơi này phải hàng vì không có viện binh của Minh tiếp cứu.

Cuộc chiến tranh giữa Minh và Việt-Nam liên tiếp luôn trong mấy năm. Bên Tàu Minh-Đế chưa biết, sau Bình-Bộ Thượng-Thư là Trần-Hạp sang thay Hoàng-Phúc thấy thanh thế Nam quân đáng sợ nên cấp tốc cáo cấp về Trung-Quốc. Minh-Đế hoảng hốt khiển trách bọn Trần-Chí và ra lệnh đại tấn công.

Tại Khả-Lưu, vua Lê-Lợi băng một trận lớn và đã dùng thế phục binh bắt được tướng Minh là Chu-Kiệt, giết được Hoàng-Thành, Trần-Chí phải rút về giữ thành Nghệ-An.

Năm 1425, lòng dân theo Ngải rất nhiều thêm cả viên tri-phủ Ngọc-Ma là Cầm-Quì, nên Ngải cho vây thành Nghệ-An. Đồng thời Ngải cho bọn Lê-Sát, Lưu-văn-Chú đem binh ra hỗ trợ cho Đinh-Lê bao vây thành Tây-Đô. Qua tháng 7, Trần-nguyên-Hân đem cả thủy bộ quân vào lấy được hai thành Tân-Đĩnh và Thuận-Hóa.

Năm Bình-Ngo (1426) Ngải cho nhiều bộ-đội tràn ra Đông-Đô (Hà-nội) đánh Quốc-Oai, Quảng-Oai, tiến về phía Trung-Du để chặn đường viện binh của quân Minh về mạn Vân-Nam và Lạng-Sơn do Lưỡng-Quảng kéo sang. Quân Minh thua chạy về Ninh-Giang (khúc trên sông Đáy).

Minh-đế cho một vạn quân sang tiếp cứu bị thua đau chạy về thành Tam-Giang.

Lúc này quân Nam đánh đầu được đẩy khắp các mặt từ Nghệ - An ra Đông - Quan. Minh triều thấy thế nguy phái Vương-Thông làm đại tướng đem 5000 quân sang và cách hết quan tước của bọn Trần-Chí và Phương-Chính.

Bọn Vương-Thông chia ba đường đánh quân Nam hợp với quân đội cũ được 10 vạn, đóng từ Quốc-Oai (Sơn-Tây) đến huyện Từ-Liêm Thanh-Oai dài hơn mấy chục dặm. Một cuộc giáp chiến đã xảy ra tại ngay hai phủ huyện kể trên, hơn một 1000 quân Minh bị chết và sa-lầy, Đại tướng Mã-Kỳ phải một mình một ngựa chạy trốn.

Vương-Thông lúc này đóng ở Minh-Kiều định cho một đạo quân đi luôn đánh tập hậu quân Nam bị bại lộ kế-hoạch nên đạo quân đó đến Trung-Đông thì bị phục-kích, Binh - Bộ Thượng-Thư Trần-Hạp bị tử trận, quân sĩ bị giết và ngã xuống sông rất nhiều cả thảy hơn 50.000, bị bắt sống trên 1 vạn.

Trận Tuy Động đánh vào tháng 10 năm Bình-Ngo (1426) Bọn Vương - Thông, Phương - Chính và Mã - Kỳ kéo nhau về Đông-Quan, Binh-Định-Vương cho một đại đội thủy quân theo giòng sông Đáy tiến theo sông Nhĩ-Hà đóng ở Đông-Bộ-Đầu. Về phần Ngải, ngải chia mấy ngả tiến về Đông-Quan.

Trong giai đoạn này quân Việt- Nam thắng thế một cách rõ rệt, Vương-Thông ở trong tình thế bế tắc, tiến thoái không đường, liền tìm tờ chiếu của vua nhà Minh, niên hiệu Vĩnh-Lạc nói về việc tìm con cháu nhà Trần để lập lại, cho người điều

định với Bình-Định-Vương để làm có xin bãi binh. Vì vậy ngài mới cho tìm được Trần-Cao là cháu ba đời vua Trần-Nghệ-Tôn ra xưng là Vệ-quốc-Công để cầu phong với nhà Minh cho đôi bên chóng kết liễu cuộc binh đao.

Ngài chấp nhận thư xin hoà của Vương-Thông và buộc Vương-Thông phải tập trung quân đội các nơi để rút hết về Tàu. Mấy người Việt-Nam làm quan cho Minh, e rằng người Minh về nước, họ sẽ bị truy tội nên dèm pha rằng: « Ngày xưa Ô-Mã-Nhi đã hàng nhà Trần rồi mà lại bị vua tôi nhà Trần tìm cách hãm hại. . . . » nên Vương-Thông nghe họ, cho người về Tàu xin viện binh.

Sự dở dáo này làm Bình-Định-Vương giận lắm. Ngài liền huy động quân đội tấn công các thành Diêu-Diên (huyện Gia Lâm — Bắc - Ninh) Thị-Kiều (Thị-Cầu Bắc-Ninh) Tam-Giang (Vĩnh-Yên) Xương Giang (Bắc-Giang).

Quân Nam đánh đâu được đấy và bên trong thì thành Nghệ-An cũng đầu hàng. Giờ đó tất cả các nơi gần yên nên đại quân Việt-Nam chỉ còn vây thành Đông-Quan (Thăng-Long), mà tiến vào.

downloadsachmienphi.com

Viện binh Nhà Minh sang

Tin thất bại của Minh quân đưa về đến nơi, Minh-Đế kinh hoàng liền cho An-Viên-Hầu Liễu-Thăng đem 10 vạn quân, 2 vạn ngựa và một số rất đông các đại tướng kèm theo Hoàng-Phúc là một vị quân sư rất giỏi sang tiếp ứng cho Vương-Thông cùng do đường Quảng-Tây và Vân-Nam tiến sang. Năm ấy là năm Đinh-vị (1427).

Quân Liễu-Thăng sang Việt-Nam do đường Lạng-Sơn. Nam quân do Lê-Sát, Trần-Lưu chỉ huy, lùi từ cửa Nam-Quan về Ai Chi-Lăng. Quân Liễu-Thăng thấy đi đến đâu quân Nam rút đến đấy khinh thường, lại thêm Bình-Định-Vương vờ đưa thư tới Liễu-Thăng xin lập Trần-Cao và bãi binh. Liễu-Thăng không thèm xem thư cho quân tiến đánh. Ngày 18 tháng 9 quân Liễu-Thăng đến gần Chi-Lăng thì Lê-Sát và Trần-Lưu bỏ chạy; Liễu-Thăng bị dụ đến chỗ bùn lầy không tiến được, phục binh bủa vây và giết được tại làng Mai-Sao (thuộc Ôn-Châu) ngày hôm ấy là 20 tháng 9 năm Đinh-Vị. Tàn quân của Liễu-

Thăng bị giết hơn 1 vạn; nhiều tướng Minh như Lý-Khánh, Lương-Minh hoặc chết trận hay phải tự sát. Bọn Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ đem bại binh chạy về thành Xương-Giang (Phủ Lạng-Giang) thì thành này đã bị Nam quân do tướng Trần-Nguyên-Hãn lấy mất rồi.

Bình-Định-Vương cho chặn các đường tải lương, các tướng Phạm-Vân, Lê-Khôi, Nguyên-Xí đánh úp các mặt, hơn 5 vạn quân Minh tan tác thảm thương. Các tướng chỉ huy như Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ bị bắt sống. Chủ lực-quân bấy giờ chỉ còn ở bọn Mộc-Thanh khi đó đang giữ ở cửa Lê Hoa, cố thủ chờ viện quân, chưa biết rằng viện quân đã bị tiêu diệt gần hết rồi. Bình-Định-Vương cho tên ti-tướng của Liễu-Thăng khi đó bị bắt đem hết ấn tín lên cho Mộc-Thanh biết. Y sợ quá liền đem quân chạy thì lại bị đánh tan hơn một vạn, bị bắt sống hơn một nghìn vừa người vừa ngựa.

Vương-Thông xin hòa lần thứ hai

Bình-Định-Vương sai đưa bọn Hoàng-Phúc và hai cái hồ phù, hai cái dấu dài và ngắn của chính-lự phó tướng, về Đông-Quan cho Vương-Thông biết. Vương-Thông tuyệt vọng và xin hòa, lập đàn thề ở phía Nam thành Đông-Quan xin hẹn đến tháng chạp thì rút hết về Tàu. Y cho lệnh các nơi giải binh theo như điều kiện nghị hòa và về phần Việt-Nam cho sứ sang giao hiếu với Minh-Đế và trả lại các tướng sĩ bị bắt cho người Tàu.

Vua nhà Minh tuy biết việc đưa Trần-Cao ra xin tái lập chỉ là một mảnh lời chính trị, nhưng cũng đành chấp nhận việc bãi binh nên phong cho Trần-Cao làm Annam Quốc-Vương.

Về phần Bình - Định - Vương thì trả lại trên 2 vạn quân tướng tù-binh, cấp cho 500 chiếc thuyền và hậu đãi các lương thực cho quân đội Tàu rút về.

Cuộc giao tranh đến đây là chấm dứt.

Bình-Ngô Đại-Cáo

TRONG thời Trần đánh nhau với Mông-Cổ, bài hịch của Hưng-Đạo-Vương mà chúng tôi đã trình bày trên đây có một dụng kích thích ba quân rất mạnh vì nó đập vào tinh thần liêm-sĩ của dân-tộc. Nó vạch rõ sự tàn hại mà một dân-tộc chiến bại phải chịu nếu không quật cường chống lại xâm lăng. Bài Bình-Ngô Đại-Cáo của ông Nguyễn-Trãi, kèm dụng hùng dũng đối với bài hịch của Trần-Quốc-Tuấn nhưng đậm vẻ văn chương, làm ly thống thiết, ôn cái oanh-liệt của nghìn xưa để phần khởi nhân tâm trước ngọn cờ chiến thắng. Hai áng danh-văn thời loạn này có chỗ giống nhau và cũng có chỗ khác nhau nhưng đọc đến hai áng danh văn ấy người Việt-Nam hẳn có nhiều cảm tưởng xâu xa. Xin nhớ rằng bài hịch của Trần-Quốc-Tuấn làm ra đang khi có cuộc xung đột với Mông-Cổ, còn bài Bình-Ngô Đại-Cáo do ông Nguyễn-Trãi viết sau khi đã hàng phục được quân Minh.

*
* *

Tượng mảng :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu-Cung sợ uy mất vía, Triệu-Oa nghe tiếng giết mình. Cửa Hàm-Tử giết tươi Toa-Đô, sông Bạch-Đằng bắt sống Ô-Mã. Xét xem cổ tích đủ có minh-trung (1).

(1) Minh trung : chứng có rõ ràng.

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính sự phiến hà, đề trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa tứ-ngược (1), bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khé, ác chứa ngọt 20 năm. Bại nhân nghĩa, nát cả càn-khôn, nặng khoa-liêm (2) vết không sơn trạch : Nào lên rừng đảo mỏ, nào xuống biển mò châu, nào hồ bầy hươu đen, nào lưới dò chim chẻ. Tàn hại côn-trùng thảo-mộc, neho nhóc thay ! quan quả điên liên (3). Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bầy no nê chưa chán. Nay xây nhà mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội, dơ bẩn thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhìn được.

Ta đây :

Núi Lam-Sơn dấy nghĩa, chốn hoang dã nương mình. Ngắm non sông cảm nỗi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng rức óc, chốc là mười mấy nắng mưa, nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh, ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trăn trọc trong cơn mộng-mị chỉ bán-khoản một nỗi đôi hồi. Vừa khi cò nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuấn-kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bốn tầu thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy ác hiểm người bán bạc. Đòi phen vùng vẫy, vẫn dăm dăm con mắt dục Đông (4), mấy thuở đợi chờ lương đảng đảng cỗ xe hưu-tả (5). Thế mà

(1) Tứ-ngược : hết sức làm tàn ngược.

(2) Khoa liêm : thuế má.

(3) Quan : người góa vợ ; quả : người góa chồng ; điên-liên : những kẻ không có nhà ở, không trông cậy vào đâu được.

(4) Dục Đông : Ý nói muốn về lấy Đông-Đô.

(5) Hưu-tả : Cỗ xe để không bên tay trái để đợi người hiền.

trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ vọng dương (1), thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chứng-nịch (2). Phần thì giận hung-đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ khó khăn. Khi Linh-Sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi-huyện quân không một đội. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phất phới, ngóng vân-nghe bốn cõi đàn hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ-tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi, quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Mời hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy trí nhân mà thay cường-bạo. Trận Bồ-Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà-Lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân Thanh càng mạnh. Trần-Chí, Sơn-Thọ mất vía chạy tan, Phương-Chính, Quý-An tìm đường trốn tránh.

Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc, lấy Đông-Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-Kiều máu chảy thành sông, bến Tuy-Động xác đầy ngoài nội. Trần-Hiệp đã thiết mạng, Lý-Lương lại phơi thây. Vương-Thông hết cấp lo lường, Mã Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao, ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tướng nó phải thay lòng đổi dạ, hiền lẽ tới lui, ngờ đâu còn kiếm kẻ tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cây mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người, tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dở duốc. Đến nỗi dĩa trể ranh như Tuyên-Đức, nhảm võ không thôi, lại sai đồ nhút nhát như Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh-Mùi tháng chín Liễu-Thăng, từ Khâu-ôn tiến sang. Mộc-Thạch từ Văn-Nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc-quân, ta lại sai tướng chen ngang để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu-Thăng thua ở Chi-lăng, hai mươi Liễu-Thăng chết ở Mã-Yên, hai mươi lăm, Lương-Minh trận vong, hai mươi tám Lý Khánh tự-vẫn. Lưỡi

(1) Vọng-dương : Trông ra biển không thấy gì.

(2) Chứng-nịch : Vết người chết đuối.

dao ta đương sắc, ngọn giáo giặc phải lùi. Lại thêm quân bốn mặt vi thành, hẹn đến rằm tháng mười duyệt lạc. Sĩ-tốt ra oai tì hổ, thần thú đủ mặt thảo nhạ. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Con gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang dẽ cũ. Thôi-Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng-Phúc tự trối ra hàng. Lạng-Giang, Lạng-Sơn thấy chất đầy đường, Xương-Giang, Bình-than máu trôi đỏ nước. Gớm ghê thay! sắc phong vân cũng đổi; thảm đạm thay! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-Nam nghẽn ở Lê-Hoa, sợ mà mất mặt, quân Mộc-Thạnh tan chùng Thăng-trạm chạy để thoát thân. Suối máu Lãn-câu nước sông rền rĩ, thành xương Đan-Xá, cỏ nội đầm dìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy, các thành cùng khẫu, còi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội, thẻ lòng trời bắt sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã-Kỳ, Phương-Chính, cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực. Vương-Thông, Mã-Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa về đến Tàu còn đỏ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngổ lòng thú phục, ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Thế mới là mưu kế thật khôn, và lại suốt xưa nay chưa có. Giang-sơn từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật-nguyệt hối mà lại minh, càn-khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn chẵn, then nghìn thu rửa sạch lau lau. Thế là nhờ trời đất tỏ tôn khôn thiêng che chở giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi !

Vậy vùng một mảnh hung y, nên công đạt định, phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh-thanh. Bá cáo xa gần, ngổ cùng nghe biết.

Sự xung đột cuối cùng giữa Việt-Nam và Trung-Hoa

(Trên đường tranh đấu chống ngoại xâm, người anh hùng áo vải đất Qui-Nhon đã nối gót người anh hùng áo vải đất Lam-Son).

TỪ năm 1428 đến năm 1527, nhà Lê trong một thế-kỷ truyền ngôi vua được 9 đời và trị vì yên ổn. Đến đời vua Lê-Chiêu-Tôn, Mạc-Đĩnh-Dung nhân dịp trong nước loạn lạc, chiếm ngôi và lập ra nhà Mạc. Tuy nhà Lê mất ngôi, lòng người vẫn còn tưởng nhớ đến công đức của vua Thái-Tổ và Thánh-Tôn, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê Trung-Hưng để chống với nhà Mạc. Ấy là thời Nam triều (nhà Lê Trung Hưng) và Bắc triều (nhà Mạc) hai bên đánh nhau trong sáu mươi năm năm (1527-1592).

Nhà Lê được Trịnh giúp đánh đuổi được nhà Mạc nhưng tuy cùng lấy danh nghĩa giúp Lê mà hai họ Nguyễn, Trịnh đều muốn gây thế lực và địa-vị riêng nên sinh ra hiềm khích nhau. Chúa Trịnh ở sát nách vua Lê ngoài Bắc, Chúa Nguyễn rút vào phía Nam, hùng cứ một phương. Hai chúa Nguyễn, Trịnh đánh nhau trong khoảng 45 năm giờ từ 1627 đến 1672, tất cả bảy bận, không phân thắng bại. Tuy một mặt phải chống giữ chúa Trịnh ở mạn Bắc mà chúa Nguyễn vẫn mở mang được bờ cõi, lấy đất Chiêm-Thành từ sông Phan-Lang trở ra gọi là Thái-Ninh-Phủ, sau đổi là phủ Diên-Khánh (tức Khánh-Hòa bây giờ) sau lại sát nhập đất Phan-Ry (Phan-Rì) Phan-Lang (Phan-Rang) làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa-Đa. Các Chúa Nguyễn lại lấy đất của nước Chân-Lạp, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện

Phúc-Long, lấy xứ Sài-Côn làm huyện Tân-Bình, đặt ra Trấn-Biên-Đình (tức là Biên-Hòa) và Phiên-trấn-đình (tức là Gia-Định) lại lấy Hà-Tiên và phong cho người Tàu Mạc-Cửu làm tổng binh trấn giữ đất ấy vì đã có công khai thác trước tiên.

Vì có Trương-Phúc-Loan chuyên quyền, làm nhiều điều tàn ác, nên trong nước ai cũng oán giận chúa Nguyễn. Đến năm 1771, Nguyễn-Nhạc nổi lên ở đất Tây-Sơn dùng mẹo chiếm thành Quy-Nhon và lấy được một giải đất từ Quảng-Ngãi đến Bình-Thuận.

Năm 1775, Chúa Trịnh sai Hoàng-Ngũ-Phúc vào lấy thành Phú-Xuân, và đất Quảng-Nam. Chúa Nguyễn phải chạy vào Gia-Định. Chúa Trịnh muốn dùng Nguyễn-Nhạc, phong cho Nhạc làm Trấn-Thủ Quảng-Nam. Anh em Nguyễn-Nhạc đánh lấy được đất Gia-Định và đặt Tổng-Đốc Chu ở lại trấn thủ.

Đến năm 1778, Nguyễn-Nhạc xưng đế ở Quy-Nhon. Tướng của chúa Nguyễn đánh được Tổng-Đốc Chu, khôi phục lại được Gia-Định và mời Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh về.

Năm 1780, ông Nguyễn-Phúc-Ánh xưng Vương, nhưng đến năm 1782, vua Tây-Sơn là ông Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ đem hơn 100 chiếc thuyền vào cửa Cần-giờ đánh, Nguyễn-vương thua to phải chạy ra đảo Phú-Quốc.

Ở ngoài Bắc, họ Trịnh gặp phải loạn kiều binh trong nước quân lính ý thể bóc lột dân chúng không nơi nào là yên ổn cả.

Vua Tây-Sơn thừa thế mang binh ra lấy đất Thuận-Hoá (1786) rồi tiến ra Bắc-Hà đánh chúa Trịnh thua chạy phải tự vẫn. Quân Tây-Sơn vào thành Thăng-Long yết kiến vua Lê.

Họ Trịnh giúp nhà Lê Trung-Hưng lên, rồi giữ quyền chính, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền từ Trịnh-Tùng đến Trịnh-Khải được 210 năm (1576-1786) đến đây là hết.

Vua Tây-Sơn, không có ý cướp ngôi nhà Lê, nên trả lại Bắc-Hà cho vua Lê-Chiêu-Thống mà rút quân về Nam. Bấy giờ vua nhà Lê không bị chúa Trịnh kiềm chế nữa, được cơ hội ít có để lập lại nền tự chủ của nhà Lê, nhưng tiếc vì vua Chiêu-Thống không có tài quyết đoán, nên việc nhón không thành. Vì họ Trịnh lại hoạt động nên Vua Lê phải phong

vương cho Trịnh-Bồng và một mặt nhờ tướng nhà Tây-Sơn là Nguyễn-hữu-Chỉnh ra giúp, đề đàn áp Trịnh-Bồng. Chỉnh đánh đuổi Trịnh-Bồng và được vua Lê phong tước, cậy công làm nhiều điều trái phép.

Nguyễn-Huệ thấy Chỉnh chuyên quyền ở ngoài Bắc sai Vũ-văn-Nhậm mang quân ra bắt (1787) Nguyễn-hữu-Chỉnh thua trận, bị Nhậm giết. Vua Lê-Chiêu Thống cũng chạy trốn và lên đất Lạng-Giang ẩn náu. Đời nhà Lê, từ vua Thái-Tổ khởi nghĩa (1428) đánh đuổi quân nhà Minh về Tàu, lập nền tự chủ, truyền đến vua Chiêu-Tôn thì bị họ Mạc cướp mất ngôi. Sau nhờ có họ Nguyễn và họ Trịnh giúp đỡ nhà Hậu-Lê lại trung hưng lên, truyền đến vua Chiêu-Thống thì hết (1788.)

Tuy Vũ-văn-Nhậm đánh giết được Nguyễn-hữu-Chỉnh nhưng vẫn bị Bắc-Bình-Vương nghi ngờ. Nhậm lấy được Thăng-Long rồi, có ý cậy tài và ra bộ kiêu ngạo. Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ ngày đêm đi gấp ra Thăng-Long giết được Nhậm, sau chỉnh đốn mọi việc, để Ngô-văn-Sở ở lại giữ Bắc-Hà và lại trở vào Nam.

Một chiến công rực rỡ của Hoàng-Đế Quang-Trung

Vua Lê-Chiêu-Thống khi ra nương náu ở Lạng-Giang, có ý muốn khôi phục lại nghiệp cũ. Bà Hoàng-Thái-Hậu đem Hoàng-Tử sang Long-Châu kêu van với quan Tàu, xin binh cứu viện. Tổng-Đốc hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây bên Tàu là Tôn-sĩ-Nghị tâu vua Càn-Long xin cho binh sang giúp vua Lê, và chủ ý xâm chiếm nước Nam.

LỰC LƯỢNG QUÂN NHÀ THANH

Vua Càn-Long nghe lời, sai Tôn-Sĩ-Nghị làm chủ tướng sang đánh Tây-Sơn. Quân lính của 4 tỉnh Vân-Nam, Quý-Châu, Quảng-Tây, Quảng-Đông đều được huy động ráo riết. Tôn-sĩ-Nghị chia quân làm 3 đạo:

Đạo thứ nhất, do tổng binh tỉnh Vân-Nam và Quý-Châu thống xuất xâm nhập vào mạn Tuyên-Quang (tức là Hà-Giang, Lào-Kay, Yên-Bái bây giờ).

Đạo thứ nhì, do Sầm-nghi-Đồng tri phủ Điền-Châu thống lĩnh tỉnh Cao-Bắc tiến về Thăng-Long. Còn đạo thứ ba là đạo quân chính quy lấy ở Quảng-Đông, Quảng-Tây do Sĩ-Nghị và đề-đốc Hứa-thế-Hạnh chỉ huy do cửa ải Lạng-Sơn đột nhập vào nước ta.

Quân Tàu đông đúc vì mỗi tỉnh bên Tàu đã có một số lính bằng số lính của cả nước ta, tính họ lại hung ác, đi đến đâu giết hại đến đấy, dân sự thật là khổ sở.

Tướng Tây-Sơn là Ngô-văn-Sở ở Thăng-Long, nghe tin thế giặc mạnh và đông quá, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ từ núi Tam-Điệp (giữa Ninh-Bình và Thanh-Hóa) ra đến bờ bể, rồi sai người về Phú-Xuân cáo cấp.

Tôn-sĩ-Nghị kéo quân đến Kinh-Bắc (Bắc-Ninh), Vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng-Long. Sĩ-Nghị đóng đồn ở giữa bãi về phía nam Sông Nhĩ-Hà, bắc cầu phao ở giữa sông để tiện đi lại và chia quân ra đóng giữ các mặt.

LỰC LƯỢNG QUÂN TÂY-SƠN

Bắc-Bình-Vương được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long lập tức hội các tướng sĩ để đem binh ra đánh; các tướng đều xin Ngài hãy chính thức lên ngôi, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh. Bắc-Bình-Vương lên ngôi Hoàng-Đế (1788) rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ-An nghỉ lại 10 ngày để kén thêm binh, cả thầy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi.

Đến Tam-Điệp họn Ngô-văn-Sở, Ngô-Thời-Nhiệm ra tạ tội.

Vua Quang-Trung không trách mắng gì mà còn nói rằng: « Chúng nó sang phen này chỉ mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyển này thân coi việc quân, đánh giặc đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ họ là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi họ thua một trận rồi, tất họ lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta không đành lòng được. Vậy đánh xong trận này ta phải nhờ Thời-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa nước ta đủ sức phú cường rồi, ta không còn phải sợ họ nữa ».

Vua Quang-Trung truyền cho tướng sĩ ăn tết Nguyên-đán trước, để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, định ngày mừng 7 tháng Giêng lấy lại thành Thăng-Long và mở tiệc ăn mừng ở đó. Ngải chia quân làm bốn đội lớn và phân phát công việc như sau :

— Đại-Tur-Mã Sở, Nội-Hầu Lân đem tiền quân làm tiên phong.

— Hàm-Hồ Hầu đem hậu quân làm đốc chiến.

— Đại Đò-Đốc Lộc, Đò-Đốc Tuyết đem hữu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục-Đầu, Đò-Đốc Tuyết trông mặt Hải-Dương, tiếp ứng đường mé đông ; Đại Đò-Đốc Lộc kéo về vùng Lạng-Giang, Phụng-Nhơn, Yên-Thế để chặn đường quân Tàu chạy về.

— Đại Đò-Đốc Bảo, Đò-Đốc Mưu đem tả quân cùng quân tướng đi đường núi ra đánh phía tây.

Đò-Đốc Xuyên ra huyện Chương-Đức (nay là Chương-Mỹ) tiến đường kéo thẳng đến làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì đánh quân của Sầm-Nghi-Đồng.

— Đại Đò-Đốc Bảo thống xuất quân tướng theo đường huyện Sơn-Lãng ra đánh Đại-Áng thuộc huyện Thanh-Trì tiếp ứng cho mặt tả.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

So sánh tinh thần quân Tây-Sơn và quân nhà Thanh

Quân Tây-Sơn tuy ít hơn nhưng là những quân tinh nhuệ, đã từng dự chiến luôn trong bảy tám năm giờ, có kinh nghiệm, có trật tự và nhất là nức lòng giết giặc để cứu nước. Chủ tướng lại là một vị anh hùng cái-thế, có mưu trí, quyền biến, mẹo mực như thần. Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ tuy là nhà võ xuất thân, sức khỏe phi thường nhưng không phải là hữu dũng vô mưu. Ngải là nhà tướng siêng năng, cần mẫn, sẵn sàng đến quân lính, năng cho luyện tập tuy rằng trong gần 10 năm trời chiến trận luôn mà những bữa nghỉ cũng vẫn bắt quân lính luyện tập cho khỏi quên. Ngải lại hay dùng chiến thuật chớp nhoáng, tập trung sức mạnh để tấn công địch đông hơn mà vẫn làm vào thế cô. Có tài làm cho

quân sĩ tin vào chủ tướng và sự thắng trận, vận chuyển binh mã rất nhanh chóng, nếu thấy thế yếu thì rút lui ngay không ham chiến.

Đối với một quân đội của Tây-Sơn có kỷ luật nghiêm ngặt, có huấn luyện lâu năm, có tinh thần yêu nước, quân nhà Thanh lại chỉ là một đội quân tuy nhiều người hơn nhưng hỗn hợp, người tỉnh nọ với người tỉnh kia coi nhau hầu như người ngoại quốc, không có huấn luyện, không có tinh thần chiến đấu vì chỉ định sang nước khác ăn cướp, và không có tướng chỉ huy duy nhất.

Trận thế. — Hôm 30 Tết, quân của vua Quang-Trung khua trống kéo ra Bắc. Khi quân tiến đến Huyện Phù-Xuyên thì bắt sống hết được toàn quân Tàu đóng ở đây, không một người nào thoát được, vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hạ-Hồi và làng Ngọc-Hồi không biết gì cả. Nửa đêm ngày mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ-Dậu (1789) quân vua Quang-Trung đến làng Hạ-Hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi các quân dạ rầm lên, tưởng như có hàng muôn người. Quân canh đồn hết hoảng đều xin hàng, bởi thế quân Nam lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới.

Sáng mờ mờ ngày mùng năm, quân Tây-Sơn tiến đến làng Ngọc-Hồi, quân Thanh bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung dùng mẹo để tránh tên nổ. Ngài sai quân ghép ba mảnh ván làm một, ngoài buộc rơm, rất dao nhọn tiến đến đồn giặc. Theo sau có 20 người cầm khí giới. Nhà vua cưỡi voi đi sau đốc chiến. Quân Tây-Sơn đi vào gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Thanh địch không nổi, xôn xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, chiếm được hết các đồn và giết quân nhà Thanh, thấy nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chảy như nước tháo.

Tướng nhà Thanh là Đề-Đốc Hứa-Thế-Hạnh, tiên-phong Trương-Sĩ-Long, tả-dực Thượng-duy-Thắng đều tử trận cả.

Cánh quân tiến đánh gần Thăng-Long ở Đống-Đa (Thái-Hà-Ấp bây giờ) cũng toàn thắng, quân nhà Thanh bị giết vô kể, thây chất thành đống. Tướng Thanh chống giữ nơi ấy là Sầm-Nghi-Đồng phải thắt cổ tự tử.

Tôn-Sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thăng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Kinh-Bắc (Bắc-Ninh). Các trại ở đại bản doanh quân Thanh nghe tin ấy, xôn xao lán loạn, tranh nhau chạy trốn sang cầu. Vì nhiều người xô nhau cầu đổ, quân lính xa xuống sông chết đuối rất nhiều.

Đạo quân Vân-Nam và Quý-Châu đóng ở miền Sơn-Tây (Sơn-Tây bây giờ, gồm cả Phú-Thọ và Vĩnh-Yên) nghe tin Tôn-Sĩ-Nghị đã thua cũng rút quân chạy về.

Ngày hôm ấy, vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng Long sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam-Quan.

Thế là một cuộc chiến tranh vô cùng lớn lao đã kết liễu và chính sách ngoại xâm của Thanh triều hoàn toàn thất bại.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nguyễn-Vương thống nhất nước Nam

NHÀ Tây-Sơn tuy ngắn ngủi (1788-1792) nhưng đã lập được một chiến công vô cùng rực rỡ đáng kể vào bậc nhất từ khi Việt-Nam có lịch-sử.

Sau này anh em trong nhà nghi kỵ nhau mà tiêu ma việc lớn. Nguyễn-Vương được dịp may gặp Giám-Mục Bá-Đa-Lộc và vì có Giám-Mục, Nguyễn-Vương được nước Pháp viện trợ quân sự và hình định được Trung-Nam-Bắc-Kỳ, lập thành nước Việt-Nam thống nhất từ Ải Nam-Quan tới Mũi Cà-Màu.

ÔNG Nguyễn-Phúc-Anh vẫn nương náu ở Tiêm-La đến năm 1787 về lấy được Gia-định, và sau ba lần đánh mới lấy được Quy-Nhơn (1799). Đến năm 1801 thu phục được thành Phú-Xuân, lên ngôi vua ở đấy (1802) đặt niên hiệu là Gia-Long nguyên-niên. Bắc-Hà cũng trong năm ấy bị quân Nam ra lấy. Vua Tây-Sơn bị bắt rồi bị giết.

Vua Gia-Long khởi binh chống nhau với Tây-Sơn ở đất Gia-Định từ năm 1778, kể vừa 24 năm mới dứt được Tây-Sơn, thu phục được giang sơn cũ của nhà Lê khi xưa, và hợp cả Nam Bắc lại làm một mối. Ngài xưng đế hiệu là Thế-Tổ, đặt quốc hiệu là Việt-Nam, đóng kinh đô ở Phú-Xuân (Huế bây giờ).

Vua Thế-Tổ sửa sang lại việc cai trị trong nước, việc tài chính, định lại thuế má, pháp luật.

Vua Thế-Tổ mất năm 1819 và truyền ngôi cho Thánh-Tổ, niên hiệu Minh-Mệnh. Vua Thánh-Tổ là một ông vua có tư

chất thông minh, hiểu học và chăm công việc, việc gì ngài cũng xem xét đến, châu-phê vào sớ tâu rồi mới cho thi hành. Về việc cai trị trong triều ngài lập ra Nội-Các, Cơ-mật-viện, Tôn-Nhân-Phủ, lập các phẩm cấp quan chế, sửa sang việc học, mở trường quốc tử giám, định lệ thi cử. Vua Thánh-Tôn mất năm 1840 và truyền ngôi cho Hiến-Tổ niên hiệu Thiệu-Trị. Trong đời vua Thiệu-Trị mọi việc đều theo lẽ lối của triều trước không có sự thay đổi gì. Năm 1847, vua Thiệu-Trị mất và Dực-Tôn lên kế vị niên hiệu Tự-Đức.

Đời vua Tự Đức là đời vua dài nhất (1847-1883) trong những vị vua kế vị chính tông của vua Gia-Long. Cũng trong thời ấy nước ta bị nước Pháp ở xa hàng muôn dặm đến xâm chiếm làm mất quyền tự chủ do vua Lê-Thái-Tổ lập nên từ năm 1428 và dài được hơn 430 năm.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cuộc Nam tiến của Việt-Nam

NHỮNG nhà kê-cứu Pháp xét gốc tích Việt-Nam thì cho rằng người Việt-Nam và người Thái ở các miền núi Tây-Tạng theo sông Hoàng-Hà mà tiến về phía Nam lập thành nước Việt-Nam bây giờ. Còn người Thái thì theo dọc sông Mékong cũng tiến như người Việt về phía Nam mà lập thành nước Tiêm-La (Siam) ngày nay. Đến đời nhà Triệu, sử gia chép rằng Triệu-Vũ-Vương đóng đô ở Phiên-Ngung gần thành Quảng-Châu bây giờ và người Bách-Việt (Việt-Nam), theo sử Tàu, khi còn là nước Âu-Lạc thì sinh sống ở Nam-Hải (Quảng-Đông) Quế-Lâm (Quảng-Tây) và Tượng-Quận (Bắc-kỳ). (họ nên sau này vua Quang-Trung nhà Tây-Sơn khi lực lượng hùng hậu đã có mộng chiếm lại Luồng-Quảng (Quảng-Đông và Quảng-Tây) lấy có rằng hai nơi này là lãnh thổ cũ của nước Việt-Nam. Ngài đã đem quân đi đánh hai tỉnh này nhưng công việc không thành không phải thất bại về chiến sự với người Trung-Hoa (ngài đi đến đâu thắng trận đến đâu) nhưng phải bỏ dở công việc để rút về vì những cuộc chính biến xảy ra ở trong nước.

Tóm lại có thể nói rằng nguồn gốc của người Việt-Nam là ở loanh quanh mấy tỉnh miền Nam nước Tàu bây giờ cho đến ngày nay Quốc-gia Việt-Nam được kể từ ải Nam-Quan đến mũi Cà-Mâu. Chúng tôi xin kể các lịch-trình tiến triển về đất đai sau đây của Việt-Nam qua các triều đại cho tới bây giờ để người xem nhận định lực lượng sinh tồn của người Việt, mặc dầu trải bao nhiêu cuộc phũ phàng.

Việc mở mang bờ cõi dĩ nhiên bắt đầu ngay từ các triều đại xa lắc xa lơ, nhưng đáng kể nhất từ nhà Lý.

LÝ-THÀNH-TÔNG ĐÁNH CHIÊM THÀNH
... (Những chặng đường phải qua để đánh nước Chiêm)

Vua Lý-Thánh-Tông (1054-1072)

Bấy giờ nước Chiêm-Thành thường hay sang quấy nhiễu, ngài ngự giá đi đánh (1069). Đánh lần đầu không thành công, khi trở về thấy bà Nguyên Phi trông nom việc nước được chu đáo, Ngài lấy làm nghĩ, liền trở lại Chiêm-Thành đánh bắt được vua Chiêm là Chế-Củ.

Chế-Củ xin dâng đất 3 châu để chuộc tội là châu Địa-Lý, châu Ma-Linh và châu Bố-chính. Thánh-Tông lấy ba châu ấy và cho Chế-Củ về nước.

Những châu ấy nay thuộc vào địa hạt Quảng-Bình và Quảng-Trị.

Dưới thời Lý-Nhân-Tôn (1072-1127)

Nước Chiêm-Thành thỉnh thoảng cứ hay sang quấy nhiễu. Năm 1075 trước khi đi đánh Tống, Lý-Thường-Kiệt sang đánh Chiêm-Thành.

Năm Quý-Mùi (1103) ở Điền-Châu (Nghệ-An) có Lý-Giác làm phản, Lý-Thường-Kiệt vào đánh Lý-Giác thua chạy sang Chiêm-Thành dụ quốc vương là Chế-Ma-Na sang đánh lấy lại 3 châu Ma-Linh, Bố-Chính, Địa-Lý. Sang năm sau là năm Giáp-Thân (1104) vua Nhân-Tôn sai Lý-thường-Kiệt vào đánh Chiêm-Thành, Chế-Ma-Na thua chạy xin trả lại ba châu như cũ.

Dưới triều vua Anh-Tông nhà Trần

Thái-Thượng-Hoàng là vua Nhân-Tông sang chơi nước Chiêm-Thành (1301) có ước gả Huyền-Trân Công-Chúa cho vua Chiêm là Chế-Mân. Được ít lâu, Chế-Mân cho người đưa vàng bạc và các sản vật sang cống và xin cưới. Triều-đình có nhiều người không thuận. Chế-Mân xin dâng châu Ô và châu Lý để làm lễ cưới, bấy giờ Anh-Tông mới quyết ý thuận gả. Đến tháng 6 năm Bình-Ngo (1306) Ngài cho công-chúa về Chiêm-Thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh-Tông thu nhận hai châu Ô và Lý đổi tên là Thuận-Châu và Hóa-Châu (bây giờ là tỉnh Thừa-Thiên) rồi sai quan là Đoàn-Nhữ-Hải vào kinh lý và đặt quan cai trị.

Dưới thời nhà Hồ

Năm Nhâm-Ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ-Mân đem quân sang đánh Chiêm-Thành. Vua nước ấy là Bà-Địch-Lại sai cậu là Bồ-Điền sang dâng đất Chiêm-Động (phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam) để xin bãi binh. Quý-Ly lại bắt phải dâng đất Cồ-Lũy (Quảng-Ngãi) rồi phân ra làm châu Thăng, châu Hóa, châu Tu, châu Nghĩa và đặt quan Án-Phủ Sứ để cai trị các châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các hộ khác đem vợ con vào ở, để khai khẩn đất những châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất, người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả.

Năm Quý-Mùi (1403), nhà Hồ lại muốn lấy những đất Bat-dat-Gia, Hạc-Bạch và Sa-li-Nha, về phía Nam những đất đã nhường năm trước, bèn sai Phạm-nguyên-Khôi và Đỗ-Mân đem thủy bộ cả thảy 20 vạn quân sang đánh Chiêm-Thành. Quân nhà Hồ vây thành Đồ-Bàn hơn một tháng trời, đánh không đổ, lương thực hết cả, phải rút lui về. Lần này hao binh tổn tướng mà không được lợi gì.

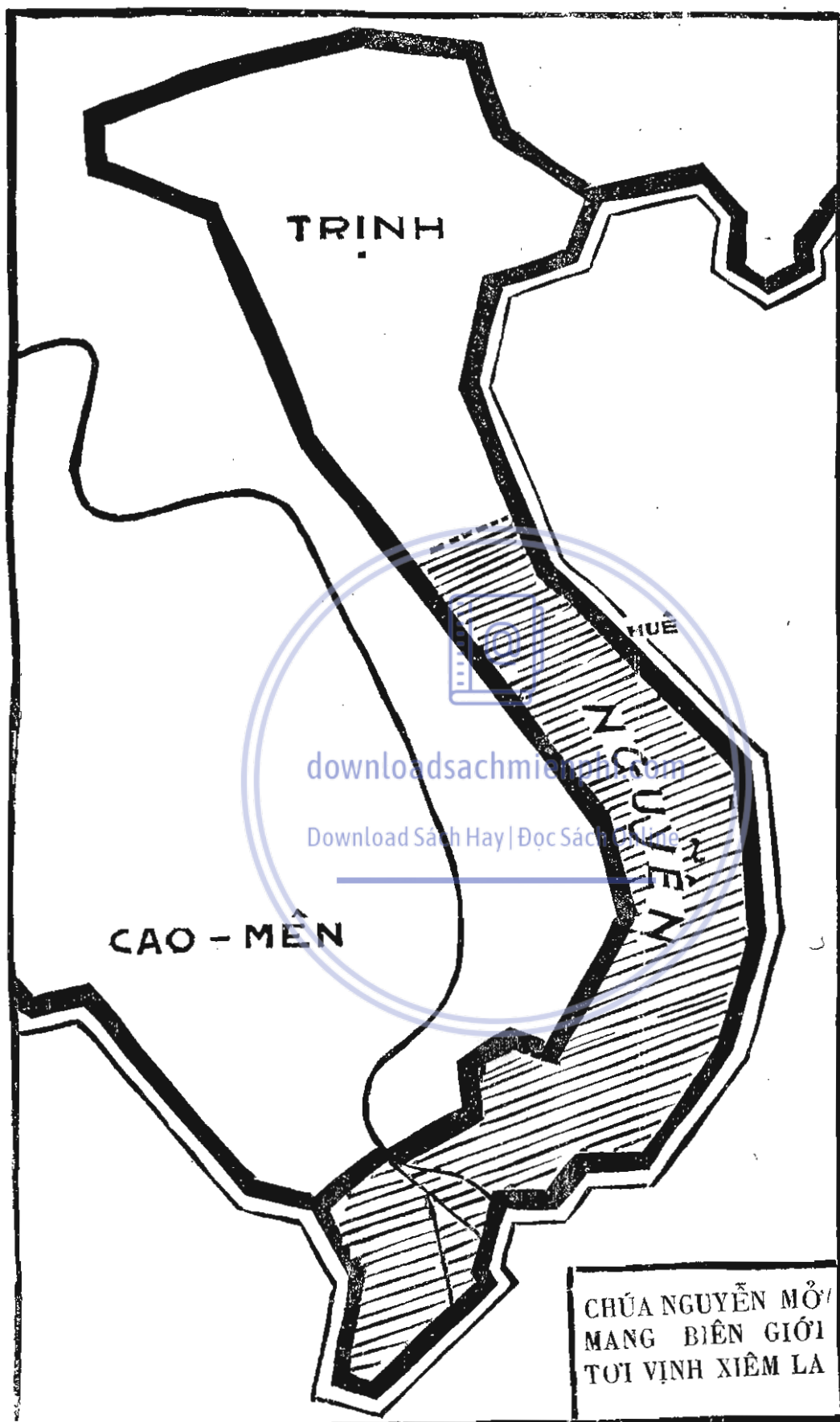
Dưới triều Lê, vua Lê Thánh-Tôn đánh Chiêm-Thành lấy đất Bình-Định

Năm Canh-Thìn (1470) là năm Hồng-Đức nguyên niên, vua nước Chiêm-Thành là Trà-Toàn muốn sinh sự với nước Nam. Một mặt thì cho người sang cầu viện bên nhà Minh, một mặt thì đem quân sang đánh phá ở đất Hóa-Châu.

Vua Thánh-Tôn cho sứ sang Tàu kể truyện Trà-Toàn những nhiều, rồi ngài tự làm tướng, cử đại binh hơn 20 vạn sang đánh Chiêm-Thành. Khi quân vào đến Thuận-Hóa, Thánh-Tôn đóng quân lại để luyện tập và sai người lên sang vẽ địa-đồ nước Chiêm để biết rõ chỗ hiểm yếu, rồi mới tiến binh vào đánh cửa Thị-Nại (Bình-Định).

Trà-Toàn thua trận rút quân về giữ kinh thành Đồ-Bàn. Quân nhà Lê kéo đến vây phá được thành, bắt được Trà-Toàn.

Bấy giờ có tướng Chiêm-Thành là Bộ-Tri-Tứ chạy về đất Phan-Lung, sai sứ vào cống và xin xưng thần. Thánh-Tôn có



ý muốn làm cho nước Chiêm yếu thế đi, nên chia đất ra làm 3 nước, phong 3 vua, một nước gọi là Chiêm-Thành, một nước gọi là Hóa-Anh, và một nước nữa là Nam-Phan.

Còn đất Đồ-Bàn, đất Đại-Chiêm và đất Cồ-Lũy thì vua Thánh-Tôn lấy để lập thêm đạo Quảng-Nam, có ba phủ huyện, rồi đặt quan cai trị.

Chúa Nguyễn mở mang bờ cõi xứ Nam

— Năm Tân-hợi (1611) Nguyễn-Hoàng vào đánh nước Chiêm-Thành lấy đất lập ra phủ Phú-Yên, chia ra làm hai huyện là Đồng-Xuân và Tuyên-Hóa.

— Đến năm Quý-ti (1653) vua nước Chiêm-Thành là Bà-Bật sang quấy nhiễu ở đất Phú-Yên, chúa Hiền là Nguyễn-Phúc-Tần mới sai quan cai cơ là người Hàng-Lộc sang đánh. Bà-Bật phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan-Lang trở vào cho vua Chiêm còn từ sông Phan-Lang trở ra lấy làm Thái-Ninh-Phủ, sau đổi làm phủ Diên-Khánh (tức là Khánh-Hóa bây giờ) đặt dinh Thái-Khang để Hùng-Lộc làm thái thú.

— Năm Quý-dậu (1693) vua nước Chiêm-Thành là Bà-Tranh bỏ không tiến cống, chúa Nguyễn là Nguyễn-Phúc-Chu sai quan tổng binh là Nguyễn-hữu-Kinh đem binh đi đánh bắt được Bà-Tranh và bốn thần tử là Tả-Trà-Viên, Kế-Bà-Tử cùng thân thuộc là Bà-Ấn đem về Phú-Xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm-Thành làm Thuận-Phủ, cho Tả-Trà-Viên, Kế-Bà-Tử làm chức Khâm-Lý và ba người con của Bà-Ấn làm đề đốc giữ Thuận-Phủ, lại bắt phải đổi y phục theo như người Nam để phủ dụ dân Chiêm-Thành. Qua năm sau lại đổi Thuận-Phủ ra làm Thuận-Thành-Trấn cho Kế-Bà-Tử làm Tả Đô-Đốc.

— Năm Đinh-Sửu (1697) chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-Thuận lấy đất Phan-Lý (Phan Ri) Phan-Lang (Phan-Rang) làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa-Đa. Từ đó nước Chiêm-Thành mất hẳn.

Chúa Nguyễn giao thiệp với nước Chân-Lạp và việc mở đất ở phía Nam

Người Việt vào nước Chân-Lạp khai khẩn làm ruộng ở Mô-Xoài (Bà-rija) và ở Đồng-Nai (tức là Biên-Hòa bây giờ).

Năm Kỷ-Vị (1697) có quan nhà Minh là tổng binh trấn thủ đất Long-Môn (Quảng-Tây) Dương-ngạn-Địch và các tướng tá khác không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50 chiếc thuyền xin ở làm dân nước Nam. Chúa Hiền nhân muốn khai thác đất Chân-Lạp bèn cho vào ở đất Đông-phố (tức là Gia-Định bây giờ). Bọn này chia nhau ở đất Lộc-dã (tức Đồng-Nai thuộc Biên-Hòa) ở Mỹ-Thọ (thuộc Định-Tường) ở Ban-Lan (thuộc Biên-Hòa) rồi cấy ruộng làm nhà lập ra phường phố, có người phương tây, người Nhật-Bản, người Chà-và đến buôn bán đông lắm.

Năm Mậu-dần (1698) chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Chu sai ông Nguyễn-hữu-Kinh làm Kinh-Lược đất Chân-Lạp, chia đất Đông-phố ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đồng-nai làm huyện Phúc-Long và xứ Sài-Côn làm huyện Tân-Bình. Đặt Trấn-biên-Dinh (tức Biên-Hòa) và Phiên-trấn-Dinh (tức là Gia-Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng-Bình trở vào để lập ra thôn xã và khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn-Biên (Biên-Hòa) thì lập thành xã Thanh-Hà, những người ở đất Phiên-Trấn (Gia-Định) thì lập làm xã Minh-Hương. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta.

Lại có một người khách Quảng-Đông tên là Mạc-Cửu trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tàu bỏ sang ở Chân-Lạp, thấy ở phủ Sài-mạt có nhiều người các nước đến buôn bán, bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-Tiên. Năm Mậu-tí (1708) Mạc-Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng binh, giữ đất Hà-Tiên.

Đến khi Mạc-Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con Mạc-Cửu là Mạc-Thiên-Tứ làm chức Đô-Đốc trấn ở Hà-tiên. Mạc-Thiên-Tứ đắp thành xây lũy, mở chợ làm đường và rước thầy về dạy học để khai hóa đất Hà-tiên.

Năm Tân-Hợi (1729) quân Chân-Lạp sang quấy nhiễu ở đất Gia-Định. Chúa Nguyễn bèn đặt sở Điều-khiển để thống nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Nặc-Nguyên, vua nước Chân-Lạp, thường hay hà hiếp rợ Côn-man và lại thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình ý ấy, đến năm Quý-dậu (1753) sai bọn ông Nguyễn-cư-Trình sang đánh Nặc-Nguyên. Năm Ất-Hợi (1755) Nặc-Nguyên thua bỏ thành Nam-Vang chạy sang Hà-tiên nhờ Mạc-Thiên-Tứ.

Năm sau, Mạc-Thiên-Tứ dâng thư về nói rằng Nặc-Nguyên xin dâng hai phủ Tam-Bôn và Lợi-Lạp để chuộc tội và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ ông Nguyễn-cư-Trình dâng sớ bày tỏ cách khai thác nên dùng kế « tâm thực » tức là nên lấy dần dần như tầm ếch lá dâu thì mới chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời bèn nhận hai phủ và cho Nặc-Nguyên về Chân-Lạp.

Nặc-Nguyên mất (1759). Người chủ họ là Nặc-Nhuận, đương định xin Chúa Nguyễn phong cho làm vua thì bị con rể là Nặc-Hình giết đi cướp lấy ngôi vua.

Quan tổng-xuất là Trương-phúc-Du thừa thế sang đánh, Nặc-Hình thua chạy bị thuộc hạ giết chết. Bấy giờ còn Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy sang nhờ Mạc-Thiên-Tứ ở Hà-Tiên. Mạc-Thiên-Tứ dâng thư xin lập Nặc-Tôn làm vua Chân-Lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Mạc-Thiên-Tứ đem Nặc-Tôn về nước.

Nặc-Tôn dâng đất Tâm-Phong-Long để tạ ơn Chúa Nguyễn. Chúa bèn sai ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cư-Trình đem dinh Long-Hồ về xứ Tâm-Bào (tỉnh lý Vĩnh-Long bây giờ) và lại đặt ra 3 đạo là Đông-khẩu-Đạo ở Sadec, Tân-Châu-Đạo ở Tiền-Giang và Châu-Đốc-Đạo ở Hậu-Giang.

Nặc-Tôn lại dâng 5 phủ là Hương-Úc, Cần-Bột, Trục-Sâm, Sài-Mạt và Linh-Quỳnh để tạ ơn Mạc-thiên-Tứ.

Mạc-thiên-Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về Trấn Hà-Tiên cai quản.

Vậy đất 6 tỉnh Nam-Kỳ bây giờ là đất lấy của nước Chân-Lạp.

VIỆT - NAM CẬN ĐẠI

Cuộc đụng chạm với Tây Phương



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Người Pháp bình luận tình thần tranh đấu của Việt-Nam thế nào ?

“**N**GUỜI Pháp đến đây không phải là đến một nhà vô chủ. Với khí giới rất đơn sơ, dân tộc Việt-Nam chống cự lâu bền sừng « lớn của ta một cách oanh-liệt và đầy tình-thần hy-sinh. Nhưng kẻ bị « ta bắt được tại trận, đem ra xử bắn hay chém, đều thân nhiên « chịu chết không lộ vẻ gì nhu nhược, sợ hãi. Ta đánh chắc nhọc nhằn « suốt 30 năm mới tạm yên. Phải biết dân tộc Việt-Nam có nghị « lực càng cường lắm lắm, mới đủ sức chi vi dai dẳng đến thế ».

Đại úy GOSSELIN

(Trong cuốn *Empire d'Annam*)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

AY là lời Đại-úy GOSSELIN trong quyển *Empire d'Annam* viết về thời cục Việt-Pháp, trong khoảng mấy năm cuối thế-kỷ 19. Nếu giới còn để cho ông sống tới mãi ngày nay, để kế tiếp viết quyển « *Nước Nam* », chúng ta tin chắc được đọc những lời phán đoán vô tư của ông, vạch rõ từ ngày nước ta trở nên Pháp thuộc cho tới khi kết liễu thế-giới đại chiến vừa qua, dân tộc Việt-Nam đã liên miên tranh đấu không ngừng giành lại tự-do độc-lập; và bày tỏ cái ý chí tự cường, cái tình-thần vô-úy chung của nòi giống từ xưa nung đúc di truyền ra sao ?

Tám mươi năm trở về đây

Các người ngoại quốc, mới làm quen với lịch-sử Việt-Nam thường đổ cho Triều-đình nhà Nguyễn vì cấm đạo, giết

giáo-sĩ ngoại-quốc và giáo dân nên mới bị nước Pháp tới xâm chiếm. Điều này thật là sai lầm vì những lẽ sau đây :

a) Việc cấm giáo-sĩ Gia-Tô người Tây-Phương truyền đạo ở nước ta đã có từ đời chúa Trịnh, chúa Nguyễn mà sao lúc bấy giờ các nước Tây-Phương không mang binh lực đến đánh nước Nam ?

b) Nguyên nước ta vẫn theo giáo lý của Khổng Mạnh và Phật-Giáo, nay một đạo giáo mới nhập vào trong nước, mang sự chia rẽ trong dân gian, nên chỉ đứng về phương diện tôn giáo mà nói thì sự bành trướng của đạo Gia-Tô với tinh cách lẫn át các đạo giáo khác đã gây nên sự xung đột trong dân gian rồi.

c) Đạo Gia-Tô khuyên người đi đạo bỏ những giáo-lý của Nho-học, thứ giáo-lý tôn quân nên làm cho nhà vua tức giận. Các giáo sĩ cao cấp lại có nghị về chẳng kém gì vua, quan càng làm cho triều-đình bức tức thêm.

Ta nên nhớ rằng đạo Gia-Tô là một đạo có tổ chức chặt chẽ, muốn bành trướng át những đạo khác đi (xin nhắc cuộc chiến tranh giữa người đi đạo Gia-Tô Cơ-Đốc với người đi đạo Tin-Lành về thế-kỷ thứ 17 ở bên Pháp và các nước khác ở Âu-Châu) đến khi gây được thế lực vững vàng rồi thì át cả quyền cai-trị dân của các vua, chúa, (ở các nước Âu-Châu theo đạo Gia-Tô, quyền của Giáo-Hoàng rất rộng lớn và đã phải tổn xương máu bao nhiêu người mới làm cho quyền hành chính thoát ly được áp lực của đạo Gia-Tô).

Vả lại đạo Gia-Tô khi muốn bành trướng về phương diện chính trị tức là động chạm vào chủ quyền của nhà vua, một chủ quyền vẫn được coi là bất khả xâm phạm.

Các giáo-sĩ ngoại quốc, nào có phải là người truyền giáo không thời đâu, phần đông là những tên lính tiên phong trong các cuộc chiếm đoạt đất đai ; họ dò xét tình thế các nước họ đến giảng đạo rồi báo cáo cho chính-phủ họ biết để dùng vũ lực đến xâm lược.

Thí dụ như giám mục Pellerin sau khi trốn khỏi tù ở Đà-nẵng xuống tàu về Pháp đã tố bày tình thế nước Việt-Nam cho hai Chính-phủ Pháp và Tây-Ban-Nha biết và yêu cầu các chính-phủ đó mang quân sang chiếm nước ta.

d) Bảo rằng nước Pháp phải mang binh sang đánh nước Nam vì muốn bảo vệ cho các giáo dân và giáo sĩ Việt-Nam khỏi sự khủng bố của Triều-đình ta thì thật là một lối lý luận của kẻ khõe. Việc ngăn cấm giáo-sĩ Việt-Nam truyền giáo, cấm dân gian không được theo đạo là việc thuộc về chủ-quyền nội bộ của Triều-đình vua ta, không can dự gì đến người ngoại quốc cả.

Vậy việc cấm giáo-sĩ ngoại quốc vào truyền giáo trong nước, cấm dân gian theo đạo Gia-Tô và có khi sát hại giáo dân là một cử chỉ thất sách có hại cho cuộc bang giao với nước ngoài chứ không phải là nguyên nhân chính trong sự mất còn của nền độc-lập Việt-Nam.

Nguyên nhân sự thất bại của Việt-Nam

Việt-Nam lúc đó lại có cái bệnh chung của các nước ở Á-đông chỉ quen thu gọn việc nội bộ vào trong « tháp ngà » của mình, không bước chân đi đâu để nhận định các cuộc biến chuyển ngoài thế giới.

Lại thêm cái tình bảo-thủ cổ-truyền đã làm cho các vua ta từ Gia-Long đến Tự-Đức, cũng như các vua nhà Thanh bên Tàu, chỉ biết có nền văn-hóa Á-Đông là tốt đẹp, chỉ biết tôn sùng giáo lý Khổng-Manh trên hết.

Ngay đến khi thấy sức mạnh của ngoại bang rồi mà cũng vẫn không chịu cho người xuất dương cầu học để thâm thái lấy cái hay mà sửa đổi. Tiếng súng của tàu binh Pháp nổ ở Đà-Nẵng làm đắm hết thuyền binh của ta năm 1847 đã không khiến cho ta tỉnh ngộ. Trái lại, vua ta lại càng khép chặt cửa không cho người ngoại quốc vào truyền giáo hay buôn bán, khinh rẻ và coi cái văn minh vật chất của Tây-Phương là đã man, trái với Nho-Giáo.

Thần hoặc mãi về sau khi nước Việt-Nam đã mất một phần đất đai rồi mới có lúc đặc rằm ba người có sáng kiến, yêu cầu nhà vua cho người đi du-học ở Thái-Tây ; nhưng bọn người sáng suốt ấy khôn thay chỉ là thiểu số nên bị triều-đình bác lời đi. (Nguyễn-trường-Tộ, Bùi-Viện v.v...

Ngược dòng lịch-sử người ta phải nhớ đến những cuộc giao tranh ròng rã ngót một thế-kỷ giữa hai dòng chúa

Trịnh và Nguyễn rồi đến cuộc chiến tranh cũng kéo dài hàng mấy mươi năm tiếp tục giữa nhà Tây-Sơn và vua Gia-Long. Hơn một thế kỷ khói lửa mịt mù, máu chảy thành sông, xương phơi tầy núi, nhân dân chán nản, cái sinh khí của dân tộc bị mòn mỏi quá nhiều, nhất là vào thời mấy vị thừa kế của vua Thế-Tổ kể từ Minh-Mạng đến Thiệu-Trị và Tự-Đức trong nước cũng nổi lên nhiều cuộc loạn ly nữa, ngoài Bắc cũng như trong Nam (việc Lê-văn-Khôi, Nùng-tri-Cao-Cai Vàng v.v.)

Su

Có nên nói rằng những việc đó xảy ra cũng vì võ công văn trị trong nước đã không được gửi vào những bàn tay xứng đáng? Mà để đối đầu với cuộc xâm lăng Tây-Phương, việc quân sự của Việt-Nam do chỗ kém tổ chức, thiếu chiến cụ lợi hại, lại thêm tinh thần suy nhược. Cấp chỉ huy tối cao lại ở những văn quan nghĩa là không có những tay chuyên-môn, sự thất bại ấy dĩ nhiên là phải xảy ra. Trái lại lúc đó Tây-Phương đang tiến mạnh về khoa-học, người Tây-phương lại có óc thực hành, có tài tổ chức, nhiều sáng kiến, nay có cuộc va chạm với Tây-Phương thì Đông-Phương chống làm sao nổi. Xin nhắc thêm rằng cũng trong thời kỳ này người da trắng đặt chân lên đất Á-Châu, đi đến đâu họ cũng giữ phần chiến thắng, từ Việt-Nam sang Trung-Hoa và Nhật-Bản. Rồi Việt-Nam đã phải ký hòa-uớc 1862-1884, nhà Thanh bên Trung-Hoa phải cúi đầu hạ bút trên tờ thỏa hiệp Thiên-Tân và Nhật-Bản phải mở cửa cho các nước Tây-Phương vào sau những cuộc võ trang xung đột.

Trong Nam-Kỳ do hòa-uớc 1862, triều-đình vua Tự-Đức đã mất hẳn Lục-tỉnh cho người Pháp, có thể nói là mất hết miền này mà Việt-Nam đã đổ bao nhiêu xương máu mới xây dựng nên nó, và từ Trung-Bắc lưỡng kỳ người Pháp cũng đặt nổi chế độ bảo-hộ.

Điều này làm cho các sĩ-phu và dân chúng Việt-Nam lấy làm sứt-nhục vô cùng cho nên tại Triều-Đình Huế vua Hàm-Nghi đã nghe hai vị Phụ-Chánh là Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Trường bị mặt tổ chức quân-đội đánh nhau với người Pháp và đồng thời phong trào Cần-Vương cũng nổi lên khắp mọi nơi từ Nam ra Bắc.

Giai đoạn này bắt đầu mọi sự quyết liệt giữa nước Pháp với Việt-Nam. Chúng tôi xin trình bày ra đây một bảng ghi chép các phong trào khởi nghĩa từ khi Nam-Kỳ bị mất cho tới ngày nay.

(Tài liệu trích ở Đặc San «Cải-Tạo 80 năm tranh đấu» phát hành ngày 22-1-1949 số 36-37).

Các bạn đọc sẽ hiểu rõ trong ngót một thế kỷ nay tình trạng Việt-Pháp trên giải đất này và đồng thời sẽ hiểu rõ vì sao Việt-Pháp đã đi tới thỏa-hiệp mừng 8-3-1949 ký tại điện Élysée giữa Quốc-Trưởng Bảo-Đại đại diện cho Quốc-Gia Việt-Nam và Tổng-Thống Pháp Vincent-Auriol.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bảng ghi từng năm của các cuộc vận động Độc-Lập của Việt-Nam từ 1861 đến mùa thu 1945

1858-1861

— Việt-Nam bắt đầu bị Pháp xâm chiếm hồi tháng 7 năm Mậu-Ngo (1859, niên hiệu Tự-Đức thứ 11). Giữa ngày dương-lịch 31 tháng 8 năm ấy, đại đội chiến thuyền và binh mã Pháp vào bắn phá cửa Đà-nẵng (Fourane), ông Nguyễn-Tri-Phương lập đồn Liên-Tri để chống giữ.

— Tháng Giêng năm sau (1859), Pháp phân binh vào đánh lấy thành Gia-Định, ấy là đất nước Việt-Nam bị mất lần đầu tiên.

— Năm sau (1860), Nguyễn-Tri-Phương đem quân vào đánh lấy thành Gia-Định, lập đồn Kỳ-Hòa (tức Chí-Hòa gần Sài-gòn) để chống giữ quân Pháp. Đồi bên đánh nhau mấy trận đều bị tổn hại.

— Qua năm Tân-Dậu (1861), Pháp đem thêm 70 chiếc tàu, 3500 quân nhất định đánh phá đồn Kỳ-Hòa của ta. Ông Nguyễn-Tri-Phương đánh lại ráo riết trong hai ngày, sát hại trên 300 quân địch rồi mới chịu lui về Biên-Hòa.

— Quân Pháp thừa thắng, đánh luôn cả Định-Tường, Biên-Hòa rồi buộc triều đình Việt-Nam ký hòa-uớc 1862, nhường đứt hai tỉnh ấy với tỉnh Gia-Định.

Lịch-sử Việt-Nam vong quốc bắt đầu từ đây. Và lịch-sử Việt-Nam hơn 80 năm tranh đấu không ngừng cũng khởi thủy từ đây.

1862-1864

— Ông Phó-quân-cơ Trương-Định không chịu nhận chức Lãnh-Binh Ấn-Giang (do triều-đình thăng thưởng, vì có công trạng chống giữ đồn Kỳ-Hòa) để ở lại Gia-Định, tự động khởi binh chống Pháp ở khắp vùng Chợ-Lớn, Tân-An, Gò-Công. Chiến lược du kích của ông làm cho Pháp tổn hại và khó khăn mới tổ chức nổi 3 tỉnh đã chiếm được. Pháp nhờ triều-đình ra lệnh gọi ông đi tỵ nạn, nhưng ông kháng chiến ròng rã hai năm. Ông tử trận ở Kiến Phước ngày 19-20 tháng tám 1864, bị bắn gãy xương sống.

— Noi gương Trương-Định, nhóm sĩ phu quan lại Vĩnh-Long khởi binh để lấy lại tỉnh thành ấy.

1865-1866

— Hai ông Tri-Huyện Toại và Thiên họ Dương cầm đầu dẫn binh, dấy nghĩa ở Đồng-Tháp-Mười, dùng lối du-kích đánh phá các đồn lẻ, các đoàn vận-tải và đường giao thông của quân đội Pháp.

1867

— Ngày 25 tháng 6 năm này, Pháp chiếm nốt 3 tỉnh Vĩnh-Long, Ấn-Giang, Hà-Tiên (tỉnh Vĩnh-Long thất thủ từ 1861, sau Pháp trả lại, giờ mới lấy dứt) ông Phan-Thanh Giản uống thuốc độc chết, di chức con cháu không làm việc gì với Pháp.

Các ông Phan-Liêm, Phan-Tâm, Phan-Ngũ (con ông Phan-Thanh-Giản) cầm đầu dẫn binh kháng chiến ở Vĩnh-Long, Sa-đéc, Trà-Vinh, Bến-Tré. Sau khi bại trận ở Nam chạy ra Bắc theo ông Nguyễn-tri-Phương kháng cự binh Pháp tại Hà-nội năm 1873.

1868

— Ông Nguyễn-hữu-Huân đỗ Thủ-Khoa lãnh-đạo nhóm Văn-Thân kháng chiến ở Mỹ-Tho, Tân-An. Mấy lần Pháp chiêu hàng ông đều cự tuyệt. Sau thất trận bị bắt và xử chém ở cù lao Rong khảng khái tỵ nạn.

1869-1870

— Ông Phan-Tòng khởi binh ở Bà-Trì tử trận ở Giồng-Gạch.

1871-1872

— Dân chúng tự động kháng chiến ở vùng Ba-Điêm, Hóc-Môn, Gò-Vấp. Nổi tiếng nhất là trận đánh Thập bát phù viên (18 vườn trầu), nghĩa binh chống cự mấy ngày, tử trận gần hết còn sót lại hơn 70 người thề nguyện với nhau cùng đánh tới chết không một người nào chịu hàng.

— Khắp miền Vĩnh-Long, Cần-Thơ, Long-Xuyên, quân Cần-Vương nổi dậy tứ tung.

1873

— Pháp chủ tâm lấy xứ Bắc để thông đường sang Tàu; sẵn dịp chủ lái buôn Jean Dupuis chở hàng trái phép, bị quân ta kháng nghị, Pháp sai tướng Francis Garnier đem binh ra can thiệp rồi đánh thành Hà-nội. Ông Nguyễn-Tri-Phương đánh trận bị thương, người Pháp băng bó thương tích, ông tự xé băng ra mà chết. Cách ít lâu, tướng Garnier bị quân Cò-đen giết chết ở Cầu Giấy.

1874

— Hai ông Đoàn-công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phụng khởi nghĩa ở Trà-Vinh. Gần khắp Nam-Bộ có quân Cần-Vương nổi dậy đánh phá nhiều nơi.

— Thấy triều-đình nhượng bộ với Pháp luôn, nhân tâm sĩ khí hết sức phẫn khích. Tại Nghệ-An, Hà-tĩnh, hai ông Trần-Tân và Đặng-như-Mai nổi lên, truyền hịch « Bình-tây sát tả » đại ý nói : « Triều-đình hòa với Tây mặc kệ, sĩ phu trong nước không chịu hòa, vậy trước hết xin trừ những giáo dân nào làm nội ứng cho Tây, rồi sau đánh Tây cho hết, để giữ lấy nền văn-minh Nho-Giáo đã hơn 1.000 năm v.v... ». Vì năm ấy triều-đình phải ký điều ước nhượng đứt 6 tỉnh Nam-Kỳ cho Pháp nên lòng dân sôi nổi, bức tức.

1875

— Trần-Bình, Lê-tấn-Kế khởi nghĩa ở Trà-Vinh, nhất là miền Ba-Động.

— Mấy lần ông Nguyễn-tư-Giản dâng mật sớ lên vua Tự-Đức, xin phái người sang giao thiệp với Đức, nhờ Đức kiểm chế Pháp ở Việt-Nam, vì Pháp vừa mới thua Đức.

năm 1870-71. Nhưng Vua Tự-Đức không nghe, cũng như cách mấy năm trước không biết nghe mưu ông Bùi-Viện ngoại giao với Mỹ.

1876-1879

— Phong trào cần vương cứu quốc ở Nam-Kỳ lần hồi bị tiêu diệt hẳn. Tháng 6 năm 1879, Pháp bắt đầu phái văn quan sang làm Thống Đốc, thay vào chế độ võ quan cai trị.

1880-1881

— Triều đình muốn luyện tập nhân tài để khôi phục đất nước, sai Lễ bộ Thị-Lang Phạm-Bình đem một số nhi đồng sang học trường Anh tại Hương-Cảng. Đồng thời, sai sứ đi giao thiệp bí mật với Xiêm và Tàu.

1882

— Pháp đem binh ra đánh thành Hà-nội lần thứ hai, Tổng-Đốc Hoàng-Điệu đánh lại. Khi thành thất thủ ông lấy khăn thắt cổ tự tử, chứ không chịu hàng, để bên địch bắt được mình. Mấy hôm sau quân kháng chiến ta do Hoàng-kế-Viêm lãnh đạo hợp với quân Cờ-đen giết được đại tá Henri Rivière cũng ở Cầu Giấy.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1883

— Quân Pháp đánh cửa Thuận-An, quân ta chống cự luôn 3 ngày đêm mới chịu mất thành Trấn Hai. Các quan trấn thành là Lê-Sĩ, Lê-Chuẩn tử trận, Lâm-Hoảng và Trần-thúc-Nhân nhảy xuống sông tự tận.

1884

— Trước sự uy hiếp, triều đình ta phải ký hòa-ước Patenôtre hồi tháng 5 năm Giáp-Thân (1884), nhìn nhận nước Pháp bảo-hộ cả Trung Bắc-Kỳ.

— Tôn-Thất-Thuyết và Trần-xuân-Soạn lập trường giảng võ luyện binh ở kinh thành, tổ chức quân đội. Phấn-Nghĩa sai người ra ngoại quốc mua súng đạn khí giới, dự bị đánh nhau với quân Pháp. Lại ra mật lệnh cho quân dân các tỉnh không được hợp tác.

1885

— Tháng 5 năm Ất-Dậu (1885) Tướng Pháp de Courcy đem theo 1700 quân vào Huế, định lấy võ-lực uy-hiếp triều đình Việt-Nam phải nhận cuộc bảo-hộ. Tôn-Thất-Thuyết, đứng đầu phái chủ chiến, không chịu sang tòa Khâm-Sứ hội kiến với tướng Pháp.

Nửa đêm 22 rạng ngày 23, Thuyết với em là Tôn-thất-Liệt, cùng Trần-xuân-Soạn chia ba mặt đánh những nơi quân Pháp đóng. Sáng ngày quân ta hết đạn, tan vỡ, kinh thành thất thủ.

— Tôn-thất-Thuyết rước vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-Trị rồi đến sơn phận Hà-Tĩnh.

1886

— Vua Hàm-Nghi lập căn cứ kháng chiến ở Hà-Tĩnh, hạ chiếu kêu gọi cần-vương cứu-quốc. Thuyết để hai con là Thiệp và Đạm ở lại hộ giá và cầm binh, còn mình thì đi đường thượng đạo sang cầu viện nhà Thanh, nhưng bắt đắc-chí, rồi ở luôn bên Tàu cho tới khi chết.

— Nhân-sĩ Trung-Bắc nổi lên cần-vương kháng địch rất đông.

Nhiều ông đương làm quan to như Tể-tướng Nguyễn-Thuật, Đề-Đốc Tạ-Hiên v.v.. bỏ chức về nhà mộ binh khởi nghĩa. Suốt từ miền trong ra ngoài, địa phương nào cũng một hai người cầm đầu năm ba nhóm kháng chiến. Đại khái kể ra sau đây những vai trọng yếu:

Phú-Yên, Bình-Định : Mai-xuân-Thưởng, Bùi-Điền, Nguyễn-dức-Thuận.

Quảng-Nghĩa, Quảng-Nam : Trần-văn-Dự, Nguyễn-Hàm, Nguyễn-Hiệu.

Quảng-Bình : Nguyễn-phạm-Tuân, Lê-Trực.

Nghệ-An : Nguyễn-xuân-Ồn, Lê-doãn-Nhạ.

Hà-Tĩnh : Phan-đình-Phùng, Lê-Ninh, Đình-văn-Chất, Thái-vinh-Chính, Cao-Đạt, Cao-Thắng.

Thanh-Hóa : Hà-văn-Mao, Cầm-bá-Thước, Tống-duy-Tân, Đình-công-Tráng, Phạm-Bành.

Hải-Dương : Tán-Thuật cùng hai em là Lãnh Giang, Hai Kế ; Đốc Tích, Đốc Khoát, Ba Giang, Tống Kinh, Tuần Văn, Đốc Vinh, Đề-Đốc Tạ-Hiền, Thủ-Khoa Nguyễn-Cao.

Bắc-Ninh, Hưng-Yên : Đốc Quế, Đốc Sùng, Đội Văn, Hai Trức, Lãnh Diêm, Đốc Mỹ.

Lục-Nam, Đông-Triều : Đốc Thầy, Lãnh Thừa, Lưu-Kỳ.

Vùng sông Thái-Bình : Tiên-Đức, Lãnh Ý, Đề Hồng.

Bắc-Giang, Thái-Nguyên : Ba Phúc, Đề Nam, Hoàng-hoa-Thám tức Đề Thám.

Sơn-Tây, Hưng-Hóa : Đề Kiều, Đốc Ngũ, Cai Văn, Đề Thanh, Hoàng-công-Vinh, Nguyễn-quang-Bình v.v..

— Trong số trên đây, có người nổi tiếng kháng cự anh dũng, như ở xứ Bắc có bốn tay là Đội Văn, Đốc Tích, Đề Kiều, Đốc Ngũ, làm cho quân Pháp nhọc nhằn suốt từ 1885 đến 1892.

Có ông gây nên thanh thế ảnh hưởng lớn như Phan-dinh-Phùng cầm cự vừa đúng 10 năm; Đề Thám khởi nghĩa từ khoảng 1887 hay 1888, mà nay trả hàng mai lại đánh, kéo dài đến mãi 1912 có tiếng là con hùm Yên-Thế tới lúc thế cùng sức mỏi, bị ám hại mới thôi.

Có những trận oanh-liệt, như trận Ba-Đình của Đinh-công-Tráng, trận Bãi-Sậy của Tán-Thuật, trận Ngàn-Trươi của Phan-dinh-Phùng, trận Yên-Thế của Đề Thám v.v.... ngày nay còn truyền tụng thành sử, thành thơ ở trong tâm não ái quốc của người Việt-Nam.

1887

— Chiến khu Ba-Đình và Ma-Cao của Đinh-công-Tráng lập từ năm 1885, hai tướng Metzinger và Dodds đến đánh đều thất bại. Qua đầu năm này, Pháp sai đại-tá Brissaud thống lĩnh 76 viên bộ tướng 3530 quân tinh nhuệ, đánh luôn mấy ngày và chịu hao tổn lắm mới phá vỡ được.

Đinh-công-Tráng chạy về Nghệ, bị bắn chết đêm hôm 5-10-1887 tại làng Tang-Yên trên bờ sông Cả. Tướng Pháp Masson khen họ Đinh là người có trật tự, cương trực, trọng kỷ luật hay nghiêm trị những thủ hạ quấy nhiễu dân, lại có tri nhân nài, biết mình biết người cho nên không bao giờ

hành binh một cách cầu thả, để cho hao tổn quân đội. Đã thế còn giỏi lập trận thế để dụ quân Pháp vào chỗ nguy.

Thành Ba-Đình rộng 400 thước, dài 1200 thước vây bọc ba làng Mậu-Thịnh, Mỹ-Kê, Thượng-Thọ, chống giữ từ tháng tư 1885 cho đến 20 tháng giêng 1887.

Trần-xuân-Soạn bộ tướng của Tôn-Thất-Thuyết định đánh tỉnh thành Thanh-Hóa, nhưng không thành sự.

1888

— Tháng 9, vua Hàm-Nghi bị bắt ở làng Tả-Báo, miền núi Quảng-Bình và Hà-Tĩnh do tên Trương-quang-Ngọc lập công gián đường cho Pháp.

Nhà vua bị đưa sang an trí tại Algérie.

Lúc vua bị bắt, Tôn-Thất-Thiệp chống cự với quân Pháp bị bắn chết tại chỗ (1); còn Tôn-Thất-Đam thì thất cở trong rừng. Người Pháp khen là hai vị thiếu niên anh hùng.

Tuy Vua Hàm-Nghi bị bắt, nhưng phong trào Văn-Thân ở Nghệ-Tĩnh không vì thế mà suy nhược. Trái lại phong trào ấy, do ông Phan-đình-Phùng lãnh đạo, bấy giờ lại càng bùng bột thêm.

1889

— Ông Tán-Thuật lập chiến khu ở Bãi-Sậy, chống với Pháp luôn 2 năm, sau tan vỡ, ông chạy lên Thái-Nguyên rồi sang bên Tàu, ở nhà tướng Cờ-đen Lưu-Vĩnh-Phúc.

— Trong năm này, mấy lần Pháp sai đại binh lên Yên-Thế đánh Đề Thám nhưng vô hiệu quả.

1891

— Đốc Ngừ, Đề Kiêu và Đề Thám vẫn hoạt động ở ba tỉnh Bắc-Giang, Thái-Nguyên và Hưng-Hóa, phá cuộc giao thông tiếp tế của Pháp.

— Sau trận Ba-đình, hai ông Tống-duy-Tân và Cao-Đạt chạy ra Bắc, đến 1889 lại trở về Thanh lãnh đạo kháng chiến,

(1) Trong V. N. S. L. của cụ Trần-trọng-Kim nói Thiệp bị đâm giữa lúc vua Hàm-Nghi bị bắt.

nhất là ở vùng Nông-Cống. Hơn một năm, thể cùng lực kiệt, ông bị bắt và qua năm 1892 (ngày 3 tháng 9 dương lịch) bị xử chém ở Thanh, sĩ phu hết sức thương cảm.

1892-1893

— Lần thứ nhất người Việt-Nam với khí cụ và nhân công trong xứ tự chế ra được kiểu súng 1874 như kiểu súng Pháp, ấy là ông Cao-Thắng, bộ tướng của ông Phan-đình-Phùng. Thanh thể văn thân Nghệ-Tĩnh lặng lẽ mất vài năm, giờ lại phẫn chấn dưới ngọn cờ họ Phan lãnh-đạo.

Đại Ủy Gosselin viết quyển « Empire d'Annam » và chính là người dự cuộc đánh dẹp phong trào kháng chiến lúc bấy giờ phải khen ông Phan-đình-Phùng biết dùng quân và tự chế ra được kiểu súng tay, mà chính các nhà kỹ sư thế giới bên Tây phải lấy làm kinh ngạc.

— Cách đó ít lâu, Cao-Thắng đem binh từ Sơn-Trại xuống, định đánh úp tỉnh thành Nghệ-An chẳng may giữa đường bị tử trận, mới có 29 tuổi. Họ Phan và các tướng sĩ đều thương khóc và làm văn-tế cực cảm động.

1894-1895

— Từ cuối năm 1893 đến giờ, Pháp đánh quân kháng chiến ở Hà-Tĩnh Nghệ-An mãi mà không sao dẹp yên được, hao binh tổn của vô số. Vì họ Phan khéo dùng chiến-thuật du-kích và lưu động làm cho bên địch phải theo rồi rất nhọc nhằn.

— Nguyễn-Thân làm Tiết-Chế quân vụ đem quân ra Hà-Tĩnh dẹp Văn-Thân nhưng không đánh chắc gì cả chỉ dùng lối bao vây làm cho nghĩa quân tuyệt lương.

— Ông Phan-đình-Phùng mang bệnh chết ở trong núi. Phong trào Văn-Thân ở Nghệ-Tĩnh tan rã, vì không có ai thay thế họ Phan lãnh đạo.

1896-1897

— Đề Thám tiếm tàng ở Tam-Đảo bấy lâu, giờ lại về Yên-Thế hoạt động trong tay có độ 60 khẩu súng.

— Kỳ-Đồng Nguyễn-văn-Cầm được Thống-Sứ Bihourd cho sang học ở Alger, tưởng rằng cho đi học như thế, tất hóa

được đầu óc phản đối của ông, nhưng không ngờ kết quả trái lại. Ông sang Alger học từ 1887, năm đó mới hơn mười tuổi, đến 1896 đỗ Tú Tài khoa-học.

Về nước, Kỳ Đồng mượn cơ đồn điền lập ấp tại Yên-Thế để chiêu tập đồng chí giúp đỡ cho Đề Thám và gây nên phong trào ái quốc bằng tôn-giáo.

Gần khắp Hải-Dương, Thái-Bình và Nam-Định cuối năm 1897 có phong trào gọi là «giặc Kỳ-Đồng» và «loạn Mạc-Thiên-Bình» do Mạc-Đình Phú khởi xướng, lấy danh-nghĩa là con cháu nhà Mạc đứng lên đánh Tây phục quốc.

Tòa sứ và trại giám-binh Hải-Dương bị nghĩa binh ấy tấn công, xét ra từ Kỳ-Đồng chủ mưu.

Người Pháp bắt Kỳ Đồng và đẩy sang đảo Tahiti.

1898-1899

— Tháng chạp dương lịch 1897, đêm, hôm 5 rạng ngày 6, vào khoảng 1 giờ khuya một toán rất đông và có khí giới, mà người Pháp gọi là quân cướp, nhưng kỳ thật là những bộ đội cần vương, từng mật mưu nội ứng, ngoại hợp với ông Đề Thám nổi lên đột kích Hà-nội.

Người Pháp điều khiển lính tập và cảnh sát đánh nhau với toán nghĩa-quân ấy hai giờ đồng hồ, họ mới chịu lui.

Nghĩa-binh có 4 người chết, 6 người bị thương và 71 người bị bắt. Vụ này làm cho người Pháp sửng sốt ra sức đề phòng.

— Các ông Phan-Sào-Nam, Đặng-Thái-Thân, Đại-Đầu, Thần Sơn bàn định khởi binh kháng chiến ở Hà-Tĩnh, như ông Phan-Đình-Phùng thủ hiềm mấy năm trước, nhưng vì tính toán không có khí giới đầy đủ cho nên không làm.

— Lúc này ông Đề Thám trả hàng người Pháp, để xây đắp lại lực lượng. Điều-kiện ông quy-phục là giữ quyền tự-chủ ở vùng Yên-Thế, người Pháp không được can thiệp xâm phạm.

1900-1901

— Các cụ nhà nho bắt đầu có quan-niệm phản kích về quốc-gia chủng-tộc hăng hái duy tân tự-cường, nhận thấy lỗi học từ-chương khoa-cử sai lầm, vang bóng từ phong-trào

Duy-Tân và những sách mới do thầy trò Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu bên Tàu xướng khởi và phiên-dịch.

Phong trào này chỉ phối cuộc độc-lập vận động của Việt-Nam cho đến hết kỳ thế - giới đại - chiến lần thứ nhất (1914-1918).

1902-1903

— Ông Tăng-Bạt-Hổ, một chiến tướng cần-vương trong nhóm Mai-xuân-Thường ở Bình-Định, bỏ nước ra đi sau khi nhóm ấy thất bại, chu du các nước Tàu, Nhật, Xiêm, bấy giờ trở về cổ động nhân-sĩ xuất dương hoạt động cứu quốc.

— Sào-Nam tiên-sinh gặp Tăng-Bạt-Hổ rồi đi khắp Nam Bắc liên lạc các bạn đồng chí, tuyên-truyền cách-mạng. Trong dịp ấy, tiên-sinh có vào tận đồn Phồn-Xương giao thiệp với Đề Thám.

1904-1905

— Sào-Nam tiên-sinh họp đồng-chí ở sơn trang Nam-thịnh của ông Nguyễn-Hàm trong Quảng-Nam, thành lập « Việt-Nam Quang-Phục-Hội », tôn ông Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề làm hội-trưởng. Rồi tiên-sinh cùng Tăng-Bạt-Hổ sang Nhật giao-thiệp với các yếu nhân chính giới như Khuyển-Dưỡng-Nghị và Bá-Nguyên-Phương để sửa soạn đưa ông Cường-Đề sang ở Đông-Kinh.

— Quyền « Lưu-Cầu huyết-lệ tân-thư » của Phan Tiên-sinh viết ra năm trước, cái nhục của dân Lưu-Cầu mất nước để ám chỉ vào tình cảnh nước Việt-Nam, cốt đưa cho các cụ triều-thần lúc bấy giờ xem để họ giúp đỡ cách-mạng. Tuy không đạt kết quả vật chất, nhưng thu được kết quả tinh-thần rất to : quyền sách được truyền tụng và khích phát tấm lòng yêu nước của sĩ phu suốt từ Nam-Nghĩa ra đến Bắc-Hà. Tiên-sinh liền kết được nhiều bạn đồng-chí và có danh vọng to trong Lịch-sử Việt-Nam cách-mạng, bắt đầu từ đó.

— Lúc này các danh-sĩ, chí sĩ trong nước, như Phan-chu-Trinh, Nguyễn-thượng-Hiền, Trần-quý-Cáp, Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, Lương-ngọc-Can v. v... cả thầy đến mấy trăm vị, cùng Phan-Sào-Nam tiên-sinh kết thúc đồng tâm thề nguyện mỗi người một việc, hy sinh cho nước.

— Ông Phan-Chu-Trình (Tây-Hồ) vừa đỗ Phó-Bảng, làm chức Viên-Ngoại Bộ-Công, bỏ chức ra về, để hoạt động cách-mạng, sĩ-phu thời ấy theo gương rất đông.

1906

— Các ông Cường-Đề, Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trình, Đặng-Tử-Kính sang Nhật mở ra phong trào đông-du cầu học cứu quốc.

— Ông Lương-ngọc-Quyến, biệt hiệu Lập-Nham tự động bỏ nhà sang Nhật vào học trường binh học Chấn-Võ. Ông là người thanh-niên Việt-Nam du học bên Nhật đầu tiên. Cách sau vài tháng, thanh-niên lục tục trốn sang cực nhiều, ông Cường-Đề và Sào-Nam tiên-sinh xếp đặt cho mỗi người có chỗ ăn học và được tiếp tế. Lúc này ông Nguyễn-hải-Thần cũng sang Nhật quan sát, rồi về ở luôn bên Tàu, hoạt động cách-mạng.

— Các chí sĩ cùng Sào-Nam tiên-sinh đông-du có hai mục đích cốt yếu: một là đưa nhiều thanh-niên sang Trung-Quốc, Nhật-Bản cầu học, để rèn đúc nhân tài cách-mạng; hai là mua khí giới gửi về giúp phe kháng chiến trong nước.

— Nhân dịp Tây-Hồ về nước, Sào-Nam gửi về hai tập « *Hải-ngoại huyết-thư* » để cổ vũ dân tâm sĩ khí. Hai tập văn tuyên truyền này có vang bóng trong nước to lắm.

— Sau khi ở Nhật về, Tây-Hồ gửi thư công khai cho Chính-phủ Pháp (ngày 15-8-1906) yêu cầu phải thành thực cải cách cho Việt-Nam, tận lượng mở mang tân học và trừ tiệt những mối tệ quan tham lại những.

1907

— Các nhà nho duy tân ở Bắc-Hà: Lương-ngọc-Can, Đào-nguyên-Phổ, Phan-tuấn-Phong, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-Quyền, Đặng-kinh-Luân, Phan-huy-Thịnh, v.v... hợp nhau mở ra trường tư Đông-Kinh Nghĩa-Thục tại Hà-nội theo gương Phúc-Trạch bên Nhật mở trường Khánh-Ứng Nghĩa-Thục, để mở mang giáo dục cho dân.

— Lúc đó, Pháp còn chậm chạp mở mang tân học cho ta, nên chỉ các cụ nhà nho ta trả lời bằng cách tự động giáo-hóa ấy.

Trường mở ra liền có ngay trên nghìn học-sinh : tất cả được cấp giấy bút, miễn học phí và dạy kèm ba thứ chữ Việt, Hán, Pháp. Bề ngoài là trường học, nhưng kỳ thực bên trong là tổ-chức Cách-Mạng, chuyên việc tuyên-truyền phản đối ở trong nước và tiếp tế đồng chí ở Hải-ngoại. Vì thế trường mở ra tháng ba, đến tháng chạp, thì nhà đương cuộc Pháp bắt đóng cửa.

— Đồng thời, các nhà nho ở Nghệ-Tĩnh, Nam-Nghĩa cũng hoạt động hăng hái lập ra Minh-Xá và Âm-Xá : chủ trương trên là những người Cách-mạng bằng văn-hóa kinh-tế, chủ trương dưới là những người cách-mạng bằng võ lực kháng chiến.

— Phong trào cách-mạng trong Nam lại nhóm lên, bởi hai nhà ái-quốc Xã-Định và Trần-chánh-Chiếu tức Gilbert Chiếu. Ông Xã-Định bán cả sản nghiệp giúp vào nghĩa-đảng và cho hai con sang Nhật học ; ông Phủ Chiếu — vì ông làm quan Phủ — lập hội Minh-Tâm, liên lạc đồng chí khắp Lục tỉnh.

1908

— Tháng 6, phát ra vụ đầu độc ở trại lính Pháp tại Hà-nội. Chủ mưu là nghĩa-đảng có liên lạc với Đề Thám. Tổ-chức là bốn Đội Bình, Cai Ngã, Chánh Song, Đội Hồ, bàn định ở nhà hàng cơm chứa trọ của Hai Hiên tại phố Cửa Nam, nguyên làm đầu bếp trong thành lính tây. Họ định bỏ thuốc độc cho lính Pháp, rồi đảng Đề Thám tiến vào hãm thành. Việc này không may bị tiết lộ.

Buổi tối hôm ấy quả có một số lính Pháp trúng độc, đau bụng phát điên, rồi có hai toán nghĩa binh đột kích vào Hà-nội do đường Hàm-Long và đường Sinh-Từ, nhưng đều bị đánh lui.

Kết quả nhiều người bị bắt, bị án. Chính-phủ Pháp xét ra việc này do ảnh hưởng của nhóm Đông - Kinh Nghĩa-Thục. Các yếu nhân trong tổ-chức này bị kết án và đày ra hải ngoại khá đông. Toàn bộ Bắc-Hà sôi nổi.

— Đồng thời, ở khắp các tỉnh Trung-kỳ, nhất là mấy tỉnh Bình-Định, Quảng-Nghĩa, Quảng-Nam, Thừa-Thiên, cùng phát ra những cuộc dân chúng biểu tình vận động, do

đám nhà nho duy tân xướng khởi. Tại Quảng-Nam dân kéo nhau hàng nghìn đến tỉnh-lỵ, yêu cầu bãi bỏ sưu thuế. Tại Bình-Định cũng vậy. Dân chúng đều mặc áo cộc, đội nón lá, sau lưng đeo nôi niêu và thực phẩm. Giặc đường thấy ai mặc áo dài đen thì họ xúm lại xé áo, và cắt tóc ngắn, rồi bắt nhập bọn đi biểu tình. Vì thế gọi là « loạn đầu bào » hay là « vụ cúp tóc ».

— Nhân hai vụ trên, nhân sĩ bị dày bị bắt hàng nghìn. Bi thảm nhất là ông Tiến-sĩ Trần-Quý-Cáp bị chém tại Khánh-Hòa.

1909-1910

— Đầu năm, quân đội Pháp đi đánh Đề Thám ở Yên-Thế. Chính hôm tổng tấn công (28 tháng Giêng 1909, tức mùng 7 tháng Giêng niên hiệu Duy-Tân thứ 3), Thống-Sứ Bắc-Kỳ yết thị khắp 4 tỉnh Bắc-Giang, Bắc-Ninh, Thái-Nguyên, Phúc-Yên, một tờ tuyên cáo dân chúng, kể tội Đề Thám trá hàng, vẫn tiếp tục những việc hành động phản bội nước Pháp.

— Ông Đề Thám bỏ đồn Phồn-Xương, rút vào chiến khu trong rừng, chuyên dùng lối đánh lưu động du kích. Những bộ tướng có danh tiếng là Cả Trọng, Cả Dinh và Cả Huỳnh.

— Mấy năm trước Đề Thám có để một nơi trong khu vực Yên-Thế của ông cho Sào-Nam tiên sinh lập ấp luyện binh, tụ họp những bạn thanh niên Nghệ-Tĩnh và bộ hạ của Phan-đình-Phùng ngày trước. Căn cứ này do ông Tú Phạm-Văn-Ngòn lãnh đạo. Con cụ Tấn-Thuật là Cả Tuyền cũng ở trong chiến khu đó. Chuyển này quân Pháp đánh ông Đề Thám, chiến sĩ Nghệ-Tĩnh và Cả Tuyền dự đánh nhiều trận kịch liệt, như trận ở núi Hàm-Ếch, chính là quân ở đồn này.

— Chí-sĩ hải-ngoại đã dời căn cứ hoạt động ở Nhật sang Tàu, vì Nhật đã ký thương ước với Pháp, trở mặt đuổi học sinh Việt-Nam và Sào-Nam tiên sinh ra khỏi Nhật-Bản.

Lúc này, cụ Nguyễn-Thượng-Hiền đang ở Bắc-Kinh, quen nhiều chính khách Tàu, hết sức giúp đỡ anh em cách-mạng, qua bước gian nan (như cấp lộ phí và xin thông hành).

1911-1912

— Người Pháp ân xá cho ông Phan-Chu-Trình ở Côn-Lôn về ở Nam-Bộ mấy tháng, rồi đưa ông sang ở Ba-Lê.

Nhân dịp ông viết thư cho Hội Nhân-Quyền, tố cáo những vụ án bất công đã xử năm 1909 sau việc Đông-Kinh Nghĩa-Thục ngoài Bắc và phong trào « xin râu, cúp tóc » ở Nam-Nghĩa.

— Một âm mưu chính trị phát giác ở Gò-Công hồi tháng 6 năm 1911, mục đích là giết hết người Tây trong tỉnh và chiếm lấy tỉnh lỵ.

1913

— Viên Khâm-sứ Trung-Kỳ Mahé đào mả vua Tự-Đức để tìm vàng bạc, châu báu. Việc này làm vua Duy-Tân cực phần khích và nhân tâm xao xuyến bình luận.

— Tháng 3, Nguyễn-khắc-Cần và Nguyễn-văn-Trắng, đảng viên cách-mạng ở Hải-ngoại về, ném bom ở Thái-Bình, giết Tuần-Phủ Nguyễn-duy-Hàn. Cách mấy hôm sau, lại ném bom giữa khách sạn « Hà-nội Hôtel » ở Hà-nội giết chết hai võ quan Pháp (Mongrand và Chapuis) và làm nhiều người bị thương. Mục đích là cảnh cáo người Pháp phải sửa đổi chính-trị ở Việt-Nam.

— Một âm mưu cách mạng phát giác ở Nam-Kỳ do ông Gilbert Chiêu thủ xướng.

Chính-phủ thực dân lập hội đồng đề hình tại Hà-nội để xử những đảng viên cách mạng. Tất cả 120 người bị bắt. Hội đồng ấy họp hồi tháng 9 làm 14 án xử tử, trong số đó 7 người bị chém (vụ ném bom ở Thái-Bình và Hà-nội) và 7 người tử hình vắng mặt, có 4 ông: Sào-Nam, Cường-Đề và Vũ-Ngọc-Thuy tức Hàn Lĩnh, Nguyễn-ngọc-Quyển.

— Lương-Tam-Kỳ giúp sức cho người Pháp truy nã ông Đề Thám, sai 3 tên thủ hạ khách — còn nhớ một tên là Ly-Seng-Kong — vào chiến khu Yên-Thế, cốt nhập đảng và làm cho Đề Thám tin cậy, rồi thừa khi ông ngủ chúng đâm chết ông. Lúc ấy là hồi 4 giờ rưỡi sáng ngày 10 tháng 2 dương lịch. Ông bị hai nhát búa và nhiều nhát đâm ở trong rừng sâu, cách chợ Gò 2 cây số. Người ta chặt đầu ông bêu ở Nhã-Nam. Cố nhiên Lương-Tam-Kỳ được Pháp trọng thưởng.

— Chính-phủ thực dân bắt lột Đồ Đốc tỉnh Quảng-Đông là Long-Tế-Quang bắt cóc Cụ Phan-Bội-Châu giam lại và định giải về Đông-Dương, nhưng đảng cách mạng Tàu giúp cụ thoát nạn.

1914-1915

— Nhân lúc Âu-Châu chiến tranh, đảng cách mạng Việt-Nam hoạt động ráo riết.

Ngày 20 ngày 10 năm 1914, Trương-Nhị đánh phá đồn Lục-Nam.

Ngày 13 tháng 3 năm 1915, Nguyễn-Hải-Thần, Hoàng-Trọng-Mậu và Phan-Sào-Nam mộ quân từ biên giới Quảng-Tây về đánh đồn Tà-Lùng (Lạng-Sơn).

Ngày 28 tháng 9 chính trị phạm phá ngục Lao-Bảo.

1916

— Tháng 5, vua Duy-Tàn cùng hai nhà chí-sĩ Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân mật mưu khởi nghĩa ở Huế. Có lính tập và lính mộ sang Tây giúp sức.

Công việc bại lộ, nhà vua định vào Quảng-Nam mà ông Thái-Phiên đã lập sẵn căn cứ, nhưng mới đi cách Huế mấy cây số thì bị bắt lại, rồi bị đẩy ra Cù-Lao Réunion, nơi Phụ-Hoàng Thành-Thái đã bị an-trị từ mấy năm trước.

Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân cùng nhiều người khác nữa bị chém.

— Một nhóm chí sĩ Nam-Bộ mưu đồ khởi sự năm trước tôn Phan-Xích-Long làm Hoàng-Đế, lấy lòng mộ đạo để hiệu triệu nhân tâm cho dễ. Có cuộc đánh phá khám lớn Saigon, Phan-Xích-Long chạy ra đến Phan-Thiết thì bị bắt.

Pháp lập tòa án quân-sự tại Saigon (Chưởng lý Michel, ủy viên chính-phủ Héron) xử cả thầy 70 vụ án chính trị gồm có 1440 bị cáo.

1917

— Ông Lương-Ngọc-Quyến ở Nhật-Bản về đến Hương-Cảng bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp đưa về tòa án binh trên Cao-Băng xét xử về tội bạo động ở biên giới, rồi giải về đề lao Thái-Nguyên giam giữ cực nghiêm. Công-sứ Darles sai dùi thủng bần chân mà xỏ giày sắt, vì thế ông bị què hẳn 1 chân. Tuy vậy, ông cùng anh em cách mạng (phần nhiều bộ hạ Đề Thám) giam trong Đề lao, tìm cách cổ động binh lính về nghĩa ái-quốc.

— Đêm hôm 31 tháng 8 rạng ngày mùng 1 tháng 9, ông đội Trịnh-văn-Cẩn kéo cờ khởi nghĩa ở giữa trại lính, cướp kho bạc, thả tù phạm, treo cờ Việt-Nam Quang Phục, chiếm giữ tỉnh thành Thái-Nguyên được 7 ngày. Quân Pháp tiến đánh, ông Lương-Ngọc-Quyến vì què không đi được kháng khái tự tử để cho anh em chiến sĩ rút lui, khỏi phải bận lòng về mình. Ông đội Cẩn đánh nhau hăng hái rồi mới rút lui ra ngoài, ẩn hiện quanh miền Tam-Đảo Yên-Thế luôn trong mấy tháng. Hơn 300 quân tử trận mòn mỏi ông thế cùng lực kiệt rút súng tự bắn mình chết, chứ không chịu nhục. Hai người vệ sĩ của ông cũng chết theo.

1918-1922

— Trong mấy năm này phong trào cách-mạng chỉ tiềm tàng không có việc gì quan hệ phát hiện. Còn ở hải ngoại thì các chí-sĩ bôn ba lao khổ, mỗi người ăn thân một nơi. Cụ Sào-Nam viết báo sinh nhai, thỉnh thoảng lại bôn tàu sang Xiêm, khuyến khích những anh em đồn điền tập võ ở đây để chờ thời. Kỳ-Ngoại-Hầu ở Nhật, nhờ có Khuyển-Dưỡng-Nghị chu-cấp. Mai-Sơn tiên sinh ở Hàng-Châu chận nắn, vào chùa tu.

Tuy nhiên trong nước vẫn có những thanh niên ái quốc, tự động sang Tàu, sang Xiêm làm việc cách-mạng.

1923

— Ông Toàn-quyền Đông-Dương Martial Merlin đi công vụ bên Nhật, trở về đến Quảng-Châu, các giới Pháp kiều đặt tiệc tẩy trần ở Khách-Sạn Victoria trong tô giới Sa Điện. Thanh niên chí-sĩ Phạm-Hồng-Thái theo dõi mãi về đến đây, tối hôm 19 tháng 6, ném bom định giết Toàn-quyền Merlin, nhưng ông này thoát hiểm, Hồng-Thái nhảy xuống sông Châu-Giang tự tử. Hiện giờ vẫn còn mộ và bia Việt-Nam liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái ở Hoàng-Hoa-Cương.

Việc làm của Hồng-Thái không thành nhưng có ảnh hưởng rất to, là nhờ đấy mà các đoàn thể ái quốc trong nước thành lập, trong khi ở Quảng-Đông có Tâm-Tâm-Xã ra đời, do Sào-Nam tiên-sinh điều khiển.

1924-1925

Bây giờ bước vào thời kỳ tổ chức đảng phái hoạt động chính trị.

Thoạt tiên là Việt-Nam chi bộ của hội « Á Tế-Á bị áp bức nhược-tiểu dân tộc » thành lập tại Quảng-Châu, do Nguyễn-Ái Quốc tức Lý-Thụy và Nguyễn-Công-Viên tức Lâm-Đức-Thụ chỉ huy trên đất Tàu. Trong nước cũng lập chi bộ ấy do Vương-Thúc-Oánh tức Hoàng-Lương và Mai-Ngọc-Thiệu tức Cả-Sâm chỉ huy. Sau đổi ra « Việt-Nam Thanh-niên cách mạng đồng chí hội ».

Thời kỳ này, thanh niên học sinh trong nước lại bỗng bột sang Tàu cầu học và chịu huấn luyện cách mạng:

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, Sào-Nam tiên-sinh bị bắt ở Thượng-Hải đưa về nước. Mấy tháng sau có Hội-Đồng đề-hình xét án tiên-sinh, giảm tử hình xuống chung thân cấm cố.

Phong trào vận động ân xá Sào-Nam cực sôi nổi, Toàn-quyền Varenne vừa sang nhậm chức, ân xá tiên-sinh để lấy lòng dân Việt-Nam rồi đưa tiên-sinh vào ở Huế, gần như giam lỏng.

Ở Paris có đảng Việt-Nam độc-lập do Nguyễn-Thế-Truyền tổ chức trong giới học sinh và anh em làm tàu biển.

downloadsachmienphi.com
1926

Tân-Việt cách mệnh đảng, tức đảng Phục-Việt cũ hoạt động nhất ở Nghệ-Tĩnh và Saigon, do ông Lê-văn-Huân và Nguyễn-Đình-Kiện lãnh đạo.

Phan-Tây-Hồ tiên-sinh mất tại Saigon, vừa ở bên Pháp về được mấy tháng. Phong trào học sinh bãi khóa vì tự động làm lễ truy điệu Tây-Hồ lan khắp trong nước.

Tại Saigon có phong trào đình công quan trọng ở xưởng Công-Binh và ở Nhà-Bè.

1927

Nam-Đồng Thư-Xã do nhóm thanh-niên ái quốc Phạm-Tuấn-Tài và Nhượng-Tổng tổ chức, chuyên việc xuất bản những sách kêu gọi lòng ái-quốc. Do đấy, thành lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, một đảng đầu tiên trong nước có quy củ phân minh dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu tức Xứ-Nhu.

Đảng thành lập không bao lâu, đã kết hiệp được nhiều đảng viên có chi bộ bí mật hầu khắp xứ Bắc, và bắt đầu tiến triển vào Trung Nam.

Trong khi đó tại Quảng-Đông có đảng Việt-Nam toàn quốc cách mệnh đảng do cụ Nguyễn-Hải-Thần lãnh đạo.

1928

Đảng Nguyễn-An-Ninh ra đời, có thanh thế nhất ở vùng Hóc-Môn Bà-diêm.

Đệ tứ Quốc-Tế do Tạ-Thư-Thâu và Trần-văn-Thạch tổ chức.

Hòa-Đông Hiệp-đảng do Quách-Vỹ và Nguyễn-mạnh-Thường lập tại Hòa-Bình.

1929

Nhân ngày lễ lao động 1-5 bọn Trần-Văn-Cung, Ngô-Gia-Tự, Nguyễn-Tuân tức Kim-Tôn phá đồ V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. lập ra Đông-Dương Cộng-Sản đảng, chủ trương giai cấp tranh đấu và gây cuộc đình công đầu tiên ở hãng Aviat tại Hà-nội và nhà máy chai ở Hải-phòng.

Sau vụ ám sát Bazin, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng vỡ lở, một số đồng chí lớn bị bắt và đẩy ra Côn-dảo. Mấy tay lãnh đạo trốn thoát.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1930

Mùng 10 tháng 2 dương lịch, Nguyễn-thái-Học, Xứ-Nhu và V.N.Q.D.Đ. chỉ huy khởi nghĩa ở Yên-Báy, Lâm-Thao. Nhiều nơi khác đã ước hẹn hưởng ứng, nhưng việc không thành.

Toàn thể Bắc-kỳ ở trong tình trạng khủng-bố. Số người bị bắt nhiều vô kể. Máy bay thả bom xuống làng Cổ-Am.

Xứ-Nhu tuân tiết ở trận Lâm-Thao, còn Thái-Học, thì lần tránh và định sang Tàu, nhưng mấy hôm sau bị bắt ở Hải-dương đến ngày 17 tháng 6 lên đoạn đầu đài tại Yên-Báy với Phó-đức-Chính và 11 đồng chí khác.

1931-1936

Hai năm 1931 và 1932, hầu khắp Nam, Bắc có những cuộc dân chúng biểu tình do đảng Cộng-Sản bí mật tổ chức.

Tại Nghệ-An có nhiều đám biểu tình bị lính Lê-Dương đàn áp bằng súng đạn, mỗi lần chết và bị thương mấy chục người. Ở tỉnh Quảng-Ngãi và các miền Chợ-mới, Cao-lãnh trong Nam cũng vậy.

Mấy năm kế tiếp, có phong trào Đệ-Tam và Đệ-Tứ Quốc-Tế, một mặt cổ võ anh em vô sản tranh đấu, bên nào vì chủ nghĩa bên ấy, một mặt tìm cách phá hoại các đảng Quốc-Gia đối lập, tự gây nên trong dân chúng có những sự khuynh phục chém giết lẫn nhau chỉ bởi màu sắc dị đồng về chính-trị. Thậm-chí ở ngoài Côn-đảo, quốc-sự phạm Cộng-Sản và Quốc-Gia đánh nhau đấm nhau. Thực dân lợi dụng sự chia rẽ ấy, càng dễ đàn áp.

1937

Bên Pháp mặt trận bình-dân lên cầm chính quyền. Nhân cơ hội ấy, ở nước ta có phong trào tổ chức ra Đông-Dương Đại hội-nghị, đề yêu cầu cải cách chính-trị và giải phóng quốc sự phạm.

Nam-Bộ do nhóm Tạ-thu-Thâu, Trần-văn-Thạch, Hồ-hữu-Tường, Nguyễn-văn-Tạo, Dương-bach-Mai, Phan-văn-Hùm, Phan-văn-Chánh xướng xuất.

Trung-Bộ thì do Hà-huy-Giáp, Trần-văn-Cung, Phan-văn-Quân, Nguyễn-văn-Lợi, Lê-văn-Hiến, Hải-Triều, Phan-đăng-Lưu v.v...

Bắc-Bộ thì có Huỳnh-văn-Phương, Đặng-thái-Mai, Võ-Nguyên-Giáp, Trần huy-Liệu, Trịnh-văn-Phú, Nguyễn-văn-Tiến, Vũ-Liên, Mai-ngọc-Thiệu v.v...

Đồng thời có nhóm tự trị do Vũ-dình-Dy và Lộc-gia tức Nguyễn-đắc-Lộc chủ trương.

1938-1939

Trong hai năm nay, lại ra đời thêm một vài đảng phái mới. Ví dụ Đông-Dương Liên-Đoàn Quốc-Gia Cách-Mạng do cụ Hoàng-văn-Khải tức cử Ngọ (Thanh-Hóa) Nguyễn-đạo-Kỳ, Nguyễn-văn-Viễn, Mai-ngọc-Thiệu, Nguyễn-đức-Kính v. v... lãnh đạo.

Thế rồi đến kỳ thế giới đại chiến thứ hai bùng nổ. Cách không bao lâu, phong trào cách-mạng ở nước ta xoay ra một tình thế mới.

Việt-Nam cách-mạng Đồng-Minh hội thành lập ở Quảng-Đông, cụ Nguyễn-Hải-Thần lãnh đạo.

1940

Pháp thua Đức ở Âu-Châu, quân đội Nhật thừa thế của phe Trục, kéo vào chiếm đóng Đông-Dương, để bịt đường tiếp tế khi giới cho Tàu và phòng lấy căn cứ chiến tranh với Anh, Mỹ.

Phục-Quốc-quân đánh chiếm lại Lạng-Sơn do Trần-Trung-Lập và Đoàn-Kiểm-Điểm chỉ huy. Ban đầu, quân Phục-Quốc được Nhật khuyến khích và viện trợ, sau họ giao thiệp với Pháp nhận được phần lợi rồi bỏ rơi ta thành ra quân Phục-Quốc bị hãm vào tình thế cô-lập, nguy hiểm. Tuy vậy cũng cầm cự được ít lâu, mới bị vây hãm và tuyệt địa, chủ tướng Trần-Trung-Lập bị bắt, còn anh em tan lạc, người trốn vào rừng, người qua biên giới.

Đảng Duy-Dân của Nguyễn-Hải-Thần và Lý-Đông A.

Cũng xấp xỉ lúc đó, Lê-Hồng-Phong và vợ là Nguyễn-thị-Minh-Khai hô hào dân chúng Nam-Bộ khởi nghĩa, nhưng kết quả bị đàn áp chết người đồ máu rất nhiều. Những cảnh rùng rợn làm cho ai nghe cũng phải phẫn uất.

1940-1945

Trước khi người Nhật kéo vào Đông-Dương để hưởng ứng với Trục Bá-Linh — Đông-Kinh — La-Mã thì tại Việt-Nam đã nhóm lên đảng Đại-Việt Dân Chính do ông Nguyễn-Tường-Tam và nhiều bạn trí thức, công chức cùng sinh viên tổ chức tại Bắc-Việt. Công việc buổi đầu lan rộng, có nhiều vẻ khả-quan. Chủ trương của Đại-Việt Dân-Chính là lợi dụng người Nhật để giải phóng cho Việt-Nam, theo như lời tuyên ngôn của Nhật trong chương trình Đại Đông-Á.

Khi quân đội Nhật kéo vào Lạng-Sơn thì hình như thời cuộc Quốc-Tế không lợi cho họ và người Pháp đã khôn khéo điều đình với Đại Tướng Nishihara nên thái độ của người Nhật thay đổi ngay và thừa dịp đó người Pháp liền cho bắt

các đảng viên của Đại-Việt Dân-Chính. Ông Nguyễn-Tường-Tam trốn thoát sang Tàu, các đồng chí bị bắt tới 30 người bị đi đày tại trại an-trí Vụ-Bản Hòa-Bình (Nguyên-gia-Tri, Vương-các-Đạo, Trần-văn-Lư, Nguyễn-văn-Toản, v.v...) Đại-Việt Dân-Chính tan rã sau biến thành Đại-Việt Quốc-Xã do các ông Nguyễn-văn-Tiểu, Hà-Châu, Nguyễn-Đặng-Đệ, Trương-Đình-Tri, Đặng-văn-Hình tiếp tục.

1941

Đội Cung thống xuất anh em Bảo-an-Bình ở đồn Đô-Lương (Nghệ-An) giết viên giám binh Pháp và chiếm giữ đồn ấy.

Ông định xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị, kéo về đánh lấy tỉnh thành Nghệ-An mà trong trại lính đã có bạn đồng chí hẹn hò nội ứng. Nhưng khi đến nơi, chính ông bị quân Pháp tập kích mà chết. Nhân sĩ Nghệ-An thương ông anh dũng, có làm bài văn tế thực thống thiết.

1943-1944

Thêm Việt-Nam Ái-Quốc đảng của các ông Nguyễn-xuân-Chữ, Vũ-Đình-Dy và Lê-Toàn.

Năm sau có Dân-chủ đảng của ông Dương-đức-Hiền, Vũ-đình-Hoè, Phan-Mỹ v.v... sau nhập vào mặt trận Việt-Minh, nhưng hoạt động của Dân-Chủ Đảng rất là yếu tuy rằng trong Dân-Chủ Đảng có nhiều trí thức tham gia.

Đến sau cuộc đảo-chính mừng 9 tháng 3 năm 1945 thì có Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minh của Nguyễn-xuân-Mai, Bùi-như-Uyên, Ngô thúc-Địch, Nguyễn-thế-Nghiệp, Nguyễn-ngọc-Sơn, Nương-Tổng v.v...

Nhưng không đảng nào mạnh và khéo tổ chức hơn Việt-Minh (tức Đông-Dương Cộng Sản đảng hóa thân), cho nên sau khi Nhật-Bản đầu hàng thì Việt-Minh chụp ngay cơ hội cướp chính-quyền lôi cuốn được dân chúng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, mặt trận Việt-Minh nắm chính quyền ở Bắc Bộ ; ngày 24, vua Bảo-Đại thoái vị ; ngày 25, ảnh hưởng Việt-Minh tràn khắp Trung, Nam-Bộ. Qua mừng 2 tháng 9, tuyên bố thành lập Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa chính thể.

Bản thống-kê các cuộc khởi nghĩa trên đây là một chứng cứ tự nó đủ hùng biện để bày tỏ không cách nào rõ rệt hơn cái tinh thần tranh đấu của Việt-Nam.

Nếu chúng tôi nói trong 80 năm, người Việt-Nam mất độc-lập, thì xét trong 80 năm vừa đây nước Pháp thực dân cũng đã trải bao nhiêu nhọc nhằn mới nắm được chủ quyền trên đất này.

Cuộc chiến tranh, lúc lóe ra khỏi lửa, lúc âm ỷ như hòn than phủ một lượt tro, chỉ rình cơ hội để lại bùng ra. Đó là một sự-trạng đã kéo dài trong giai đoạn 80 năm giữa Việt và Pháp.

Đáng kể nhất trong các cuộc khởi nghĩa bằng vũ trang hay các cuộc vận động cách mạng là phong trào Cần-Vương do cụ Phan-đình-Phùng tại Nghệ-Tĩnh, Hoàng-Hoa-Thám ở Bắc-Giang, việc Đông-Kinh Nghĩa-Thục do các cụ Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền v.v... chủ trương trên đây năm chục năm rồi đến những hoạt động cách-mạng và chính-trị của hai đảng Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và Đông-Dương Cộng-Sản Đảng.

Những chiến sĩ quốc-gia do từ phái cựu học đến tân học cho đến những người bình dân rất nhiều kế tiếp nhau, từ thế hệ này qua thế hệ khác tỏ rõ tinh hoa của xứ này không phải là ít trước công cuộc giải phóng dân tộc.

Nói đến chiến sự thì phần nhiều người Việt chỉ áp dụng chiến thuật du kích bởi kém khí-cụ lợi hại, nhân sự ít ỏi, việc tiếp tế không được xung mãn thế mà đối phương cũng phải lao đao khốn khổ vô cùng. Cuộc khởi nghĩa của cụ Phan-đình-Phùng kéo dài đúng 10 năm. Cụ Hoàng-Hoa-Thám kháng cự tại miền Trung và Bắc-Việt ròng rã 30 năm khiến quân đội Pháp chết hại không biết bao nhiêu mà kể và cũng nên nhận rằng: để chinh phục Việt-Nam, người Pháp đã cố gắng rất nhiều về sinh mệnh và tiền tài. Về phần người Việt, những anh hùng liệt nữ cùng dân chúng bị giết hại và cầm tù cũng hàng vạn ở Côn-đảo và các miền lam sơn chương khí. Vậy mà cuộc tranh đấu vẫn cứ tiếp tục đến giờ phút cuối cùng này.

Bình luận về hình thức của các phong trào tranh đấu kể trên, Tuần Báo Cái-Tạo (số đặc san) viết:

« Phong trào 80 năm tranh đấu của ta, mới xem có thể tưởng như rời rạc, không có liên quan với nhau. Kỳ thật, nó có hệ-thống nối liền một mạch. Bắt đầu từ Văn-Thân vận động, cho tới phong trào dân chúng, đảng phái nhất nhất có từng lớp liên lạc, tương sinh mà không tương khắc. Có khi phong trào vận động này phải thất bại điều đứng để rồi dần tới phong trào tranh đấu kia, hay là vận động này chỉ là tiềm tàng lực lượng để nuôi vận động khác.

Đã thế, chúng ta lại nhận thấy cuộc tranh đấu liên tiếp hơn 80 năm, phát hiện ra đủ cách, đủ vẻ, tùy thời tiến triển, không một sắc-thái nào, không một phương pháp nào mà chẳng có.

Về quân sự ư? Thoạt tiên nghĩa sĩ Trương-Định và văn thân trong Nam kế tiếp dấy binh kháng Pháp bằng gậy tầm vông, dần dà ra đến Trung Bắc, quân sự tranh đấu của ta mỗi ngày một tiến hơn. Những trận Ba-Đình, Bãi-Sậy, Hương-Khê, Yên-Thế, Thái-Nguyên, Tà-Lùng, Yên-Báy, Đô-Lương v.v. kế tiếp nhau phát khởi, tỏ ra sự tranh đấu của dân tộc ta không thể xem thường. Nhất là đối với chiến lũy Ba-Đình, năm 1887, Pháp điều động một lúc hơn 4 nghìn quân và vây đánh hàng bao nhiêu tháng mới phá nổi.

Về ngoại giao ư? Bước sang đầu thế kỷ này, nhà nho ta tự động duy tân, sang Tàu, sang Nhật ngoại giao cầu viện, mở ra phong trào Đông Du, thanh niên được xuất dương cầu học rất đông. Cái phản hưởng của phong trào ấy là bắt buộc chính quyền thực dân phải bỏ « *chính sách ngu dân* » họ định làm ở xứ này, mà lần hồi mở mang việc học tập. Ta không nên quên dưới triều Tự-Đức có những nhân sĩ ái quốc như ông Bùi-Viện tự động sang Mỹ ngoại giao vì mục đích chính trị, hay ông Nguyễn-Tư-Giản dâng sớ xin bí mật ngoại giao với Đức, để họ kiềm chế bớt thế lực Pháp đang bành trướng ở Việt-Nam.

Về vận động học sinh và dân chúng ư? Nhiều người tưởng đầu nước ta sau 1925 trở đi, mới phát khởi phong trào ấy. Sự thật từ 1885 đã có phong trào học sinh ái quốc nhóm lên rồi: Mấy nghìn học sinh đang thi cử ở Bình-Định ầm ầm phá trường đi ra khi nghe tin kinh thành thất thủ. Từ 1908, ở nhiều tỉnh Trung-Bộ kéo nhau đi hàng nghìn, đòi bớt

sưu thuế, ấy là trang đầu lịch-sử dân chúng vận động ở nước ta vậy.

Chúng tôi đã nói cuộc tranh đấu của dân tộc Việt-Nam trải 80 năm, phương pháp nào và sắc thái nào cũng có cả. Nào văn hóa, nào lao công, nào báo chí tự do, nào kết xã lập hội, nào kinh tế hoạt động, mặt nào cũng có người đứng ra gây nên phong trào tranh đấu và chịu hy sinh. Bước sang đầu thế kỷ này, các cụ nhà nho Bắc-Bộ và Trung-Bộ tổ chức những hiệu buôn nọ và xưởng kỹ nghệ kia, đối với chính sách thực-dân cũng là một tội; vì thế mà các cụ bị án đi đầy chẳng phải ít.

Nhưng, với sự nhận định thời thế mới, với sự hiểu biết mới, đồng bào ta mỗi ngày khuynh hướng công thương một nhiều vì lòng yêu nước, vì muốn tranh đoạt về cho Tổ-Quốc những quyền lợi kinh tế hầu hết ở trong tay ngoại nhân nắm giữ. Công việc hoạt động của những người có óc kinh doanh lớn lao, như Bạch-Thái-Bưởi, Nguyễn-hữu-Thu, Nguyễn-Thiều, Cai Ba-Thục v.v... ta không thể nào không đề sự nghiệp kinh tế của họ vào quyền sử dân tộc tranh đấu.

Các bạn xem đó, non một thế kỷ Pháp thuộc, dân-tộc Việt-Nam có chịu ngừng tranh đấu lúc nào không?

Chơi với chế độ thực dân mặc dầu có sức mạnh gấp trăm gấp nghìn, chủ nghĩa quốc gia dân tộc Việt-Nam luôn sôi nổi ở trong tắc lòng yêu nước và phát ra những việc làm có mục đích tranh đấu để giành lại chủ quyền cho Tổ-quốc.

Ta thấy 80 năm qua, nước Pháp có giập tắt được phong trào tranh đấu ấy đâu, hay là chỉ làm cho nó càng ngày càng bùng bốt thêm, rắn chắc thêm, tất phải đi tới kết quả đúng theo trào lưu thế giới và dân nguyện Việt-Nam.

Nghĩa là *Việt-Nam phải được độc-lập và thống-nhất thực sự, không thì dân tộc này còn phải tranh đấu mãi không thôi*».

Trước khi giới thiệu mấy tổ chức và phong trào cách-mạng của người Việt-Nam chúng tôi xin kể một võ công mà người Pháp cực lực tán phục vừa về phương diện tổ chức vừa về phương diện tinh thần :

Trận Ba Đình

Trận này đã làm cho người Pháp tai hại rất nhiều, Ba Đình, là một chiến lũy vô cùng hiểm trở gồm có ba làng Mỹ-Kê, Mậu-Thịnh và Thượng-Thọ ở vào giữa một cánh đồng lầy và một khuỷu sông. Chung quanh chiến lũy này là tre và đất xây thành và chỉ có một đường độc đạo để liên tiếp với đồn Ma-cao cách nhau độ 30 cây số. (Ba-Đình thuộc về Thanh Hóa). Chiến lũy chỉ rộng 400 thước và dài vào khoảng 1200 thước, nơi đó chôn không biết bao nhiêu sinh mệnh chiến sĩ Việt Pháp.

Ba-Đình thành chiến địa lúc đó vì kinh thành Huế bị lọt vào tay quân Pháp, Vua Hàm-Nghi cùng bọn ông Tôn-Thất-Thuyết chạy ra Hà-Tĩnh để lo cuộc khôi phục. Ông Trần-Xuân-Soạn được ủy ra Thanh-Hóa hợp lực với các nhân sĩ Ái-Châu (Thanh-Hóa) lập một căn cứ mục đích chặn đường tiếp tế của quân Pháp từ Bắc vào Trung.

Cái kỳ công xây dựng nên chiến lũy Ba-Đình là ở ông Đình-Công-Tráng một người binh dân giỏi quân sự, rất nhiều kinh nghiệm vì khi xưa đã theo Hoàng-Kế-Viem và Lưu-Vĩnh-Phúc, chủ tướng quân Cờ Đen, Cờ Vàng, trong nhiều trận giao tranh với Pháp, trên đất Bắc.

Nam quân lúc đó không có nhiều, chỉ có độ 600 người, khí giới chỉ là giáo, ~~mác, mã tấu, súng đạn~~ thì rất ít và rất cở sơ.

Buổi đầu quân Pháp khinh địch, sau bị nhiều trận mất người hại của vì những cuộc đột kích mãnh liệt nên họ phải tấn công ráo riết nếu không họ mất sự liên lạc và con đường tiếp tế thuận lợi nhất từ Bắc vào Trung.

Pháo binh hạng nặng hạng nhẹ nhằm chiến lũy Ba-Đình bắn vào như mưa mà chiến lũy vẫn không lay chuyển. Họ cho từng tốp lội nước, lội đồng mà tiến vào đến đâu chết đến đấy.

Cuối năm 1886, ba tướng Brissaud, Metzinger và Dodds được ủy mang 4000 quân, ngót một nửa (1900) là lính bản xứ còn toàn người Âu và Lê-Dương đủ mặt : pháo binh, công binh, sĩ quan có tới 76 viên trong đó có Đại-úy Joffre sau này được thăng Thống-chế hồi Đại-Chiến 1914 — 1918.

Lúc đánh Ba-Đình đại úy Joffre bị trúng thương suýt chết sau nhờ một người lính tập công chạy thoát.

Đó là chiến sự về mặt bộ, còn về mặt thủy, nhà binh Pháp đem 4 chiến hạm do các tướng Thusmine, Surcouf, le Prieur và Daudin tấn công vào.

Hai bên xô xát kịch liệt ; về bên quân đội Pháp, họ cũng rất mạo hiểm. Qua ngày mồng 6 tháng Giêng 1887, họ lại xung phong một lượt nữa bị chết 50 người và 4 sĩ quan. Ba-Đình vẫn bất di bất dịch một cách ngạo nghễ.

Tướng Brissaud liền huy động hết lực lượng quân sự ngoài Bắc đưa vào, vây bọc Ba-Đình, các mặt. Đại bác nã vào như mưa, quân đội Pháp lấy ván bắc cầu leo vào thành qua ngày 20 mới hạ nổi.

Nhưng lúc đó thì quân Việt đã rút về Ma-Cao. Quân Pháp đuổi theo thì Đình-công-Tráng chạy vào Nghệ-An bị trúng đạn tử trận.

Nhà chép sử cho rằng trận Ba-Đình là một võ công oanh liệt bậc nhất.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Phong trào Văn-Thân Việt-Nam

Việc mất lục tỉnh Nam-kỳ do hòa-ước 1862 và 1874 đã là một tiếng sét lớn rung chuyển cả bầu trời Việt-Nam khiến triều Tự-Đức cùng các sĩ-phu thời đó xúc-động vô cùng. Cuộc chinh biến ấy kích thích mạnh vào tinh-thần quốc-gia Việt-Nam và bản-năng tự cường của dân-tộc này đã từng trải qua bao nhiêu sự thử thách gay go của thời cuộc.

Mở đầu cho phong trào Văn-Thân là hai ông Trần-Tấn và Đặng-như-Mai người Nghệ-Tĩnh cùng 3000 đồng-chí trong hạt, Bài hịch : Bình-Tây Sát-Tả của hai vị đại ý nói rằng :

« Mặc dầu triều-đình đã hòa với Pháp, nhưng sĩ-phu Việt-Nam, không tán đồng và chủ trương chống nhau với người Pháp để lấy lại đất đai và chủ-quyền Việt-Nam ở những nơi bị chiếm và để bảo tồn nền văn-minh cổ-cựu của Á-Đông . . . »

Tổng-Đốc Nghệ-An là ông Tôn-Thất-Triệt cũng có ý nghiêng về Văn-Thân và phong trào này càng ngày càng lan rộng, tạm kể các ông Sơn-phòng-Sứ Trần-văn-Dự cùng các thân hào Quảng-Nam lập ra nghĩa hội, Trương-đình-Hội, Nguyễn-tự-Như ở Quảng-Trị, Nguyễn-phạm-Tuân, ở Quảng-Bình (nguyên tri-phủ), Lê-Hình (Hà-Tĩnh), Nguyễn-xuân-Ôn tức Nghè Ôn, Lê-doãn-Nhạ, Quan Sơn-Phòng-sứ (Nghệ-An), Hà-văn-Mao (Thanh-Hóa) Mai-xuân-Thưởng, Bùi-Điền, Nguyễn-Đức-Nhuận (Phú-Yên và Bình-Lục). Ngoài Bắc-Hà bấy giờ cũng vô cùng rối ren về giặc Tàu, Cờ-Đen, Cờ Vàng, Cờ

Trắng và nhiều đảng khác do người Việt nổi lên, đồng thời quân đội Pháp của Đại-Tá Henri Rivière ra Hà-nội (1881) hạ thành này hồi 11 giờ ngày 8 tháng 3 năm Nhâm-Ngo và sau đấy nhiều tỉnh khác của Bắc-Hà cho tới khi Việt-Pháp ký kết hòa-ước Patenôtre năm 1884 là Hiệp-Uớc thừa nhận đặt quyền bảo-hộ của người Pháp trên giải đất này. Nhân sĩ đất Bắc cũng cùng lòng công phần như nhân sĩ Trung-Việt có ông: Tán-Tương Nguyễn-thiện-Thuật điều khiển phong trào bãi Sây, Đề-Đốc Nam-Định Tạ-Hiện, Án-sát-Sứ Phạm-Vũ-Mậu, Tri-Phủ Hoàng-văn-Hòe, Đốc Tit xưng hùng ở Kinh-Môn (Hải-Dương), Vũ-văn-Lợi quật khởi ở Nam-Định và Đề Thám ngang tàng một cõi ở Nhã-Nam (Bắc-Giang), thanh thế rất lẫy lừng.

Trong triều-đình Huế, bọn ông Nguyễn-văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết không chịu được sự uy hiếp của Thống-Tướng De Courcy vừa sang Bắc-Kỳ ngày 18 tháng 4 năm Ất-Dậu (1885) lại vào Huế luôn. Ngày 19 tháng 5 ông bắt triều-đình Việt-Nam phải chịu quyền bảo-hộ của nước Pháp. Trong việc giao thiệp với nhà vua ông đã tỏ nhiều cử chỉ trịch thượng và khiếm nhã (1).

Thái độ này cho ta biết rằng lúc đó Pháp quyết định xâm chiếm Việt-Nam cũng như nhiều nước Tây-Phương khác từ đầu thế-kỷ 15 ở Viễn-Đông.

Đồng thời nó báo trước cho sĩ-phu Việt-Nam biết nước Pháp bắt đầu thi hành chính sách của kẻ mạnh. Triều đình Huế thấy rõ mọi sự mềm rẻo, hòa-hoãn (2) đã đều thất bại và

(1) Ông đòi Triều-Đình Huế phải mở cửa giữa, không những mình ông vào để yết kiến nhà Vua lại cho cả quân đội vào nữa. Triều-Đình xin chỉ mình ông vào, như ngày xưa Triều-Đình Việt-Nam đã tiếp Đại-Sứ Trung-Quốc.

Ông không chịu. Ông Tôn-Thất-Thuyết cáo ốm, có ông Nguyễn-văn-Tường cùng là Phụ-Chính ra đón. Ông nhất định đòi khiêng ông Thuyết đến.

(2) Ngoài Bắc-Hà, Đỗ-Phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) tự do mở đường thông thương trên sông Nhĩ-Hà không lý gì đến việc điều đình của quan lại Việt-Nam là phạm vào Hòa Ước năm Nhâm-Tuất (1862) mà lại còn bắt viên quan phòng thành Hà-nội giam lại cho tới khi Thiếu-Tướng Dupré bấy giờ là Thống-Đốc Nam-kỳ cử Đại-úy Francis Garnier ra Bắc nói để thu xếp việc Đỗ-Phổ-Nghĩa mà chính là để chiếm Bắc-kỳ cho nên ít bữa sau 15-10-1873 (Quý-Dậu) đã xảy ra việc hạ thành Hà-nội và các tỉnh Bắc-Kỳ. (Trước khi đó ông đã viết về Bộ Thuộc Địa ở Ba-Lê nói rằng cần lấy Bắc-Kỳ thì sự cai trị của người Pháp ở Viễn-Đông mới vững chắc).

tình thế của mình đã bị rồn đến bước đường cùng; nên đành phải mở cuộc binh đao, có lẽ đâu không biết tự lượng sức mình.

Theo ý chúng tôi đây chỉ là một vấn đề quốc sĩ (1).

Lúc đó mọi việc của Triều-đình do bọn ông Thuyết định đoạt. Tối hôm 22 tháng 5 thì quân Pháp (trong thành Mang-Cá) bị đánh úp nhưng quân Việt-Nam không thân lượm được kết quả gì đáng kể. Trước khi xảy ra chiến tranh, ông Thuyết đã rước vua Hàm-Nghi rời kinh thành, ít ngày sau ra tới Quảng-Bình. Ông làm hịch Cần Vương truyền đi các nơi. Đại tá Chaumont đem quân ra đóng Quảng-Bình để chặn bọn ông Thuyết không cho giao thông với Bắc-Kỳ. Nhưng ở Nghệ-An và Thanh Hóa nghĩa quân hoạt động rất mạnh. Thiếu-tá Grégoire được ở lại giữ Quảng-Bình, còn Đại-tá Chaumont trở về Đà-Nẵng lấy thêm viện binh và tàu chiến ra đóng ở Nghệ-An và tuần tiễu các nơi.

Tháng 9 năm Bính-Tuất 1886, ông Hoàng-Kế-Viêm được vua Đồng-Khánh phong làm An-phủ Kinh-Lược đại sứ ra Quảng-Bình chiêu dụ vua Hàm-Nghi và các Văn-Thân yêu cầu các vị trở về và sẽ được hưởng các địa vị như cũ. Việc chiêu dụ này có thể nói là thất bại vì các lãnh tụ Cần-Vương không ai theo, trừ một số thủ hạ không đáng kể. Ông Hoàng-Kế-Viêm bị rút công-tác tháng 5 năm Đinh-Hợi (1887) vì lẽ đó.

Bấy giờ quân Cần Vương rải rác chiến đấu khắp nơi, ông Đề-Đốc Lê-Trực đóng ở Thanh-Thủy thuộc huyện Tuyên-Chánh ; Tôn-Thất-Đạm (con ông Thuyết) đóng ở Ngàn Hà-Tĩnh ở hai hạt Kỳ-Anh và Cẩm-xuyên. Tôn-Thất-Thiệp (con ông Thuyết) và Phạm-Tuân cùng vua Hàm-Nghi loanh quanh ở huyện Tuyên-Hóa.

Xuất Trung-Nam-Bắc lúc đó rối ren, người Pháp phải chia nhau đi đánh dẹp các nơi bởi mọi cuộc phủ dụ đều thất bại.

Đại-ủy Mouteaux ở Quảng-Bình cùng với Cố Tortuyaux đem quân đi đánh ông Lê-Trực ở Thanh-Thủy vì biết ông Lê-

(1) Chúng ta hãy tưởng tượng nếu trong giai đoạn này người Pháp cứ dằng hoàng lấy hết xứ này đến xứ khác Triều-Đình và nhân sĩ Việt-Nam cứ khoanh tay không có một phản lực nào thì chúng ta, về điểm này, trả lời Quốc-Tế và thế-hệ sau của chúng ta ra sao ?

Trực là người nghĩa khí nên ông Mouteaux có viết thư mời ông về nhưng ông khước từ bằng lời thơ sau này :

« Tôi vì vua vì nước, chết sống cùng một lòng làm cho hết bồn-phận chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa ».

Bấy giờ Pháp đóng quân ở đồn Minh-Cầm, bọn ông Trực phải lui về phía trên, sau đó ông Lê-Trực ra mạn Hà-Tĩnh, ông Nguyễn-phạm-Tuân ra đóng ở Yên-Lộc miền Nam sông Gianh. Qua tháng ba do thám mách Đại-Ủy Mouteaux nơi ông Nguyễn-phạm-Tuân đồn trú (Yên-Lộc). Người ta vây bắt được cả bọn, ông Tuân bị đạn bên cạnh sườn, mấy ngày sau thì mất.

Điều người Pháp cần nhất là tìm bắt vua Hàm-Nghi, biết rằng dân chúng rất có cảm tình với nhà vua mà vì thế cuộc khởi nghĩa của Cần-Vương được một phần hậu-thuần rất mạnh. Người Pháp khi ấy chưa dò được tung-tích của Ngài thì ít tháng sau có kẻ mách rằng muốn bắt được vua Hàm-Nghi phải có tên Trương-quang-Ngọc ở làng Trà-Mạc lúc đó đang được ra vào hầu cận. Ngọc là kẻ tiểu nhân có thể mua chuộc được. Đại-Ủy Mouteaux liền dùng tiền bạc danh lợi dỗ được bọn tổng lý hạt Minh-Cầm nên liên lạc được với Trương-quang-Ngọc, y nhận lời giúp quân Pháp nhưng chưa dám hen có thể bắt được nhà vua ngay. Khi ấy, bên cạnh vua Hàm-Nghi có Tôn-thất-Thiệp một thanh-niên anh dũng không bao giờ rời vua nửa bước. Kẻ nào bàn đến việc về thú đều bị giết ngay lập tức vì vậy mà bọn Trương-quang-Ngọc còn e-dè. Còn bọn ông Lê-Trực và Tôn-Thất-Đạm cùng nghĩa-quân lưu-động nay chỗ này mai chỗ khác; người Pháp mệt sức mà cũng không tiêu diệt nổi, vì vậy Đại-Ủy Mouteaux xin về Pháp nghỉ. Thay ông trong công việc này là viên Đại-tá chỉ-huy ở Huế, ông này ra Quảng-Bình tiếp tục công cuộc kẻ trên nhưng tình thế của đôi bên cũng không ra khỏi chỗ bế tắc: Người Pháp vẫn không diệt nổi Văn-Thân mà Văn-Thân cũng chỉ làm được việc quấy rối lung-tung khắp nơi cho đến tháng 9 năm ấy quân lính Pháp mỗi mệt đã định rút về miền bẽ thì một kẻ hầu cận vua Hàm-Nghi là Xuất-Đội Nguyễn-định-Tình ra thú ở đồn Đồng-Cả, phía trên đồn Minh-Cầm. Tên này

khai rõ ràng tung-tích của vua Hàm-Nghi và nhân-sự quanh Ngài. Người Pháp dùng hẳn đề liên-lạc với Trương-quang-Ngọc và tên Bực, bọn này tình nguyện mấy hôm sau sẽ bắt được vua Hàm-Nghi. Lệnh của quân Pháp là phải bắt sống vua Hàm-Nghi, ngoài ra ai chống cự thì cứ giết. Rồi ngày 26 tháng 9 năm đó là ngày tuyệt vọng của ông vua bỏ-đào, là ngày tan vỡ mộng khôi phục lại chủ-quyền và giảng san của tổ-tiên, là ngày tàn lụi của nhân-sĩ Việt-Nam: Vua Hàm-Nghi bị bọn vong bản bắt nộp cho người Pháp. Bấy giờ vào hồi nửa đêm, Ngọc và Tinh đem 20 thủ hạ người làng Thanh-Lang và Thanh-Cuộc đến vây làng Tả-Bảo là chỗ trú ẩn của nhà vua. Tôn-Thất-Thiệp đang ngủ nghe có biến vùng dậy cầm gươm nhảy ra thì bị chúng đâm chết ngay.

Vua Hàm-Nghi nhận thấy Ngọc giận uất vô cùng, trao cho nó thanh kiếm và bảo rằng:

« Mày giết tao đi còn hơn đem tao nộp cho Tây »!

Một kẻ nhanh tay lên ôm lưng Ngài và kẻ khác giắt lấy thanh kiếm. Từ lúc bị bắt cho tới khi đến trại Pháp, Ngài đau đớn không nói năng được nữa lời. Sáng hôm sau bọn tên Ngọc vờng Ngài ra bến Ngã-Hai xuống một chiếc bè đi hai ngày tới đồn Thanh-Lang nộp cho Đại-Ủy Boulanger. Ngay lúc đó ông Boulanger đưa Ngài về đồn Thuận-Bái gần chỗ đồn bên tả ngạn sông Gianh. Rồi Ngài xuống lâu về Thuận-An và sau đó bị đẩy đi Algérie, mỗi năm được cấp 25.000 phật lạng. Bấy giờ Ngài mới 18 tuổi.

Trương - quang - Ngọc được thưởng hàm Lãnh - Binh, Nguyễn-định-Tình thăng trật.

Việc vua Hàm-Nghi bị bắt đã đem lại một ảnh-hưởng tai hại cho phong trào Cần-Vương như chúng tôi đã nói trên đây và làm nản lòng một phần chiến-sĩ trong hàng ngũ cứu-quốc. Ngoài ra, địa vị của người Pháp mỗi ngày một vững vàng và rộng rãi, trái lại sức tranh đấu của Văn-Thân không tiến được nhiều cho nên sau này lực-lượng cứu-quốc tan rã dần đi.

Tôn-Thất-Đạm nghe tin vua Hàm-Nghi bị bắt liền hội các tướng sĩ đến hiệu-du rằng tình thế mỗi ngày mỗi bất lợi, kéo dài cuộc chiến tranh càng thêm hại và khuyên mọi

người ra thú đề về an-cư lạc-nghiệp. Ngoài ra ông có gửi về hai bức thư : một cho vua Hàm-Nghi là cả một thiên trường-hận của người tôi trung, một thiếu-niên anh-hùng chỉ biết sống còn cùng đất nước, một cho Thiếu-Tá Dabat ở đồn Thuận-Bài chắc đề yêu cầu sự an-toàn cho các đồng-chi.

Viết thư xong rồi ông nói :

« *Quân Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm mả ta ở trong rừng* ». Ngay bấy giờ ông thất cổ mà chết. Hai bức thư này đại-úy Gosselin có phiên dịch ra tiếng Pháp và in trong cuốn Empire d'Annam của ông, lời lẽ rất cương quyết và khảng khái.

Phan-đình-Phùng

Ngày 27 tháng 12 năm Mậu-Ti (1888), vua Đồng-Khánh qua đời, sau khi Triều đình Huế ký giấy nhường cho người Pháp làm nhượng-địa ba thị trấn : Đà-Nẵng, Hà-nội, Hải-phòng, tháng 8 năm ấy. Vua Thành-Thái lên kế-vị lúc đó mới 10 tuổi.

Phong trào Văn-Thân bắt đầu nhat dần. Một ít người ra thú còn nhiều người mai danh ẩn tích trong các nơi thâm sơn cùng cốc. Không nản lòng mặc dầu thời cuộc mỗi ngày một khó khăn, ông Phan-đình-Phùng vẫn tiếp-tục tranh đấu.

Ông là người làng Đông-Thái, tổng Việt-Yên, huyện La-Sơn tỉnh Hà-Tĩnh. Năm 1825, khi vua Hàm-Nghi ở trong miền thượng-du Hà-Tĩnh ông có đến bái yết. Vua phong cho ông làm Tân-Lý quân-vụ thống nhất các đạo nghĩa-binh.

Ông mở đồn điền Vũ-Quang ở phía Bắc huyện Hương-Khê thuộc về Hà-Tĩnh, cất cử người sang Xiêm và Trang-Hoa học đúc súng đạn và các thứ quân khí.

Trang tuần tháng 11 năm Quý-Tị (1893), ông mang quân đến vây nhà Trương-Quang-Ngọc ở làng Thanh-Lang, huyện Tuyên-Hóa, bắt Ngọc chém đầu để trừng phạt làm gương cho những kẻ phản quốc.

Có nên nói rằng : ông là tay kiệt hiệt nhất trong đám Văn-Thân ? Ông đỗ Đình-Nguyên đời vua Dục-Tôn giữ chức Ngự-Sử trong triều. Hồi đó vua Dục-Tôn qua đời ngày 16-6,

Quý-Mùi (1883), Lăng-Quốc-Công huy Hồng-Đật lên ngôi hiệu là Hiệp-Hòa. Vốn là người trung-trực và rất ái-quốc, ông đã dám đứng lên phản đối việc bỏ vua Dục-Đức mà lập em vua Dục-Đức là Lăng-Quốc-Công, trong khi, dưới quyền độc đoán của các quan phụ-chính Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường luôn luôn chém giết, không ai dám hé răng. Vì việc này mà ông bị giam sau bị cách chức đuổi về.

Không những họ Phan có tài văn chương, lại giỏi về cả binh cơ thao lược, có óc tổ chức quân sự, biết gây tinh-thần kỷ-luật. Người Pháp, ông Gosselin bàn đến phong trào Văn-Thân trong cuốn Empire d'Annam phê bình ông Phan như sau :

« Quan Đình-Nguyên Phan-Đình-Phùng là người có tài về quân sự, biết tổ chức và huấn luyện binh sĩ theo lối Thái-Tây. Quân đội của ông mặc quần áo cùng một kiểu, dùng súng kiểu 1874 do ông sáng chế ra dùng như súng của người Pháp (chỉ khác nòng không sẻ rãnh nên bắn không xa lắm) ».

Năm 1886, lực lượng của ông đã khá, ông chiếm đóng làng Hương-Sơn, nhưng năm sau thất bại nhiều lần phải bỏ Hương-Sơn, Hương-Khe ra Bắc để liên lạc với các nhân sĩ Bắc-Hà. Ông có một đại-tướng là Cao-Thắng đủ can đảm, mưu-cơ trí lược giúp ông trong khi ông vắng mặt. Từ núi Vũ-Quang đến núi Trung-Khe, Tri-Khe đồn trại của Văn-Thân san sát kéo dài trên vài trăm cây số, chia ra 15 nơi quân thứ đủ văn võ để lo liệu mọi việc.

Tuần-Phủ Đình-Nho-Quan lĩnh chức Tiểu-Phủ Quân-vụ miền Hương-Sơn để đàn áp quân Nghĩa-Dũng đã bị sa vào tay Nghĩa-Dũng sau một trận lớn. Đình-Nho-Quan bị bắt đem về xử tội hồi đó là năm 1892.

Năm sau Nghĩa-Quân khởi thế công rất dữ dội vào thành Nghệ-An và nhiều đồn Pháp ở dọc đường; không may Cao-Thắng tử trận nên Nghĩa-Quân lại rút về giữ thế thủ ở Hương-Khe (Hà-Tĩnh).

Năm 1895, Nghĩa-quân lại đánh mạnh và toàn thắng ở Vũ-Quang làm quân Pháp bị thiệt hại nặng nề : tử trận ba sĩ quan, mất 100 khẩu súng, đồ đạc và tiền nong rất nhiều.

Trong 10 năm kháng chiến của Cần-Vương, trận này đáng kể hơn cả.

Sau cùng đến năm 1895, ông Phan-đình Phùng lúc đó đã ngoài 70 tuổi gian lao nhiều quá, bị bệnh lý rồi mất. Từ đó Nghĩa-quân tan vỡ dần và đi tới chỗ tuyệt diệt.

*
* *

Ôi, luận sự nghiệp anh-hùng có đầu nhìn vào chỗ thành hay bại, giá trị người hào kiệt là ở chỗ dám làm những việc mà kẻ khác non gan. Đem ngọn bút lông chống với đại bác, họ Phan có đâu không biết lượng sức mình sức người, nhưng nếu chịu còng lưng cúi cổ cho người đặt ách lên vai, không những làm nhục Lịch-Sử thời ấy mà còn làm mất hào khí của những người sau. Kể vì nước vì dân chỉ nghe tiếng gọi của núi sông, chỉ tin tưởng ở mình có dòng máu của bao liệt-nữ, anh-hùng đã từng đánh bại xâm lăng mà vùng gươm xông vào nơi rừng tên núi đạn, ví như dân tộc Việt-Nam không có tin-tưởng ấy thì đất nước Việt-Nam đâu còn đến bây giờ!

Bằng cái chết của mình, họ Phan, như bao nhiêu chiến-sĩ Lạc-Hồng, đã nuôi cái tinh thần tranh đấu của dân tộc. Cái bại hôm qua phải chăng là nguồn gốc của cái thắng ngày nay...?

Để tỏ tấm lòng cương cường của nhà cách mạng họ Phan, chúng tôi xin trích sau đây hai bức thư, một của Bắc-kỳ kinh-lược Hoàng-Cao-Khải được người Pháp ủy ra chiêu dụ họ Phan vì biết rằng Phan và Hoàng vừa là chỗ cổ tri thuở trước vừa là người đồng hương.

Bức thư thuyết hàng của Hoàng-Cao-Khải

Đồng ếp Phan Đình-nguyên đại-nhân túc-hạ,

Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đắp trái đã mười bảy năm nay rồi. Dâu bể cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người một ngã khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng-hồn vẫn thường thấy nhau không phải xa xôi gì. Ngồi nghĩ lại ngày trước chúng ta còn ở chốn quê-hương giao-du với nhau, cái tình ấy dằm thắm biết là dường nào? Từ lúc ngài khởi-nghĩa đến giờ, nghĩa khí trung can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan nói truyện đến ngài,

ông nào cũng phải thở-than khen-ngợi và tỏ ý kính-trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết-khí tôn-nhân, tuy là người khác nước cũng chung một tâm-tình ấy thôi, không phải là người cùng thanh-khi với nhau mới có vậy.

Ngày kinh-thành thất thủ, xe giá nhà vua bốn-ba, mà ngài mạnh mẽ đứng ra ứng nghĩa, kể sự thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song le, sự thế gần đây đã xoay đổi thế nào thử hỏi việc đời có thể làm được nữa không? Dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn cũng đều trả lời không được. Huống chi như Ngài lại là bậc tuấn-kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới đó hay sao? Tôi trộm xét chủ-ý của ngài, chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo việc phải là biết, cứ đem hết tài năng ta có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn nên được hay không là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước, đến chết mới thôi. Bởi thế, cho nên ngài cứ việc làm tới cùng, không ai có thể làm biến đổi cái chí ấy đi được.

Có điều tôi thấy tình-trạng ở quê hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý-kiến hẹp hòi, đề nghị cùng lượng cao minh soi xét; nhưng mấy lần mở giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết rồi lại gác bút thờ dài, không sao viết được. Vì sao? Vì tôi liệu biết can tràng của ngài cũng như sắt đá, không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi. Đã vậy, lại còn khác tình, khác cảnh, xa mặt, xa lòng, vậy thì lời nói của tôi, chắc gì thấu tới được nơi ngài; mà dầu cho có thấu lời nơi ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe dùm cho, chẳng qua chỉ để cố-nhân cười mình là thằng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn-Quyền trở lại, đem việc ở tỉnh ra bàn bạc với tôi, có khuyên tôi sai người ngỏ ý cùng ngài biết rằng: ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ gì đến thân mình nhà mình nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn-Quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm làng cố-cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói.

Ngài thử nghĩ xem: quan Toàn-Quyền là người khác nước, muốn dậm tới đây, mà còn có lòng băn khoăn lo nghĩ tới dân

mình như vậy, huống chi chúng ta sinh để lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn-lộc ở đó, có lý đâu mình làm lơ đành đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra làm sao? Ôi! Làm người trên phải có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung thì thật là trung, song dân ta có lợi gì mà vương phải nóng-nổi làm than thế này, là lỗi lại ai? Nếu bảo là vì thiên-hạ thì không biết chỉ tới nhà nữa cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chứ còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả, sao cho đang tâm? Tôi nghĩ nữa như ngài cứ khẳng-khăng, làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Hồng núi Lam đều biến thành hồ cả hết thảy, chứ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng Đông-Thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi đề cho quê-hương điêu-dùng xiêu-tàn, lưỡng chắc bậc người nhân-nhân quân-tử không lấy gì làm vui mà làm thì phải.

Tôi suy nghĩ đắn-đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ mà nói riêng với mình: — Được rồi, lời nói đó, tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, đề xin ngài chỉ-bảo cho biết như vậy có phải hay không?

Tuy nhiên, sự thế của ngài như cười trên lưng cọp đã lỡ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ lại khó khăn biết bao!

Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc-chắn nơi mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều lĩnh để mang lụy cho cố nhân về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn-Quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm-Sứ ở Kinh, và quan Công-Sứ Nghệ-Tĩnh, cùng tôi quen thân hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên-Sứ (lên là Khánh-Tiến, làm Tuần-phủ nên gọi là Phiên-Sứ), Phan Thị-Lang (lên là Huy-Nhuận), cùng là chỗ thân trong lĩnh, trong làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày rồi, thế mà tôi bảo-loàn cho hai ông ấy đều được yên ổn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan-Trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết-kiến các đại-hiến quý-quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân-trọng như đãi khách quý, và tức thời điện về lĩnh nhà, bắt trả lại mồ mả, và tha cả bà con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo-Hộ khoan-dung biết chừng nào! Cứ xem vậy đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người ngàn dặm xa xăm, vẫn là giống nhau vậy.

Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là đông dài, thì xin ngài đừng ngần ngại một điều gì khác hết, tôi không khi nào dám để cho cố-nhân mang tiếng là người bất tri đầu.

HOÀNG-CAO-KHAI

đón thư

Họ Phan trả lời

« Hoàng quý-dài các hạ. . .

« Gần đây, tôi vì việc quân, ở trốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông nổi thiệt là buồn tẻnh. Chợt có người báo có thư của cố nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không dè bao nỗi buồn rầu lạnh lẽo tan đi đâu mất cả. Tiếp thư, liền mở ra đọc, trong thư cố nhân chỉ bảo cho điều họa phúc, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng cố nhân, chẳng những muốn mưu sự an toàn cho tôi thôi, chính là muốn sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố nhân tôi đã hiểu hết, cách nhau muốn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

« Song le làm sự và cảnh ngộ của tôi có nhiều nỗi muốn vắn khó nói hết sức. Xem sự thể thiê hạ như thế kia, mà tài lực tôi như thể này, y như lời cố-nhân đã nói **thân con bộ ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe sao nổi mà không biết**; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bộ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

« Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước nhà mình mấy nghìn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền nối nhau đời này đến đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, nhưng có chỗ ỷ-thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, bên Tàu, bao nhiêu phen lăm le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn không chiếm được.

« Ôi ! nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam, tự trời định phần riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thơ lễ nghĩa vẫn có chỗ đủ cho mình tự có thể trồng cấy dựa nương lắm vậy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi của người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cũng bị đắm chìm hết thảy, chớ có phải riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà thôi.

« Năm Ất-Dậu, xa giá thiên tử ngự đến Sơn-Phong Hà-Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn có tang bà mẹ chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, chớ trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song vì mình là con nhà thể thần cho nên đôi ba lần Đức Hoàng-Thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng gổ đứng ra dâng chiếu, không sao được. .

« Gần đây Hoàng-Thượng lại đoái tưởng lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, ủy thác cho quyền to, ấy mạng vua ủy-thác như thế, nếu cố-nhân đặt mình vào trong cảnh tôi, liệu chừng cố-nhân có đành chối từ trốn tránh đi được hay là không ?

« Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải 10 năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc là bị trảm phạt, hoặc là bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm nản trí ngã lòng bao giờ. Trái lại họ vẫn ra tài giúp đỡ cho tôi, vả lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sự sung-sướng thêm thường mà bỏ nhà dấn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét trí tôi, cho nên hăm hở vậy đó thôi. Ấy lòng người như thế, nếu như cố-nhân đặt mình vào cảnh của tôi, liệu chừng cố-nhân có nở lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không ?

« Thừa cố-nhân, chỉ vì nhơn tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu tán, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem kẻ thân với mình mà mình còn không đoái hoài huống chi là kẻ sơ ;

người gần với mình mà mình còn không bao bọc nổi huống chi người xa. Vả chẳng hạn ta đến nỗi điều đứng lằm than quả không phải riêng vì tai họa binh đao làm nên nông nổi.

« Phải biết quân Pháp đi tới, có lẽ tiêu-nhơn mình từa ra bày kế lập công, thù vợ oán cha, những người không có tội gì chúng nó cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia; phàm có cách gì đục khoét được của cải của dân, thì chúng nó cũng dùng tới hết thảy. Bởi đó mà thói hư mỗi tề tuôn ra cả trăm cả ngàn, quân Pháp làm sao biết thấu, cho cùng những tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi dạt đi sao được?

« Cổ-nhân với tôi, đều là người sanh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cổ-nhân còn cố lòng đoái tưởng quê hương thay hưởng chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao? Không nói cảnh-ngộ bó buộc, vả lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chớ không biết làm sao cho được. Cổ-nhân đã biết đoái hoài thương xót dân này thì cổ-nhân nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông dài nữa ư? »

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bức thư của Hoàng kinh-lược lời lẽ ôn tồn, tha thiết mang lẽ phải trái ra để dụ hàng Phan tiền-sinh là cả một sự bố trí khéo léo. Hoàng tôn Phan lên chỗ tuyệt vời để lấy cảm tình ngoài chỗ nghĩa cổ tri. Hoàng gọi cảnh lằm than của cổ hương và sông Hồng núi Lam khi đó đang mặt mù khói lửa cũng không ngoài ý muốn đánh vào tấm lòng thương dân thương nước của người chiến sĩ.

Hoàng rào trước đón sau không dám đem danh dự rừ mối kéo Phan về phía hàng thần để tránh sự kích thích lòng liêm sĩ và điểm tự ái của bạn. Hoàng đã ở vào cái tâm lý thoái bại của một số đồng sĩ-phu thời bấy giờ chỉ nhìn quá gần vào sự vật, có lẽ vì nghĩ rằng người Pháp mạnh, chống lại với họ chỉ là tự đưa mình và đồng bào vào chỗ tiêu diệt, lui đi thì dân đỡ khổ vì chiến tranh, mình lại được vinh thế ấm tử. Cái triết lý ấy quả là thực-tế hết sức chỉ tiếc rằng nó là cái triết-lý tùy thời của một hạng người không chịu nhìn xa tương lai của dân-tộc.

Trái lại bức thư trả lời của họ Phan là cả một nguồn giáo lý thờ vua thờ nước. Có lẽ dẫu Phan không biết rằng đại cục khi đó đã vào tay người Pháp thì một con thuyền mong manh chống sao được dòng nước lũ? Phan lại có nhiều tin tưởng vào quá khứ oanh liệt của nước nhà đã từng thủ gươm đọ trí với Đường, Tống, Nguyên, Minh; hơn nữa, Phan còn nhìn cuộc tranh đấu là cả một vấn đề quốc sỉ mà kẻ sĩ phu không thể không nghĩ tới, Phan lại không nỡ phụ lòng tin nhiệm của đảng Quân Vương đã đặt mọi kỳ vọng ở nơi mình cũng bao nhiêu người chiến sĩ đang cùng mình chia mối sinh tử.

Kể nhẩy vào cơn giông tố cũng gây nên một sự nghiệp; kể tùy thời xuất xử cũng được sử xanh ghi chép, chỉ khác một lưu danh muôn thuở, một bia miệng ngàn thu...

NGÀY TÀN CỦA CỤ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Sau mười năm chiến đấu, sức đã tới lúc cùng, lực đã đến ngày tận, cụ Phan đành cùng 2700 quân rút về núi Quạt nhằm hôm 12 tháng 10 năm 1895. Cụ bị bệnh lỵ, mỗi ngày một trầm trọng mặc dầu anh em đồng chí hết lòng thuốc men chăm chút.

Biết rằng tình mệnh của mình tới lúc gần đất xa trời, nên cụ thường gọi hai thân tướng là Nguyễn-Mục và Nguyễn-Quỳnh lại dặn dò các việc. Cụ khuyên anh em sau khi cụ chết, ai có thể qua nước ngoài cầu học và chờ thời là điều hay hơn hết. Nếu không thì giải tán quân đội vì sau bao năm chiến đấu hy sinh không cưỡng nổi với mệnh trời. Kéo dài tình thế cũng đi đến chỗ tiêu diệt mà thôi. . .

Cụ đòi người cháu đem giấy bút ra để cụ đọc cho mà viết. Ai cũng nghĩ cụ muốn để lại một chúc-thư hay viết thư cho Bảo-Hộ để ký thác vợ con. Trái lại cụ để lại một bài thơ cảm khái, dịch nôm sau này :

*Nhung trường vắng mạng đã mười đông,
Việc vũ lời thối vẫn chưa xong,
Dân đói kêu trời vang ồ nhận,
Quân gian dậy đất rộn đàn ong,
Chín trùng lần dần miền quân tại,
Trăm họ phổi phả đám lửa hồng,
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.*

Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11, cụ mất. Trước khi thở hơi cuối cùng cụ ngó nhìn chư tướng như muốn nói một điều gì. Nhưng mệt quá cụ không nói được, chỉ còn ứa đôi dòng nước mắt.

Anh em mai táng cụ ở chân núi Quạt, trên đắp đất bằng phẳng sợ mai sau có kẻ điếm-chỉ tố cáo. Chẳng may mười mấy hôm sau, quân Pháp đi tuần bắt được một nghĩa-binh. Họ tra khảo kịch liệt nên tình thế của nghĩa-quân và việc chôn cất cụ Phan thế nào bị bại lộ hết.

Ít ngày sau, Phan phu nhân dẫn các con cháu và các tùy tướng ra thú ở đồn Linh-cẩm và bị dẫn về Huế nghị xử. Các tướng như Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Mậu, cả thầy 23 người bị chém. Còn di thể cụ Phan bị quân Pháp quật lên và giao cho Nguyễn-Thân xét. Nhận rằng là cụ Phan, Nguyễn-Thân sai

đem di thể của cụ ra chốn địa đầu tổng Việt-Yên, đổ dầu vào mà phòng hỏa. Rồi y nhặt tro trộn vào thuốc súng thần công bắn xuống sông La-Giang.

Ồi ! Thủ đoạn mới anh hùng sao !

Sĩ-phu Nghệ-tĩnh có bài văn viếng cụ như sau :

« Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung thử đại
« nghĩa, thệ dữ chư quân tử thủy chung. Châu chi anh, Mạc
« chi linh, độc thử mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận
« giả thù diên đại hạ, nhất mộc nan chi ! Cung lãnh yên tiêu,
« thù nhân bất tác thâm sơn oán. Huống đương nhật long
« phi vân ám cộng. Ta nhân sự vô thường khả lãn La Việt giang
« sơn bách niên văn hiến phiên cung mã ;

« Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong,
« đồng thử đại trượng phu vũ-trụ. Lam chi phong, Hồng chi
« tuyết, xung hàn vô nại bách tùng điêu. Vị hà tai, hội quyết
« đồi ba, trung lưu để trụ ! Tình di vật hoán, hà nhân bất khởi,
« cố viên tình ? Cập thử thời nhân tán phong suy, kham thân
« thiên tâm mạc trợ. Độc thử từng mai khí tiết, nhất tử tinh
« thần quán đầu ngư ».

Bài dịch tạm :

Anh hùng thành bại kẻ chi ? Dã sắt sơn, lòng vàng đá, thể cùng các bạn trước sau. Mạc Châu đức khí tinh anh, trung hiếu hên hò cùng sử sách. Ngao ngàn nhẽ, lầu cao sắp đổ, một cột khó nâng ; phong vẳng khói tan, liếc mắt non xanh thêm tức tối. Vả bây giờ rồng bay mây ám, xót xa việc thế khôn lường, những thương La Việt giang sơn, văn hiến trăm năm thành trận mạc.

Trời đất xưa nay thế mãi. Đá dựng ngược nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phũ phàng tuần kiệt. Lam Hồng nổi cơn bão tuyết, bách tùng ứa rụng luống xông pha. Đau đớn thay, dê vồ sóng vồ, giữa dòng trụ đứng ; sao đời vật đổi, ngảnh đầu người cũ phải bôn-chôn. Đương lúc này gió thổi lạnh lia, cảm giận trời cay nghiệt ; riêng cảm từng mai khí tiết, tinh thần một thác rạng trắng sao.

Chú thích. — Trong câu đối này những chữ Mạc, Châu, La, Việt, Lam, Hồng, Tùng, Mai đều là tên riêng núi sông quê quán của cụ Phan-Đình-Phùng.

Hoàng-Diệu, tinh thần liêm sỉ của sĩ-phu Việt-Nam

Nếu Phan-dình-Phùng biểu dương tinh-thần tranh đấu của giai cấp phong kiến Việt-Nam và gây nổi một phản ứng của dân-tộc Việt-Nam đối với phong trào Đế-quốc Tây-phương trong mấy chục năm ròng và để lại những ảnh hưởng lớn lao về chính-trị cho đám hậu sinh thì sau họ Phan ít năm Hoàng-Diệu là hiện thân của liêm sỉ, của sự trung quân ái quốc. Đi trước ông trên con đường mà giáo-lý Khổng-Mạnh đã vạch rõ cái đạo thờ vua thờ nước, cái trách nhiệm của một đảng-trưởng phụ trong buổi nước loạn dân tàn là Nguyễn-tri-Phương người thủ thành Hà-nội năm Quý-Dậu (1873) và đã tử tiết với thành.

Năm ấy là năm đầu tiên Bắc-Kỳ bị lâm vào chương trình thôn tính của sủy phủ Nam-kỳ bấy giờ do hải quân thiếu tướng Dupré điều động. Chúng tôi xin nhắc rằng trong thời kỳ nước Pháp giao tranh với Đức (Phổ) nếu Việt-Nam mở rộng ngay cuộc bang-giao với liệt cường thì Bắc-Kỳ chưa dễ bị rơi vào tấn bi kịch mười năm sau.

Mười năm sau ở Âu-Châu, nước Pháp lại được yên ổn vững vàng nên đề-nghị của phái quân nhân lại được tán thành và tiếp tục thi hành là chiếm nốt miền Bắc Việt-Nam.

Phái quân nhân khi ấy có Hải-quân thượng thư Cloué hồi đó coi cả việc thuộc địa. Ngày 17 tháng giêng năm 1882, viên Thống-đốc Nam-kỳ Le Myre de Vilers một mặt đánh

điện văn qua Pháp xin phép cho 2 đạo quân ra Bắc và kèm theo một tờ trình mọi lý lẽ về việc sắp cất quân, một mặt viết thư cho Triều-đình Huế trách cứ mấy điều sau đây :

1-) Loạn ngoài Bắc cứ liên miên mãi. Sự thực Tổng-đốc Hoàng-Điệu hay tin Pháp sắp đem quân ra Bắc bèn hạ lệnh phòng thủ nghiêm ngặt chốn cựu-đô này.

2-) Lưu-vĩnh-Phúc chủ tướng Cờ-Đen được triều-đình dùng để gìn giữ Bắc-Hà mang nhiều tiền về Tàu tuyển mộ quân lính. Tình hình này làm cho Le Myre de Vilers bất bình vô cùng.

3-) Người Pháp có thông hành hãn hoi mà đi đâu cũng bị quân Tàu ngăn trở.

4-) Tại Huế, các quan thất lễ với Khâm-sứ Rheinart. Tóm tắt lại, Le Myre de Vilers cho rằng triều-đình Huế đã không tôn trọng Hòa-trước 1874, nên phái Đại-tá Henri Rivière ra Hà-nội để làm cái việc như Francis Garnier trước kia rồi cũng kết liễu sự nghiệp như Francis Garnier để gập luôn Francis Garnier bèn kia thế-giới.

Ngày 26 tháng 3 năm 1882, Henri Rivière rời Sài-gòn với hai chiến hạm Drac và Parseval, hai đội thủy và lục quân, một tiểu đội pháo thủ và một toán nguy binh. Tổng số có độ 800 tên.

Chiều ngày mồng 2 tháng 4 dương-lịch, Henri Rivière đến Hà-nội, xuống đống tại Đồn-thủy. Tại đây Berthe de Vilers đã đóng hai đội lục binh rồi. Ngày 4, Henri Rivière vào thăm Tổng-Đốc Hoàng-Điệu. Ông Hoàng-Điệu cho tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng đón tiếp rất lịch sự. Nhưng dù khéo léo đến đâu một trong hai bên đã có hậu-ý thì không sao tránh được sự xung đột. Tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng hỏi vì cớ gì mà quân Pháp ra Hà-nội, Henri Rivière trả lời rằng vì Pháp muốn bảo vệ tính mệnh và cuộc kinh doanh của người Pháp do quân Cờ Đen đe dọa quấy nhiễu. Sau đó quân lính Pháp hàng ngày ngbênh ngang các phố phường gần như để khiêu khích và phao đồn sẽ vào đóng trong thành.

Thấy tình thế có vẻ đáng ngại Hoàng-Điệu liền cho mời quan Tiết-chế quân vụ Hoàng-Kế-Viem về đóng với Lưu-vĩnh-Phúc ở Sơn-Tây, gần phủ Hoài-Đức. Cánh quân này có độ

1000 người, trong thành có 2000 quân và 100 tướng tá. Kể về lượng thì Việt-Nam hơn Pháp nhưng chiến cụ lại thô sơ, quân lính lại kém phần tinh nhuệ. Về phía quân Pháp cũng sửa soạn tấn công.

Ngày 17 tháng tư dương lịch, Henri Rivière báo tin cho Ba-Lê biết sẽ hạ thành Hà-nội. Việc chiếm Sơn-Tây, Bắc-Ninh, Nam-Định cũng đều chuẩn bị. Ông truyền đội thủy quân ở Hải-phòng và ở ngoài vịnh Hạ-long kéo lên gồm có các chiến hạm Hamelin, Drac và Parseval trên có 14 đại bác và 390 người và các tuần giang hạm Fanfare, Massue, Carabine trên có hai đại bác và ngót 30 người ở mỗi chiếc.

Sáng 5 giờ ngày mùng 8 tháng 3 Nhâm-Ngo, viên thông ngôn Phong của Đại Tá được lệnh mang tối-hậu-thư đến Hoàng-Diệu. Bức tối-hậu-thư này do Phong dịch ra Hán văn từ hôm trước trong có ba điều như sau :

1°) Dâng thành cho quân Pháp.

2°) Các quan Việt-Nam phải tới nộp mình tại Lãnh sự quán Pháp,

3°) Việc cai trị sẽ không thay đổi.

Nếu không tuân, đúng 8 giờ quân Pháp sẽ đánh thành. Thật là những điều-kiện quá ngặt nghèo khe khắt. Henri Rivière cũng như nhiều quân nhân khác còn lạ gì người đại diện triều đình Huế sẽ từ chối việc thi hành ý muốn của họ. Trước ngoài 20 năm, khi mất thành, Phan-thanh-Giản uống thuốc độc tự sát (mất lục tỉnh và nộp thành Sài-gòn cho Pháp). Trên 10 năm qua Tổng Đốc Nguyễn-tri-Phương thua Francis Garnier tại Thăng-Long cũng quyết tâm không ham sống. Giờ đây lại cũng một nhân vật đường đường đại diện của triều đình biểu dương cho liêm sỉ, cho giá trị của thời đại mà nộp mình hiến đất cho địch sao ?...

Tôn-Thất-Bá xin với Hoàng-Diệu cho ra ngoài để điều đình với Henri Rivière lấy thêm một ngày nữa. Trong thành dòng thang dây xuống góc thành Cửa Bắc (phía sở Cảnh Sát hàng Đâu bây giờ) cho Bá xuống, lúc ấy đã 7 giờ. Việc xin điều đình này chỉ tỏ rằng về phía Việt-Nam người ta không muốn có chiến tranh và muốn lập một cuộc thương thuyết giữa triều đình Huế và súp phủ Sài-gòn. Như thế không hơn không

kém, và không thể nào khác được. Nhưng đối với Tôn-Thất-Bá sau này khi thành đã thất thủ nhiều hành vi đã chứng tỏ rằng việc y xin ra ngoài với Henri Rivière chỉ là một gian kế cho y thông đồng với địch.

Giờ khói lửa

Theo kế-hoạch của thiếu-tá Chanu việc tấn công đã do hai đạo quân, một đánh vào cửa Đông, một đánh vào cửa Bắc.

Đúng 8 giờ, đội thủy quân Retrouvey tiến về cửa Đông. Khi gần tới thì ngừng lại để nã đại bác số 12 vào thành. Đồng thời ở ngoài sông 3 chiếc tàu chiến cũng cho đại bác khạc đạn vào thành liên tiếp dấy đất vang trời nhằm phía cửa Bắc và pháo đài góc Tây Bắc. Hai phát tin vào thành nhưng không chuyển được phần nào.

Quân trong thành cũng bắn ra ráo riết. Quân đội Retrouvey đánh cửa Đông không ngoài ý chia lực lượng của Việt-Quân tức là để Việt-Quân phải cố sức chống đỡ về mặt này cho đạo quân khác của Pháp từ phía Đồn-Thủy tiến qua Yên-Phụ công phá về cửa Bắc.

Đội pháo thủ của Trung-Úy Deviternes cũng chiếm được một chỗ đất cao, gần thành chừng 800 thước nã đại bác cũng nhằm mé cửa Bắc và pháo đài góc Tây-Bắc. Đạo quân này có 200 người, gồm 100 súng trường, 50 thủy binh và 50 bộ binh dùng súng lục thang tre. Sau đoàn này là một đội khác có 100 bộ binh và một đoàn pháo thủ. Hậu quân là 40 thủy binh do Thiếu-úy Fiashi điều động cùng tiến với Henri Rivière.

Ngoài pháo đài và mé cửa Bắc bị công phá, các dinh trại và kho tàng, nhà đạn cũng là mục phiêu của quân Pháp do đại bác số 4 bắn vào không ngớt phút nào.

Xét ra thì một giải 500 thước về mạn thành này đã do các đạo binh tấn công 3 nơi kể trên vừa hải vừa lục quân gồm theo cả một vài toán nguy binh do người Pháp mộ ở đây.

Cuộc giao tranh kịch liệt. Trong bắn ra, ngoài bắn vào. Những lớp nhà lá ở ngoài thành bị đạn cháy ngất trời, mỗi lúc thêm to, tàn lửa bay lung tung. Quân Pháp phải luôn luôn đổi chỗ, kéo đại bác đi rất là vất vả.

Viên Chánh-xuất-đội Hùng-Nhuệ đang thúc quân ứng chiến rất hăng bị trúng đạn ngã gục. Bỏ chánh Tuyền bỏ chạy vào kho thuốc súng thì vừa đứng đại bác của pháo thủ Deviternes bắn tin, Lửa bốc cháy ngùn ngụt, tiếng nổ inh tai, khói tỏa mù mù. Lửa cháy dữ quá đến nỗi những giấy nhà cách thành vài trăm thước cũng bị lửa lan tới.

9 giờ 15! tình thế Việt-quân đã có vẻ nguy ngập. Nhà kho, dinh trại nhiều nơi bị cháy do một số quân nội phản. Tin dữ cáo cấp, Hoàng-Diệu không sòn lòng truyền lấy thêm quân và đạn dược lên cửa Bắc. Tiếc thay đại bác của ta không chuyển dịch được, phần bắn không có tầm thay đổi gần xa nên hầu như vô dụng do chỗ địch quân biết tiến thoái.

10 giờ 15! quân Pháp toàn thôi bắn nhưng Việt quân vẫn hăng nên Henri Rivière lại cho lệnh bắn phá kịch liệt. Đạn nhỏ, đạn lớn bắn như mưa trong nửa giờ rồn rập vào các kho tàng, dinh trại. Thỉnh thoảng có những tiếng nổ vang trời, dậy đất. Lửa bốc bùng bùng tung tóe tàn khắp mọi nơi.

Ở cửa Đông, thấy thế nguy, Đề-đốc Lê-Trình bỏ chạy. Lãnh-Binh Lê-Trực ở cửa Tây cũng rút. Thế là hai mặt này bị tan vỡ. Ở cửa Nam, thủy sư lãnh binh Nguyễn-dinh-Đường còn cố chống giữ. Chỉ có ở cửa Bắc do Hoàng-Diệu và phó lãnh binh Hồ-văn-Phong đốc chiến là còn mạnh.

10 giờ 45, đại bác của Pháp im tiếng. Quân Pháp thay chiến lược. Họ soay sang thế đánh giáp lá cà và đại-úy Martin dùng mìn phá thành (cửa Bắc). Những tiếng nổ dữ dội ghê gớm phát ra nhưng thành vẫn trơ trơ như đã đem cả cái kỳ-công từ đầu triều Lý do sức cần cù của dân tộc Việt-Nam non nghìn năm ra để đối phó với mọi phũ phàng của tình thế.

Rồi tại góc Tây Bắc quân Pháp nhờ có thang tre treo vào được, rầm rầm kéo xuống. Tiếng hò reo như long trời lở đất. Tiếng gươm đao, lưỡi lê đụng chạm nhau nghe lạnh

CHÚ THÍCH.— Theo lời cụ Cử Vô Nguyễn-dinh-Trọng tức Cử Tôn đóng xuất đội có dự chiến thì nhà kho đã chuyển sang Hậu Lâu rất bí mật. Lửa cháy là do mấy tên nội phản đốt hỏa hồ làm hiệu cho quân Pháp và làm nao lòng quân ta.

cả người. Cuộc hỗn chiến cũng vô cùng ác liệt. Quân Việt vừa đánh vừa tháo trước những làn khói tỏa và trận mưa đạn.

Đại cục trông thấy đồ vỡ rõ ràng.

Hoàng-Diệu khi đó đầu đội khăn xanh, mình mặc áo the thâm, thắt lưng nhiều điều buộc múi bên sườn cùng mười viên võ cử rút về phía Hành cung giữa đám tàn quân.

Khi đến nơi, ông truyền : « Ai muốn về Kinh thì về, còn ai muốn đánh nữa thì lên Sơn-Tây hợp với Hoàng-kế-Viêm ». Khi mọi người giải tán, ông vào cắt ngón tay viết trên mảnh lụa trắng mấy lời di biểu để tạ tội cùng triều-đình :

*« Thành mất không sao cứu được, thật hổ với nhân sĩ
« Bắc-Thành lúc sinh tiền ! Thân chết có quản gì, nguyện
« xin theo Nguyễn-tri-Phương xuống đất ! Quân Vương muốn
« dậm, huyết lệ đôi hàng... »*

Rồi ông trút bỏ khăn trông vào cảnh đa trước miếu Quan Công mà tuấn tiết.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tôn-Thất-Thuyết và phong trào Cần-Yương

CUỘC Cách-Mạng do các nhân sĩ Việt-Nam cuối thế-kỷ 19 lãnh đạo gọi là phong trào Văn-Thân. Phong trào này chia ra làm hai giai đoạn : giai đoạn tiền Văn - Thân đến cuộc thất bại của Cụ Phan-dinh-Phùng thì chấm dứt. Từ cuộc xuất dương của Cụ Phan-Bội-Châu trở đi là giai đoạn hậu Văn-Thân. Có thể gọi cuộc Cách-Mạng này là Cách-Mạng phong-kiến. Đến Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng là phong trào Cách-Mạng tư sản dân quyền và tới cuộc cướp chính quyền của Đông-Dương Cộng-sản đảng là cuộc Cách-Mạng vô-sản. Chúng tôi cần phân tách như vậy cho rõ tính cách của mỗi cuộc Cách-Mạng.

TRONG lịch-sử Kháng-chiến của Việt-Nam, người đã đứng ra dong trống, nêu cao ngọn cờ khởi nghĩa, phải kể Tôn-Thất-Thuyết trước nhất.

Sau khi vua Tự-Đức băng hà ngày 19-7-1883 tức là 16-6 năm Quý-Mùi, ông làm phụ chính đại thần kiêm Binh bộ Thượng Thư. Thời cuộc Việt-Pháp hồi đó vô cùng rối ren. Kể về tài thao-lược đối với tình thế quá phức tạp bấy giờ thì quả ông còn thiếu sót nhiều trong việc kinh bang tế-thế. Trí xét đoán của ông có phần thiên lệch cố chấp nên hay có sự sai lầm đáng trách, tính nết lại nóng nảy. Nhưng lòng ông đối với giang-san Tổ-Quốc thì thật là trong trắng trung kiên. Ngoài ra ông có thể xứng đáng là linh tụ cho giai cấp phong kiến Việt-Nam thời ấy.

Không chịu đóng vai « hàng thần lơ lảo », xót nỗi nước mất nhà tan, riêng ông cùng một số đồng chí quyết đứng ra một bên thề sống chết với non sông đất Việt.

Từ tháng 6 năm Quý-Mùi cho đến tháng 5 năm Ất-Dậu tức là từ ngày vua Tự-Đức mất đi đến khi có cuộc đột kích ở kinh thành Huế vừa đúng hai năm, ông đã được nắm đủ quyền hành trong tay để mưu toan việc kháng chiến,

Ngày 22-8-1883 Toàn quyền Harmand đến Huế đưa ra bản Hiệp-ước thảo sẵn bắt triều-đình Huế phải ký không được thêm bớt một chữ. Có thể coi hiệp-ước này như một tối-hậu-thư vì ông Harmand chỉ nói gọn một câu với các quan Việt-Nam: « *Các ông muốn hòa bình thì ký vào đây, nếu không thì phải chiến tranh* ». Nam triều phải cử Trần-đình-Túc và Nguyễn trọng-Hiệp hạ bút xuống tờ hiệp-ước đó, ngày nay được mệnh danh là hòa-ước Harmand ký ngày 25-9-1883. Hòa-ước đó nội dung thế nào xin coi những trang sau đây.

Chủ quyền Việt-Nam bị mất từ ngày ấy.

Ông Thuyết không chịu tình thế ngang trái đó liền phái Kỳ Ngoại hầu Hường-Chuyên và Phò-mã Cát đi về các làng thuộc hạt Thừa-Thiên mộ quân sĩ và tuyên truyền kháng chiến. Quân đội lấy tên là Đoàn-kiết có ý nghĩa là hai người đồng tình dù cứng như sắt cũng chắt được huống hồ nhiều người.

Trung tuần tháng 9 năm ấy, Pháp đem quân tiếp viện sang Bắc-kỳ. Thuyết hạ lệnh cho Hoàng-kế-Viêm, tổng đốc Sơn-tây sửa soạn chống nhau với Pháp. Ông lại phái người sang cầu viện Thanh Triều bằng đường thủy nhưng ra đến cửa bể Thuận-An thì phái viên bị tàu tuần hải của Pháp là Atalante bắt được.

Lúc này vua Hiệp-Hòa mới lúc-vị thấy trong triều phe chủ hòa, phe chủ chiến, lấy thế làm nguy liền bí-mật sai Hường-Sâm (con Túy-Lý-Vương) đưa thư sang cho Khâm-sứ Champeaux không ngoài ý giữ mình đối với Thuyết. Thái-giám Đạt biết việc này liền báo cho Nguyễn-văn-Tường bấy giờ là lại-bộ thượng-thư trong phe Kháng chiến. Sâm bị đón ở cửa Cung và bị bắt hạ ngục. Ngay đêm hôm ấy, Thuyết và Tường vào nội điện hạch tội vua Hiệp-Hòa bán nước, bắt thoái vị và giam vào một nơi. Ông Ích-Khiêm được lệnh đem tam ban triều điển (*thanh gươm, tấm lụa và chén thuốc độc*) đến để vua Hiệp-Hòa chọn lấy một con đường chết. Vua Hiệp-Hòa uống thuốc độc chết ngay. Còn Hường-Sâm thì bị chém.

Tháng tư năm 1884 nghe tin Lưu-vĩnh-Phúc và Hoàng-kế-Viêm ngoài Bắc Hà bại trận, Thuyết chẳng nản lòng liền hạ lệnh cho dân chúng xây đắp thành lũy Tân-Sở ở Cam-Lộ miền thượng du tỉnh Quảng-Trị do mục đích không tiến được thì đó là con đường rút lui và có cơ sở để kháng chiến.

Hình-bộ Thượng-Thư Phạm-thận-Duật được cử đi Quảng Đông cũng vẫn mục đích cầu viện Trung-Hoa. Ông này đáp tàu « Chiêu thương cục » của người Tàu lập ở Huế, bề ngoài là một thương thuyền, bề trong do thám tình hình và lực lượng quân đội Pháp. Sứ mệnh của Phạm-thận-Duật không đi tới kết quả mong đợi vì điều-ước Thiên-Tân ngày 11-5-1884 giữa Trung-Quốc và Pháp có sự công nhận các hiệp-ước Việt-Pháp tức là chủ quyền của Pháp tại Việt-Nam và Trung-Quốc phải rút quân đội ở Bắc-kỳ về.

Trong triều, sự bất đồng chính kiến gây nên một cuộc khủng hoảng chính trị mỗi ngày một lớn. Vua Kiến-Phúc kế tiếp vua Hiệp-Hòa cũng mất sớm đi, vua Hàm-Nghi lên thay. Đó là tình trạng đầu năm 1885. Phái chủ hòa và phái chủ chiến đi tới chỗ xung đột kịch liệt. Phái chủ hòa có một số hoàng tộc và đại thần là Gia-Hưng Quận-Vương, Hường-Hưu bị Thuyết sai người giết chết, còn Nguyễn-hữu-Độ trốn thoát ra Hà-nội sui giục Pháp đem quân đội vào Huế. Sở dĩ có sự quyết liệt này vì phe chủ hòa dựa vào thể Pháp uy hiếp phe Thuyết.

Hòa-ước Harmand năm sau có một vài sự sửa đổi nhỏ và lần này Khâm-sứ Patenôtre thay mặt Pháp đình nên gọi là Hòa ước Patenôtre, thi hành trong 61 năm cho tới khi có cuộc đảo chính Nhật 9-3-1945 thì vua Bảo-Đại tuyên bố bãi bỏ.

Thuyết còn phái người sang Cao-Mên bí mật tuyên truyền để gây ở xứ này một phong trào quốc-gia chống Pháp chủ định phân tán lực lượng của đối-phương. Hơn nữa Thuyết lại cho người sang Xiêm sui Xiêm đem quân tranh lại Cao-Mên. Trong lúc này việc kháng chiến và phòng thủ Kinh thành Huế vẫn tiếp tục ráo riết khiến Khâm sứ Pháp phải khó chịu và cho người sang trách cứ. Thuyết nói : quân Pháp hàng ngày đương oai diệu võ chung quanh kinh thành, Thuyết là binh bộ Thượng thư phải lo việc phòng thủ cho yên lòng dân chúng. Đại tướng Brière de l'Isle phải hạ lệnh cho quân Pháp tập trận xa nơi Kinh thành, Thuyết mới chịu tháo súng đại bác nhưng lại chuyển đi Tân-Sở lắp vào các pháo đài mới xây.

Thuyết còn cho viết một bức thư sang Pháp tố cáo những việc lạm quyền trái với hiệp-ước do các nhân viên cao cấp người Pháp ở đây có những khoản sau này :

1°) Trước khi phê chuẩn Hiệp-ước Patenôtre, hai ba trăm quân Pháp tự tiện đóng ở Mang-Cá (bên cạnh kinh thành). Vậy khoản 5 của Hiệp-ước này cần phải sửa đổi : *trại lính hộ vệ Khâm-sứ phải đóng ngoài kinh thành cho khỏi phạm vào thanh danh của Triều-đình và làm lo ngại cho dân chúng.*

2°) Nhiều công sứ Pháp ở Bắc-kỳ tự tiện bắt bớ, giam cầm đánh đòn và phạt tiền cùng kết án có khi đến tử hình quan chức Việt-Nam.

3°) Việc kiểm soát thuyền bè quá khắc nghiệt, tàu riêng của Hoàng-Đế cũng không nể. Việc thông thương ở Thừa-Thiên vì thế mà bị thiệt hại rất nhiều cho dân chúng.

4°) Nam Triều bị bó buộc phá quả ấn phong vương của Trung-Quốc đáng lẽ nên gửi sang trả cho Thanh Triều. Các võ quan chứng kiến cuộc phá hủy quả ấn bạc ấy rồi chia nhau, tính ra tiền được 240 đồng bạc Mễ-Tây-Cơ.

5°) Nước Pháp phải trả cho Nam Triều sự thu hoạch về thuế thuốc phiện, thuế mỏ và nhiều khoản thu nhập khác.

Trong thời gian này một việc đáng chú ý : ngày 24-3-1885 quân Pháp bị quân Thanh đánh thua một trận rất lớn phải bỏ Lạng-Sơn rút về Bắc-Ninh. Việc này làm chấn động cả chính giới Pháp, vì thế mà nội các Jules-Ferry bị đổ. Nghị viện bàn bỏ hẳn Bắc-Kỳ, nhưng khi bỏ phiếu, phái chủ trương « ở lại » thắng hơn phe « bỏ đi » 4 lá phiếu nên Pháp lại tiếp tục hành binh ở Bắc-Kỳ.

Thuyết rất lưu ý đến nội tình nước Pháp, thấy quân Thanh thắng trận lại càng nức lòng tổ chức kháng chiến và vẫn hy vọng vào việc tiếp viện của Trung-Hoa. Ngờ đâu, tuy thắng trận ngày 24-3 mà đến ngày 4-4 Thanh-đình lại ký một hiệp-ước Thiên-Tàn thứ hai nhường Bắc-Kỳ cho Pháp và bỏ rơi Việt-Nam.

Cuộc xung-đột đêm 21 tháng 5 năm Ất-Dậu (1885)

Trong công việc chống nhau với Pháp, không phải là Thuyết không hiểu việc tác chiến và chống giữ kinh thành là điều khó khăn nên ngoài quân chính quy ngót một vạn, Thuyết còn lập ra một đạo quân mới gọi là Phấn-nghĩa quân giao cho đề đốc Trần-xuân-Soạn điều khiển.

Một trường Diễn Võ được lập ra để huấn luyện quân đội. Sơn-phòng tức là chiến khu lập ở huyện Hương-Khê thuộc tỉnh Hà-tĩnh, phía trong tiếp với Quảng-Bình và Quảng-Trị, phía ngoài liên lạc với thượng du hai tỉnh Thanh-Nghệ và có đường sang Lào và Xiêm. Trước kia đồn này có 300 quân, sau Thuyết cử Nguyễn-Chính làm Sơn-phòng sứ, hai ông Phan-dinh-Phùng, Phan-trọng-Mưu làm tham biện, tăng gia việc mở mang về mọi mặt, phái 830 tên lính đến đóng và đặt thêm 20 cỗ súng đại bác, 50 cơ súng quá sơn do hai đội quân Thần-Cơ tức lính pháo thủ phụ trách.

Một đội quân Mọi có tài bắn cung, nỏ thuốc độc cũng được huy động để dùng vào việc. Ông lại còn cho Nguyễn-Chính được tùy nghi hành sự cho khỏi mất thì giờ trình báo về kinh.

Ngày 19-5 Ất-Dậu, Thống tướng De Courcy đem ngót một ngàn quân vào Huế bàn việc giao thiệp giữa ông và Nam Triều, đòi các quan phụ chính đại thần sang tận sứ quán Pháp hội thương để bề ngoài uy hiếp Nam Triều phải ra lệnh cho sĩ-phu và dân chúng phải tòng phục hoàn toàn chính thể Bảo-Hộ, bề trong là chủ đích bắt Tôn-Thất-Thuyết (vì ông là linh hồn của Kháng-chiến). Ngay giữa cuộc đàm phán, Thuyết đã khôn ngoan biết đề phòng, cáo ốm không sang, và đề Nguyễn-văn-Tường cùng Phạm-thận-Duật đi. (Theo tin các báo Ba-Lê hồi ấy).

Trong cuộc nói chuyện, De Courcy yêu sách nhiều điều làm nhục quốc thể Việt-Nam, đại khái ông đòi khi ông ta đến vua Hàm-Nghi phải bước xuống ngai nghênh tiếp. Sau ông lại bó buộc dù ông Thuyết ốm cũng phải cáng sang sứ quán Pháp để ông được gặp.

Thật là đưa nhau vào bước đường quyết liệt vì vậy mà cuộc chiến-tranh Việt Pháp không sao tránh được. (Đoạn trên cuốn sử này đã có nói đến).

Thuyết không chịu, De Courcy tính sao ?

Có kẻ Việt gian báo cho Khâm-sứ De Champeaux biết rằng Thuyết không ốm, ông vẫn đi kiểm soát các đồn trại và kho thuốc súng. Một ngày qua. Đêm 25-5, ông khao thưởng quân đội định sáng hôm sau đánh sang hãn bộ binh bắt Thuyết thì một giờ đêm Thuyết và Soạn cho bắn một phát đại bác làm hiệu đề nhất tề khởi công vào đồn Mang Cá và Sứ quán Pháp.

Quân Pháp xuất kỳ bất ý, vội vàng nghênh địch, nhưng vẫn giữ thế thủ để chờ buổi sáng. Họ ẩn nấp trong trại không chịu ra ngoài. Khi mặt trời hé mọc, quân Pháp thủy lục tấn công lại, chỏ súng lên đài và nóc tàu bắn rầm rầm như sấm nổi, giết hại quân dân rất nhiều. Hoàng thành và cung điện nhiều nơi bị phá hủy. Họ chia ra làm mấy đạo tiến đánh các mặt. Hai đạo quân của ta bên trong và ngoài bị tan vỡ.

Nguyễn-văn-Tường thấy thế nguy liền vào cung yêu cầu nhà vua xuất cung. Hữu quân Đò-Thống Hồ-văn-Hiển phò giá, đầu giờ thìn ra cửa Tây-Nam. Từ Dũ Thái-Hậu ủy Tường ở lại lo việc giảng hòa. Thuyết chạy kịp theo, hộ tống nhà vua về phía Trường Thi rồi ra cửa Bắc. Tả hữu đi theo, còn chừng 100 người. Quân Pháp liền treo lên kỳ đài treo cờ tam tài.

Sự tổn hại của đôi bên: quân lính Việt-Nam bị thiệt từ 1200 đến 1500 người. Pháp bị 23 người chết trong đó có 4 sĩ quan, 14 người bị thương nặng và 50 bị thương nhẹ. (Tài liệu của Giáo-sĩ A. Delvaux viết trong bài *La prise de Huế* của tạp chí *Bulletin des amis du Vieux Huế*).

Một đại tướng Pháp tham gia trận này khen quân ta thiện nghệ phòng thủ vì các đường giao thông có đào hầm hố hoặc chẹn bằng các trường ngại vật. Binh sĩ nấp đằng sau những tấm phen nửa căng hai lần da trâu mà bắn đến giờ chót mới chịu rút lui.

Trong khi đó Thuyết đem vua Hàm Nghi chạy ra chiến khu Hà-Tĩnh. Người Pháp treo giải 2000 lạng cái đầu của ông và ai bắt được vua Hàm-Nghi thì được thưởng 500 lạng.

Từ-Dũ Thái-Hậu viết thư mấy lần khuyên cháu trở về nhưng vô hiệu. Từ Trung ra Bắc, cờ khởi nghĩa khắp nơi. Người Pháp cách chức Nguyễn-văn-Tường đẩy đi Haiti, lập vua Đồng-Khánh lên ngôi ngày 11 tháng 8 ta tức 14-9-1885.

Giữa ngày hôm vua Đồng-Khánh đặt mình lên ngai vàng thì Tôn-thất-Thuyết tung ra bài hịch Cần-Vương.

Bài hịch này, chắc là của Tôn-thất-Thuyết lấy lời vua Hàm-Nghi mà nói, kể nông nổi của nước Việt-Nam từ ngày người Pháp bước chân lên đất Nam-Kỳ cho đến khi lan tràn ra Trung Bắc bấy mưu lập kế để đặt nền đô hộ trên toàn cõi Việt-Nam. Họ lấy nước là làm một chuyện khiến quân dân

Việt-Nam đau đớn lại còn sỉ nhục triều đình cùng sĩ phu đất Việt nữa. Nhà vua kể tội Nguyễn-văn-Tường chạy theo kẻ địch, lập tâm tìm bắt nhà vua nộp cho Pháp. Ngài kể nỗi khổ sở từ ngày rời bỏ kinh thành, lặn suối trèo non. Ngài hiệu triệu thần dân trong nước muôn người như một, đồng tâm gắng sức khôi phục quốc-gia nêu cao tinh thần kháng chiến.

Lời lẽ tởn hích cứu quốc hết sức lâm ly thống thiết đã khiến nhiều nhân sĩ hồi ấy nghẹn ngào sa lệ vô gươm đứng dậy. Kết quả là các cuộc khởi nghĩa đã nổi lên ầm ầm như phong ba bão táp.

Lê-trung-Đĩnh ở Quảng-Nghĩa

Mai-xuân-Thưởng ở Bình-Định

Nguyễn-Hiệu ở Quảng-Nam

Đề-đốc Lê-Trực ở Sông Gianh (Quảng-Bình)

Phan-dinh-Phùng ở Nghệ-Tĩnh

Tổng-duy-Tân, Cầm-bá-Thước ở Thanh-Hóa

Đinh-công-Tráng ở Ba-Đình

Tán-Tương Nguyễn-Thuật đứng đầu căn vương xứ Bắc.

Hoàng-hoa-Thám hoạt động vùng Yên-Thế.

Đó là chỉ kể một số anh hùng nghĩa sĩ hữu danh, còn biết bao nhiêu kẻ anh hùng vô danh nữa đã vì nền độc-lập của nước nhà mà bỏ thân đầu ghềnh cuối thác không sao nói xiết.

Gây xong phong trào Văn-Thân, Thuyết giao hết đại sự cho ông Phan-dinh-Phùng (trước kia là thủ nghịch số một của ông vì Phan đã phản đối Thuyết trong việc phế vua Dục-Đức lập vua Hiệp-Hòa) cắt đặt hai con là Tôn thất-Đạm và Tôn-thất-Hiệp sẵn sóc vua Hàm-Nghi rồi xuất ngoại.

Thuyết đi Tàu vẫn mục đích cầu viện vì ông vẫn tin tưởng vào sức mạnh của nhà Thanh. Ông nghĩ cho người khác đi thay không bấy tỏ hết tâm sự, hoàn cảnh, e lỡ việc lớn. Ông lấy danh nghĩa mình là người trong hoàng tộc, lại là phụ chính đại thần và đại tướng thì sự giao thiệp dễ có hiệu lực hơn chăng.

Ông bắt đầu đi từ Hương-Khê theo đường rừng ra Nghệ-An qua Thanh-Hóa, Lai-Châu, lên Lào-Kay tới Vân-Nam rồi đi sang Quảng-Đông. Cùng đi có Đề-Đốc Trần-xuân-Soạn,

võ cử nhân Nguyễn-viết-Tồn đi đến đâu cổ động kháng chiến đến đấy chớ không đi thẳng một mạch nên hành trình từ Hà-Tĩnh sang Quảng-Đông kéo dài một năm.

Khi đến Trung-Quốc ông Tôn-thất-Thuyết ở lại nhà ông Liêu-văn-Chì ít bữa rồi sang Vân-Nam. Ông gặp Khâm-xuân-Huyền là Tổng-Đốc tỉnh này sau Huyền lại giới thiệu ông cho Tổng-Đốc Quảng-Tây là Trương-minh-Ký. Do họ Trương ông lại được quen với Thống-Đốc Quảng-Đông là Lý-hàn-Chương (anh Lý-hồng-Chương). Tại Quảng-Đông, ông Thuyết làm một lá sớ đệ lên Bắc-Kinh. Khi đó Pháp cho người lên Bắc-Kinh vận động với Lý-hồng-Chương bấy giờ làm toàn quyền đại thần của triều Mãn. Họ Lý tâu với Tây-thái-Hậu chiều theo lời đề nghị của Pháp giữ ông Thuyết ở huyện La-Định, sau đem về huyện Thiệu-Quan. Ta còn biết rằng hồi đó Tàu bị liệt cường bắt nạt phải cắt đất xin hoà sau cuộc nha phiến chiến tranh với người Anh, nên rất e dè người da trắng. Ốc còn chẳng mang nổi mình ốc, đó là trường hợp Trung-Quốc dưới triều Mãn-Thanh. Vì thế việc cầu viện của ông Thuyết rút cục chỉ là công đa tràng.

Năm 1912, ông Thuyết lại thế tại Thiệu-Quan được ông Lý-can-Nguyên bấy giờ làm chấp chính Bắc-Kinh xối thương là người tiết liệt cho xây một ngôi mộ rất to và lập bia đề là Nguyễn-phúc-Thuyết Ngự Tiên Thân Vương chi mộ.

Trong giai đoạn lưu trú ở đất Trung-Hoa ông Thuyết biết rằng việc cầu viện vô hy vọng, ở nước nhà người Pháp đã lập xong nền Bảo-Hộ, ông đang điên một hóa điên mười. Xuất ngày ông không ra khỏi buồng ngoài bữa thuốc phiện và bữa cơm. Ông vung gươm trút hận vào hòn đá tượng trưng kẻ xâm lăng. Khi ông chết, lưỡi gươm sứt mẻ chỉ còn vài tấc.

Ý kiến của người đời đối với ông Thuyết thế nào? Ông Thuyết nổi tiếng khát máu; ông Thuyết là kẻ điên rồ ngu dại. Đó dư luận của một số người hồi 1885. Người ta chê ông trong một thời gian đã thí ba vua. Sự thật ông có đáng mang những lời chê trách đó không?

Với chúng tôi, có hiểu cái tâm lý của ông Thuyết bấy giờ hãy nên luận công định tội.

Dưới đời các vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, người dân Việt-Nam mới bừng tỉnh một giấc mơ. Trước đây chúng ta chỉ tưởng có thiên triều Trung-Quốc là sức mạnh duy nhất. Nhưng khi người da trắng tới đất Việt-Nam với binh hùng tướng mạnh, tàu bè khi giới tới tận, trăm trận đánh trăm trận được, thì người Việt-Nam, sau khi lục tỉnh và Đà-Nẵng thất thủ dễ dàng như trở bàn tay, hầu hết mất tinh thần và can đảm.

Trong triều đình các quan phần nhiều là những kẻ tham sống sợ chết, quên cả giáo lý thờ vua thờ nước, vì vậy người ta đã chủ hòa nhiều hơn là chủ chiến.

Ông Thuyết vốn là người có tiết tháo, tính nết lại cương cường, ngoảnh trước nhìn sau thấy bạn đồng liêu mũ cao áo dài, lương vua lộc nước hậu hỷ hàng ngày vẫn thường vỗ ngực cho mình trung quân ái quốc, đến khi lâm sự lại hèn nhát quá đàn bà. Chiến ư? Chẳng có nổi dăm ba kẻ đồng tình. Trái lại bọn chủ hòa, vận động mấy ông vua thiếu niên chưa vững ý-niệm về sự đối phó với thời cục để mưu cầu danh lợi riêng. Như vậy ông Thuyết làm sao mà không hóa điên! Ông phải hạ sát hoặc bức tử mấy ông vua đó để bọn mãi quốc cầu vinh hết lợi dụng. Đồng thời ông tiêu diệt cả những kẻ vong bản rồi không ra chốn, chiến trường cùng một số nhân sĩ bốn phương.

Ngày nay ta không cần biết trong việc chống nhau với người Pháp, ông sáng suốt hay không. Riêng về hình thức ông gây được phong trào Cần-Vương ít nhất đã cứu vãn được liêm sỉ cho dân tộc Việt-Nam để người ngoại quốc đọc đến cuốn sử của chúng ta phải nhận rằng: nước Việt-Nam có nhiều phen thua cường lân, kém ngoại địch nhưng Việt-Nam là một dân-tộc không hèn. Huống hồ phong trào cần vương lại còn để lại cho thế-hệ của chúng ta nhiều dư âm. Vậy sự nghiệp của ông Thuyết đâu phải là nhỏ? Hơn nữa toàn gia ông tan nát, về phần ông, ông cũng gửi năm xương tàn nơi đất khách, chẳng là điều đáng để cho ta ngậm ngùi thương tiếc sao!

Ngũ-Tử-Tư thời chiến quốc riêng chỉ vì thù cha anh, một đêm đã bạc đầu thì Tôn-thất-Thuyết còn hơn Tử-Tư một bậc. Ông vì non sông đất nước mà hóa điên, đem tấm

thần bỏ đào đuổi theo nghĩa cả cho tới khi sức cạn lực tàn. Con người ấy nếu bị chê trách thì kẻ chê trách phải là những người chỉ biết có lẽ xu thời.

Tại sao trong văn giới Việt-Nam ba trăm năm sau có người khóc Nguyễn-Du mà ngót trăm năm về đây lại không có người xót thương Tôn-thất-Thuyết?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

103



KỶ NGOẠI HẦU CƯỜNG-ĐỀ

Phong trào Đông-Du và Kỳ ngoại hầu Cường-Đề

PHONG trào Cần-Vương tới lúc xế chiều thì văn thân trong nước chỉ còn tính xuất dương để tìm cơ hội khôi phục lại nền độc lập của nước nhà. Ta có thể kể từ giai đoạn này là phong trào hầu văn thân.

Những người đi hải-ngoại trước tiên là các cụ Nguyễn-thiện-Thuật người tỉnh Hải-Dương khi đó đang làm chức Tham Tán Quân Vụ Đại-thần đã từng chiêu tập dân quân kháng cự quân Pháp. Khi sức cùng lực cạn cụ chạy sang Quảng-Đông ở nhà ông Lưu-vĩnh-Phúc ở Xa-Hà trước kia là chỉ-huy quân Cờ-Đen dưới triều vua Tự-Đức. Cụ Tăng-bạt-Hổ và cụ Nguyễn-giản-Khanh khi ấy cũng cùng chung cảnh bô đào với cụ. Sau đó ít lâu cụ Tăng-bạt-Hổ được ủy về nước để vận động phong trào xuất dương cầu học ngoài ý rằng Việt-Nam ta thua kém người da trắng về đủ phương diện nên phải đi học cái văn minh tiến hóa ở nước ngoài mới hòng tranh đấu với họ.

Cụ Tăng về nước vào Huế giả làm cụ Tham tán Thuật. Cụ đã gặp cụ Phan-bội-Châu năm 1900. Cụ Phan bèn bí mật đi khắp Trung Bắc-Kỳ giao thiệp với các nhân sĩ và tổ chức nên Việt-Nam Quang-Phục-Hội.

Việt-Nam Quang-Phục-Hội đề xướng chương trình bài Pháp phục Việt. Ông Ám Võ và nhiều người trí thức đã hưởng ứng lời kêu gọi và liên lạc với cụ Phan rất đông.

Năm 1904 xảy cuộc Nga Nhật chiến tranh. Sau đó một năm (1905) cụ Phan-bội-Châu sang Nhật-Bản, đến bến Hoàn-Tân gặp nhà văn hào cách-mệnh Trung-Hoa Lương-khải-Siêu. Thật là một sự may mắn bởi do sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu với họ Lương mà cụ Phan đã được liên lạc với nhiều chính khách Phù-Tang sau này đã có thời cầm vận mệnh Nhật-Bản mà vận mệnh Nhật-Bản vừa đây đã vô cùng quan hệ cho năm châu không như trước thời Minh-Trị Thiên-Hoàng. Nhật chỉ là một quốc gia chưa có tên tuổi.

Những chính-khách ấy là Khuyển-Dưỡng-Nghị, Bá-nguyên-Tùng, Đầu-Sơn, Man-Tân-Dao v.v... với sự thông minh lỗi lạc, với tấm lòng trung quân ái quốc, cụ Phan-bội-Châu đã được các yếu-nhân Nhật-Bản kính mến vô cùng. Họ bàn cùng cụ về nước tìm một người trong hoàng tộc triều Nguyễn đưa sang Nhật rồi họ sẽ vận động mọi sự giúp đỡ của Nhật để cụ thực hiện chương trình phục quốc. Vì vậy cụ Phan lại phải lên về nước, vào Huế yết kiến Kỳ-ngoại Hầu Cường-Đề. Cụ báo cáo cho Kỳ-ngoại Hầu biết mọi việc tổ chức cách mạng của đồng bào hải ngoại và sự hậu thuẫn của Nhật-Bản.

Đồng ý với cụ Phan, năm 1906, Kỳ-ngoại Hầu Cường-Đề xuất dương. Việc trốn ra khỏi nước của hai cụ thật là vô cùng khó khăn vì người Pháp vẫn lùng bắt và đề phòng các nhà cách mệnh Việt-Nam khắp chốn khắp nơi rất ráo riết. Cụ Cường-Đề phải giả là người khách buôn xuống tàu Hải-phòng được người làm ở dưới tàu là Lý Tứ và Lý Tuế, đã từng giúp đỡ nhiều nhà cách mạng trốn ra nước ngoài dấu diếm và cụ đi thoát. Sau chuyện vỡ lở, hai người này bị bắt và đẩy ra Côn-Đảo. Trong công cuộc cách mạng ở nước nhà, những người bình dân có lòng yêu nước, thương đồng loại như trường hợp Lý Tứ và Lý Tuế, hoặc tham gia vào quốc sự từ trước đến giờ không phải là ít.

Cụ Cường-Đề tới Hồng-Kông gặp ngay bốn các ông Lê-thành-Hiến, Hoàng-Hưng, Võ-văn-Kiến, Hồ-vĩnh-Long, Đặng-tử-Kinh, thật là vui vẻ vô cùng. Các ông lưu cụ Cường-Đề ở lại họp mặt ít lâu ở Hương-Cảng rồi cùng nhau kéo sang Nhật-Bản. Bước chân lên bến Hoàn-Tân, cụ Cường-Đề gặp ông Lương-ngọc-Quyến lúc đó là một thanh niên tráng kiện. Ai nấy đều hy vọng rất nhiều về tương lai. Sự có mặt của cụ Cường-Đề

ở chốn hải ngoại đã làm phần khởi tinh thần của các nhà ái quốc vẫn thân bấy giờ đang trôi nổi ở nước ngoài. Do cuộc vận động tại quốc nội, nhiều thanh niên lục tục kéo ra: Đặng-tử-Mân, Hoàng-ngọc-Long, Nguyễn-hải-Thần, Hoàng-trấn-Đông (tức Lâm-đức-Thụ), Hoàng-trọng-Mậu, Trần-hữu-Công, Trần-đông-Phong, Trần-hy-Thánh, Trần-phúc-Sơ, Nguyễn-độc-Nam (tức Nguyễn-thượng-Hiền) Phan-bá-Ngọc, Võ-tấn-Anh.

Đủ mặt anh em, Cụ Cường-Đề liền tổ chức lại Tổng Bộ Việt-Nam Quang Phục hội tại Đông-Kinh. Cụ được anh em tôn lên làm hội-chủ. Cụ Phan làm Tổng lý toàn quyền. Cụ Cường-Đề giới thiệu anh em vào học Trấn-Vũ học hiệu ở Đông-Kinh. Sau này anh em lại được phái về hoạt động ở Quảng-Đông, Quảng-Tây, chia làm hai chi-bộ do ông Nguyễn-hải-Thần và Hoàng-trọng-Mậu phụ trách. Một số anh em lên Bắc-Kinh, vào luyện tập tại trường Lục quân đại học ở Bảo-Định. Đó là bọn các ông Hồ-ngọc-Lãm, Trương-bội-Công, Đinh-tế-Dân, Lương-ngọc-Quyển, Lý-Tế-Nam, Lâm-đức-Thụ v. v. .

Cuộc vận động tại quốc nội vẫn đều nhịp. Quang-Fục-Hội tính cần phải tổ chức quân sự để đánh Pháp. Năm 1910 Quang-Fục-Quân ra đời. Ông Nguyễn-hải-Thần làm Tổng-tư-Lệnh, ông Hoàng-ngọc-Long làm phó tổng-tư-lệnh, ông Đặng-tử-Mân coi tài-chính-bộ. Ông Hoàng-trọng-Mậu làm tiền-dịch Tổng-chỉ-huy quan. Bấy giờ Quang-phục-Quân đóng ở Long-Châu được lệnh kéo về đánh đồn Tà-Lùng. Việc này thất bại, ông chạy về Quảng-Tây. Khi ấy Pháp đang toàn thịnh nên đã điều đình với Đô Đốc Lục-vinh-Đình bắt những cách mạng Việt-Nam. Nhưng Lục đã chẳng làm theo ý muốn của Pháp và đã bí mật thông tri cho ông Nguyễn-hải-Thần đem các anh em trốn sang Quảng-Đông. Bốn người chạy không kịp nên phải ở lại Long-Châu và bị bắt đưa về Lạng-Sơn. Bốn người đó không chịu cho giải về bèn uống thuốc độc nhưng không chết. Người Tàu lại trôi dề đưa về Lạng-Sơn. Đi ngang đường đến chỗ gọi là Đại-liên-Thành, bốn người cùng cắn lưỡi tự sát nhưng vẫn không xong, sau nhảy xuống sông mới được chết.

Giữa lúc này Pháp lại giao thiệp với chính-phủ Nhật để bắt cụ Cường-Đề và các người Việt-Nam đang hoạt động cách mạng trên đất Phù Tang. Nhưng Nhật chỉ thể theo lời yêu cầu

của Pháp một phần mà thôi tuy có sự nỗ lực. Sau đó có lệnh trục xuất cụ và các anh em học sinh Việt-Nam về Trung-Hoa.

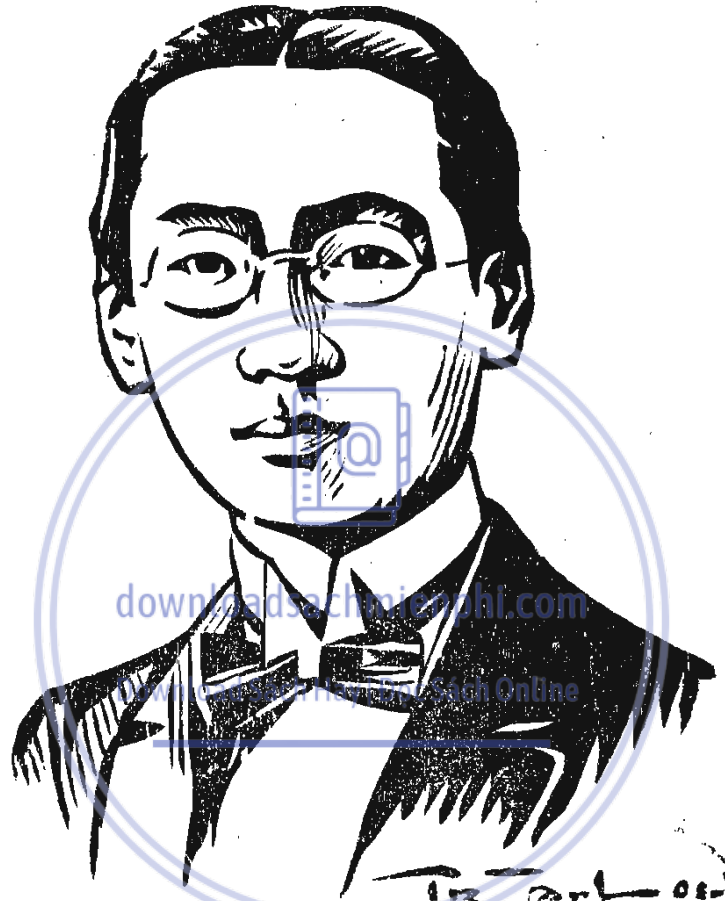
Tàu cập bến Thượng-Hải. Sứ quán Pháp cho mấy chục mật thám xuống lòng bắt cụ; may người chủ tàu giúp cụ ăn mặc giả làm thủy thủ, nhân lúc bọn người của sứ quán Pháp vô tình cụ lên bờ và lọt vào trong thành phố Thượng-Hải. Ở đây được ít ngày cụ hóa trang làm người Trung-Hoa và đi Quảng-Đông. Về đến đây, cụ Cường-Đề gặp cụ Phan-bội-Châu, cụ Nguyễn-thiện-Thuật, Phan-bá-Ngọc. Cụ lại họp bàn cùng các đồng chí kế hoạch để đi Âu-Châu. Mọi công việc cụ giao hết cho cụ Phan-bội-Châu toàn quyền xử trí rồi cùng một đồng chí cụ đi Tân-gia-Ba. Cụ lại một mình trốn về Saigon để tìm các anh em cách mạng. Sau đó cụ lên đường sang Xiêm thì các nhà đương cục Pháp ở Bangkok hay tin xin chính-phủ Xiêm bắt cụ. Một ít người quen của cụ hay tin đó bèn báo ngay để cụ tàu thoát.

Cụ vội vã rời đất Xiêm, lên đường đi Âu-Châu. Cụ tới Bá-Linh liền giao thiệp với chính-phủ Đức rồi sang bên Anh ít ngày. Cụ đã không thu lượm được kết quả mong muốn.

Hồi đó ông Albert Sarraut làm Toàn Quyền Đông Dương thân sang Luân Đôn gặp cụ khuyên cụ đem anh em về nước và hứa sẽ ủng hộ cụ lên ngôi. Cụ không nhận lời và yêu cầu mấy điều sau đây :

- 1-) Xin nước Pháp bãi bỏ sưu cao thuế nặng cho người Việt-Nam.
- 2-) Nấu rượu tự do để tránh nạn rượu Fontaine là thứ thuốc độc cho dân Việt-Nam.
- 3-) Đặc biệt ưu đãi quốc sự phạm.

Được ít lâu cuộc Thế giới chiến 1914 — 1918 bùng nổ. Tại Trung-Hoa, Đoàn-Kỳ-Thuy lên cầm chính quyền đánh điện mời cụ về Bắc-Kinh. Cụ về tới nơi thì quốc hội Trung-Hoa giải tán. Cụ lại được Khuyển-dưỡng-Nghị mời qua Nhật-Bản. Cụ về Đông-Kinh và ở nơi kinh thành này cho tới ngày mùng 6 tháng 4 dương lịch 1951 thì qua đời nơi khách địa. Cụ thọ 69 tuổi. Thật đáng tiếc cho Cụ không sống thêm ít tuổi nữa để được trông thấy cuộc cờ thế giới đổi thay và nước Việt-Nam nhà đang đi sang vận hội mới.



VUA DUY-TÂN

(Ảnh của Cải-Tạo tuần báo)

Những vị vua anh hùng của triều Nguyễn

Nước Việt-Nam từ đời vua Gia-Long đến vua Tự-Đức thì hết quyền tự chủ. Vua Dục-Tôn mất không có con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi: trưởng là Dục-Đức, thứ là Chánh-Mông, ba là Dưỡng-Thiện.

Ba ngày sau khi vua Dục-Tôn qua đời thì bọn ông Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường đòi tờ di chiếu, bỏ ông Dục-Đức mà lập em vua Dục-Tôn là Lang-quốc-Công tức Hồng-Dật lấy niên hiệu là Hiệp-Hòa. Vì vua Hiệp-Hòa muốn thừa nhận Hòa-uớc năm Quý-Mùi (1883) cho xong chuyện, nên một phần triều đình tỏ ý công phẫn và bọn ông Tường, Thuyết thấy nhà vua nghi kỵ muốn giảm bớt quyền hành của mình nên vào cung tâu với bà Từ-Dụ Thái Hậu lập ông Dưỡng-Thiện. Vua Hiệp-Hòa bị bắt uống thuốc độc chết sau khi ở ngôi được bốn tháng.

Ông Dưỡng-Thiện húy là Ưng-Đăng đặt niên hiệu là Kiến-Phúc bấy giờ mới 15 tuổi làm vua được 6 tháng thì bị bệnh mất.

Đáng lẽ ông Chánh Mông là con thứ hai của vua Dục-Tôn lên thay thì các ông Tường và Thuyết lập ông Ưng-Lịch mới 12 tuổi đặt niên hiệu là Hàm-Nghi. Đến đời vua Hàm-Nghi tình thế Việt-Pháp mỗi ngày một căng thẳng. Ngày 23 tháng 4 năm Ất-Dậu (1885) bọn ông Thuyết khởi nghĩa đánh úp quân Pháp ở đồn Mang-Cá (Huế). Việc này thất bại, các ông mang cả triều đình chạy ra Quảng-Trị và thảo hịch Cần-Vương. Chỗ nào khi đó cũng có các nhân sĩ hưởng ứng ào ạt.

Sau khi trừng phạt bọn ông Nguyễn-văn-Tường đem đầy đi Côn-Lôn và hải đảo Haïti, Thống Tướng De Courcy sai ông De Champeaux tới Khiêm-Cung yết kiến Đức Từ-Dụ xin lập ông Chánh-Mông lên làm vua. Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh Mông phải thân hành sang bên tòa Khâm-sứ làm lễ thụ phong, đặt niên hiệu là Đồng-Khánh giữa lúc vua Hàm-Nghi còn ở mạn Quảng Bình kéo cờ khởi nghĩa chống nhau với quân Pháp.

Hơn bốn năm sau, vua Đồng-Khánh băng hà là một dịp lịch-sử triều Nguyễn đưa ra đời hai vị vua anh hùng ái quốc nữa : vua Thành Thái và con ngài vua Duy Tân.

Vua Thành-Thái

Năm 1889, vua Đồng-Khánh băng hà, con là Dục-Đức lên nối ngôi, lấy hiệu là Thành-Thái. Vua Thành-Thái là một ông vua chuộng tự do. Ngài lợi dụng địa vị đặc biệt của mình để kết thông với một số quan lại trong triều, liên lạc bí mật với các đảng Văn thân để mưu đồ chống Pháp.

Vào khoảng 1913, vua Thành-Thái định ra Bắc rồi trốn sang Tàu, nhưng vừa ra đến Thanh-Hóa thì cơ mưu bại lộ. Khâm-sứ Trung-Kỳ đánh điện ra chặn xe và đưa nhà vua về Huế. Vì không có bằng cớ, nên vua Thành-Thái vẫn tại vị. Liên can trong vụ này có nhiều người bị đầy ra Côn-Lôn như ông Dương-công-Loan, ra Lao-Bảo như ông Dư, ông Kiêm...

Sau khi xảy ra vụ này, vua Thành-Thái bị tòa Khâm kiểm soát rất ngặt, không hoạt động gì được. Để che mắt người Pháp, vua giả điên, hò hét và hay đánh đập người. Vua bỏ tiền mua một số con gái rất đông lập thành một đội đàn bà, mặc áo quần chế theo kiểu riêng, hằng ngày luyện tập và canh gác hoàng thành. Vua thân hành luyện tập cho họ cưỡi ngựa, bắn súng, có ý dụng họ vào việc khởi nghĩa nếu cơ hội đến.

Bấy giờ Toàn-quyền Broni và Khâm-sứ Trung-kỳ Levecque lấy làm e ngại, và muốn dẹp hẳn mối lo thập thò bên mình bắt buộc nhà vua thoái vị, lấy cớ rằng nhà vua không chịu chăm việc nước, và đầy đi Ô-Cấp (Cap Saint Jacques). Sau họ lại đưa ngài sang đảo Réunion ở tận Phi Châu. Thái tử Vĩnh-San lên thay lấy hiệu là Duy-Tân (1907).

Vua Duy-Tân

Lúc lên nối ngôi Hoàng-tử Vĩnh-San mới tám tuổi. Việc triều chính đều giao quan phụ chánh Trương-như-Cương. Ta thường nói: *cha nào con ấy*. Thực vậy, lớn lên vua Duy-Tân, tức hoàng tử Vĩnh-San, một thanh niên tuấn tú, ham chuộng tự do, có chí bài Pháp.

Vua không chịu nơi sự tù túng trong cung cấm và thường tỏ ý muốn đi chơi các nơi, người Pháp muốn chiều ý ngài nên cho làm một nhà mát gọi là Thừa-Lương ở cửa Tùng (Quảng trị). Vua ra Quảng-trị, có lần đến chợ phiên Cam-lộ để gặp ông Khóa Bảo một yếu nhân cách mạng thời bấy giờ. Vua thường ra nghỉ mát tại cửa Tùng. Trong những cuộc đi chơi như thế, ngài thấy được rõ ràng nỗi khổ của dân chúng. Các bậc chí sĩ các nơi thường kiếm cách để gần gũi ngài.

Vua Duy-Tân là một ông vua có chí khí và thông minh rất mực. Chí khí và thông minh của ngài thường lộ trong ngôn ngữ cử chỉ hàng ngày. Có người kể lại: có một lần ở cửa Tùng, vua bốc cát chơi, nhóp cả hai tay. Một ông quan mức nước để vua rửa tay. Vua không rửa ngay cho, ngài hỏi: Tay nhóp lấy nước mà rửa, nước nhóp lấy chi mà rửa? Câu « *Ngồi trên nước khôn ngăn được nước* » cũng là thế. Những người gần gũi nhà vua thường biết vua có chí bài Pháp.

Các thủ lĩnh các phong trào Hậu Văn Thân (1) nhờ đó biết rõ, bèn tìm cách trực tiếp nhà vua. Tiếp xúc với các lãnh tụ cách-mạng vua Duy-Tân có ý muốn nối chí cha để dành độc lập cho tổ quốc.

I. — Các tổ chức cách mạng bên ngoài

Trong lúc vua Duy-Tân ôm hoài bão bài trừ người Pháp thì bên ngoài các tổ chức cách mạng mọc lên khắp mọi nơi. Các lãnh tụ Phan-bội-Châu, Nguyễn-thiện-Thuật, Nguyễn-Thượng-Hiền lập ra Việt-Nam Quang-Phục-Hội (1910). Cuộc khởi nghĩa ở Bồ-Lư, do các ông Long-Sơn, Ngư-Hải tức Đặng Thái-Thân, Đội Quyến và Đội Chấn (1910) từ Nam ra Bắc.

(1) Hậu Văn Thân là một phong trào chống Pháp trong khoảng từ 1900 đến 1918 tiếp theo phong trào Tiền Văn-Thân.

Cuộc khởi nghĩa ở Yên-Báy do ông Chu-dinh-Trạc (1911). Cũng trong năm ấy, Đề-Thám và đảng Nghĩa-Hưng chủ trương đầu độc trại lính Hà-thành. Nhưng các việc trên đều bị thất bại. Các lãnh tụ người bị giết, kẻ bị đi đày Côn lòn, Lao-Bảo.

Năm 1912, đảng Việt-Nam Quang Phục chủ trương một cuộc ném bom để gây ảnh hưởng. Cụ Nguyễn-văn-Cần sai Nguyễn-văn-Tráng về thi hành mệnh lệnh. Kết quả Tuần phủ Nguyễn-duy Hàn bị giết. Quả bom Thái-Bình làm chấn động dư luận toàn quốc.

Cuộc đại chiến sắp nổ. Tình hình thế giới đã đến lúc căng thẳng. Đức bỏ ra một số tiền lớn để khuấy rối thuộc địa Pháp. Đó là manh tâm của người Đức muốn gây thanh thế cho mình ở các thuộc địa để đánh Pháp sau này.

Sứ thần Đức ở Xiêm tìm gặp ông Đặng-thúc-Hứa để bàn về việc đánh Pháp và hứa sẽ giúp Việt-Nam giành được độc-lập. Tú Hứa liền báo cáo việc đó cho ban Trung ương ở Quảng-châu. Ban Trung ương phái Cụ Nguyễn-thượng-Hiền sang Xiêm thương thuyết với sứ thần Đức. Kết quả cuộc đàm phán Đức giúp Cách mạng Việt-Nam một số tiền lớn và giới thiệu với các cố đạo ở Xiêm. Đảng liền đem số tiền của Đức giúp mua khí giới và mộ lính để lập một đạo quân dùng về việc phục quốc.

Trong lúc đó các đảng bộ trong nước bị khủng bố liên tiếp. Chỉ có đảng bộ Quảng Ngãi là tương-đối vững hơn. Đảng triệu tập hội nghị, cử đại biểu ra ngoài nước điều tra tình hình và chấp mối liên lạc.

Bùi-phủ Thiệu tức Cử Cầu và Nguyễn-Mậu tức Cẩm-Sơn được cử đi ngoại quốc. Hai người sang Xiêm gặp Cử Trình báo cáo tình hình ở ngoài và việc chia rẽ giữa Cụ Phan-bội-Châu và ông Cường Để, lúc cụ Phan chủ trương bỏ quân chủ lập hiến để đổi ra Cộng Hòa dân chủ. Lại trình bày cho hai người biết hệ thống giao thông và đem hai người đến gặp Đinh-Hữu-Côn; Côn lại giới thiệu với Trần-hữu-Lực tức Trần-công-Kiến. Trần-hữu-Lực thuật cho Thiệu và Mậu biết cuộc thương thuyết giữa cụ Nguyễn-thượng-Hiền và sứ thần Đức, vạch chương trình tiến hành của Đảng và dặn trở về sắp đặt cơ hội chờ ngày hưởng ứng.

Hai người trở về nước chẳng bao lâu đến tháng 10 năm 1914 được tin cố đạo Bàn Gốc (Quảng Ngãi) báo cho đảng bộ biết rằng đến ngày 4 tháng 2 năm 1915 sẽ có ba đạo quân kéo vào đánh Bắc kỳ. Đảng liền khai hội-nghị đến ngày 4 tháng 1 năm 1915 sẽ khởi nghĩa hưởng ứng.

Quân đội ở ngoài chia làm ba đạo kéo về biên giới :

1-) Một đạo từ Long-Châu kéo đến Yên-báy do Hoàng trọng-Mậu chỉ-huy.

2-) Một đạo từ Long-châu kéo đến Lạng-sơn do Lê-đức-Mân đảm nhiệm.

3-) Một đạo do Trần-hữu-Lực tập trung ở Bắc Xiêm kéo qua miền Thượng-du Lào đến Lai-châu.

Nhưng khi đến biên giới đánh chưa được mấy ngày thì bị dẹp tan. Trần-hữu-Lực bị bắt đem về chém ở Bạch-Mai. Hoàng-trọng-Mậu và Lê-đức-Mân tuy chạy thoát song về sau cũng bị bắt và chịu chung số phận với ông Trần-hữu-Lực. (1915).

Cuộc hành binh ở biên giới thất bại nên đảng phải tạm đình chỉ việc bạo động trong nước.

downloadsachmienphi.com

II. — Vua Duy-Tân khởi nghĩa

1. Đảng Việt-Nam Quang phục hợp đại hội ở Phú xuân (Huế).

Vào khoảng tháng 9 (1915), theo lời đề nghị khởi nghĩa của đảng bộ Quảng-ngãi, đại biểu các tỉnh về hợp đại hội ở Phú-xuân (Huế), để thảo luận kế hoạch bạo động. Dự cuộc đại hội này gồm có :

Quảng Ngãi : Nguyễn-Thúy, Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Nậm.

Quảng nam : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân, Phan-thanh-Tài, Đỗ Tư.

Thừa Thiên : Đoàn-Bồng.

Quảng trị : Phan-phú-Tiên.

Quảng bình : Nguyễn-Chánh.

Đại hội họp tại nhà ông Đoàn Bồng ở đường Đông-Ba (Huế). Ông Thái Phiên được cử làm chủ tịch ; sau mấy ngày

bàn bạc, đại hội quyết định: Rước vua tham gia vào cuộc khởi nghĩa để yên lòng dân chúng và chia nhau công việc :

— Ông Thái-Phiên và ông Trần-cao-Vân phụ trách về việc trực tiếp vua Duy Tân.

— Ông Lê-Ngưng phụ trách thảo tờ hịch và chương trình hành động.

— Ông Nguyễn-Thúy và ông Lê-dinh-Dương (Y sĩ) đi thương lượng với cố đạo Bàn Gốc để nhờ giới thiệu với quan tư người Đức ở Mang cá.

— Ông Nguyễn Chánh làm ủy viên kiểm soát.

Các tỉnh đều phải cấp tốc vận động binh lính và dân chúng mỗi khi có cuộc bạo động.

2.) Các đại-biểu trực tiếp vua Duy-Tân

Lúc bấy giờ vua Duy-Tân đã 16 tuổi. Vua thường lấy làm đau lòng khi thấy dân tình cực khổ, chịu sưu thuế nặng nề lại phải đánh giặc muồn cho người.

Vua Duy-Tân đã tỏ thái độ chống Pháp trong việc giao cho ông Huỳnh-Côn thương thư bộ lễ một bức thư gửi cho chính phủ Pháp để trách về việc không thi hành triệt để tờ hòa ước 1884. Rốt cuộc không ai dám đem bức thư này đi cả; có kẻ lại đi ton hót với khâm-sứ Trung kỳ, nên việc này tòa Khâm-sứ rất lấy làm bất bình.

Ông Thái-Phiên và ông Trần-cao-Vân tìm cách vào trực tiếp với nhà vua; hai ông bỏ ra một số tiền lớn, cho người tài xế của nhà vua thu xếp với y thời việc để nhờ y giới thiệu một người khác vào thay. Kết quả Phan-hữu-Khánh tốt nghiệp trường thương mại kỹ nghệ ở Huế được giới thiệu và giữ chân tài xế cho nhà vua. Khánh là một thanh niên lanh lợi, khôn ngoan được nhà vua tin dùng yêu mến. Nhờ đó, đảng Cách-mạng biết được rõ ràng tâm chí của nhà vua. Hai tháng sau Phan-hữu-Khánh dâng vua một bức thư của Trần-cao-Vân, đại ý nói thảm họa của một quốc gia nô lệ và ý định phục quốc của đồng bào. Trong thư có câu :

Thiên khải Thánh minh hữu bài Pháp hưng bang chi chí. Nghĩa là : Trời sinh vua thông minh chánh trực có chí khí chống Pháp phục quốc. Lại có câu vạch rõ tội ác của người Pháp :

Phụ hoàng Hoàng đế hà tội kiến thiên ?

Đức-tôn tôn lăng hà cô kiến quật ?

Nghĩa là : Đức vua cha, cha ngài (Vua Thành Thái) vì tội gì mà bị đày ?

Lăng tằm vua Đức-Tôn (vua Tự-đức) vì có gì mà bị bới ?

Xem xong, nhà vua bị cảm xúc vô cùng. Vua yêu cầu trực tiếp với người viết thơ. Ông Trần-cao-Vân bèn bàn với ông Thái-Phiên và ông Phan-thanh-Tài cách trực tiếp.

Theo kế hoạch đã định, ngày 12 tháng 3 âm lịch (1916), vua ngự xem tập lính ở bãi Trường thi. Sau khi duyệt binh qua loa cho xong chuyện, vua đi chơi hóng mát dọc theo con sông đào gần đó. Đến một nơi trên bờ sông, dưới gốc cây, vua thấy ông Trần-cao-Vân và ông Thái-Phiên xách giỏ ôm cần câu ngồi đợi sẵn từ lâu. Sau khi hỏi qua công việc, nhà vua định ngày mồng một tháng tư thì khởi sự và xin chia phần việc. Trần-cao-Vân ngần ngại, song vì nhà vua nài mãi, nên Vân bèn ưng cho vua đúc 4 cái ấn kinh lược :

- 1-) Bình-Trị (Quảng-Bình, Quảng-Trị).
- 2-) Nam-Ngãi (Quảng-Nam, Quảng-Ngãi).
- 3-) Bình-Phủ (Bình-Định, Phú-Yên).
- 4-) Khánh-Thuận (Khánh-Hòa, Khánh-Thuận).

Trước khi từ giả, hai người còn dặn đến ngày đó sẽ đến hộ giá nhà vua đi Quảng-Ngãi.

3-) ~~Hop đại hội lần thứ hai ở Phú-Xuân.~~

Vào khoảng trung tuần tháng ba năm 1916, Việt-Nam Quang-Phục đảng (Trung bộ) hội họp đại hội lần thứ hai ở Phú-Xuân để nghe báo cáo xét tình hình, kiểm điểm lại lực lượng, duyệt lại bản chương trình và định kế hoạch bạo động.

Xét về lực lượng, đại hội thấy rằng thực lực cũng tạm đủ. Quảng-Nam, Quảng-Ngãi cơ sở vững trãi, lực lượng mạnh ; có tổ chức một lực lượng trung kiên cho cuộc khởi nghĩa. Thừa-Thiên có đội lính khố vàng, đội lính khố xanh, đội lính Tây do quan Tư Đức chỉ huy ở Mang Cá và một đội lính mới ước chừng độ một ngàn người để đưa qua Pháp. Đội quân này chịu ảnh hưởng cách mạng nhiều nhất. Ngoài ra còn một số quan lại viên chức và nhân dân xung quanh Huế và miền quê tham gia.

Quảng-trị : Chỉ có đội lính khố xanh do ông quân Thiệu, quân Nguyên chỉ huy ; tổ chức dân chúng rất mạnh, do ông khóa Bảo cầm đầu.

Quảng-Bình : chỉ có vài ba đồng chí. Các tỉnh miền nam lực lượng chẳng được là bao. Kế hoạch khởi nghĩa đại lược như sau :

1-) Tổng phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh ; giây phút trước lúc khởi nghĩa. Huế sẽ nổ thần công làm hiệu lệnh báo cho Bình-Trị biết. Đồng thời nổi lửa ở đèo Hải-Vân báo cho Nam-Ngãi biết.

2-) Huy động các đạo quân cùng dân chúng chiếm kinh đô, liên lạc với quan tư người Đức đóng ở Mang-Cá làm thanh viện.

3-) Chiếm Đà-nẵng để mở đường giao thông với Đức-Phổ.

4-) Nếu tấn công bất lợi bị đánh lui thì đạo quân Quảng-Nam sẽ rút về phía tây chiếm miền rừng núi Ba Nà. Đạo quân Quảng-Ngãi sẽ kéo lên miền Gió Rút. Đạo quân Bình-Định sẽ kéo lên miền rừng núi Gia Lai (Pleiku).

5-) Các tỉnh miền nam Trung-kỳ, vì lực lượng ít ỏi, sẽ nổi dậy hưởng ứng lúc nào quân cách mạng kéo tới.

Đại hội định ngày mồng một tháng tư âm-lịch (Mai 1916), tổng khởi nghĩa. Đại hội bầu ủy ban khởi nghĩa :

Huế : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân.

Quảng-Nam : Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tư.

Quảng-Ngãi : Lê-Ngưng

Công việc sắp đặt đầu vào đó, chỉ đợi ngày khởi sự, nhưng. . .

III. — Một sự thất bại đau đớn

Vì tình riêng, ngày 30, một viên cai khố xanh có chân trong đảng cách mạng tên là Võ-Cư đóng ở đồn Quảng-ngãi bị đổi đi Đức Phổ. Trước lúc ra đi, Cư có dặn với người em họ là Trung làm lính gián ở dinh ông Án nên về nhà đứng ở lại dinh. Trung không hiểu vặn hỏi. Vì thương em, Cư đành nói sự thật. Trung vàng lời chiều hôm ấy đến xin phép viên Án Sát Phạm-Liên.

Thấy sắc mặt Trung khác với ngày thường và điệu bộ khả nghi, Liêu bèn gạn hỏi. Biết không thể dấu được, Trung bèn thú thật. Liền đó, Liêu đưa Trung qua báo Sứ; lập tức, Cur bị bắt đưa về tra hỏi. Bị tra cực hình, Cur liền khai Thiêm và Cẩn. Cẩn làm tùy phái tòa sứ được đảng giao cho trọng trách đầu độc viên Công-sứ. Còn Thiêm cai lĩnh khố xanh được đảng cử làm giám binh, đứng đầu việc chỉ huy trại lính. Thiêm và Cẩn bị bắt, tra khảo song không chịu khai ai cả.

Chiều mừng một, binh lính người Việt-Nam bị lột khí giới, và bị tống lao. Thành phố thiết quân luật; lính Pháp đi tuần xét các ngã đường. Đến giờ đã định dân chúng kéo đến các địa điểm tập trung. Đội lính khố xanh ở Nghĩa-hành do đội Luân, cai Xứ chỉ huy cũng kéo về cách thành hai cây số nấp vào một chỗ. Nhưng đợi mãi không thấy đánh phải rút về. Mấy ngày sau đó, nhiều người bị xét nhà, bị bắt và bị tra tấn cực hình. Cả thấy 14 người bị án chém, trong đó có Lê-Ngưng. Hơn hai trăm bị án khổ sai, đẩy đi Côn Lôn và Lao Bảo.

Ở Quảng-Nam cũng bị võ lữ trước ngày bạo động. Nguyễn Đĩnh phản đảng, đem giấy má sổ sách báo với người Pháp. Đĩnh người An quán, trước làm tuần phủ. Vì vậy, ở Hội-an, y sĩ Lê-đình-Dương bị bắt đưa vào Nam rồi đẩy lên Ban-mê-thuật. Ở Đà-nẵng, Phan-thanh-Tài bị xét nhà. Tài trốn thoát nhưng sau bị bắt và bị chém ngày 9-6-1916. Một số khí giới và quần áo sắm cho dân quân bị tịch thu. Cuộc bạo động ở Faifoo và Đà Nẵng vì vậy mà thất bại.

Người Pháp canh phòng rất ráo riết. Riêng ở Tam-kỳ, phó Đản chỉ huy dân quân đến vây phủ và giết chết viên Đại-lý người Pháp. Hôm sau bị quân chính phủ dẹp tan. Kết quả hơn 100 án chết chém và một số đông bị đẩy đi Lao-Bảo, Côn-Lôn.

Ở Huế, tòa Khâm được tin có cuộc bạo động nên đã ra lệnh đề phòng ráo riết. Tuy vậy, đối với Nam triều họ vẫn giữ bí mật. Ngày mừng một, Khâm sứ Charles mật ban hành lệnh giới nghiêm. Tuy thế, Trần-cao-Vân và Thái-Phiên chẳng hay gì cả. Đêm mừng một rạng ngày mừng hai tháng tư năm Duy-Tân thứ mười (3-5-1916) hai ông cùng đội Siêm tức Nguyễn-quang-Siêu đến cửa Hòa-Bình để đón vua Duy-Tân;

nhà vua lần ra khỏi hoàng thành không may lại gặp tên mật thám Nguyễn-văn-Trứ làm thông phán tòa Khâm. Liền đó, vua bị lính đuổi theo; túng thế, nhà vua phải gói ẩn bỏ lại trên cầu Tràng Tiền để đánh lừa quân lính rồi theo Thái-Phiên và Trần-cao-Vân lần trốn. Tòa Khâm phái Phan-đình-Khôi mang quân đi tìm nã, bắt được nhà vua và ông Thái-Phiên ở chùa Thiên-mụ, đưa về Huế và nhốt vào đồn Mang Cá.

Trần-cao-Vân cũng bị bắt ở làng Hà-Trung thuộc huyện Phú-lộc (Huế).

Ngày 17 tháng 5 năm 1916, các ông Trần-cao-Vân, Thái-Phiên, Phạm-hữu-Khánh và hai tên thị vệ bị đem ra chém tại An-Hòa, còn vua Duy-Tân, sau mười ngày bị nhốt trong đồn Mang Cá, bị đẩy qua đảo Réunion ở Phi-Châu.

Ở Quảng-Trị cuộc bạo động cũng bị vỡ lở. Khóa Bảo bị bắt và bị tra tấn cực hình.

Quảng Bình và các tỉnh miền Nam đêm khởi nghĩa không xảy ra việc gì nên được yên tĩnh. Quang Phục Đảng sau khi cuộc bạo động bị thất bại phải tan. Ở Tàu và Xiêm đảng chỉ còn rải rác một đôi nhóm đồng chí sống nương nhờ với nhau để đợi thời.

downloadsachmienphi.com

(Tài liệu của Ngân-Lang)

(Hội-An)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



PHAN-BỘI-CHÂU TIÊN SINH

Mấy nhà cách mạng trứ danh của Việt-Nam

1°) Cụ Phan-bội-Châu

Phan tiên-sinh, tự là Hải-Thu và húy là Bội-Châu sau này ra hải-ngoại lấy hiệu là Sào-Nam-tử sinh dưới triều Tự-Đức giữa tháng 5 năm Đinh-Mão (1867). Tiên sinh ra đời đúng lúc đất Nam-Kỳ lọt vào tay người Pháp sau hòa-ước 1862 và là lúc nền độc-lập của Việt-Nam đang như con thuyền ngửa nghiêng trên làn sóng dữ. (Hai xứ Trung Bắc bấy giờ cũng đang dần dần bị thôn tính nốt).

Nam-Kỳ khi ấy đã là chuyện xong rồi. Khi vua Hàm-Nghi bị bắt và cụ Phan-đình-Phùng cầm đầu phong trào Cần-vương kháng-chiến ở hai tỉnh Quảng-Bình và Nghệ-Tĩnh, cụ còn là một thư sinh. Nhưng cảnh nước nhà nguy biến kích thích tâm-hồn của cụ như nhiều thanh niên khác nên sau đó cụ cùng các bạn đã tổ chức « *Học-sinh nghĩa-dũng đội* » chỉ có gươm đao, dáo mác để chống nhau với đối phương.

Với những chiến cụ yếu ớt ấy lại thêm không từng huấn luyện về quân sự « *Học-sinh nghĩa-dũng đội* » cầm cự chẳng được bao ngày tháng rút cục phải đi tới chỗ tan vỡ.

Cụ lại lần tránh và về tiếp tục việc học cho tới năm Canh Tý (1900) cụ đỗ Thủ khoa trường Nghệ. Bài của cụ bốn kỳ đều được phê ưu hạng và tên tuổi cụ đã vang lừng khắp trong nước.

Khi cụ Phan-đình-Phùng mất. Quân đội Cần-vương cũng bị giải tán. Cái họa mất nước càng rõ rệt vì không ai còn có thể chối cãi sức mạnh của cơ giới Tây-Phương và kỹ-thuật

quân sự của họ. Nhưng cụ nghĩ tiền nhân xưa đã trải bao gian lao cho sự tự do của dân tộc ngày nay, há thấy người trước ngã mà nản lòng. Cụ muốn nối chí các tiên hiền, những mong nước nhà sẽ qua cơn vận bĩ, nên tụ họp các chiến sĩ và dân chúng nối tiếp cuộc tranh đấu ở các vùng thượng du Nghệ-Tĩnh, rồi cụ cũng nghĩ có thể một ngày kia cụ cùng các đồng chí sẽ lại đi tới chỗ thất bại như Cần-vương nghĩa là sẽ bị quân Pháp dồn vào các rừng núi, bao vây lâu dài, thế sẽ phải cùng, lực sẽ phải kiệt là đủ bị tiêu diệt. Vả chẳng chống chọi với binh hùng tướng mạnh có tổ chức, có kinh nghiệm chiến-đấu không phải với dân chúng một vài địa phương mà làm nổi sự nghiệp.

Cụ quan niệm phải mở một cuộc chiến tranh toàn diện và trước việc này phải gây cho nhân dân một tinh thần chiến đấu. Dân ngu trí hèn, tiền bạc lại ít ỏi, hậu thuẫn của nước ngoài lại không có thì nhất định không sao cứu vãn nổi tình thế.

Nghĩ vậy Cụ liền cỡi yên bỏ giáp đi chu du Nam Bắc tìm nhân tài và đồng chí. Bấy giờ bắt đầu thế kỷ 20. Việc liên lạc Nam Bắc xong, cụ lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội lấy ông Cường-Đề làm minh chủ vì ảnh hưởng của chế độ phong kiến khi ấy còn mạnh trong đầu óc sĩ-phu và dân chúng.

Cụ ra Hải-ngoại để giao thiệp với một vài lân-quốc. Ta không lạ gì việc cụ qua Nhật-Bản vì bấy giờ Nhật-bản đã là một quốc gia canh tân và tiến bộ khá nhiều. Cụ qua Trung-Quốc cũng được tri-kỷ, tri âm trong đám chính khách Quốc-Dân-Đảng ở đây hẹn hò nâng đỡ. Sau đó cụ lên về nước nhà cùng với các ông Tăng-bạt-Hồ, Đặng thái-Thân đưa Kỳ-ngoại hầu Cường-Đề qua Đông-Kinh (Nhật).

Cuộc tuyên truyền xuất dương khí này rất được nhiều kết quả và nhiều thanh niên khí phách ngang tàng đã rút áo ra đi. Cả một nền văn hóa cách mạng đã được dùng trong việc kích thích nhân tâm rất là hùng tráng và bi thiết.

Hàng vạn người đã đi xuyên sơn đèo qua Xiêm, Tàu và Nhật. Phong trào Đông-Du đến chỗ toàn thịnh và đã gây được rất nhiều nhân tài. Cụ đã cùng các đồng-chí kẻ thì làm văn, viết báo, người mở các nghề doanh thương để thu góp tiền tài dùng vào việc ăn học của các thanh niên cùng mua khí giới đưa ngấm về nước giúp ông Hoàng-hoa-Thám ở Yên-Thế

và các cuộc bạo động ở khắp nơi quốc nội. Người Pháp đã hao tổn rất nhiều tâm lực và sinh mạng do phong trào cách mạng này.

Có thể nói một cách công bằng rằng cụ Phan-Bội-Châu là linh hồn của Cách mạng Việt-Nam đầu thế kỷ thứ hai mươi. Những việc rối ren xảy ra từ Bắc vào Nam đều do cụ trực tiếp hay gián tiếp điều động.

Với Chính-phủ Bảo-Hộ cụ bị lên án tử hình và cùng ông Cường-Đề đứng đầu danh sách năm 1913 tức là năm xảy ra vụ ném bom ở Thái-Bình và Hanoi-Hotel. (Bấy giờ hội đồng đề hình họp hồi tháng chín xữ 14 án chém). Cụ là một trong số người bị tử hình vắng mặt.

Trong những ngày cụ đang hoạt động mãnh liệt thì cụ bị Long-tế-Quang là đốc quân ở Quảng-Châu bắt giam định để bán cho Pháp với một giá thật cao. Nhưng may thay dự định này chưa kịp thi hành, việc mua bán chưa ngã ngũ thì cuộc Âu-chiến 1914-1918 bùng nổ. Cụ được ông Hồ-hán-Dân và vài yếu nhân Quốc-dân-Đảng Trung-Hoa gỡ khỏi cảnh giam cầm.

Cuộc Âu-chiến kết liễu. Trong nước những hoạt động chính trị bắt đầu khó khăn vì người Pháp rảnh tay xuất được toàn lực để đối phó với phong trào cách mạng. Ngoài nước trong mấy năm tình thế cũng không tiến hơn. Cụ ở Hàng-Châu với cụ Mai-Sơn lại viết báo kiểm ăn cho tới ngày xảy ra việc Phạm-hồng-Thái ném bom mưu sát Toàn-Quyền Merlin ở Sa-Điện không thành.

Cụ lại lập « Tâm Tâm xã » để liên kết với các đồng chí và tiếp tục công cuộc tranh đấu. Ngày 30 tháng 6 năm 1925, cụ định xuống Quảng-Đông hội ngộ với các anh em thì sa lưới của các nhà chức trách Pháp. Từ Thượng-Hải, người ta đưa cụ về Hà-nội để ra trước Hội-đồng Đề hình chịu cái án đã định từ 12 năm trước.

Nhưng xét dân chúng bị kích-thích hết sức nên người Pháp đã tính xữ cụ án khổ sai chung thân lại thôi do sự can thiệp của ông Varenne khi đó mới sang giữ chức Toàn-Quyền Đông-Dương.

Cụ được ân xá nhưng không được tự do. Cụ về Huế nghỉ ngơi trong một túp nhà tranh dựng bên Bến Ngự và mất

tại Huế đêm 29 tháng 10 năm 1940, hưởng thọ 74 tuổi. Quốc dân được tin cụ qua đời xót thương vô hạn.

Xét thân thế, luận sự nghiệp của Sào-Nam tiên-sinh ta thấy rằng cụ vì nền Tự-Do của tổ quốc mà phải bôn ba hải ngoại trong 40 năm ròng. Cụ là linh hồn của cuộc cách mạng cận đại và cây Độc-Lập của nước nhà nếu được hoa thơm cho đám hậu sinh chúng ta hưởng thụ, ta không thể không nghĩ đến tiên sinh là một trong đám người đầu tiên đã uơm mầm rắc giống.

Cụ đã hy sinh cho quốc gia dân tộc một cuộc đời cao khiết, anh dũng. Chẳng những quốc dân đồng bào ngưỡng mộ mà cả các nước hiểu biết dân tộc Việt-Nam cũng phải thán phục một vĩ-nhân của thời đại. Chúng tôi nói như vậy là vì với vĩ-nhân không có vấn đề không gian và thời gian. Vĩ-nhân không là của riêng của một dân tộc mà của Nhân-L loại và của mãi mãi.

Công nghiệp của tiên-sinh là lấy nước lấy dân làm trọng hơn cả. Cụ quan niệm như vậy và hành động theo phương hướng này một cách cấp tiến không như nhiều văn thân khác chỉ biết có một vì vua, một dòng họ.

Trong cuốn *Pháp Việt đề huề* mà cụ viết sau khi về nước cụ đã tiên tri bao nhiêu việc xảy ra sau này. Cụ chủ trương thuyết liên hiệp dân tộc, gây thế huynh đệ trên Thế-giới để vui cùng hưởng, họa cùng chia. Cụ bày tỏ chính sách thực dân là mầm rối loạn và nhân-loại mỗi ngày một tiến, chính sách áp bức phải đổ sụp.

Cụ bài xích chính sách ngu dân là hẹp hòi thiển cận giữa lúc chính giới Pháp chia rẽ trước hai con đường: một là mở mang triệt để cho người Việt-Nam, hai là kìm hãm dân tộc Việt-Nam bằng cách tiếp tục hán học.

Phải chi người Pháp sớm cấp tiến trong việc giải quyết mọi vấn đề ở đây một cách thân ái, nhân đạo thành thực như của cụ đề xướng trong sách *Pháp Việt đề huề* thì có đâu bao nhiêu máu phải chảy, xương phải rơi.

Giờ đây trước cuộc chiến tranh ở Đông-Dương chính giới Pháp đã nhiều phen tuyên bố chính sách các quốc-gia liên-hiệp chẳng là đúng với ý tưởng của Sào-Nam tiên sinh đó ru!

2º) Cụ Phan-chu-Trinh

Cụ họ Phan, tên Chu-Trinh, hiệu là Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã, sinh năm 1871 (niên hiệu Tự-Đức thứ 26) ở làng Tây-lộc, huyện Hà-đông (nay là phủ Tam-kỳ) tỉnh Quảng nam (Trung-Việt).

Lúc thiếu thời đã tỏ ra có tính cương trực, không hề biết sợ quyền thế là gì. Bản tính rất thông minh, hiếu học.

Năm 1900, gặp kỳ thi hương, cụ đỗ Cử-nhân. Qua năm sau (1901), gặp năm Tân-sửu, niên hiệu Thành-Thái thứ 13 có mở ân-khoa, cụ đỗ Phó - bảng.

Đỗ đại khoa xong, cụ về thăm nhà ba tháng rồi trở ra Huế, được bổ làm chức Thừa-biện là một chức thuộc viên bé nhỏ ở các bộ, thường dành cho các ông Khoa-mục mới đỗ.

Kể trong một đời, cụ có nắm chút mùi quan trường cũng là lần đầu.

Trong thời kỳ ấy, các cuộc biến chuyển ở bên Tàu, là một nước giáp nách với nước ta, nhất nhất có ảnh hưởng đến đám sĩ-phu Việt-nam.

Sau những trận thua đau đớn với các nước Tây phương, sĩ-phu Tàu bèn lo liệu việc sửa đổi lối học cũ, tiếp rước văn hóa Thái-Tây. Các sách nói về nhân-quyền, dân-quyền, hoặc hô hào lòng yêu nước, được phiên dịch và phổ biến nhiều trong dân chúng. Cụ vốn ham đọc sách báo do Trung-quốc mang sang, nên tình hình chính trị, học thuyết cách mạng Âu-mỹ cụ rất am hiểu. Tuy xuất thân trong đám khoa trường nhưng cái óc tư tưởng và cách hành động của cụ không còn là một nhà « bát-cổ » nữa.

Vả lại lòng yêu nước đã sôi sảng sôi nổi mà thấy trong đám đồng liêu phần nhiều là tối tăm mù mịt, giá áo túi cơm, người trên thì lên mặt quan sang, kẻ dưới thì cúi đầu lay, dạ, từng từng lớp lớp chỉ bắt nạt lẫn nhau, nịnh hót lẫn nhau không còn nhân cách gì cả. Vì thế mà cụ sinh ra chán nản, cáo quan về, đi chu du khắp trong nước để tìm đồng chí lo toan việc nước !

Năm Giáp thìn (1904), cụ cùng với hai cụ đồng khoa là các cụ Nghè Trần-quý-Cáp và Huỳnh-Thúc-Kháng (hai cụ

cũng không chịu ra làm quan) rủ nhau đi chu du mấy tỉnh miền Nam.

Khi vào đến Bình-định, gặp lúc quan tỉnh đang mở cuộc thi cho học trò đầu bài phú là « Lương-Ngọc Danh-sơn », bài thơ là « Chí-thành, thông-thánh ». Các cụ mạo tên là Đào-Mộng-Giác, nộp quyền làm bài. Hai cụ Nghè làm bài phú mà cụ Tây-hồ thì làm bài thơ. Hai bài thơ và phú ấy không làm theo đầu đề như thường lệ mà chỉ nói về việc nước để đánh thức đám sĩ phu đang mê ngủ và dăm đuổi trong khoa trường. Tỉnh quan thấy thế sợ không dám kiểm duyệt, phải dịch ra quốc-ngữ trình viên Công-sứ bản tỉnh và đồng thời truy tìm tác giả. Nhưng vô bằng có nên vụ này lại phải bỏ qua.

Rời Bình-định, các cụ thẳng đường vô Phan-thiết. Hồi ấy chiến tranh Nga — Nhật đang ở vào thời kỳ quyết liệt. Đoàn chiến hạm Nga bị Hải-quân Nhật cả phá ở eo biển Đối-Mã, một chiếc thoát hiểm chạy về trú ở vịnh Cam-Ranh thuộc Khánh-hòa, ba cụ bèn thuê thuyền chở ra tận nơi xem.

Về cuộc du lịch miền Nam này cụ có thu nạp được một số đồng chí trong đó có anh em cụ Hồ-Tả-Bang ở Phan-thiết.

Đi đến đâu cụ cũng đề xướng Tân-học và công kích đám hủ nho cùng bọn quan trường. Vì thế mà họ cho cụ là điên cuồng và nhìn cụ bằng con mắt hằn học, thù ghét.

Ở miền Nam ít lâu cụ lại trở về thăm các tỉnh miền Bắc.

Ra đến Hà-tĩnh có ghé thăm các cụ Nghè Tập-Xuyên, Ngô Đức-Kế, Giải nguyên Lê-văn-Huân, Cử nhân Võ-Văn-Bá, Âm sinh Lê-Võ v..., v...,

Ra Nghệ-An cụ tới thăm cụ Đốc Đặng, cụ Cử Vương.

Tới Thanh-hóa cụ vào thăm cụ Nghè Tống, cụ Cử Hoàng-văn-Khải.

Khi ra Bắc cụ đến thăm cụ Cử Lương-văn-Can, cụ Hoàng Giáp Đào-nguyên-Phổ và nhờ cụ Võ-Hoành đưa lên Yên-thế thăm cụ Hoàng Hoa-Thám.

Lúc trở về Quảng-nam cụ có tuyên bố: « Ông Đề-Thám chỉ là một võ tướng mà thôi! »

Hồi này cụ Phan-bội-Châu đang hoạt động bên Nhật-Bản có mật gửi huấn lệnh về nước khuyến khích đồng chí giúp lộ phí cho các thanh niên sang Nhật cầu học. Phong trào này rất sôi nổi. Cụ Tây-Hồ bèn tính đến việc Đông-du, qua thăm Nhật-bản, trước là quan sát sự tiến bộ của Nhật sau là đề gặp cụ Sào-Nam bàn tính về việc lớn.

Đến Hoành-tân, cụ phải tìm vào nhà cụ Lương-Khải-Siêu một chí sĩ Trung-hoa tránh nạn sang Nhật, nhờ họ Lương tìm hộ cụ Sào-Nam. Gặp nhau hai cụ rất mừng rỡ. Cụ Sào-Nam có đưa cụ Tây-Hồ đi thăm hầu hết các chính khách Nhật và Tàu.

Ở Nhật được hơn một năm, sau khi đã xem xét tình thế và thảo luận kỹ càng với cụ Sào Nam, cụ có tuyên bố cùng đồng chí trước khi bước chân xuống tàu về nước :

« Tôi có định kiến rồi, công việc chúng ta làm ngày nay chỉ nên chú trọng về việc khai hóa cho đồng bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy, mới có hy vọng về sau được. Còn như chủ trương muốn làm mau, muốn lấy võ lực mà bạo động trong nước hay là nhờ sức một nước ngoài để nổi quân cách mệnh, việc ấy tất phải thất bại; sau mỗi cuộc thất bại, tiếp đến dân bị khủng bố, nhục khi thêm nhục đi không có ích gì, tôi không tán thành ».

Từ đấy mà đi, cụ quyết định vận động cải cách chính-trị, ra mắt với Chính-phủ và quốc dân một cách công khai chứ không chịu tổ chức « Hội kín ».

Trở về Quảng-Nam, cụ khuyến dân mở trường học, lập hội buôn và cũng cảm ngộ được nhiều nhân sĩ. Những người học giỏi không chịu ra thi mà chỉ chăm nom đường thực nghiệp. Ảnh hưởng đến bọn Thanh-niên không phải nhỏ. Các bạn trẻ Quảng-Nam hồi đó tự động cắt tóc ngắn, vận Âu trang may bằng thứ vải nội hóa. Thật là một cuộc cách mạng lớn về lối phục sức !

Đồng thời cụ có viết cho Chính phủ Bảo-hộ một lá thư kể hết tình lệ trong nước, nhất là bọn quan lại đã gây nên.

Đó là bước đầu công cuộc vận động công khai sửa đổi chính trị của cụ vậy.

Năm 1907 cụ lại ra Bắc diễn thuyết công khai ở trường Đông-kinh Nghĩa-thục do các Tân-đảng Bắc-kỳ lập ra ở Hà-nội. Trước mặt một số thính giả rất đông, cụ khuyên quốc dân bỏ lối cũ, phấn phát tinh thần mà lo tự cường, tự lập. Cụ nói : « Đồng bào chớ bạo động ! Bạo động thì chết uổng ! Chớ mong người ngoài ! Mong người ngoài là rất ngu ! »

Trong khi lưu lại Hà-nội, cụ có đi diễn thuyết ở các vùng lân cận. Vì thế mà Chính-phủ Bảo-hộ rất chú ý đến cụ.

Qua giêng năm 1908, dân chúng Quảng-Nam, kéo nhau hàng vạn đến tòa sứ xin « giảm bớt sưu thuế ». Đoàn biểu tình toàn thị cúp tóc ngắn. Họ kéo nhau đến vây quanh tòa Sứ mãi không chịu giải tán đến nỗi ông Sứ phải cho lính ra bắn chết mất một số dân biểu tình rồi khi ấy họ mới chịu về.

Tuy nhiên phong trào ấy cứ lan rộng mãi vào các tỉnh miền Nam Trung-kỳ.

Bọn quan lại vốn thù ghét cụ và các nhân sĩ, vì đã sỉ vả họ nhiều lần, nay chụp được cơ hội bèn hòa nhau ton hót với các nhà chức trách Pháp, đồ tội cho cụ và các nhân sĩ hay nói dân quyền và giao thiệp với tên phản quốc (ám chỉ cụ Sào Nam), xúi dân làm loạn. Vì vậy mà cụ Nghè Trần-quý-Cáp bị chém đầu ở Nhà-trang, còn cụ thì ngay hôm đó bị viên Khâm sứ Huế điện ra Hà-nội, còng tay giải về giao cho Triều-đình Huế nghị tội. Nhiều nhân sĩ bị chung số phận này.

Qua lại Triều-đình Huế vốn thâm thù với cụ, được dịp nghị án nên họ thẳng tay lên án trăm quyết cụ (nghĩa là chém ngay lập tức !). Nhưng vì trong khi ở Hà-nội cụ có giao thiệp với một người Pháp có thế lực trong hội Nhân quyền là ông E. Babut.

Nghe tin cụ bị Nam triều lên án trăm quyết, ông Babut bèn lên thẳng phủ Toàn-quyền can thiệp xin tái thẩm. Cực chẳng đã, phủ Toàn-quyền phải can thiệp với Khâm-sứ Huế.

Vì thế mà Triều Huế phải đổi án « trăm quyết » ra án « trăm giam hãm » nghĩa là chưa chém ngay !

Ông Babut lại can thiệp một cách kịch liệt nữa. Triều đình Huế phải sửa án lại « Côn lôn ngộ xá bất nguyên » nghĩa là đi đầy Côn lôn dầu có dịp đại xá cũng không được dự !

Tinh cụ vốn cứng cỏi nên từ khi bị bắt, bất luận Tây hay Nam, quan hay lính hễ động đến cụ là cụ chửi mắng om sòm. có khi đập đồ cả mâm cơm không ăn. Vì vậy mà không ai dám ngược đãi cụ.

Ở nhà lao Phủ-thừa mấy tháng cụ bị công tay giải đi đầy ngoài Côn đảo.

Khi bước chân ra khỏi cửa lao cụ có ngâm bốn câu:

Luy luy thiết tỏa xuất đồ môn
Khảng khái bị ca thiết thương tồn
Quốc thổ trầm luân dân tộc luy
Nam nhi hà sự phả Cô-lôn.

Tháng tư năm 1908, cụ đặt chân lên Côn-đảo. Lúc đầu chiếu lệ, cụ cũng bị giữ trong khám mất vài tháng và hàng ngày cũng vẫn phải đi làm « cỏ vè » như các phạm nhân khác. Cụ phải đi đập đá. Hai tháng sau nghĩa là tháng sáu, cụ được thả lỏng ra ở ngoài.

Người ta ấn cụ ra ở một hòn đảo nhỏ mà dân cư có độ mười người.

Cụ không được phát lương, phải tự túc lấy. Cụ phải đi chặt tre lá về dựng một túp lều làm nơi chui ra, chui vào. Những dân cư ở đảo này vốn có nghề làm đồi mồi. Cụ vốn khéo tay, lại được một người thợ Bắc chỉ bảo, nên không bao lâu cụ đã làm nổi các đồ dùng bằng đồi mồi, bán cho các Giám-thị Pháp lấy tiền tiêu sài !

Thừa thì giờ, cụ lại đi câu cá, đánh chim, chui lủi khắp núi Côn-lôn.

Những lúc nhàn rỗi cụ lại ngâm vịnh.

Tinh thần lúc nào cũng vui vẻ.

Như thế, thấm thoát ba năm, đến tháng chạp năm Canh Tuất (1910), bỗng nhiên cụ được viên Thống Đốc cho người ra đón về Sài-gòn vì cụ được Chính phủ Pháp ân xá. Thì

ra người bạn Pháp của cụ là ông Babut, trong 3 năm tròn đã hết sức nhờ hội Nhân Quyền ở Ba-Lê can thiệp ráo riết xin ân xá cho cụ.

Kể ra trong đám Văn-thân bị đẩy ra Côn-Đảo cụ là người thứ nhất, mà được ân xá về cụ cũng là người đầu tiên!

Về Nam-bộ, cụ được ở Mỹ Tho mấy tháng. Sau đấy cụ nhận thấy, muốn vận động cải cách chính trị cho Việt-Nam thì phải sang tận bên Pháp, giao kết với các chính khách, các đảng chính trị thì mới mong được như ý. Cụ bèn vận động sang Tây và quả quyết nếu được toại nguyện mới chịu về, bằng không thì nguyện gửi năm xương tàn nơi đất khách chứ nhất định không chịu về tay không!

Khi qua Pháp, cụ có đem theo con trai tên là Phan-Dật.

Vì Cụ không ưa sống một đời ỷ lại nên sau khi đã đặt chân lên đất Pháp, lập tức Cụ đi kiếm một nghề để độ nhật. Cái nghề nào nhả và thích hợp với hoàn cảnh của Cụ nhất là nghề « sửa ảnh »; không phải khổ công mới thành nghề. Khi đã thành nghề Cụ làm ngay với một kiều bào Việt-Nam là nhà nhiếp ảnh có tiếng ở Ba-Lê: ông Khánh Ký.

Lần hồi như thế, cha con cũng tạm đủ. Nhưng vì sức yếu mà lại ở xứ lạnh, chịu thiếu thốn nhiều về mọi phương diện, nên mấy năm sau ông Phan-Dật, người con trai độc nhất của Cụ mắc bệnh đau phổi. Cụ phải cho ông trở về nước. Được ít lâu ông Phan Dật qua đời tại Quảng-Nam!

Hay tin buồn Cụ cũng thản nhiên vì Cụ đã nguyện hy sinh cho Tổ-quốc, nên ngoài việc phụng sự quốc gia, dân tộc Cụ không hề bận tâm đến một việc gì khác!

Cụ vốn có tiếng là nhà Cách-mạng Việt-Nam nên được các chính khách khuynh Tả ở Pháp rất quý trọng. Trái lại bọn thuộc địa thì không ưa Cụ, nhất là vì Cụ hay lui tới Thượng và Hạ Nghị viện, điều trần tình cảnh thối nát về chính-trị bên nước nhà, dùng từng bọn tham quan ô lại hà hiếp dân chúng.

Năm 1915, Cụ và Cụ Phan-văn-Trường cùng ông Nguyễn Như-Chuyên đều bị vu cho là giao thiệp bí mật với

bọn gián điệp Đức cho nên Chính-phủ Pháp liền truy nã và hạ ngục.

Qua năm 1916, nhờ sự can thiệp ráo riết của các đảng Xã-hội và hội Nhân-quyền Pháp nên các Cụ được thoát khỏi nhà ngục Santé.

Hồi ấy kiều bào Việt-Nam ở Pháp rất đông nhưng không ai là người sẵn lòng giúp đỡ Cụ về vật chất bởi một lẽ phần đông không là viên chức thì toàn là bọn công thần, công tử con cháu các nhà quan lại, tư bản cả. Tuy biết có Cụ ở Ba-Lê mà họ sợ đi lại thì bị liên lụy đến bản thân hoặc bị mất việc, hoặc bị mất học bổng lại làm lụy lây đến bước đường tiến thủ của cha anh họ ở nước nhà nên họ « kinh như viễn chi ». Do vậy mà Cụ sống một cuộc đời rất vất vả.

Tuy vậy Cụ đối với đồng bào vẫn tha thiết chớ không ghẻ lạnh hờn oán ai cả. Trong thời kỳ ấy Cụ hô hào thành lập được một hội « Ái hữu Việt kiều » mục đích là giúp đỡ những đồng bào mình sang du học ở Pháp.

Năm 1922, có cuộc « Ngự giá như Tây » của Hoàng Đế Khải-Định. Có bọn lợi dụng sự có mặt của Ngài ở Pháp để làm một trò cười cho thế là mất quốc thể, Cụ bèn gửi một bức thư lấy lời lẽ thống thiết để yêu cầu Hoàng Đế nên lập tức hồi loan ngay.

Cụ ở Pháp thăm thoát đã 14 năm, chuyên chủ giao thiệp với các chính khách Xã-Hội và nhân viên hội Nhân Quyền để mưu thực hiện chủ-nghĩa Pháp Việt liên hợp một cách thành thực.

Tháng sáu năm 1925, Tả đảng bên Pháp thắng phiếu trong cuộc bầu cử Nghị-viên, ra cầm chính quyền. Nhân đó Cụ được về nước.

Về đến Sài-gòn tuy sức đã cùng, lực đã kiệt mà Cụ còn gắng soạn 2 bài diễn văn nói trước dân chúng. Một lần Cụ diễn thuyết về « Luân lý và Đạo đức Đông-Tây »; một lần khác, về vấn đề « Quản-trị, Dân-trị ». Hai bài diễn văn này đã hoán cải được một số đông đầu óc cổ-hủ của người mình.

Các sinh viên trường Đại-Học Hà-nội có đánh điện mời Cụ ra Bắc diễn thuyết song Cụ chưa kịp ra thì gặp dịp vua Khải-Định băng-hà.

Cụ lại gửi điện văn cho viên Khâm-sứ Trung-kỳ yêu cầu về Trung tổ-chức Dân-đảng.

Tiếp sau khi ấy, bệnh tình Cụ lại tái phát, một ngày một kịch liệt đến nỗi anh em trong Nam đã hết sức săn sóc thuốc men mà không lại.

Đến đêm hôm 12 tháng 2 năm Bính-Dần tức 24 tháng 3 dương-lịch 1926, hồi 21 giờ 30, Cụ đã trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 55 tuổi.

Ngày 21 tháng 2 tức 4 tháng 4 dương-lịch thì làm lễ an táng Cụ tại nghĩa địa Gò-công (gần Phú-nhuận). Đồng bào trong toàn quốc cử hành lễ truy điệu rất là long trọng.

Vì lễ truy điệu Cụ mà nảy ra phong trào Học-sinh bãi khóa xuất từ Nam chí Bắc. Các đoàn thể cách mạng nhân đó mà kén được rất nhiều tay anh tú ngầm đem xuất dương du học.

(T. D.)



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Việt-Nam mất độc-lập do những hòa-ước nào ?

QUA các triều-đại Đinh, Lê, Lý, Trần v. v. . . Việt-Nam giữ vững được nền Độc-lập của Quốc-Gia. Đến cuối thế-kỷ thứ 19 so sánh với các nước Âu-tây thì Á-Đông thua kém nhiều. Vì yếu hèn như nhiều dân tộc khác, nên Việt-Nam bị chinh-phục và chịu sự đô-hộ của người da trắng. Sự thất trận của triều-đình Huế từ Nam ra Bắc và của kháng chiến đã mở đường cho hai hòa-ước 1862 và 1874. Chúng tôi trình bày ra đây mấy điều chính của hai hiệp ước này do đó nền độc-lập của Việt-Nam đã bị thủ tiêu.

Ngày 9-5-1862 (Nhâm-Tuất) hòa-ước ký giữa Thiếu-Tướng Bounard và sứ-thần Việt-Nam là hai ông Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-trọng-Hiệp, có những khoản quan-trọng là :

Khoản 1) 1. — Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước I-Pha-Nho được tự-do vào giảng đạo và để dân gian được tự-do theo đạo.

2. — Nước Nam phải nhượng đất cho nước Pháp lĩnh Biên-Hòa, tỉnh Gia-Định và tỉnh Định-Tường, và phải để cho chiến-thuyền của Pháp được ra vào tự-do ở sông Mékong.

3. — Nước Nam không được đem binh-khi, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhượng cho nước Pháp.

4. — Hễ nước Nam có giao thiệp với nước nào khác, thì phải cho chính-phủ Pháp biết, và khi nào muốn nhượng đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được.

5. — Người nước Pháp và nước I-Pha-Nho được ra vào buôn bán tự do ở cửa Đà-Nẵng, cửa Ba-Lạt (Nam-Định) và cửa bể ở Quảng-Yên.

6 — Nước Nam phải trả tiền binh phí 4.000.000 nguyên, chia làm 10 năm, mỗi năm trả 40 vạn nguyên.

7. — Nước Pháp trả tỉnh Vĩnh-Long lại cho nước Nam, nhưng quân Pháp cứ đóng ở tỉnh-lỵ cho đến khi dẹp yên giặc giã ở tỉnh Gia-Định và tỉnh Định-Tường thì mới rút về.

Ngày 27 tháng giêng năm Giáp-Tuất (1874) tức là năm Tự-Đức thứ 27, giữa hải-quân thiếu-tướng Dupré và hai ông Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường có sự ký kết 22 khoản đại lược là :

Khoản II. — Quan thống-lĩnh nước Pháp nhận độc-lập của vua nước Nam không phải thần phục nước nào nữa, và khi nào vua nước Nam có cần đến việc gì để đánh dẹp giặc giã, thì nước Pháp sẵn lòng giúp mà không cần điều gì.

Khoản III — Vua nước Nam phải đoan nhận y theo chính lược ngoại giao của nước Pháp, và chính lược ngoại giao hiện lực bây giờ thế nào phải để nguyên như thế, không được đổi khác đi.

Quan Thống-lĩnh nước Pháp lại tặng vua nước Nam :

- 1) — 5 chiếc tàu có đủ máy móc súng ống,
- 2) — 100 khẩu súng đại bác và mỗi khẩu có 200 viên đạn.
- 3) — 1000 khẩu súng tay và 5000 viên đạn.

Khoản IV. — Quan Thống-Lĩnh nước Pháp hứa cho quân binh sang giúp vua nước Nam để dạy tập lính thủy, lính bộ ; cho những kỹ sư sang dạy làm mọi việc, và cho những người giỏi việc tài chính sang tổ chức việc thuế má và thương chính v. v...

Khoản V. — Vua nước Nam phải thuận nhượng đứt đất 6 tỉnh Nam-Kỳ cho nước Pháp.

Khoản IX. — Vua nước Nam phải để cho giáo sĩ được tự-do đi giảng đạo và để dân trong nước được tự-do theo đạo.

Khoản XI. — Vua nước Nam phải mở cửa Thị-Nại (Qui-Nhon), cửa Ninh-Hải (Hải-phòng) thành Hà-nội và sông Hồng-Hà cho người ngoại quốc vào buôn bán.

Khoản XIII. — Nước Pháp được quyền đặt linh-sự ở các cửa bể và các thành-thị đã mở ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

Khoản XV. — Người nước Pháp hay là người ngoại quốc, hễ có giấy thông hành của quan lãnh-sự Pháp và có chữ quan Việt-Nam phê nhận thì được phép đi xem các nơi trong nước.

Khoản XVI. — Người nước Pháp và người ngoại-quốc có điều gì kiện tụng tại đất Việt-Nam, thì do lãnh-sự Pháp phân xử.

Khoản XX. — Khi nào tờ hòa-ước này ký xong, thì quan Thống-Lĩnh nước Pháp đặt sứ-thần ở Huế, để chiêu những điều đã giao-ước mà thi-hành. Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ-thần ở Paris và ở Saigon.

Hòa-Ước Harmand (năm Quý-Mùi 1883 ngày 27 tháng 7) có chữ ký của ông Harmand, ông De Champeaux, ông Trần-đình-Túc và ông Nguyễn-trọng-Hợp. Tất cả có 27 khoản :

Khoản thứ nhất nói rằng : « Nước Nam chịu nhận nước Pháp bảo-hộ có việc gì giao thiệp với ngoại quốc thì phải do nước Pháp chủ trương.

Khoản thứ hai : Tỉnh Bình-Thuận thuộc về Nam-Kỳ.

Khoản thứ ba : Quân Pháp đóng giữ ở núi Đèo-Ngang và ở Thuận-An.

Khoản thứ 6 : Từ tỉnh Bình-Thuận ra đến Đèo-Ngang thì quyền cai trị thuộc về Triều-Đình.

Những khoản sau nói rằng quan Khâm-Sứ ở Huế được quyền tự-do ra vào yết-kiến nhà vua. Còn đất Bắc-Kỳ kể từ Đèo-Ngang trở ra thì nước Pháp đặt công-sứ ở các tỉnh kiểm soát những công việc của quan Việt-Nam. Nhưng quan Pháp không dự vào việc cai trị ở trong hạt.

Hòa-Ước Patenôtre ký hồi tháng 5 năm Giáp-Thân 1884 có 19 khoản, đại để thì cũng như tờ hòa-ước của ông Harmand, chỉ đổi có mấy khoản nói về tỉnh Bình-Thuận và 3 tỉnh ở ngoài Đèo-Ngang là Hà-Tĩnh, Nghệ-An, Thanh-Hóa vẫn thuộc về Trung-Kỳ.

Chính sự của Việt-Nam đã do hòa-ước này chi phối cho tới ngày xảy ra cuộc Đảo-chính (9-3-1945) của Nhật-Bản tại Đông-Dương trong lúc đang có cuộc Thế-giới chiến kỳ thứ hai.

Nếu ta xét Hòa-ước 1862, ta thấy rằng Việt-Nam mất đứt xứ Nam-Kỳ cho người Pháp làm thuộc-địa. Còn với hòa-ước 1883 và hòa-ước 1884 thì Trung-Bắc-Kỳ chỉ chịu quyền Bảo-Hộ của nước Pháp mà thôi. Nhưng đến khi thi hành thì nước Pháp cứ lần dần cho tới gần đây chủ-quyền của Việt-Nam không còn mấy may. Có nên tự trách rang chỉ vì tinh thần bạc nhược của những người lãnh-đạo dân-tộc trong 80 năm qua mà chúng ta thua thiệt đến thế không ?

Các đảng Cách-Mạng Việt-Nam

ĐÔNG-Kinh Nghĩa-Thực là một tổ-chức Cách-Mạng lấy hình thức một trường học do các nhân-sĩ Việt-Nam điều khiển. Chương trình là giáo hóa nhân tâm để kêu gọi lòng ái-quốc của toàn dân.

Đứng đầu Đông-Kinh Nghĩa-Thực là các cụ Lương-Ngọc-Can, Đào-Nguyên-Phổ, Nguyễn-Quyền v. v...

Đây là phương pháp tranh đấu bằng văn-hóa, khi mà võ lực và quân sự đã thất bại để mở màn ra bao nhiêu tổ-chức khác liên tiếp nhau rất có mạch lạc, hệ thống, từ các nhà nho đến phái tân học. [Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Ra đời được ít lâu, Đông-Kinh Nghĩa-Thực cũng bị tan vỡ và các người cầm đầu bị đẩy ra Côn-Đảo.

Sau khi hoặc được ân giảm, hoặc mãn hạn về, các cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kể, Hoàng-văn-Khải, Nguyễn-đình-Kiên, Phúc-Bình v. v... không chịu bỏ dở công cuộc tranh thủ độc-lập cho tổ-quốc. Các cụ lại họp nhau, kẻ ở Huế làm báo, người vào Sài-gòn làm thuốc hoặc ra Hà-Nội mở hiệu đối trường để tiếp tục công việc.

Năm 1924, các cụ cùng với các bạn trẻ, phần đông là sinh viên trường Cao-Đẳng Hà-Nội, như các ông Nguyễn-văn-Phùng, Tôn-Quang-Phiệt, Lê-xuân-Phương, Nguyễn-xuân-Chữ, Nguyễn-Đắc-Lộc, Trần-Vỹ, Nguyễn-văn-Ngọc, v.v... tổ chức ra đảng Phục-Việt.

Sang năm sau, 1925, nhân dịp cụ Sào-Nam bị bắt và bí mật đưa về giam ở nhà pha Hỏa-Lò Hà-Nội, đảng Phục-Việt điều tra được liền phát truyền đơn tố cáo với dư luận.

Năm 1926, Toàn quyền Varenne sang nhậm chức, đảng lại phát truyền đơn thứ hai, kêu gọi dân chúng hưởng ứng yêu cầu ân xá cho nhà đại ái-quốc cùng là tổ chức những cuộc biểu tình, phần đông có sinh viên dự, để yêu cầu nhà Xã-Hội Varenne phải lập tức phóng thích cụ Phan.

Quả nhiên ông Varenne đã làm vừa ý dân chúng Việt và cụ Sào-Nam được ra khỏi Hỏa-Lò về nằm ở Bến Ngự (Huế).

Đảng lại phái hai đại biểu là Nguyễn-văn-Ngọc và Nguyễn-Đắc-Lộc sang Ba-Lê để dự vào phong trào vận động độc-lập do Phục-Quốc-Đảng của ông Nguyễn-thế-Truyền lúc ấy đang hoạt động ở kinh đô nước Pháp.

Sự thật thì đảng Phục-Việt khi đó tuy có tổ chức nhưng là sự tổ chức rập theo kiểu mẫu cổ xưa, đảng cương và đảng quy không rõ rệt và cũng không có điều gì mới mẻ đặc sắc cả. Ảnh hưởng trong dân chúng cũng không sâu xa cho lắm.

Đồng thời lại vấp phải sự hoạt động có phương pháp khoa học và tổ chức có hệ thống của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » nên chỉ Phục-Việt không sao bành trướng nổi. Một số đông đảng viên tân tiến của Phục-Việt bị đội tuyên truyền của V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. thu hút mất.

Xin nhớ rằng trước khi tan rã hẳn Phục-Việt hai lần thay đổi thành « Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-Chí Hội » và « Tân-Việt Cách-Mạng-Đảng ». Một số đảng-viên Phục-Việt ra lập « Đông Dương Liên-Đoàn Cộng-sản » cũng thất bại.

Từ Việt-Nam Thanh Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội đến Đông-Dương Cộng-Sản Đảng

Trước khi cụ Phan-Bội-Châu bị bắt (1925) cụ ở bên Tàu đã cùng ông Lý-Thụy tức Nguyễn-Ái-Quốc bàn lập « Liên-Đoàn các dân tộc bị trị » gọi là Á-Tế-Á áp bách nhược tiểu dân-tộc Việt-Nam chi bộ ». Đợi bên lúc đó cũng đồng ý rằng kinh tế ở Á-Đông còn lạc hậu, kỹ nghệ không đáng kể, Việt-Nam chỉ là một xứ nông-nghiệp, lực lượng của công nhân đã không có gì và nông dân lại chưa giác ngộ được về cách mạng vô sản. Ý này là do cụ Phan Sào-Nam đề cập ra rồi hai bên cùng chủ trương : « Phải qua cái cầu Cách-mạng quốc-gia đã ».

Đến khi cụ Phan-Sào-Nam bị bắt thì Lý-Thụy lập ra *Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng đông chi Hội*, vẫn theo chủ trương kể trên nhưng đây là một giai đoạn đề tiến tới cách mạng Thế Giới sau này.

Tổng bộ gồm có :

- 1) Lý-Thụy tức Nguyễn-Ái-Quốc. — 2) Hồ-Tùng-Mậu. —
- 3) Lê-Văn-Phấn tức Hồng-Sơn. — 4) Lê-Hồng-Phong. —
- 5) Lê-Quốc-Đạt tức Tsan-tắc-Cóong. — 6) Trương-Văn-Lệnh. —
- 7) Lâm-Đức-Thụ.

Công việc ở trong nước thì giao cho mỗi người chỉ huy một địa phương :

Bắc-kỳ : Mai-ngọc-Thiệu

Trung-kỳ : Vương-thúc-Oánh tức Hoàng-Lương

Nam-kỳ : Ngô-Thiền tức Thắng.

Ở Xiêm thì có Đặng-văn-Hứa và Cao-hoài-Nghĩa.

Trụ sở của V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. ở Quảng-Châu. Cuối năm 1925 ban tuyên truyền của đảng được lệnh về nước huy động quần chúng.

Về phương diện chủ nghĩa, tổ chức cách mạng này dạy cho đảng viên biết một cách khách quan các chủ nghĩa, các học thuyết đã có từ xưa đến nay. Được huấn luyện như vậy, các đảng viên có một căn bản chắc chắn, có tầm mắt rộng rãi bao quát về cách-mạng rồi tự mình chọn lấy con đường đi trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu.

Ngày 6 tháng 4 năm 1927, Chính-Phủ Quốc-dân-đảng Trung-Hoa do Thống-Chế Trương-Giới-Thạch cầm đầu mở ra cuộc bài Cộng Lý Thụy phải trốn, nhiều nhân viên của đảng bị bắt, sau nhờ có sự mâu thuẫn giữa Chính-Phủ Trung-Hoa với Chính-Phủ Đông-Dương họ lại hoạt động được như thường, nhưng Tổng-Bộ rời về Hương-Cảng.

Trong nước, số đảng viên lên tới hàng vạn, nhờ sự tổ chức khéo léo của người cầm đầu. Ngay ở Xiêm cũng có tới 2 nghìn đảng viên.

Sau vì có cuộc bất hòa trong kỳ toàn quốc đại biểu họp lần thứ nhất ở Hương-Cảng giữa bọn Ngô-gia-Tự, Nguyễn

Tuân tức Kim-Tôn và Trần-văn-Cung cùng Dương-hạc-Đỉnh là đại biểu trong nước sang với Chủ-Tịch buổi họp là Lâm-Đức-Thu nên bọn này về lập đảng Cộng-Sản Đông-Dương (Cộng-Sản Đông-Dương sau này cũng thất bại).

Tổng bộ Thanh-Niên biết chuyện này vội vàng lại triệu tập một hội nghị nữa rồi đổi V.N T.N.C.M.Đ.C.H ra làm « Anam Cộng-Sản đảng » và đệ đơn xin Đệ-Tam Quốc-Tế thừa nhận.

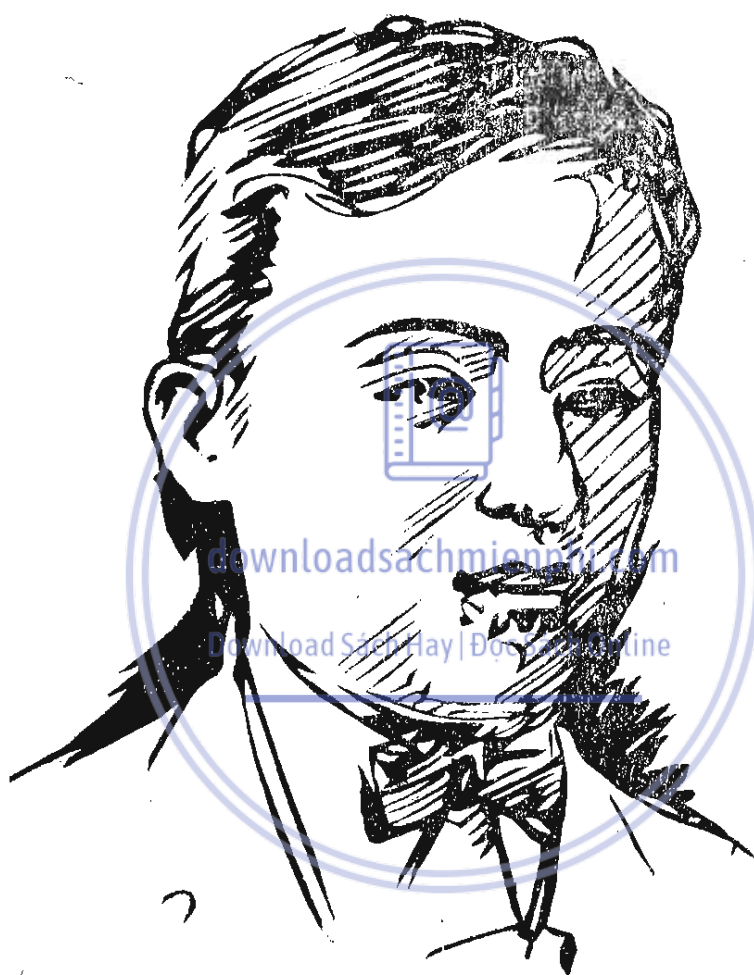
Thế là ở Đông-Dương có hai đảng Cộng-Sản. Lại thêm Tân-Việt Cách-Mạng đảng thấy sự hoạt động của đôi bên bành trướng mạnh cũng lập một đảng Cộng-Sản nữa là ba.

Mùng 6 tháng 1 năm 1930, Nguyễn-Ái-Quốc được anh em mời đến Hương-Cảng để thu xếp sự hỗn loạn này và nhờ sự khôn khéo của ông, Việt-Nam Cộng-Sản đảng ra đời là sự hợp nhất của các đảng. Lúc này Nguyễn-ái-Quốc chỉ huy « Á-Đông-Vụ » nên ông có quyền thừa nhận Việt-Nam Cộng-Sản Đảng. Tháng hai 1931, Việt-Nam Cộng-Sản đảng lấy tên là Đông-Dương Cộng-Sản đảng vì đảng Cộng-Sản còn phải lĩnh đạo cả phong trào ở Mên và Lào.

Từ 1930 đến 1932, các nhà đương cục Pháp thấy Đông-Dương Cộng-Sản Đảng hoạt động rữ ròi nên thẳng tay đàn áp. Hàng vạn người bị tù đầy và công việc của Đ.D.C.S.Đ. bị ngừng lại khá nhiều.

Đến năm 1936-1937 Chính-Phủ Bình-Dân ở Pháp lên cầm quyền ra lệnh ân xá cho các chính-trị phạm Việt-Nam. Được trở về họ lại tiếp tục hoạt động như cũ.

Qua năm 1939, Thế Giới chiến tranh kỳ thứ hai bùng lên, quân đội Nhật vào Đông-Dương uy hiếp người Pháp, nên người Pháp lại bí-mật bảo trợ Đ.D.C.S.Đ. tiền bạc và khí giới để lập chiến khu mục đích gây một thế lực chống Nhật. Đ.D.C.S.Đ. liền lập ra Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội tức là mặt trận Việt-Minh đang lĩnh đạo cuộc kháng chiến hiện thời. Ngày 11-11-1945 Đông-Dương Cộng-Sản đảng tuyên bố tự động giải tán để tránh sự bất lợi trên trường ngoại giao quốc-tế cho chính-phủ Hồ-chí-Minh và để dễ dàng cho việc thống nhất các lực lượng quốc-gia trong nước. Sau này giải pháp Quốc-Gia ra đời cũng vì lý do trên đây.



NGUYỄN-THÁI-HỌC

Việt-Nam Quốc-Dân Đảng

VIỆT-NAM Quốc-dân-đảng thành lập đầu năm 1926 do ông Phạm-tuấn-Tài, ông Phạm-quế-Lâm, ông Hoàng-phạm-Trần tức Nhượng-Tổng. Buổi đầu các ông dự định lập nhà xuất bản « Nam-đồng thư xã » để tổ chức dần dần ở Việt-nam sự truyền bá tư tưởng cách mạng trong quần chúng.

Những quyển sách đầu tiên của thư xã do ông Phạm tuấn-Tài viết ra để tuyên truyền chủ nghĩa quốc-gia, tư tưởng của nhà đại cách-mạng Trung-hoa, cụ Tôn-dật-Tiên. Những quyển khảo cứu về Cách mạng Trung hoa, cách mạng thế-giới được dân chúng hoan nghênh, nhưng không bao lâu lại bị nhà cầm quyền Pháp tịch thu.

Và « Nam đồng thư xã » là chỗ gặp gỡ của các đồng chí của Việt-Nam Quốc dân đảng. Phong trào lôi cuốn được một số thanh niên trí thức và sinh viên, trong số người ấy có một sinh viên hăng hái hoạt động và đủ tư cách để chỉ huy phong trào, tức là ông Nguyễn-thái-Học, một sinh viên trường đại-học thương mại, được cử làm thủ lĩnh Việt-Nam quốc dân đảng. Thêm vào có ông Nguyễn-thế Nghiệp, hoạt động ở vùng Vân-nam và biên giới Bắc-Việt, ông Cao-hữu-Tạo, một nhà viết báo có tài và ông Nguyễn-ngọc-Sơn một du học sinh ở Pháp về.

Tất cả các thanh niên ấy khai đại hội ngày 25 tháng 12 năm 1927 chính thức thành lập Việt-Nam Quốc-dân đảng và thảo chương trình hành động của đảng.

Chủ nghĩa, mục đích và tổ chức của Việt-Nam quốc dân đảng, tóm tắt trong chương trình, đã dựa vào chương trình của Quốc dân đảng Tàu. Về chủ nghĩa của đảng cũng chưa có gì rõ rệt, nhưng trong cuộc hội họp các đảng viên đều nghĩ đến và bàn cãi để đưa Việt-Nam đến một chính thể Dân-chủ Xã-hội. Những đảng viên cao cấp của Đảng cũng không định rõ ràng những tư tưởng về vấn-đề xã-hội và các tầng lớp dân chúng Việt-Nam trong khi đảng tuyên truyền. Mục đích của đảng là: cướp chính quyền bằng phương pháp cách mạng, lập chính phủ Cộng hòa và giúp các nhược tiểu dân tộc chống đế quốc xâm-lược.

Về mặt tổ chức đảng lấy chương trình của Quốc dân đảng Trung-hoa và Đảng quan niệm một chính phủ tương lai có ba viện: tối cao pháp viện, hành chính viện, lập pháp viện như chính phủ quốc gia Trung-hoa.

Trong khoảng thời gian 1925, 1927 ảnh hưởng của người Tàu vẫn còn ở trong tư tưởng các thanh niên Việt-Nam, dù các thanh niên ấy đã hấp thụ trực tiếp văn hóa Âu-Tây.

Về mặt tài chính rất quan hệ cho sự hoạt động của Đảng, Đảng ra lệnh dùng tất cả phương tiện để làm cho ngân quỹ được dồi dào.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Quân sự hóa tất cả các đảng viên, dự định võ trang cướp chính quyền. Đảng huấn luyện một số đảng viên gan dạ để thủ tiêu đối phương và các người làm hại tổ quốc. Về mặt ngoại giao, Đảng tìm cách giao thiệp với các lân quốc có thể giúp vào phong trào vận động cướp chính quyền của Đảng để giải phóng quốc gia Việt-Nam.

Đảng chú trọng vào sự tuyên truyền trong sinh viên, công chức, quân sĩ và phụ nữ. Dựa vào sự kinh nghiệm của cụ Phan-bội-Châu, tất cả sự thất bại của các phong trào cách mạng là do sự không tổ chức quân sự.

Vì lẽ trên, Đảng chú trọng vào sự tuyên truyền lấy cán bộ trong binh sĩ Việt-Nam trong quân đội Pháp. Sự tuyên truyền trong phụ nữ là do bà Phạm-tuấn-Tài, bà Nguyễn-ngọc-Son là hai cán bộ rất đặc lực.

Tháng 6 năm 1928, Nguyễn-thái-Học gửi sang nước Thái-Lan một phái đoàn có 3 người do Nguyễn-ngọc-Son cầm đầu

phái đoàn để giao thiệp với Việt-kieu ở Bangkok. Nhưng những người Việt ấy đã nhiễm tư tưởng cách mạng của « Việt-Nam Cách mạng thanh niên đồng chí hội » tức là tư tưởng Cộng-sản.

Nguyễn-thái-Học muốn tạo thành một đảng mạnh ở trong nước và muốn hợp nhất các chính đảng ở Đông-dương. Ông gửi đại biểu vào Nam tiếp xúc với Nguyễn-an-Ninh và hai đảng viên « Tân Việt », ông Trần-nguyên-Phủ và Nguyễn-dinh-Kiên, sau khi ở Côn-đảo về. Sự gặp gỡ ấy cũng không đem lại kết quả gì.

Vào độ tháng chạp năm 1928, ông Nguyễn-thái-Học gửi người sang chính phủ Tàu ở Quảng-Tây điều đình xin đóng binh ở biên giới hầu giúp vào cuộc bạo động cướp chính quyền của Đảng. Người đặc phái viên ấy tức là Chu-dưỡng-Bình trở về Hà-nội báo tin cho Đảng sự từ chối của chính-phủ và chỉ hy vọng nơi mấy tướng thổ phỉ ở biên giới.

Và Đảng cũng không quên nhà cách-mạng lão thành cụ Phan-bội-Châu, Nguyễn-thái-Học phái đại biểu đến tiếp xúc với cụ. Nhưng sự thực cụ Phan, sau bao nhiêu năm bôn ba ở hải-ngoại, khi bị giam cầm trong nước, cụ không có tổ chức một đảng nào, và chung quanh cụ chỉ còn các đồng-chi vì mẫn tài, mẫn đức cụ tới lui thăm viếng. Cụ Phan cũng không hứa hẹn nhiều, và cũng không nhận giúp vào công việc của Đảng. Cụ chỉ khuyến khích các đại biểu trong sự hoạt động.

Trong năm 1929, đảng tổ chức được 120 tiểu tổ ở miền Bắc và có hơn 1.500 đảng viên và trên 120 hạ sĩ quan trong quân đội Đông-Đương.

Nhờ « Việt-Nam khách sạn » mà quỹ của Đảng được dồi dào' các đảng viên không còn lo ngại về tài chính nữa. Nhà chức trách Pháp cũng chưa có cơ hội nào để đàn áp. Nhưng trong buổi chiều mừng một Tết (9 Février 1929) tiếng pháo xuân đang nổ giữa thủ-đô thì nhiều tiếng súng lục lần lộn nổ lẻ tẻ trong một đường ở Hà-nội.

Một người Pháp là Bazin bị ám sát giữa Hà-nội và người bắn đã trốn thoát. Ông Bazin là nhân viên của sở Mộ phu cho các hãng cao su miền Nam và Tân-thế-giới. Nhân cơ

hội ấy, nhà cầm quyền Pháp quyết tâm truy-nã các đảng viên Việt-Nam Quốc-dân-Đảng đang hoạt động ở Hà-nội.

Sở mật thám bắt một người thanh niên tên Léon Sang và tình nghi là người đã ám sát ông Bazin. Ngoài ra nhiều trụ sở bị khám xét, và nhiều đảng viên bị bắt số ấy tăng dần lên đến 200 người với những tài liệu quan trọng.

Nhưng ông Nguyễn-thái-Học và ông Nguyễn-khắc-Nhu tức là đầu xứ Nhu đã tránh khỏi cuộc lùng bắt của sở Mật-thám.

Ông Nguyễn-thái-Học nhận thấy khuyết điểm trong sự tổ chức của Việt-Nam Quốc-dân-đảng, vì lẽ các đảng viên đều biết tên họ nhau cả, khi bị bắt, vì sự tra tấn họ không còn cách nào chống chọi lại, đành phải khai những đồng chí của đảng.

Nguyễn - thái - Học thảo lại điều lệ của Đảng vào mùa hè năm 1929. Ông chỉ sửa đổi lại các hệ-thống tổ chức, nhưng mục đích vẫn giữ y như trước và ba viện tối cao của Đảng cũng không còn nữa.

Đảng tổ chức thành đoàn, mỗi đoàn có 9 người được huấn luyện với một tinh thần cách mạng rất cao. Các đảng viên được tập thành về quân sự để lúc phát động phong trào cách mạng sẽ làm các chiến sĩ xung phong.

Nguyễn-thái-Học thảo một chương trình tổ-chức các đoàn thể phụ-nữ trong công tác liên lạc và gián-điệp. Và trong khi hoạt động, các nữ đảng viên đã làm tròn sứ-mạng cách mạng với một tinh thần hy-sinh vô-biên, với một năng lực cách mạng có một không hai trong lịch sử. Gương cô Nguyễn-thị-Giang, cô Phạm-thị-Hào đáng lưu truyền thiên cổ trong nước Việt. Cô Giang là nữ cán bộ liên lạc, vừa là người tâm phúc của Nguyễn-thái-Học và cũng là ý trung nhân của thủ lĩnh Việt-Nam Quốc-dân-đảng, Cô tránh khỏi lưới mật thám Pháp, trong khi phần đông đồng chí của cô đều bị bắt. Khi nhìn rơi đầu của người yêu kính nhất đời, cô Giang trở về tự tử nơi cây đa, chốn thề nguyền xưa của Nguyễn-thái-Học và cô.

Cô Hào khi nghe tin chồng cô là Hoàng-đình-Gị đã chết vì mấy vết thương của cảnh binh Pháp bắn, cô liền tự tử cho trọn lời nguyền.

Ông Nguyễn-thái-Học thảo ra một chương trình hành động chia ra làm bốn thời kỳ :

- 1.) Thời kỳ phôi thai trong vòng bí mật.
- 2.) Thời kỳ dự bị cũng vẫn giữ bí mật.
- 3.) Thời kỳ cách mạng.
- 4.) Thời kỳ kiến thiết, dự bị khi cướp chính quyền, lo kiến tạo lại nước nhà, theo chương trình của Đảng.

Cuộc khởi-nghĩa tại Yên-bái

Đảng-bộ Trung-ương bị vỡ, các chi bộ bị sở mật thám Pháp phá mất liên lạc, đảng viên nào thoát khỏi lưới pháp luật của Đế-quốc cũng bị truy nã rất gắt. Tình thế nguy ngập. Nguyễn-thái-Học nhất quyết hành động dù phong trào chưa được chín mùi, cuộc khởi nghĩa không đem lại nhiều tia hy vọng thành công. Nguyễn-thái-Học hy vọng nơi các quân sĩ trong quân đội Pháp để đem lại sự thắng lợi cuối cùng. Và lại cũng nhờ các sĩ quan Việt-Nam, Đảng được tài liệu quân sự của Pháp gần đầy đủ cả ở miền Bắc.

Những đồn trại, kho đạn được được các đảng viên trong trong cơ pháo thủ vào đảng từ lâu đảm nhận việc đánh chiếm.

Cuộc tổng khởi nghĩa đã nhất định vào ngày Tết năm ấy và lệnh phát động sẽ do nơi tỉnh Kiến-an, vùng kỹ-nghệ, có nhiều thợ thuyền ủng hộ phong trào.

Nhưng sở Mật thám Pháp bắt được một mớ tài liệu về công tác khởi nghĩa và hàng nghìn tờ lịch kêu gọi dân chúng ủng hộ phong trào tại Lục Nam (Bắc giang). Chính phủ Pháp đã tìm cách dự phòng trước ngày ấy. Biết được tin ấy đã lọt vào nhà cầm quyền Pháp, Đảng định vào một ngày khác khác.

Được tin ấy Nguyễn-thái-Học khai đại hội dự định ngày khởi nghĩa lại và ngày 10 tháng hai năm 1930 được chấp thuận. Chương trình khởi nghĩa chia ra từng khu một : Nguyễn-thế-Nghiệp khu Lào-kay ; Nguyễn-khắc-Nhu tức là Xứ Nhu và Phó-đức-Chính đánh khu Yên-Báy, Hưng Hóa, Lâm-Thao, Sơn-tây ; Nguyễn-thái-Học đánh khu Bắc-

ninh, Đạp-cầu, Hải-dương ; Vũ-văn-Giang (tức là Vũ-hồng-Khanh) đánh khu Kiến-an.

Nguyễn-Thái-Học cho liên lạc báo tin cho Nguyễn-thế-Nghiệp hay ngày khởi nghĩa, nhưng vì đường đi Vân Nam khó khăn, người liên lạc phải mất nhiều thì giờ và lệnh ấy phải hoãn đến 15 tháng 2.

Ông Nguyễn-khắc-Nhu nhất tâm quyết chiếm Yên-Báy ngày 10, và không chịu hoãn ngày theo lệnh của Nguyễn thái Học. Ngày 9, các chiến sĩ Việt-Nam Quốc-dân đảng được vũ trang bao vây Phú-Thọ và Yên-Báy với lòng đầy phần nộ, hăng hái quyết chiến.

Trong cuộc hội nghị bí mật, xư Nhu ra lệnh cho các đảng viên trong cơ binh Pháp giết những sĩ quan Pháp để chiếm khi giới, thuốc đạn và đồn binh.

Lệnh đưa ra 1 giờ đêm, tất cả võ quan Pháp đều bị giết. Quân khởi nghĩa chiếm được đồn trại, tất cả khí giới thuốc đạn đến sáng. Nghĩa quân chia ra làm ba toán, toán thứ nhất do Thanh-giang và Nguyễn-văn-Liên chỉ huy đánh trại lính khố xanh mé dưới; toán thứ hai do Cai Hoàng chỉ huy đánh Đồn cao, một cái đồn phòng thủ rất kiên cố làm trên một đỉnh đồi; toán thứ ba do cai Thuyết chỉ huy đánh các sĩ quan Pháp ở ngoài trại.

Ngoài ra còn có đội nghĩa quân đi chiếm các công sở nhà ga... Việc đánh chiếm các trại sở rất nhanh chóng, chỉ Đồn cao là rất khó khăn vì nghĩa quân không được nội ứng tiếp cứu và Thiếu Tá Le Tacon phòng thủ rất kiên cố mấy lần nghĩa quân tiến đánh đều bị thiệt hại. Đồn cao cầm cự đến sáng, nhờ đó viện binh Pháp bắt đầu phản công. Trong khi ấy, nghĩa quân chiến đấu không còn được hăng hái như buổi đầu, vì một số chiến sĩ trước kia bị cưỡng bách theo cách mạng, thấy thế núng, họ bỏ trốn. Nghĩa quân từ chỗ rút lui về thế thủ đến bị đánh tan vỡ chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ.

Cùng trong đêm ấy Nguyễn-khắc-Nhu đánh tỉnh Phú-thọ. Lệnh đánh chiếm vào 3 giờ đêm, nghĩa quân lấy Lâm-Thao, đốt lửa báo lệnh cho Nguyễn-khắc-Nhu tấn công đồn Hưng-Hóa. Quân nội ứng không làm tròn sứ mệnh, cuộc phản công

quân Pháp rất mạnh. Nghĩa quân phải rút lui về Lâm-Thao và tấn công đồn này. Gặp sự chống trả rất mạnh của pháo binh Pháp, nghĩa binh bị đánh bại. Kết quả ông Nguyễn-khắc-Nhu bị đạn và vài giờ sau ông trút linh hồn. Ông là người thao lược tài hoa, được toàn thể đảng viên kính trọng. Mất ông tức là mất linh hồn của Đảng.

Chỉ huy khu Hà-nội vẫn yên lặng dự bị đến ngày 15 tháng 2, tất cả các Đảng viên đều không ngờ Nguyễn-khắc-Nhu đã tấn công quân đội Pháp tại Yên-Báy ngày 10 tháng 2 theo quyết nghị, ông không chịu hoãn lại ngày sau. Khi các đảng viên ở Hà-nội được tin đánh Yên-Báy, vội gửi liên lạc sang Bắc-ninh, ra lệnh cướp thành.

Và các Đảng viên cũng khởi sự tấn công vài địa điểm ở Hà-nội để gây sự rối loạn trong quân đội Pháp, cố ý làm cho quân đội Pháp phải tập trung lực lượng để giữ Thành không gửi đi tiếp viện các nơi, nghĩa quân mới dễ đánh chiếm các tỉnh.

Và buổi chiều ngày 10 tháng 2, đoàn xung phong có 6 người học sinh trường kỹ-nghệ thực hành ở Hà-nội, mang bom ném vào nhà Chánh mật thám, nhà Hỏa-lò, Cảnh sát cuộc, sở Hiến binh Pháp.

Nhưng vì bom ấy làm với tất cả dụng cụ thô sơ nên không gây được một kết quả khả quan. nhưng quân đội Pháp cũng hoang mang trong buổi chiều ấy.

Người liên lạc sang Bắc-ninh, khi rời Hà-nội đến cầu Paul Doumer, bị viên đội Pháp khám xét. Nhận thấy tình thế báo nguy ông rút súng bắn liền và tẩu thoát, viên đội Pháp bị thương nặng. Một cuộc săn người do cảnh binh Pháp bao vây vùng ấy, không cách nào tẩu thoát, ông đành để bắt sau khi đã bắn chết 2 cảnh binh và súng không còn một viên đạn.

Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại (15-16 tháng 2-1930), các Đảng viên cao cấp Việt-Nam Quốc dân đảng tập trung lực lượng lại một vùng tại làng Cổ Am (Tỉnh Hải-Dương) để tấn công tỉnh Kiến-an. Phần đông dân chúng làng Cổ Am là Đảng viên Việt-Nam Quốc dân đảng.

Đảng ra lệnh chiếm Phủ Vĩnh-Bảo, huyện trưởng bị giết, một số Nghĩa quân đánh Phủ Đức. Cuộc tấn công thất bại. Nghĩa quân rút lui về Cổ Am.

Quân đội Pháp ra lệnh không quân oanh tạc tiêu diệt làng Cổ Am.

Nghĩa quân cũng tiếp tục đánh Bắc-Giang và các huyện khác trong ngày 18 tháng 2, nhưng vì lực lượng không được hùng hậu phải chịu thất bại trước sự tấn công của quân đội Pháp. Mấy nơi chứa khí giới và bom đều bị quân đội Pháp khám phá.

Cuộc khởi nghĩa thất bại, các đảng viên khuyên Nguyễn-thái-Học trốn sang Tàu, nhưng Học không chịu rời đi, quyết tâm ở lại với hy vọng là tạo một phong trào khởi nghĩa thứ 2. Nhưng không bao lâu các ông Phó-đức-Chính, Đoàn-trần-Nghiệp tức Kỳ Con, Nguyễn-thái-Học đều bị bắt.

Đúng lời các đảng viên nói trước : « Nếu cuộc khởi nghĩa thành công thì vạn sự may mắn bằng thất bại thì cũng thành nhân ».

Đến năm 1945, cuộc hoàn cầu đại chiến kết liễu, nhân người Pháp bị Nhật-Bản trục hết quyền hành ở đây, Việt-Minh là một mặt trận gồm cả các phần tử quốc gia và Cộng-sản ra nhanh tay nắm được chính quyền ở Việt-Nam. Quân đội Trung-Hoa được lệnh Đồng-minh sang giải giáp quân đội Nhật thì nhiều lãnh tụ và đảng viên của Quốc-dân-Đảng được dịp trở về nước, có ông Vũ-hồng-Khanh, Nguyễn-tường-Tam, trong V. N. Q. D. Đ. và cụ Nguyễn-hải-Thần lãnh tụ Việt-Nam Cách-mệnh Đồng-Minh Hội. Sự hoạt động của V. N. Q. D. Đ. và các đoàn thể quốc gia thế nào chúng tôi xin nói ở các trang sau đây.

Phong trào phản kháng bằng báo-chí

Trong lịch sử tranh đấu độc lập của Việt-Nam, báo chí góp vào một địa vị quan hệ, một công việc trọng yếu. Nhất là ở khoảng giữa kỳ Thế-giới Đại-Chiến. Ngay từ cuối thế kỷ 19 và bước sang đầu thế-kỷ này, trong nước đã có báo chí xuất hiện, nhưng chính phủ thực dân kiểm duyệt rất ngặt, báo chí không thể bày tỏ ý nguyện của dân. Các nhà văn thân muốn tuyên truyền cách mạng phải đặt thành ca, thành vè, truyền bá trong dân gian một cách bí mật.

Đến kỳ đại chiến 1914-18, chính phủ Pháp muốn cho yên dân tâm, hứa hẹn xong chiến tranh sẽ cải cách thể nọ, cho tự trị thể kia, nhưng rồi chẳng giữ được điều nào. Thêm phần chính trị, kinh tế lại bó buộc khó khăn hơn, Nhân tâm rất phần khích.

Bấy giờ đến phái thanh niên tân học đứng ra điều khiển dư luận chống lại những chính sách sai lầm. Những báo Quốc văn còn bị kiểm duyệt gắt gao, các nhà tiên phong phản đối bằng báo chí, không ngần ngại ra báo viết thẳng bằng chữ Pháp, cốt cho chính giới bên Pháp được nghe những tiếng than phiền của dân tộc Việt-Nam. Rồi đến khoảng 1934-35 về sau, chế độ kiểm duyệt bãi bỏ, các báo quốc văn, tự do xuất hiện nhiều. Sự thật, phong trào phản kháng bằng báo chí cũng đi tới ít nhiều kết quả. Phái thực dân không dám hoành hành quá mực như trước.

Theo khả năng của trí nhớ, chúng tôi kê biên những báo chí phản đối công khai từ khoảng 1924 đến 1939 như sau đây, chưa kể những báo xuất bản bí mật.

1920-1930

- Báo « Cloche-Fêlée » (Chuông rạn) của Nguyễn-An-Ninh xuất bản ở Saigon.
- Báo « Annam » do Phan-văn-Trường tạo lập cũng xuất bản tại Saigon.
- Báo « Echo-Annamite » của Nguyễn-Phan-Long.
- Báo « Tribune Indigène » của nhóm Nguyễn-Phú-Khai và Bùi-quang-Chiêu.
- Báo « Việt-Nam Hồn » của nhóm Nguyễn-thế-Truyền xuất bản ở Ba-Lê.
- Báo « La Jeune Indochine » do Vũ-Đình-Dy và Bùi-Ngọc-Ái chủ trương, cũng ở Saigon.
- Báo « Tribune Annamite » của Nguyễn-Phú-Khai lập ở Ba-Lê được ít lâu.
- Báo « Người Nhà Quê » do Nguyễn-Khánh Toàn làm chủ.

1931-1935

- Báo « Đông-Dương Liên-Hiệp » tên tây là « L'Union Indochinoise » viết bằng Pháp văn do nhóm Vũ-Đình-Dy.

- Bùi-Ngọc-Ái, Nguyễn-Đắc-Lộc** tức **Lộc** già và **Mai-Ngọc-Thiệu** xuất bản tại Hanoi rất được dư luận Việt-Pháp chú ý,
- Báo « **Thần-Chung** » của **Diệp-văn-Kỳ** xuất bản tại Saigon.
 - Báo « **La Lutte** » của nhóm **Tạ-Thu-Thâu, Nguyễn-văn-Thạch, Phan-văn-Hùm, Phan-văn-Chánh** xuất bản ở Saigon, có lần bị cấm, hoặc vì tài chính kiệt quệ nhưng rồi lại tục bản và kéo dài đến cuối 1939.
 - Báo « **Tương-Lai** » do **Mai-Ngọc-Thiệu, Nguyễn - Đăng-Thục, Vũ-Đình-Huỳnh, Vũ-Đình-Dy** chủ trương tại Hà-nội.
 - Báo « **Le Militant** » của nhóm **Hồ-Hữu-Tường** làm tại Saigon.

1936-1939

- Báo « **Le Travail** » do **Nguyễn - văn-Tiến, Trịnh-văn-Phú, Nguyễn-duy-Dực, Huỳnh-văn-Phương, Đặng-Thái-Mai, Võ-Nguyên-Giáp, Nguyễn-đức-Chính, Nguyễn-Đức-Kính, Trần-Huy-Liệu, Mai-Ngọc-Thiệu, Trần-Đình-Long, Vũ-Liên, Nguyễn-công-Truyền** và **Nguyễn-Đệ v.v..** xuất bản ở Hà-nội.
- Báo « **Việt-Nam** » của **Nguyễn-Phan-Long** làm ở Saigon.
- Báo « **Nhàn Lúa** » của **Hải-Triều** tức **Nguyễn-Khoa-Văn** xuất bản ở Huế.
- Báo « **Hồn Trẻ** » do **Nguyễn-uyễn-Diễm** chủ trương.
- Báo « **Hà-Thành Thời-Báo** » do **Nguyễn-đức-Kính** và **Trần-Huy-Liệu** chủ trương và xuất bản ở Hà-nội.
- Báo « **Kiến-văn** » do **Nghiêm-Thượng-Văn, Nguyễn-thượng-Nghi, Mai-Ngọc-Thiệu, Trần-Huy-Liệu**, chủ trương.
- Báo « **Tin-Tức** » và « **En Avant** » do nhóm **Cộng-Sản đệ-tam: Đặng-xuân-Khu, Hạ-Bá-Cang, Đặng-Thái-Mai, Võ-Nguyên-Giáp** và **Trần-Huy-Liệu** xuất bản tại Hà-nội v.v...

Phong Trào Phục Quốc Quân ở Lạng-Sơn.

1939 ! Cuộc thế giới chiến kỳ thứ hai xảy ra. Nước Pháp bị Phát-xít Đức đánh bại tại chính quốc. Việc này đã có ảnh hưởng rất tai hại cho nước Pháp về mặt tinh thần cũng như về mặt vật chất tại các thuộc địa. Uy tín của người Pháp dĩ nhiên bị giảm sút rất nhiều ở Việt-Nam, lại thêm cuộc tuyên-truyền chủ-nghĩa Đại-Đông-Á của Nhật-Bản bấy giờ lan rộng khắp các nước ở Á-Đông bài xích kịch liệt chính sách thực-

dân của người da trắng, hứa hẹn giải-phóng các dân tộc bị trị ở Đông-Nam-Á được tin tưởng khá mạnh.

Các đoàn thể cách mệnh Việt-Nam liền chuẩn bị để nắm thời cơ về phía quốc-gia cũng như về phía Cộng-Sản. Đảng chủ ý về phía Quốc-Gia là Đại-Việt Dân-Chính do bọn ông Nguyễn-Tường-Tam cầm đầu và về phía Cộng-Sản cho ra đời mặt trận Việt-Minh dưới sự lãnh đạo của ông Hồ-Chí-Minh sau đó ít lâu.

Ngày 23 tháng 9 năm 1940, quân Nhật do đường Long-Châu (Trung-Hoa) tiến vào nội địa Việt-Nam. Dân chúng Việt-Nam ồ ạt nổi lên liên-hiệp với Nhật-Bản chỉ trong vòng 15 hôm hai vạn thanh niên và binh lính trong hàng ngũ Pháp (cả Thổ lẫn Việt) đứng dậy, tổ chức các cơ quan và bộ đội tấn công vào các vị trí của Pháp ở dọc biên thủy Cao-Bằng, Lạng-Sơn, Thất Khê, Na-Sầm, Bản-Xâm, Lộc-Bình, Diêm-He, Phó-Bình-Gia, Bắc-Kạn, Na-Dang, Đồng-Mỏ, Cao-Lộc. Bộ Tổng-chỉ-huy của quân đội Pháp bị yếu thế và rất lúng túng.

Cụ Trần-Trung-Lập, là một vị đại tá người Việt-Nam trong hàng ngũ quân Nhật và là một nhà Cách-Mạng bốn ba mấy chục năm ở hải ngoại nhân cơ hội ấy điều động bộ Tổng-Tư-Lệnh của Phục-Quốc-Quân lúc đó đóng ở Lũng-Lùa (thuộc phủ Vạn-Uyên) chống nhau với quân đội Pháp. Đang khi khí thế hăng hái, lòng người phấn khởi thì quân đội Nhật thấy tình thế quốc tế không lợi cho mình và cần phải hòa hoãn với người Pháp nên ngừng chiến sau cuộc đàm phán giữa Đại-Tướng Nhật là Nishihara và ông Decoux Toàn Quyền Đông-Dương hồi ấy.

Người Việt mất hẳn hậu-thuần về phía Nhật-Bản. Bấy giờ vào đầu tháng chạp, quân đội Pháp liền tập trung toàn lực ở Trung-Châu lên đàn áp phong trào Cách-Mạng Việt-Nam, rồi bom xuống vị trí của quân Cách-Mạng khắp nơi và lực quân chia ra làm hai đường vây đánh Lạng-Sơn. Đạo thứ nhất do đường thuộc-địa số 4 từ Moncay tiến lên nhưng bị phản công kịch-liệt. Đạo thứ nhì theo đường thuộc-địa số 1 từ Bắc-Giang xông tới. Quân Cách-Mạng rút lui vào các miền rừng núi.

Khi quân Pháp sắp tiến vào Lạng-Sơn thì toàn dân ở đấy phần-khích vô cùng, vận dụng tất cả các đồ dao, búa, gậy gộc hòng cùng quyết tử với đối phương, nhưng bị quân Nhật cản trở lại. Xét tình thế bất lợi đến nơi, cụ Trần-Trung-Lập liền

triệu tập một hội nghị quân sự trọng yếu rồi thi hành kế-hoạch chia lực lượng ra làm hai phần :

A. — Phần thanh niên được lệnh rút sang bên Trung-Hoa do cụ Hoàng-Trung-Lương chỉ huy mục-dịch giữ lấy một phần lực lượng để đào tạo những nhân tài dự bị cho các phong trào tương lai.

B. — Phần quân đội cũng chia ra làm hai cánh tiến về khu Đông-Triều làm thế vĩnh-cửu.

Cụ Trần-Trung-Lập lĩnh đạo đội quân thứ nhất tới Đồng-Mỏ nhưng đến Bao-Vàng thì gặp quân Pháp. Hai bên xô-xát mấy trận kịch liệt. Quân Việt tất nhiên lâm vào thế yếu vì không đầy đủ lương thực và quân khí như quân Pháp, rút đến gần đồn Met (Phổ Vị) bị bao vây. Một số chiến sĩ quốc gia tử trận còn cụ Trần-Trung-Lập cũng bị bắt và đưa về Lạng-Sơn chịu tử hình. Hồi đó viên Công-Sứ Lạng-Sơn là Chauvet đã bắt hàng nghìn người tình nghi và xử bắn ngay tại chỗ khiến người Việt-Nam rất công phẫn.

Còn đạo quân thứ hai tiến về Ba-Son, An-Châu cũng gặp quân đội Pháp ở Đèo-Nga đánh nhau mấy trận. Một chỉ huy có tiếng trong quân đội Cách-Mạng là Đoàn-Kiểm-Điểm (sinh quán tại Lạng-Sơn) bị tử trận. Thiếu-Úy Ý dẫn gần 200 đồng chí còn sót chạy sang Tàu theo cụ Hoàng-Trung-Lương.

Sau cuộc thất bại của Phục-Quốc-Quân, người Pháp còn bắt bớ nhiều chiến-sĩ Cách-Mạng Việt-Nam đủ các đảng đi đầy Sơn-La, Hòa-Bình (Vụ-Bản) những người này xưa kia đã được ân xá ở Côn-Đảo về và thêm mấy chục người của Đại-Việt Dân Chính trừ anh em ông Nguyễn-Tường-Tam và mấy bạn của ông : Nguyễn-Gia-Tri, Nguyễn-Tường-Long, Nguyễn-Tường-Bách trốn thoát sang Tàu. Tới ngày đảo-chính Nhật ở Đông-Dương, 9-3-45, các nhà tù được mở hết nên các chiến sĩ cách mạng lại được phóng xá.

Đây cũng là một dịp cho người Việt-Nam hiểu vọng-ngoại là một điều rất viễn vông và cái mặt thật của chủ nghĩa Đại-Đông-Á. Thật là một cuộc kinh nghiệm vô cùng chua chát, nhưng sau đó chủ-nghĩa này thất bại cũng là dịp để mở mắt cho các Đế Quốc nhận thấy các thủ đoạn che đậy bằng cái bình phong « chính nghĩa » là con dao sắc để tự họ đâm họ trước nhất.

Mặc dầu máu đã chảy, làn sóng Cách-Mạng ở đây vẫn không ngừng vì sau phong trào Phục-Quốc, những chiến sĩ Cách-Mạng Việt-Nam không phân biệt màu sắc chính trị lại tập trung để tiếp tục tranh đấu cho tới giờ phút cuối cùng này, chỉ nhằm vào hai chữ Độc-Lập của Tổ Quốc.

Sau cuộc Đảo Chính 9-3-45, Quân Phiệt Phù Tang lập nên một Chính-Phủ do người Việt cầm đầu: Chính-Phủ Trần-Trọng-Kim gồm có nhiều nhân sĩ tân cựu đáng chú ý có cụ Bùi-bằng-Đoàn, các ông Trần-văn-Lai, Nguyễn-mạnh-Hà, Phan-Anh, Hoàng-xuân-Hãn, Vũ-văn-Hiền. Tại Bắc-kỳ Nhật đặt một vị Khâm-Sai (Phan-kế-Toại) và trong Nam-kỳ có ông Nguyễn-văn-Sâm thay vị Thống-đốc người Pháp. Vua Bảo Đại vẫn giữ nguyên vị.

Trong dịp này các đảng phái Quốc-Gia tập hợp lại thành một mặt trận mệnh danh là Đại-Việt-Quốc-Gia Liên-Minh do các ông Nguyễn-văn-Tiến (Đại-Việt Quốc-Xã) Nhượng-Tổng, Nguyễn-ngọc-Son, Nguyễn-thế-Nghiệp (Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng) . . . điều động và Ủy-Ban chính trị Bắc-kỳ đã hoạt động dưới quyền của Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minh, có liên lạc với Nhật.

Trong giai đoạn này mặt trận Việt-Minh nhờ sự tuyên truyền khéo léo nên được dân chúng có cảm tình nhiều — Ngày 14-8-45, Nhật đầu hàng Đồng-Minh, thì chính quyền Bắc-Việt sang ngay tay Việt-Minh. Sự thành công của Việt-Minh ở Bắc-Việt xong thì ở Trung và Nam lòng người cũng nghiêng theo. Nội-các Trần-trọng-Kim từ chức, vua Bảo-Đại, mặc dầu quân đội Nhật lúc đó tự hiến giúp nhà vua quét sạch Việt-Minh, nhưng vua Bảo-Đại không muốn trông thấy cảnh thủ túc tương tàn nên vui lòng rút lui (1). Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minh đóng vai trò Lịch-sử đến đây là hết. Nối theo đây là cuộc Cách-Mạng tháng 8-1945 do Đông-Dương Cộng-Sản Đảng lãnh đạo. Công hay tội của Đ. D. C. S. Đ. hiện thời chưa thể nói được. Chúng tôi xin nhường các sử-gia sau này sẽ có nhiều căn cứ và nhận định rõ rệt hơn.

(1) Cuối sách này có đoạn nói về sự rút lui của Hoàng-Đế Bảo-Đại, đáng chú ý là những lời chiêu hết sức thống thiết lâm ly bày tỏ được hết tâm trạng một ông Vua đặt ngai vàng dưới quyền lợi của quốc-gia dân tộc.

Các đảng phái Quốc-gia

CUỐI năm 1945 làn sóng chính trị tỏ ra ồ ạt hơn hết thấy bao giờ trên giải đất Việt-Nam. Trong sự ồ ạt đó có nhiều cuộc xung đột xảy ra bằng máu vì mặt trận Việt-Minh năm trước được chính quyền muốn thi hành mọi chương trình hành động của riêng mình đã quyết liệt với các đảng-phái khác tức là các đảng phái quốc-gia. Đó là một trạng-thái tất nhiên ở bất cứ một quốc-gia nào trên thế-giới. Đảng mạnh phải đè đảng yếu để được toàn quyền hành động và tránh mọi sự cản trở của đối phương. Huống hồ sự xung đột lại còn do đường lối chính trị và chủ nghĩa trái ngược nhau.

Các đảng phái quốc-gia tuy chậm chân trên võ đài chính trị cũng cố dành lấy chính quyền khi đó đã nằm trong tay Việt-Minh. Đảng chủ ý Việt-Nam cách mệnh đồng minh hội và Việt-Nam Quốc-dân-Đảng là hai đảng lớn có thành-tích rực rỡ và cố cựu được quân đội Trung-Hoa ủng hộ trở về nước hồi tháng 10 năm 1945. Các đảng này có những vị chỉ-huy đã từng ở các cấp ngạch quân sự hay xuất thân ở các trường võ bị Hoàng-Phổ và Liễu-Chân. Họ được giúp cả các vũ khí nên về tới nước liền đánh bật Việt-Minh ra khỏi nhiều thị-trấn như Vĩnh-yên, Yên-bái, Phú-thọ, Việt-trì, Lạng-Sơn. Đảng kỳ của họ được trưng lên liền và báo cho dân chúng biết một tình trạng rối loạn đã bắt đầu. Đảng có một lực lượng nay bỗng thành có ba (về sau Việt-Nam cách mệnh đồng minh hội và V. N. Q. D. Đ. sát nhập làm một dưới quyền lãnh đạo của nhà lão thành cách mạng Nguyễn-

hải-Thần và hai ông Vũ-hồng-Khanh, Nguyễn-tường-Tam), Các lực lượng Quốc-Cộng chống nhau như nước với lửa nên sinh chém giết nhau rất là ác liệt. Chúng tôi xin bày tỏ cuộc xung đột này kỹ càng ở những trang sau.

Sau này cuộc bang giao giữa chính-phủ Hồ-chí-Minh và nước Pháp tan vỡ do cuộc xung đột vũ trang đêm 19-12-1946 cho tới khi Quốc-Trưởng Bảo-Đại trở về nước, nhiều Đảng phái quốc-gia khác ra đời. Xin coi bảng kê khai tên các phái quốc-gia đang hoạt động trước và 5 năm trở về đây :

Cao-Đài, Cao-Đài Hiệp-nhất, Đại-Việt Quốc-gia Liên-Minh, Đảng Xã-hội V.N., Đại-Việt Duy-Dân, Đại-Việt Quốc-xã, Đại-Việt Dân-chính, Đại-Việt Quốc-dân-đảng, Việt-Nam Quốc-dân-đảng, Khối Trung-Lập, Liên-đoàn Công-giáo V.N., Phong-trào Bình-dân Nam-kỳ, Mặt trận Dân-tộc, Mặt trận Quốc-gia Liên-hiệp, Khối Quốc-gia Liên-hiệp, Pháp-giáo Hòa-Hảo, Tân Dân chủ Đảng, Tân-Việt quốc, Tân-Việt Cách-Mạng Đồng-Minh-Hội, Việt-Nam Cứu-quốc Hội, Việt-Nam Dân-Chủ Đảng, Việt-Nam quốc-gia Độc-lập Đảng, Việt-Nam Dân-chủ Xã-hội, Việt-Nam Độc-lập Đồng-Minh, Việt-Nam Phục-quốc Đồng-Minh Hội, Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh Hội, Hội Liên-Hiệp quốc-dân Việt-Nam, Thanh-Niên Tiên-phong, Mặt trận Quốc-gia Thống-Nhất toàn quốc, Việt-Nam độc-lập dân chúng liên đoàn tức (Việt-đoàn).

Chúng tôi thiết tưởng cần chú thích thêm cho rõ :

Mặt trận quốc-gia liên-hiệp : ở Nam-Việt gồm có Cao-Đài, Hòa-Hảo, Thanh-Niên tiên phong và nhiều nhóm khác có chủ trương ngăn trở người Pháp trở lại chính quyền sau ngày Nhật-Bản đầu hàng (tháng 8 năm 1945). Sau mặt trận này biến chuyển ra nhiều hình thức khác và gồm thêm các Đảng Tân-Dân-Chủ, Đệ-tứ, Việt-Nam quốc-gia Độc-lập đảng, Việt-Nam duy nhất đảng, Bình-Xuyên, Quốc-dân đảng v.v... Cuộc đàn áp của Việt-Minh đã đánh tan nhiều thành-phần của mặt trận này.

Quốc-dân-Đảng : là một sự phối hợp giữa Đại-Việt quốc-dân-đảng với Việt-Nam quốc-dân-đảng khi thấy Việt-Minh quá mạnh. Nhưng khi V.N.Q.D.Đ. gia nhập Chính-phủ quốc-gia liên hiệp (4-3-1946) hai đảng lại tách khỏi nhau.

Nhóm Thiết-thực xuất hiện tại Hà-nội đầu năm 1946 do ông Phan-huy-Đán cầm đầu. Sau này ông Đán làm Bộ-trưởng

truyền truyền trong chính-phủ Nguyễn-văn-Xuân (1948). Có nhiều phần tử trí thức, nhiều là sinh viên trong nhóm này rất hăng hái chống nhau với Việt-Minh nhất là về phương diện báo chí.

Dân-xã (*lúc Đảng Dân-chủ Xã-hội*) là khối liên-minh giữa V. N. quốc-gia độc-lập Đảng và Hòa-Hảo. Dân xã trở nên rời rạc sau khi hai ông Huỳnh-phủ-Sổ và Nguyễn-văn-Sâm bị sát hại.

Mặt trận quốc-gia thống nhất toàn quốc. Các thành phần là: Cao-Đài, Hòa-Hảo, Việt-Nam Quốc-dân-đảng (ông Nguyễn-tường-Tam) Việt-Nam cách-mệnh đồng-minh-Hội (ông Nguyễn-hải-Thần) V. N. quốc-gia độc-lập Đảng (ông Nguyễn-văn-Sâm) Việt-Nam quốc-gia thanh niên đoàn.

Khối quốc-gia liên-hiệp có Cao-Đài, Hòa-Hảo và một nhóm Quốc-dân-Đảng cùng những nhân vật quốc-gia ở chính quyền hồi 1947-48 tại Trung-Nam-Bắc.

Khối Cao Đài — Hòa Hảo hợp nhất do một hiệp ước liên minh.

Việt đoàn có liên lạc với Cao-Đài và Bình-Xuyên.

Đại Việt gồm có nhiều nhân vật ở chính quyền Bắc-Việt từ 1949—1950, một số đông quan liêu, công chức lớn nhỏ.

Chúng tôi thấy phân tách các phe đảng trên đây như vậy cũng là tạm đủ giờ xét tình thế các đảng phái quốc gia ta nhận thấy phần nhiều phức tạp, thiếu tinh thần tổ chức, thiếu kinh nghiệm chính trị và không có chương trình thiết thực rõ rệt. Đáng tiếc hơn nữa là các Đảng phái quốc gia không gây nổi một lý tưởng tranh đấu.

Cao-Đài có phải là một nhóm chính trị không ?

Cao-Đài chính ra là một tôn giáo chứ không là một đảng chính trị. Những tín đồ của đạo Cao-Đài rất đông, lại thêm có các tổ chức quân sự hướng về sự tranh thủ Độc lập từ ngày ra đời tới nay. Tôn giáo này tuy ở Nam-Việt nhưng ngày nay đã thành một lực lượng quốc gia đáng kể ở Việt-Nam. Cao-Đài đã có nhiều hoạt động trực tiếp về quân sự và chính trị trong mấy năm vừa qua:

Đạo Cao-Đài thành lập năm 1942 mới đầu bắt nguồn ở đạo Phật, sau lại thấm nhuần cả màu sắc giáo lý của các tôn giáo khác như đạo Khổng, Lão, Gia-Tô v. v... ngày nay Cao-Đài thành một tôn giáo mới có tổ chức rành mạch, thứ bậc phân minh và bành trướng rất mạnh ở Nam-Việt.

Từ tôn giáo, Cao Đài lần đi sang chủ trương hoạt động chính trị khiến người Pháp sinh nghi ngờ lo ngại đạo này sẽ biến chuyển thành một phong trào quốc gia. Ngày nay Cao-Đài quả thành một phong trào quốc gia thật sự.

Hồi 1941 người Pháp bắt giáo-chủ Phạm công-Tác đưa đi đày ở Madagascar kết vào tội âm mưu bài Pháp. Quân Nhật sang Đông Dương có liên lạc ngay với Cao Đài và đạo này càng lộ tính cách tranh đấu quốc gia. Sau ngày 9-3-45 Cao Đài đã có nhiều cơ-cấu quân sự được huấn luyện chu đáo, và tham gia vào phong trào chính trị trong nước thứ nhất là Mặt trận quốc gia liên hiệp thành lập trước sự đầu hàng của quân đội Thiên-hoàng.

Khi Việt-Minh nắm chính quyền ở Bắc-Việt xong liền lan tràn vào Nam đã được sự hợp tác của Cao-Đài khi ấy là một lực lượng quan trọng để cùng tranh đấu. Có nên nói rằng Việt-Minh đã làm một điều thất sách là để xảy ra sự xích mích giữa mình với Cao-Đài do sự sát hại một số linh tu và nhiều tín đồ Cao-Đài. Cao-Đài ngày nay thành một lực lượng đối lập với Việt-Minh không thể không kể là một điều tai hại cho Việt-minh.

Cao-Đài gần Pháp vì tình trạng kể trên. Ông Hộ-pháp Phạm-công-Tác được trả lại tự do hồi cuối tháng 8 năm 1946 đã xác định một thái-độ cương quyết chống Cộng-Sản với trên nửa triệu tín đồ của ông. Đồng thời Cao Đài cũng tranh đấu mạnh mẽ cho nền Độc Lập và Thống Nhất của nước nhà và trong công cuộc hợp tác với các đảng phái khác người ta vẫn thấy Cao-Đài kiên cố với lập trường trên đây. Nếu có sự bất đồng với một vài đảng khác chỉ là ở phương pháp hành động mà thôi.

Hòa-Hảo

Cũng như Cao-Đài, Hòa-Hảo chỉ là một tôn giáo có gốc tích xa xôi từ thế-kỷ trước (19). Như một chi nhánh

của Phật giáo bành trướng ở đây và chủ trương sửa soạn thời kỳ xuất hiện một vị Phật sống đem lại hạnh-phúc cho dân gian. Phải chăng chủ trương này cũng theo kiểu nhiều tôn giáo khác là đem một đấng cứu-thế ra đời với mọi hình thức huyền bí, diệu kỳ đập vào cái óc đầy tin ngưỡng của chúng sinh để phát hiện. Khổng tử, Lão tử, Gia Tô, Thích Ca Mâu Ni đã chẳng là những đấng Cứu thế xuất thế một cách huy hoàng lạ lùng trong tinh thần của dân chúng đó sao!

Hòa-Hảo có tên này là vì người sáng lập ra đạo đó ở làng Hòa-Hảo một làng thuộc tỉnh Cần-Thơ (Nam Việt). Khi quân Pháp đặt gót lên đất Nam-kỳ, đạo Hòa-Hảo đã trở nên một phong trào quốc gia chống nhau kịch liệt với Pháp. Tiếc rằng thiếu tổ chức và phương tiện vật chất các thứ nên Hòa Hảo đã bị Pháp tiêu diệt.

Hai mươi năm năm sau nó lại tái xuất dưới một hình thức khác. Thầy Huỳnh-phú-Sổ một vị say mê đạo lý sinh năm 1919 ham nghiên cứu y-học tổ ra một y-sư có biệt tài, cứu bệnh được nhiều người và tiên tri được nhiều việc. Do đó người đã được dân chúng xưng bái tin tưởng rất mạnh. Đại khái người đã nói về cuộc đại chiến thế giới 1939, sự thất bại của Pháp năm 1940, việc quân đội Nhật-Bản qua chiếm Đông Dương thắng lợi thế nào cho tới khi tàn cuộc và cả cuộc đảo chính 9-3-45 là cuộc đập gãy đoạn tình duyên ép uổng giữa hai Đế quốc Pháp Nhật trên giải đất này.

Huỳnh-phú-Sổ còn tiên tri nước Việt-Nam sẽ trở lại với chế độ quân chủ nhưng chế độ này sẽ có một tinh thần cấp tiến và khoáng đạt. Ngoài ra đạo Hòa-Hảo cũng không có gì khác là dạy người ta tin tưởng vào Phật và tuân theo mọi giáo-điều mà Phật đã ban bố ra từ xưa. Và có một đặc điểm đáng chú ý, Hòa Hảo thiên về mọi vấn đề dân sinh, xã hội, chủ trương nâng đỡ giai cấp vô sản nhất là nông dân. Đạo sư ông lên việc cải cách điền địa và tỉnh giảm địa-tô. Có lẽ rằng cảnh khổ của đám bần dân đã kích thích tâm hồn người sáng đạo và nhà tu hành của Hòa-Hảo cũng như Cao Đài đã quan niệm rằng thuyết cứu dân độ thế nếu không đi vào một cuộc tranh đấu với lực lượng thống trị thì kêu cầu khẩn vái chỉ là một việc thừa. Vì vậy

Hòa Hảo cũng như Cao Đài đã rời bỏ phạm vi tôn giáo để bước sang khu vực chính trị, đã ly-dị nhất thời với câu kinh tiếng kệ để chăm lo ráo riết đúc sừng mài gươm.

Hòa-Hảo mỗi ngày có thêm ảnh hưởng và phát triển ở miền Hậu-Giang (các tỉnh như Châu-Đốc, Long-Xuyên, Cần-Thơ, SaĐec, Rạch-Giá, Bắc-Liêu). Tín đồ có tới bốn năm vạn người cũng làm cho các nhà cầm quyền Pháp e ngại và tìm cách đàn áp. Đó là tình trạng của Hòa-Hảo năm 1941-42 giống như Cao-Đài. Vì thế Huỳnh-phú-Sổ bị bắt đi an trí ở Bắc-Liêu rồi lại chuyển lên Sài-gòn giam tại nhà thương Chợ Quán. Nếu không có người Nhật can thiệp viện cớ rằng Huỳnh-phú-Sổ là gián điệp của Trùng Khánh thì người Pháp đã đem Huỳnh-phú-Sổ qua Lào.

Tại sao Nhật lại can thiệp cho Huỳnh-phú-Sổ? Chúng ta không lạ gì điều này nếu xét thái độ của phái quân nhân Phù-Tang từ Bắc vào Nam. Họ đã rất khôn ngoan là lấy lòng dân chúng bằng cách che chở (nâng đỡ bí mật hay công khai, trực tiếp hay gián tiếp tùy theo tình thế của họ đối với Pháp) các nhà ái quốc Việt-Nam để lợi dụng họ trong trường hợp đẩy Pháp ra khỏi bán đảo Đông-Dương.

Việc họ đưa hai nhà cách mệnh Dương-bá-Trạc và Trần-trọng-Kim đi Tân-gia-Ba rồi để saug Đông-Kinh đã chẳng ra ngoài mục đích đó. Họ lấy Huỳnh-phú-Sổ ra khỏi nhà thương Chợ Quán cũng vì lẽ kể trên.

Sau cuộc đảo chính 9-3-45, Hòa-Hảo rời bỏ lĩnh vực tôn giáo để bước ra tranh đấu chính trị và nhờ hoàn cảnh thuận tiện đạo lại bành trướng ngày một thêm rộng rãi. Hòa-Hảo là một trong các lực lượng chống việc trở lại chính quyền năm 1945-46.

Khi Việt-Minh tính nắm chính quyền ở Nam-Việt thì ở đây đã có nhiều lực lượng thành hình: Cao-Đài, Thanh-niên tiên phong, Quốc-gia độc lập đảng và Hòa-Hảo. Các lực lượng này có lẽ vì thấy cần hợp quần để đối phó với Pháp cho có kết quả tốt đẹp và nhanh chóng hơn nên đã đoàn kết với Việt-Minh và lập một mặt trận chung. Nhưng chẳng được bao lâu Việt-Minh đánh úp Hòa-Hảo mưu bắt thầy Huỳnh-phú-Sổ để đem giết gặng như đối phó với Cao-Đài.

Cuộc rối loạn trong nội bộ này chỉ có hại cho cuộc chống người Pháp và Anh đổ bộ lên Saigon. Và đến lượt Việt-Minh bị đánh đổ ở ngay thủ phủ Nam-Việt và ở nhiều tỉnh lẻ. Trần-văn-Giàu phải chạy ra Bắc. Chính-phủ Hồ-chí-Minh phải đưa Nguyễn-Bình vào thay thế. Trong khi đó Hòa-Hảo và nhiều đoàn thể quốc gia tập hợp thành một mặt trận quốc gia liên hiệp tiếp tục kháng chiến.

Muốn tái lập địa vị của mình, Việt-Minh lại thay đổi chính sách đối với các đoàn thể quốc gia. Họ mời ông Huỳnh-phú-Sổ nhận chức Ủy-viên tiếp tế trong Ủy-ban Hành chính Nam Bộ; ông Huỳnh lại cùng Ung-văn-Khiêm ủy viên Nội bộ của Ủy-ban Hành-chính Nam Bộ ký kết một bản tuyên ngôn hiệu triệu các tin đồ Hòa-Hảo, các chiến sĩ, các tự vệ và các tổ chức Việt-Minh kíp bỏ mọi mối hiềm khích để thống nhất tinh thần và lực lượng kháng chiến. Ông còn hướng về một cuộc thống nhất rộng rãi hơn là mở rộng mặt trận Quốc-gia liên hiệp và cùng mấy nhân vật trong đảng V. N. quốc gia độc lập (ông Nguyễn-văn-Sâm) liên kết trong việc thành lập đảng Dân-chủ xã-hội.

Lập đảng này bỏ đảng nọ vì những lý do gì hiện nay chúng ta chưa rõ lắm. Có thể vì hoàn cảnh chính trị lúc đó đã thúc đẩy các nhà lãnh tụ phải đổi luôn hình thức chăng?

Một ngày trong năm 1947 ông Huỳnh đi du thuyết về mục đích thống nhất bị Việt-Minh bắt và giết đi. Việc hạ sát giáo chủ Hòa-Hảo đã gây công phẫn rất nhiều trong các tin đồ Hòa Hảo và làm giảm một phần uy tín của Việt-Minh ở Nam-Việt bấy giờ.

Cuộc đàn áp này đã bó buộc Hòa-Hảo cấu-tạo một hoàn cảnh, một địa điểm, để tự-vệ và để hoạt động cho hợp với tình thế của mình. Ông Năm-Lửa chính bị hàng ngũ Hòa-Hảo lại, dựa vào quân đội Pháp hùng cứ ở Cần-Thor và chống nhau với Việt-Minh. Nhưng cũng có khi Hòa-Hảo đã xích mích với quân đội Pháp do tinh thần độc lập nên đã có phen quân đội Pháp tước khi giới của Hòa Hảo ở Cần-Thor. Việt-Minh thấy vậy liền quấy rối, quân đội Pháp lại trả lại vũ khí cho Hòa Hảo.

Hòa-Hảo còn hai ngành nữa : ngành Cả Bộ do ông thân sinh ra thầy Huỳnh-phú-Sổ chỉ huy cũng có nhiều uy tín. Một

ngành nữa do ông Nguyễn-giác-Ngộ điều động. Hai ngành này vẫn tiếp tục kháng chiến cho tới ngày nay có khi làm vào nhiều giai đoạn rất điều đứng, mặt trước bị quân đội Pháp vây đánh, mặt sau bị Việt-Minh tấn công. Ngày nay quân đội Hòa-Hảo về ủng hộ công cuộc của Quốc-Trưởng Bảo-Đại.

Thỏa-hiệp 6-3-46

Hồi cuối tháng hai năm sau 1946 Chính Phủ Hồ Chí-Minh cùng Pháp thỏa thuận mấy điều đại cương sau đây :

1.— Nước Pháp nhìn nhận nước Việt-Nam là một nước tự do đứng trong khuôn khổ Liên-Bang Đông-Dương và Liên-Hiệp-Pháp.

2.— Sự sát nhập Nam-Kỳ vào Việt-Nam sẽ do một cuộc trưng cầu dân ý định đoạt.

3.— Việt-Nam có quân đội riêng, nhưng quân đội Pháp được quyền chiếm đóng trong xứ trong kỳ hạn 5 năm : mỗi năm số quân đội Pháp phải rút bớt 1 phần năm. Số quân đội Việt-Nam không quá 10.000 người (khoản này đã được giữ kín).

4.— Nước Việt-Nam có tài-chính riêng, nhưng phải chịu chế-độ quan thuế chung và đồng bạc do Ngân-Hàng Đông-Dương phát hành sẽ được thông dụng như trước.

5.— Nước Việt Nam có quyền đặt lãnh-sự tại mấy nước lân cận.

6.— Nước Việt-Nam có quyền tiếp nhận lãnh sự của mấy nước lân cận.

Những người ký tên là Hồ-Chí-Minh, Vũ-Hồng-Khanh và Sainteny.

Nhà lão cách mạng Nguyễn-hải-Thần và ông Nguyễn-tường-Tam không đồng ý với ông Hồ-chí-Minh về các chính cương trong Thỏa-hiệp 6-3-46 nên đã rút đi Lạng-Sơn rồi sang Trung-Hoa ba ngày trước khi ông Hồ cùng ông Sainteny đặt bút trên tờ Hiệp-định.

Hiệp định Sơ Bộ hôm 6-3 ra đời theo tinh thần kể trên và do đó quân đội Pháp được đang hoàng đồ bộ lên bến Hải-phòng. Dân chúng Việt-Nam phần nhiều không hài lòng về

việc ký kết này nhưng về phần Chính-phủ Hồ-Chí-Minh thì không còn làm cách gì khác được, bởi nhờ có sự thỏa thuận này Chính Phủ Hồ mới dành tay đối phó với các đảng Quốc-Gia lúc đó hoạt động ráo riết và đối với Pháp, Chính Phủ Hồ cũng cần yên ổn để củng-cố địa vị và tổ chức nội bộ, như vậy tất nhiên Hiệp định Sơ Bộ phải là một sự nhượng bộ rất nhiều.

Chú thích : Gần đây phê bình thời cuộc năm 1945-46 một số trí thức cho rằng Chính Phủ Hồ và nước Pháp đã gặp nhau ở điểm này : *Diệt phái Quốc-Gia* Việt-Nam vì Việt-Nam ở trong khu vực bài Cộng của Anh Mỹ. Do đó quân đội Pháp đã cộng tác với quân đội của ông Hồ-chí-Minh để tiêu diệt phái Quốc-Gia. Trái lại nếu Việt-Nam ở khu vực ảnh hưởng của Cộng-sản thì chắc rằng Pháp đã không có hành động này.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Từ Hà-nội đến Đà-lạt và Fontainebleau

HIỆP-định sơ bộ 6-3-46 thành hình. Ngày 24 tháng sau các đại biểu Việt-Pháp bắt đầu sửa soạn tại Đà-lạt những công việc đã phác qua trong hiệp-định. Mục đích của hội nghị Đà-lạt không phải là tìm một sự thỏa hiệp ngay nhưng là để phân tách, nghiên cứu các vấn đề, trình bày các quan điểm và tìm ra những chỗ bất đồng.

Có người tất hỏi : Tại sao không thiết lập hội nghị ở Hà-nội ? Chúng tôi có thể trả lời việc chọn Đà-lạt làm nơi thảo luận là cả một sự khôn ngoan cũng như sau này (1950) thành phố Pau được làm nơi ký kết giữa Pháp và các chính phủ quốc-gia Việt-Mên-Lào. Người ta tránh các nơi thủ đô vì có những sự sôi nổi của dư luận sẽ là điều rất phiền phức cho cả đôi bên, hoặc bên này hay riêng bên kia. Đà-lạt là một thành phố nghỉ mát rất yên tĩnh cao 1500 thước.

Những ngày đầu, các cuộc bàn cãi đã có nhiều triệu chứng không lành. Rồi ngày 11-5-46 hai bên đều ngừng việc đàm phán do sự bất đồng ý kiến quá nhiều.

Người ta thấy các đại biểu Việt-Minh chỉ đòi ráo riết mở cuộc đàm phán ở Ba-lê. Chắc rằng Việt-Minh muốn lợi dụng nơi kinh thành ánh sáng có nhiều tai mắt của Quốc-tế, của các đảng phái chính trị Pháp thường mâu thuẫn nhau để tranh đấu với các nhà thực dân ở thuộc địa. Có nên nói đây là một con toán khá lợi hại, huống hồ hồi đó Thorez tổng thư ký của đảng Cộng-sản Pháp lại giữ chức phó Thủ tướng Pháp và trong nội các Pháp hồi ấy có tới mười ông Thượng Cộng-sản,

Chỗ nào đòi bên cùng tán đồng? Đó là việc thành lập một ủy ban hỗn hợp để ngừng chiến ở Nam-Việt và việc tổ chức một sở quan thuế liên bang. Nhưng nói đến việc điều khiển sở này theo đường lối nào thì vẫn chẳng rõ rệt ra sao cũng như việc đặt các trường học theo chương trình của Pháp và đưa các giáo sư Pháp vào các học đường Việt-Nam.

Chỉ được có từng ấy việc thôi, kết quả rõ rệt là rất nghèo nàn bởi vì các vấn đề chính quan trọng gấp trăm hai bên lại không ăn ý với nhau :

- 1) Vấn đề Liên-hiệp Pháp.
- 2) Vấn đề trưng cầu dân ý ở Nam-Việt (về việc thống nhất ba kỳ)
- 3) Quy chế liên bang Đông-Dương.
- 4) Vấn đề quân đội Việt-Nam.
- 5) Nhiệm vụ chiếm đóng của quân đội Pháp.
- 6) Việc quân đội Pháp đóng ở các căn cứ chiến lược.
- 7) Sự duy nhất chỉ huy.
- 8) Vấn đề tài chính.
- 9) Việc thừa nhận tiếng Pháp là tiếng chính thức trong các học đường.
- 10) Việc giấy tiếng Pháp ở Việt-Nam.
- 11) Việc trả lại các trường học Pháp, viện Pasteur, trường Bác cổ Viễn-Đông, nhà thư viện v.v...

Do cuộc bàn cãi ở Đà-lạt, đại biểu Việt-Nam thấy đi vào chi-tiết thì nước Pháp đã nắm hết then chốt trong cái nhà Việt-Nam. Hay nói một cách khác đã nhận vào Liên-bang Đông-Dương là nhận sự chi phối của nước Pháp về đủ các phương diện. Những điều này đã làm cho họ lo ngại nên không sao thừa nhận được. Phải đoàn Việt bấy giờ có các ông Nguyễn-tường-Tam, Võ-nguyên-Giáp, Phan-Anh...

Sau cuộc hội nghị Đà-lạt hai phe Quốc, Cộng lại tiếp diễn cuộc đổ máu trên toàn cõi Việt-Nam. Thật là một việc đau lòng.

Về phía Pháp dự cuộc đàm phán toàn là các nhà kinh tế lý tài, thực dân, cựu công chức thuộc địa và một vài giáo sư đã có mặt lâu năm ở đây. Người ta nhận thấy bọn các ông Phan-Anh Võ-Nguyên-Giáp, đã có dịp đấu khẩu với các thầy học của mình trong đám nhân vật kể trên.

Dư luận Việt-Nam hàng ngày tuy ở xa vẫn theo dõi trên báo chí mọi việc bàn luận của Đà-lạt cho tới khi tan vỡ. Những kẻ bất mãn thấy mình có lý. Những kẻ bị quan lại bị quan hơn lên.

Về sau ủy ban hòa hợp đình chiến là kết quả của hội nghị Đà-lạt được tiếp tục thảo luận ở Hà-nội vài kỳ nữa rồi vì đại cục chẳng thành tự nó cũng yểu vong nốt.

Trước ngày ông Hồ chí-Minh đi dự hội nghị Fontainebleau nội tình của Việt-minh thế nào ?

Biết rằng quân đội Pháp do hiệp định sơ bộ 6-3 đã bước chân vào Bắc-Việt và cuộc bang giao với Pháp là điều không dừng được, ông Hồ-chí-Minh cần qua Pháp cùng phái đoàn Phạm-văn-Đồng vì Pháp là nơi ông có nhiều đồng chí chính trị, cách mạng xưa kia. Trước khi tạm rời nước ông họp các đại biểu nhân dân các tỉnh, các đồng chí cần dặn kỹ-lưỡng *phải giữ nguyên tình trạng cho tới khi ông trở về*. Quân Pháp có khiêu khích cũng phải lặng thinh kéo khi phái đoàn còn ở Pháp hoặc ông chưa về được mà ở đây xảy chiến tranh không khỏi có nhiều điều khó khăn. Cụ Huỳnh-thúc-Kháng được đặc biệt ủy nhiệm vào việc đó. Nhà chính trị này quả có những kinh nghiệm sâu sắc ! Cho nên khi ông đi vắng, Pháp chiếm phủ Toàn Quyền — mà quân đội Tàu vừa rút đi khỏi — cùng sở Tài-Chính. Chính phủ D.C.C.H. đã chỉ phản kháng bằng việc bãi công bãi thị mấy ngày cho dân chúng bớt công phần một phần nào.

Đi sát vào thực tế, Việt-Pháp đã không thể thỏa hiệp nổi. Hội nghị bắt đầu từ ngày 6-7. Người ta nhận thấy không khi Việt-Pháp mỗi giờ phút một gay go nhất là về vấn đề ngoại giao. Pháp chỉ thuận cho Việt tiếp nhận và gửi đi ngoại quốc vài lĩnh sự trong phạm vi mấy nước láng giềng. Có nhiều buổi đôi bên rủi áo đứng dậy ra về. sau một tuần lễ Hội nghị Fontainebleau tan vỡ.

Ngày 14-8, Chính phủ Pháp còn trao cho phái đoàn Việt Nam (ông Phạm-văn-Đồng là trưởng phái đoàn này) một kỷ ước-lục có ghi lập trường của Pháp dùng làm căn bản cho cuộc thảo luận với những điểm chính sau này :

1-) *Chính-phủ Pháp công nhận chính-phủ Dân-chủ Cộng Hòa Việt-Nam là một quốc gia tự do có chính-phủ, nghị viện.*

quân đội và tài chính riêng. Quốc gia Việt-Nam là một thành phần của liên-bang Đông-Dương và Liên-Hiệp Pháp.

2-) Chính phủ Dân chủ Cộng Hòa Việt-Nam sẽ dự vào các tổ chức liên bang.

Các sở thương chính và viện phát hành giấy bạc là sự cần hơn hết phải lệ thuộc vào Liên Bang.

3-) Chính phủ D.C.C.H. có thể cử người đại diện cho mình ở một vài nước ngoài theo cấp ngạch sứ thần hay lãnh sự Pháp. Việc này phải có sự thỏa thuận với nước Pháp trước và phải xét các nơi cử đại diện có cần cho quyền lợi của Việt-Nam không?

Nếu cần chính phủ Pháp sẽ nghiên cứu các thể thức, để Liên-hiệp Pháp và các nước hội viên cử đại diện vào Liên Hiệp Quốc.

4) Việc quốc phòng của chính phủ D.C.C.H. Việt-Nam sẽ tổ chức chung. Một bộ tham mưu hỗn hợp sẽ thành lập theo phạm-vi liên bang và tham mưu trưởng phải là một tổng tư lệnh Pháp.

Các căn cứ quân sự sẽ tùy quân đội Pháp xử dụng.

5-) Nước Pháp được tự do mở các trường học từ sơ học đến đại học và các trường chuyên môn theo chương trình chính thức của Pháp. Tiếng Pháp là tiếng chính thức của Liên Hiệp Pháp được coi là tiếng bắt buộc phải dùng trong các trường Việt Nam.

7-) Chính phủ Dân chủ Cộng Hòa V.N. mỗi khi cần Cố vấn hay các kỹ-thuật gia, các nhà chuyên môn phải kêu gọi đến Pháp trước nhất.

9-) Các dân tộc thiểu số sẽ có quy chế riêng trong quy chế của Liên bang Đông-Dương.

10-) Quy chế tài sản và doanh nghiệp của kiều dân Pháp nếu có sự thay đổi thì chính phủ Việt-Nam phải thỏa thuận với chính phủ Pháp.

11-) Việc trưng cầu dân ý ở Nam-Việt đã dự định trong Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 sẽ thi hành khi Hòa Bình trở lại.

12-) Vị đại diện của nước Pháp bên cạnh chính-phủ D. C. C. H. Việt-Nam thuộc quyền Cao-Ủy Pháp có nhiệm-vụ trông nom mọi quyền lợi của Pháp và Liên-Hiệp Pháp ở Việt-Nam.

Từ bề thế rồi đi đến tan vỡ, đó là chuyện hội-nghị Fontainebleau. Sự tan vỡ của hội-nghị đã do khi hội-nghị đang hoạt động ở Pháp thì bên Đông-Dương lại có hội-nghị Đà-lạt thứ hai họp ngày 1-8-46, có tính cách hoàn toàn liên-bang vì có đại biểu các xứ Mên, Lào, lại thêm đại biểu Nam-kỳ, miền Nam Trung-Việt và dân tộc thiểu số tham gia.

Phái-đoàn Phạm-văn-Đồng hết sức bất bình cho rằng đây là một chứng cứ tỏ rõ ý định của nước Pháp muốn giữ nguyên sự trạng cũ và việc công nhận Việt-Nam là một nước tự do cùng các quyền lợi nói trong hiệp-định sơ-bộ chỉ là hư danh.

Ngoài ra những cuộc bàn cãi ở hội-nghị Fontainebleau quả như dự định của Việt-Minh đã là đầu đề quan trọng hàng ngày nêu bằng cỡ lớn trên các báo chí Pháp. Dư luận Pháp rất là sôi nổi. Các đảng phái chính-trị rất chia rẽ nhau về vấn đề Việt-Nam. Nơi phản đối, nơi ủng hộ lập-trường của bên này hay của bên kia và mặc dầu năm 1946 lực lượng của Cộng-Sản trong chính-phủ Pháp khá mạnh, ông Thorez và đồng chí của ông cũng không giúp ông Hồ-chí-Minh được một điều gì đáng kể. Phải chăng vì vấn đề Việt-Nam thuộc về quyền lợi của quốc-gia Pháp?

Hội-nghị Fontainebleau thất bại vì lập-trường Việt-Pháp quá cách xa nhau.

Chính-phủ Việt-Minh xét về nước tay không có thể là một chuyện mất ảnh hưởng trong dân chúng, bởi trước khi ký thỏa hiệp 6 3, để lấy lý do cho sự ký kết đó, Bộ tuyên-truyền đã từng nêu lên vấn đề: *không nói chuyện với nước Pháp thực-dân nhưng có thể đàm phán với nước Pháp mới, nước Pháp dân chủ.*

Cuộc tuyên-truyền *cho nước Pháp dân chủ, nước Pháp mới* quá nhiều rồi, nay mọi công cuộc bang giao xup đồ cả thì kể cũng là một điều khó xử đối với dân chúng.

Ông Hồ-chí-Minh ở lại để cố thu xếp tình thế một lần nữa trong khi phái-đoàn Phạm-văn-Đồng xuống tàu về nước. Ngày 14-9-46 ông Hồ cùng ông Marius Moutet, Bộ-trưởng Pháp-quốc hải ngoại cho ra đời một tạm-ước (Modus vivendi). Tạm-ước này xác định kỹ càng cuộc bang giao Việt-

Pháp đã ghi trong hiệp-định sơ bộ 6-3. Đôi bên còn thỏa với thuận nhau sẽ mở thêm một cuộc đàm phán khác tháng giêng năm sau (1947).

Việc này cứu vãn danh dự cho cả đôi bên, một bên đối với dư luận quốc-tế, một bên đối với dư luận quốc nội, và dọn đường cho cuộc bang giao sau. Nếu không, ít nhất cũng là một cử chỉ đẹp để cho cả Việt lẫn Pháp đã. Nhưng rồi sau đôi bên không nói chuyện với nhau nữa. Cuộc biến chuyển của thời cục đã dành lời cho phi cơ, chiến xa và đại bác.

Tạm-ước Việt-Pháp ký ngày 15-9-46 Ba-Lê

Khoản 1

Kiểu dân Pháp ở Việt-Nam cũng như kiều dân Việt-Nam ở Pháp đều có quyền tự do ngang nhau về phương diện lập nghiệp, hoạt động văn hóa, mở trường học, khuyến khích thương mại, giao thông và nói chung có đủ mọi quyền tự do dân chủ.

downloadsachmienphi.com

Khoản 2

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Tài sản và xí-nghiệp của kiều dân Pháp tại Việt-Nam không phải chịu một chế độ nào nặng nề hơn đối với người Việt nhất là về mặt thuế khóa hay luật lệ lao động. Sự bình đẳng này về phần người Việt cũng được hưởng như vậy trên khắp lãnh thổ Liên Hiệp Pháp.

Nếu có sự gì thay đổi phải có sự đồng ý của hai chính-phủ Việt Pháp.

Những tài sản và xí-nghiệp của người Pháp bị trưng dụng ở đây do chính phủ Việt-Nam phải được hoàn lại cho sở-hữu-chủ hay những người có quyền hưởng thụ trước luật pháp.

Khoản 3

Vì cần tiếp tục công cuộc văn hóa và cho có sự tiến triển thêm, hai chính-phủ Việt Pháp đồng ý cho các học đường Pháp các cấp được tự do hoạt động ở Việt-Nam. Các trường này áp dụng các chương trình chính thức của Pháp. Sẽ có sự thỏa thuận riêng về các công thợ dùng vào việc truyền bá sự

học giữa hai chính phủ. Các trường học này sẽ mở cho cả học trò Việt-Nam.

Những sự nghiên cứu khoa học và việc thiết lập các viện khoa học sẽ được tự do cho người Pháp tại Việt-Nam. Người Việt-Nam ở Pháp cũng được như vậy.

Viện Pasteur sẽ được chỉnh đốn lại nghĩa là được thu hồi các dụng cụ hoặc quyền hoạt động về mọi mặt. Một ủy ban hỗn hợp sẽ nghiên cứu các điều-kiện để trường Bác Cổ Viễn Đông có thể tiếp tục mọi việc như xưa.

Khoản 4

Chính-phủ D.C.C.H Việt-Nam phải dành quyền ưu-tiên cho kiều dân Pháp mỗi khi cần các nhà chuyên môn hay các vị cố vấn, trừ khi nước Pháp không thể cung cấp được.

Khoản 5

Việc duy nhất tiền tệ một khi giải quyết xong thì sẽ chỉ phát hành một thứ tiền trên các lĩnh vực thuộc quyền chính phủ Việt-Nam và các miền đất đai Đông Dương.

Thứ tiền đó là đồng bạc Đông Dương hiện do nhà Đông Dương Ngân Hàng phát hành, trong khi chờ đợi sự thiết lập một viện phát hành.

Quy chế của viện này sẽ do một ủy ban hỗn hợp nghiên cứu trong đó các nước liên bang sẽ có đại diện. Ủy ban này còn có nhiệm vụ liên lạc đồng tiền ở đây với các tiền tệ ngoại quốc trong việc hối đoái.

Đồng bạc Đông Dương ở khu đồng phát-lãng.

Khoản 6

Nước Việt-Nam cùng với các nước liên bang lập một nền quan thuế đồng minh, như vậy trong xứ Đông Dương không có một hàng rào quan thuế nào nữa và các thuế xuất sẽ như nhau về xuất cảng cũng như nhập cảng.

Một hội đồng liên hiệp về quan thuế và ngoại thương cũng như hội đồng nghiên cứu việc đối trác ngoại-tệ sẽ định đoạt các thứ quan thuế và mọi cách để thi hành cùng tổ chức nền thương chính ở Đông Dương.

Khoản 7

Một hội đồng hỗn hợp về giao thông truyền tin sẽ nghiên cứu các phương pháp thiết lập lại và khuếch trương mọi ngành giao thông giữa Việt-Nam và các quốc gia trong Liên Bang Đông Dương và Liên Hiệp Pháp : mọi cách vận tải thủy, bộ, hàng không, giao thông bằng bưu điện và vô tuyến điện.

Khoản 8

Trong khi chờ hai chính phủ Việt Pháp quyết định bằng một thỏa hiệp vĩnh viễn về nền ngoại giao của Việt-Nam với các nước ngoài, một hội đồng hỗn hợp sẽ cùng nhau xếp đặt việc đại diện của Việt-Nam ở các lân quốc và mọi sự giao dịch giữa Việt-Nam với các lãnh sự ngoại quốc.

Khoản 9

Vì cùng lo thiết lập sớm ngày nào hay ngày ấy trật tự và an ninh ở Nam-Việt và miền Nam Trung Việt, điều không thể bỏ qua được để phát triển mọi tự do dân chủ và mọi công cuộc thương mại, đồng thời tin chắc ở kết quả của một công cuộc đình chiến rất có thể tốt đẹp cho các sự-kiện kể trên, hai chính phủ Việt-Pháp cũng nhau quyết định những việc dưới đây :

- a) Sẽ triệt bỏ mọi hiềm khích và bạo động.
- b) Sẽ có những thỏa hiệp giữa các bộ tham mưu của đôi bên định đoạt các điều-kiện thực hành và kiểm soát.
- c) Các phạm nhân bị giam cầm do các cơ chính trị sẽ được thả hết trừ các kẻ phạm trọng tội hay các án thường phạm.

Các tù binh cũng được hưởng trường hợp kể trên.

Chính-phủ Việt-Nam đoan không truy tố những người thân Pháp hay trung thành với Pháp, và mọi bạo động đối với các người đó sẽ không thể châm trước.

Chính-phủ Pháp cũng đoan như vậy về phần mình.

- d) Sự hưởng thụ các quyền tự do dân chủ đã giải thích theo khoản 1 sẽ được đôi bên bảo đảm.

- e) Phải bãi bỏ mọi việc tuyên truyền bài xích lẫn nhau từ trước đến giờ.

f) Pháp Việt cùng nhau hợp tác để đề phòng các kiều dân của các địch quốc trước đây.

g) Chính-phủ Việt-Nam sẽ đặt một nhân vật ở bên cạnh Cao-Ủy Pháp (và nhân vật này phải có sự thỏa thuận của Pháp) để cộng tác trong việc thi hành các khoản kể trên.

Khoản 10

Hai chính-phủ Việt Pháp đồng ý cùng nhau đi tới các quyết định cho mọi hiệp-ước về các vấn đề để thắt chặt tình thân hữu và sửa soạn một hiệp-ước vĩnh viễn. Các cuộc đàm phán sẽ tái tục hết sức sớm và chậm lắm là tới tháng giêng 1947.

Khoản 11

Tất cả các điều đã ấn định trong tạm-ước này đều ghi thành hai bản và sẽ có hiệu-lực từ 30-10-1946.

Làm tại Ba-Lê ngày 14-9-1946

Thay mặt chính-phủ lâm thời Cộng-Hòa Pháp-quốc
Bộ-Trưởng Pháp-quốc hải ngoại

Ký tên : MARIUS MOUTET

Thay mặt chính-phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa Việt-Nam

Chủ-Tịch Chính-Phủ

Ký tên : HỒ-CHÍ-MINH

Tạm-ước 14-9-1946 ký xong, chính-phủ Pháp cùng ông Hồ cho ra một bản tuyên ngôn về cuộc bang giao vừa được kết thúc xong :

« Chính-phủ Cộng-Hòa Pháp quốc và chính-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam đã quyết định theo đuổi một chính sách hợp tác đã cấu tạo trong sơ-ước 6-3-1946. Chính sách này đã được xác định trong các hội-ngập Việt Pháp tại Đà-lạt và Fontainebleau với một tinh thần tin nhiệm lẫn nhau.

Đồng ý rằng chính sách đó thích hợp với quyền lợi của hai nước và mọi truyền - thống dân chủ, hai chính-phủ căn cứ vào sơ-ước 6-3-1946 hiện hành, cùng thấy lúc này cần phải mở rộng tình giao hảo giữa Việt và Pháp trong khi chờ đợi một hiệp-ước tổng quát và vĩnh viễn.

Trong tinh thần hữu và sự hiểu biết lẫn nhau, chính-phủ Cộng-Hòa Pháp và Việt-Nam đã ký với nhau một tạm-ước trong khuôn khổ các thỏa hiệp đã rõ rệt và đã đưa ra các biện pháp để giải quyết các vấn đề cần thiết cấp bách cho đôi bên.

Về việc trưng cầu dân ý dự định trong sơ-ước 6-3 hai chính - phủ sẽ chỉ-định một ngày tới đây hạn kỳ và thể-thức.

Hai chính-phủ đều đồng ý rằng các điều ghi trong tạm-ước có thể sớm gây được một không khí tin nhiệm và bình tĩnh để cùng nhau đi tới các cuộc thỏa hiệp vĩnh viễn.

Hai chính-phủ xét có thể tiếp tục cuộc bang giao vào tháng giêng 1947 sau các hội-nghị vừa qua.

Ba-Lê, ngày 14 tháng 9 năm 1946.

Ký tên: MARIUS MOUTET

HỒ-CHÍ-MINH

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cuộc bang giao tưởng đến thế là yên bởi người Pháp được lợi rất nhiều mà Chính Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa ký hai bản thỏa hiệp đó là một sự bất đắc dĩ trong khi tình thế quá căng, nhưng vài tuần sau ngày ký Tạm ước 14-9-46 tiếng súng của người Pháp nổ trên đất Hải-phòng. Có người nói: quân đội Pháp khởi hấn trước không phải chỉ là để chiếm ty-Quan thuế hay thương cảng (1) này mà vì có sự can thiệp của các cường quốc Đồng Minh bởi các cường quốc đó không muốn có một Chính-Phủ Cộng-Sản trên đất Việt-Nam. Ông Hồ-Chí-Minh là một lãnh tụ quan trọng và có tiếng ở Đông Nam Á lại là Chủ Tịch Chính Phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt-Nam thì dù ông mềm mỏng đến thế nào người ta cũng tìm cách tiêu diệt mặc dầu đảng Cộng-Sản Đông-Dương đã tự động giải tán để cởi mở tình thế cho Chính Phủ:

(1) Về sau người Pháp đánh Hải-phòng vì có có sự tiếp tế khí giới lậu ở nơi này... theo ý chúng tôi đây chỉ là một cớ nhỏ mà thôi.

Người Pháp lại gửi tới hậu thư cho Chính phủ D.C.C.H. đòi trả lại Bắc-Bộ Phủ, Nha Liêm-Phong ở Hà-nội trước ngày 21-12-46. Bọn ông Hồ-chí-Minh lúc đó đã sửa soạn chiến tranh ở các nơi và ngay cả ở trong thành phố, cho đào các hố, đục tường để áp dụng chiến thuật du kích. Đêm 19-12-46 cuộc xung đột Việt Pháp bùng nổ.

Cuộc xung đột này kéo dài hơn hai tháng thì quân đội Việt-Nam rút lui khỏi Thủ-Đô. Một điều đáng chú ý : Cuộc giao tranh với quân Pháp trong giai đoạn này hoàn toàn do Tự vệ quân của Thành phố điều khiển, còn thực lực của quân chính quy đều rút lui ra khỏi địa hạt này trước khi khởi chiến ít ngày. Hàng vạn lương dân trong thành phố Hà-nội bị giết hại.

Dù sao cuộc chiến tranh giữa quân đội Việt-Nam và Pháp cũng rất kịch liệt tuy rằng quân đội Pháp có cơ giới hóa lại thêm không quân yểm hộ. Người ngoại quốc được dịp chứng kiến cuộc sô sát này hẳn nhận thấy tinh thần cảm tử và hy sinh của Tự-vệ quân Việt-Nam cao đến bậc nào.

Từ ngày ấy cuộc chiến tranh lan rộng khắp nơi từ Bắc vào Nam. Chiến-thuật du kích của Việt-quân được dùng làm căn bản để chống với quân đội Pháp. Cho tới cuối năm 1947 vào khoảng 10 tháng sau người Pháp thấy rằng máu của bao nhiêu thanh niên ưu-tú Pháp chảy lênh láng hàng ngày chẳng đưa lại kết-quả nào khả-quan, người Pháp lại cho mở cuộc điều-định.

Thay ông D'Argenlieu vị Cao-ủy Pháp thứ nhất tại Đông Dương là ông Bollaert. Ông này trước khi mở cuộc đàm phán dĩ nhiên đã thỏa thuận với đại-trưởng Leclerc là vị Tổng chỉ huy quân-dội Pháp tại Việt-Nam. Ông Leclerc và ông Valluy trước đây hẳn đã cho rằng chỉ năm bảy tuần là bình-định nổi xừ này, rồi các vị quân nhân đó cũng tự-nhận là hiểu nhầm tinh-thần anh dũng và dẻo dai của Kháng-chiến Việt-Nam nên cũng đồng-ý ngừng chiến.

Ông Bollaert liền chọn tỉnh lỵ Hà-dông là nơi bị hoang tàn vì chiến-tranh để đọc một bài diễn-văn lịch-sử trên những đồng ngói gạch của những bức tường siêu vách đổ để kêu gọi sự yêu chuộng Hòa-Bình trong lòng người Việt-Nam những thê-hảm chiến-tranh. Thật là một sự rất khéo léo và tâm lý.

Dư luận báo giới Việt-Nam phê bình rằng bài diễn-văn ấy có tính-cách một cuộc *mà cả* bởi ông Bollaert có ý nói *một là người Việt-Nam nhận hết hay từ chối hết những điều ông đã đề nghị*. Tóm tắt đại cương bài diễn-văn ấy thì người Pháp vẫn tiếp-tục thiết lập chế-độ Liên-bang Đông-dương một tổ-chức chính-trị đặt Việt-Nam dưới quyền nước Pháp về đủ các phương-diện: tài-chính, quân-đội, ngoại-giao, kinh tế, chính-trị v.v... và thêm nữa chế-độ Liên-bang Thái, Nùng, Thổ, Tây-kỳ... tất cả những thứ này đều đã xuất hiện ở tờ Sơ-bộ 6-3-46.

Bài diễn-văn ấy còn là đường lối chính-trị của nước Pháp hồi đó, vì, ông Bollaert trước khi thảo bài diễn-văn kể trên đã trở về Pháp và đã thảo-luận mọi việc với Pháp-đình. Bài diễn-văn ấy có đoạn yêu-cầu chính-phủ Hồ-chí-Minh trả lời thì chính-phủ này đã lên tiếng hoàn-toàn bất đồng-ý trong dài phát thanh.

Cuộc chiến - tranh cứ tiếp diễn. Dân chúng bên Pháp hàng ngày nao lòng vì sự thiệt hại cả người lẫn của về quân đội viễn-chinh mỗi ngày một lớn. Hàng ngàn gia-đình kêu gào đình chiến và quỹ chiến tranh cho Đông Dương vừa đây là 65.000 triệu quan lại 1/5 ngân-sách của nước Pháp. Các phái thiên tả và tả-đảng cùng những người Pháp sáng suốt thức thời lớn tiếng trong nghị-trường đòi chấm dứt cuộc chiến tranh Việt-Pháp để dốc toàn lực phục hưng nước Pháp.

Nhưng điều-đình với ai?

Với ông Hồ-chí-Minh thì cuộc điều-đình thất-bại rõ-rệt mà ý-kiến của Đồng-minh thì không muốn Pháp tiếp-tục điều-đình theo phương hướng này. Đại-sứ Mỹ ngồi ở quốc-hội Pháp thường ngó ý-kiến đó vì vậy chính-phủ Pháp phải mở cuộc điều-đình với phái quốc-gia và các gia-đình chính trị, tri-thức Việt-Nam: Cây bài Bảo-đại ra đời thay thế cho cây bài Hồ-chí-Minh.

Ông Vĩnh-Thụy tức Cựu-Hoàng Bảo - Đại được người Pháp và cả người Việt-Nam tán đồng là người đại-diện xứng đáng nhất cho dân-tộc Việt-Nam bởi lòng ái-quốc cùng sự hy sinh tuyệt đối của ông. Hơn nữa, ông không ở đảng phái nào hết. Đó là một đặc-điểm để người ta tin chắc ông có thể thu hút được nhân sĩ các giới trong nước.

Vài tháng sau, sau bài diễn văn của ông Bollaert, bạn ông Cousseau ở phủ Cao-ủy Pháp, tại Đông-Dương được cử sang Hồng-Kông thăm dò ý kiến của Cựu-Hoàng. Người ta nhận thấy người Pháp đã hoạt động ráo riết để kết liễu tình trạng nặng nề thê thảm do cuộc xung đột Việt-Pháp gây nên nhưng lúc nào cũng vẫn cố tranh lấy phần hơn. Ông Bollaert lúc đó tuyên bố ngay :

« Sau cuộc xung đột này phải rằng không ai thắng mà cũng không ai bại » (A l'issue de ce conflit, il faut qu'il n'y ait ni vainqueur ni vaincu).

Câu này là cả một sự khôn khéo của nhà chính trị ấy và người Việt-Nam cũng hài lòng chút đỉnh vì đã nhìn qua câu nói ấy con đường chính trị của nước Pháp bắt đầu mở rộng. Giữa lúc này tại các khu vực tạm chiếm, người Pháp đặt các cơ quan hành-chính : ở Bắc thì có Hội-Đồng An-Dân, ở Trung có Hội-Đồng chấp chính, ở Nam có Chính-Phủ Nam-Kỳ tự trị lần lượt do các ông Nguyễn-văn-Thịnh, Lê văn-Hoạch, Nguyễn-văn-Xuân cầm đầu.

Kết cục ngày 5-6-48 tại Vịnh Hạ-Long trên chiến hạm Duguay Trouin, hồi 12 giờ trưa, Thiếu tướng Nguyễn-văn-Xuân được cử làm đại diện cho Chính-phủ Trung-ương Lâm-thời Việt-Nam ký cùng ông Bollaert đại diện Chính phủ Pháp một bản Sơ ước như sau :

1. — Nước Pháp trân trọng thừa nhận nền độc lập của nước Việt-Nam, tự nước Việt-Nam có quyền thực hiện thống nhất. Nước Việt-Nam công bố gia nhập khối Liên-hiệp Pháp với tư cách là nước Liên-hiệp với nước Pháp.

2. — Nền độc lập của Việt-Nam không bị hạn định gì ngoài việc Việt-Nam gia nhập khối Liên hiệp Pháp.

3. — Nước Việt-Nam cam đoan tôn trọng các nguyên-tắc dân chủ và dùng các viên cố vấn và chuyên môn Pháp trước người các nước khác trong các công cuộc tổ chức nội bộ và nền kinh tế Việt-Nam.

4. — Ngay sau khi chính phủ Trung-Ương Lâm-thời thành lập, các đại-biểu Pháp sẽ ký kết những thỏa-hiệp riêng về các vấn đề văn-hóa, ngoại giao, quân-đội, kinh-tế, tài chính cùng các vấn đề kỹ thuật chuyên môn.

Cựu Hoàng phó-thư vào bản Hiệp-Định 5-6-48 rồi đi Pháp để gặp gỡ các yếu nhân chính trị. Ở Genève và Cannes, Ngài cũng đã gặp ít nhiều đại biểu của Anh Mỹ.

Sau chín tháng đi xâu vào cuộc điều đình, ngày 8-3-49, Ngài cùng Tổng-Thống Vincent Auriol Chủ-Tịch Liên-Hiệp Pháp ký một bản Thỏa-Hiệp ngày nay được mệnh danh là Thỏa-Hiệp Bảo-Đại Vincent-Auriol (Văn-kiện này có in nguyên văn ở sau).

Nhìn vào nghi-thức của việc ký kết đó người ta thấy rằng ông Hồ-Chí-Minh ký với ông Bộ-Trưởng Pháp-Quốc Hải-Ngoại Marius Moutet 14-9-46. Ông Vĩnh-Thụy tức Cựu-Hoàng Bảo-Đại ký với Chủ-Tịch Liên-Hiệp-Pháp : Tổng-Thống Vincent-Auriol.

Két các điều đại-cương của hai bản Hiệp-định thì ta thấy Thỏa-Hiệp Bảo-Đại—Vincent-Auriol rộng rãi hơn Sơ-Ước 6-3-46. Điều này không đáng lạ vì tình thế Quốc-Tế mỗi ngày một nghiêm trọng thêm và sau 4 năm khói lửa vô lực của người Pháp không giải quyết nổi vấn đề Việt-Nam.

Nhưng bảo rằng Thỏa-Hiệp trên đây đã trả lời được hết nguyện vọng quốc-gia của dân tộc Việt-Nam thì chỉ là một phần nào thôi. Toàn dân Việt-Nam cho rằng Thỏa-Hiệp ký sau cùng này chỉ là bước đầu trong cuộc bang giao và phải đi xa hơn nữa. Các cường quốc Anh — Mỹ đầy thiện chí với hòa bình cũng đã lên tiếng thúc dục Việt Pháp mau kết liễu « cuộc chiến tranh vô nghĩa lý này » (lời ông Bollaert, Cao Ủy Pháp) và nhiệt liệt chúc tụng Chính-Phủ Bảo-Đại chóng đi tới đích là Tự-Do và Độc-Lập thật sự.

Bạn đọc đến đây đã nhận thấy rằng từ ngàn xưa máu người Việt-Nam đã đổ chan hòa vì hai chữ Tự-Do, Độc-Lập. Lại ngót thế-kỷ nay xúc tiếp với Tây Phương, Người Việt-Nam nhớ một nước cờ nên phải rơi vào vòng nô lệ. Vừa mất nước, con cháu của dòng Hồng Lạc lại vùng ngay dậy cầm lấy khí giới của ông cha thừa trước, vùng khắp non sông xương trắng máu hồng hồng giải phóng giống nòi dân tộc.

Thế-hệ này gục, thế-hệ khác lại kế tiếp ngay. Tại Quốc-Hội Pháp năm 1948 nhiều nhân sĩ công nhận người Việt-Nam đã

tiến hóa, đã già dặn về chính trị và ông Devinat một nghị-sĩ nói: người Việt-Nam có một tinh thần quốc-gia vô cùng dũng mạnh nó đã ăn sâu bén rộng trong tâm hồn họ và thành một sức bất diệt...

Như vậy thì còn một sức nào có thể cản trở được một dân tộc đang rời rạc nhựa sống, đã từng chiến thắng qua bao nhiêu cuộc tranh đấu gian nguy, đã từng chạm trán với những kẻ thù bội phần giàu mạnh?

Giờ đây, ánh sáng của Tự-Do đã loé nơi chân trời, cùng các bạn nhược tiểu dân tộc Đông Á, Việt-Nam phá tan cùm xích nô lệ để đi tới Độc-Lập và Vinh-Quang.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



ĐỨC QUỐC-TRƯỞNG BẢO-ĐẠI

Cựu-hoàng Bảo-Đại

TA xem trên đây từ ngót một thế-kỷ đến nay những anh hùng liệt-nữ của Việt-Nam chiến đấu hy sinh rất nhiều ở những hoàn cảnh tuyệt vọng (thời Cần-Vương, Đề Thám, Đội Cấn, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng) cũng như ở hoàn cảnh thuận lợi mà cuộc thế-giới chiến (1939-45) vừa qua đã tạo nên.

Chúng tôi đã được dịp dẫn chứng điều đó bằng lời đại-úy Gosselin. Đó chỉ là nhận xét lược lặt trong những buổi đầu tiên có cuộc đụng chạm giữa Pháp và Việt-Nam. Những nhà chỉ huy các phong trào : — Cần-Vương: Cu Phan-đình-Phùng; Đề-Thám : Cu Hoàng-Hoa-Thám ở Nhã-Nam (Bắc-Giang). Thái-Nguyên : Ông Đội Cấn.

Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng : Nguyễn-Thái-Học, đã được người Pháp tuy coi là kẻ thù nhưng phải thán phục vô cùng. Lại còn hàng nghìn vạn anh hùng khác hữu danh và vô danh, những trang anh kiệt cả trai lẫn gái đang đứng trong hàng ngũ kháng chiến hiện thời.

Bằng xương trắng máu hồng, họ xây đắp vinh quang cho dân tộc.

Trong giờ phút này giữa đám người chiến đấu bằng quân-sự, chính-trị và ngoại giao, thế-giới đang chú ý đến người mà chúng tôi xét có nhiệm vụ trình bày ra đây, đang làm sòi nổi thời cục, từ Á sang Âu và hoạt động của người đó đang được năm châu theo dõi :

Cựu Hoàng-Đế : Bảo-Đại.

Chúng tôi nhận thấy rằng thời nào nước Việt-Nam do những biến chuyển thường đưa ra một số nhân vật khả úy khả kính để luôn luôn giữ gìn, phát triển nguồn sống hùng hậu của nòi giống.

Người ngoại quốc đọc cuốn sử này thấy phải tò mò để đòi hiểu biết đến vị trên đây mới nhận định rõ ràng nhân sự và thời cục của xứ này.

Hiện nay Ngài đóng một vai trò lịch sử vô cùng quan hệ trên sân trường chính trị Việt-Nam, nhằm vào một mục đích là nền Độc-Lập của Quốc-gia.

Cửu-Hoàng Bảo-Đại được lập trường Quốc-tế, được khối Dân-Chủ ủng hộ mạnh không phải là không có thanh thế.

Trong buổi thiếu thời người thanh niên ấy đã trải lâu năm ở nước Pháp cũng như nhiều ông Hoàng, nhiều quý tộc, nhiều du học sinh mà các nước trên thế-giới đây đưa tới Ba-Lê để thâu nhặt tinh hoa của Tây-Phương. Có nên nói rằng cái nó hấp dẫn bất cứ một người nào, nhất là người đó ở các xứ Á-Đông, một phần thế-giới chìm đắm trong bao nhiêu thế-kỷ dưới chế độ mục nát của nền quân chủ và phong kiến hủ bại, là cái tinh cách dân chủ của Tây-Phương. Nước Pháp của các chiến sĩ 1793 quả đã có một sức thu hút mãnh liệt những tâm hồn ấy ! Do đó chúng tôi nhận thấy rằng Cửu-Hoàng Bảo-Đại cũng như bao nhiêu du học sinh khác một khi rời đất Pháp đã mang về quê hương, cái đáng quý nhất không phải là mảnh văn bằng nó thường chỉ là cái cần câu cơm đối với những người thường, mà là cái tinh thần khoáng-đạt của Âu Châu.

Vừa đây ngài tuyên bố chính sách « Dân Vi Quý » và Ngài muốn sau này áp dụng ở Việt-Nam chính thể *xã-hội cấp tiến* có đầu là điều chúng ta ngạc nhiên một phần nào. Và quốc dân Việt-Nam nếu có trông ở ông Hoàng trẻ tuổi đi du học là sự lĩnh-hội tinh thần dân chủ Tây-Phương trên một quy mô xã-hội rộng rãi để sau này về nước tổ chức lại quốc-gia Việt-Nam cho hợp với trào lưu quốc-tế.

Người ta mong thế đó, không hơn không kém, và ông Hoàng đó đã không phụ lòng sở-ước của cả một dân tộc.

* *

Năm 1925, ngày mồng 6 tháng Một, Đức Khải-Định băng hà. Hoàng-Tử Vĩnh-Thụy đã từ giã đất Pháp về nối ngôi ngày 18-1-1926 lấy hiệu là Bảo-Đại. Sau đó Ngài tạm giao chính quyền cho tòa Khâm-sứ và Viện Cơ-Mật để rồi trở lại Ba-Lê theo học trong một giai đoạn nữa.

Năm 1932, Ngài về nước và lúc ấy mới thực trị vì cho tới cuộc đảo-chính 9-3-45 là khi quân đội Nhật-Bản đã gạt người Pháp ra khỏi chính quyền ở Việt-Nam. Có nên nói rằng trong 13 năm ngồi trên ngai vàng Ngài vừa không được gần gũi thần dân và cũng không thực hành mỗi sở nguyện, vì với chế-độ Bảo-hộ khi xưa, người Pháp đã nắm hết địa vị trên giải đất này. Nỗi hận ấy, nỗi cay đắng và nhục nhã ấy, có lẽ đã gây một trạng-thái vô cùng bi đát trong lòng Ngài, cho nên sau ngày 9-3-45, Ngài phế bỏ Nội-các Phạm-Quỳnh, vời học-giả Trần-Trọng-Kim ra thay, Ngài đã có dịp thổ lộ tâm sự một cách rất thống thiết trong tờ chiếu thoái vị ngày 25-8-45

Có lẽ rằng nếu ông Hoàng Vĩnh-Thụy xưa kia không có dịp vươn ra nơi bề rộng trời cao thì đâu có tấn bi-kịch ấy trong lòng. Chí nguyện không thành, nhìn đến lê dân thì một đoàn nô-lệ lầm than. Với những kẻ gọi là phương diện quốc gia quanh mình thì hầu hết là những bọn vong bản hại dân, hại nước. Vậy mà Ngài đã cứ phải sống trong tình thế đó mười mấy năm trường. Mười mấy năm ấy là cả một thiên trường hận.

Mặc dầu quân phiệt Phú-Tang cố tâm tự đặt mình vào guồng máy thống trị ở đất nước này, Ngài cùng Nội-Các Trần-Trọng-Kim vẫn tuyên bố Việt-Nam độc-lập và gây một phong trào dân tộc tự tin, tự cường và đáng chú ý là phong trào thanh niên, của ông Bộ-Trưởng thanh niên Phan-Anh. Ta phải thành thực mà công nhận rằng cuộc biến chuyển này đã làm tươi lòng người Việt như trận mưa rào lên vườn cây héo. Nhất là trong đám thanh niên, ngọn lửa ái-quốc lại sôi reo lên khắp các trái tim. Các phái quốc-gia và cộng-sản hoạt động ráo riết. Ngày 14-8-45, Nhật-Bản đầu hàng, mặt trận Việt-Minh nhanh tay nắm được chính quyền.

Ngài cùng Nội-Các Trần-Trọng-Kim nhường vai trò lịch-sử cho mặt trận Việt-Minh để tránh một cuộc nội-chiến, mặc

dầu lúc đó quân đội Nhật-Bản đã tự hiến giúp Ngài quét sạch Việt-Minh khi ấy chưa mạnh mẽ lắm, ngay ở Thủ-Đô Hà-nội, kể chi các tỉnh lẻ, nhất là Trung và Nam-Việt lúc đó còn hoàn toàn trong tay Nội-Các Trần-Trọng-Kim.

Cử chỉ ái quốc này đã được bày tỏ khi chính quyền Việt-Minh mới chớm nở ở Bắc-Việt một tuần lễ sau (25-8-45) từ kẻ bình dân đến người trí thức cho đến cả những tay quá khích xưa nay đã hiểu nhầm Ngài một cách quá nông nổi cũng phải cảm động. Trên đây chúng tôi đã nói Cựu-Hoàng từng sống mười mấy năm ở nơi Kinh-Thành Ánh-Sáng biết rõ hơn ai hết, với trào-lưu tiến hóa hiện thời, chủ-nghĩa Dân-Chủ là một làn sóng mạnh mà không sức gì cản trở nổi, chế-độ thực-dân đã phá hết uy tín của Hoàng-Triều thì nay dùng võ lực của ngoại bang mà tàn phá đồng bào chưa chắc đã có thể củng-cố được lâu dài ngai vàng của Tổ Tiên mà để một trò cười trong lịch-sử. Lòng dân đã hướng về phong trào mới nên Ngài liền theo lòng dân, như vậy Ngài đã bày tỏ được cả lòng hy-sinh tuyệt đối và trí sáng suốt của mình trong một lúc do những lời chiếu thoái vị dưới đây:

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay! Đọc Sách Online

Chiếu thoái vị

Ngày 25 tháng 8 năm 1945

« Hạnh-Phúc của dân Việt-Nam »

« Độc-lập của nước Việt-Nam »

Muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy-sinh tất cả mọi phương diện và cũng vì mục đích ấy, nên Trẫm muốn sự hy-sinh của Trẫm phải bổ ích cho Tổ-Quốc.

Xét thấy điều bổ ích nhất cho Tổ-Quốc lúc này là sự đoàn-kết toàn thể quốc-dân. Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi rằng:

Trong giờ nghiêm trọng này, đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết.

Nay thấy nhiệt-vọng dân chủ của quốc-dân Bắc-Bộ lên cao quá, nếu Trẫm cứ ngồi yên mà đợi Quốc-Hội thì không thể mà tránh nạn Nam-Bắc phân tranh, đã thống khổ cho quốc-dân lại thuận tiện cho người ngoài lợi dụng.

Cho nên mặc dầu Trẫm hết sức đau đớn nghĩ tới công lao Liệt-Thánh vào sinh ra tử trong gần 400 năm để mở mang giang sơn đất nước từ Thuận-Hóa tới Hà-Tiên.

Mặc dầu Trẫm hết sức bùi ngùi cho nỗi làm vua 20 năm, mới gần gửi quốc-dân được mấy tháng chưa làm được điều gì có ích lợi cho quốc-dân như lòng Trẫm muốn.

Trẫm cũng quả quyết thoái vị để nhường quyền điều khiển Quốc-dân lại cho một Chính-Phủ Cộng-Hòa.

Trong khi trao quyền cho Chính-phủ mới, Trẫm chỉ mong ước có ba điều sau này :

1. — Đối với tôn miếu và lăng tẩm của Liệt-Thánh, Chính-phủ mới xử-trí thế nào cho có sự thể.

2. — Đối với các đảng phái đã từng phấn-đấu cho nền độc-lập Quốc-Gia nhưng không đi sát phong trào dân chúng, Trẫm mong Chính-Phủ sẽ lấy sự ôn-hòa xử-trí để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào sự kiến-thiết quốc-gia và tỏ rằng Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa nước ta đã xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể Quốc-Dân.

3. — Đối với Quốc-Dân, Trẫm khuyên hết tất cả các giai cấp, các đảng phái cho tới các người Hoàng-Tộc cũng vậy, đều nên hợp nhất mà triệt để ủng hộ Chính-Phủ Dân Chủ, giữ vững nền độc lập của nước chứ đừng vì lòng quyến luyến Trẫm, sau 20 năm ngai vàng bệ ngọc, đã biết bao ngậm đắng nuốt cay !

Từ nay Trẫm lấy làm vui được làm dân tự do của một nước Độc-Lập, chứ Trẫm nhất quyết không để cho ai lợi-dụng danh-nghĩa của Trẫm hay của Hoàng-Gia mà lung lạc Quốc-Dân nữa.

Việt-Nam độc-lập muôn năm !

Dân Chủ Cộng Hòa muôn năm !

Khâm-Thủ

Phụng-ngự-ký : BẢO-ĐẠI

Việc thoái vị này tất nhiên đã gây nhiều sự thắc mắc buồn phiền trong Hoàng-Gia nên Ngài ban chiếu tại Lầu Kiến-Trung ngay hôm đó để giải thích ý kiến của Ngài.

Việt-Nam Hoàng-Đế ban chiếu cho bà con trong Hoàng-tộc :

Kể từ ngày Đức Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng-Đế vào trấn ở Thuận-Hóa đến nay đã 388 năm. Trong non bốn thế-kỷ, Liệt-Thánh chúng ta đã trải qua biết bao nhiêu sự gian lao nguy hiểm vì nước vì dân mới truyền ngôi lại cho Trẫm được đến ngày nay.

Cái gia tài quý báu di truyền đã gần 400 năm ấy trong giờ phút Trẫm bỏ hết, bà con trong Hoàng-Tộc ai nghe cũng phải đau đớn ngậm ngùi.

Song Trẫm biết rằng, đó chỉ là cái cảm tình thoáng qua trong chốc lát mà thôi, chứ bà con ta ai cũng sẵn tính bình tĩnh, sẵn chí sáng suốt để xét rộng thấy xa, cho nên sau khi đã chuẩn định lấy ba chữ dân vi quý làm khẩu hiệu của chính thể mới sau khi đã tuyên bố « để hạnh phúc dân lên trên ngai vàng », « làm dân một nước độc-lập còn hơn làm vua một nước nô lệ »; nay Trẫm nhất định thoái vị để giao vận mệnh quốc gia lại cho một Chính-phủ có đủ điều kiện huy động hết cả lực lượng của toàn quốc để giữ vững nền độc-lập của nước và mưu hạnh-phúc cho dân.

Độc-lập của nước, hạnh-phúc của dân, vì làm chữ đó mà trong 80 năm vừa qua biết mấy mưu rì vạn đồng bào đã rơi đầu bỏ xác nơi nước thẳm non xa, trong lao đen ngục tối.

Đối với những sự hy-sinh của những kẻ anh-hùng liệt nữ ấy, của muôn ngàn chiến sĩ vô danh ấy, Trẫm-cho sự thoái vị của Trẫm là thưởng.

Vậy Trẫm chắc rằng bà con trong Hoàng-Tộc sau khi nghe lời thoái vị, ai ai cũng vui lòng để nghĩa nước lên trên tình nhà mà đoàn kết chặt chẽ với toàn thể quốc dân để ủng hộ Chính-phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa giữ vững nền Độc-Lập cho Tổ-quốc. Thế mới là một cách chân chính cao thượng, giữ chữ Trung với Trẫm, chữ Hiếu với Liệt-Thành.

Việt-Nam độc-lập muôn năm !
Dân-Chủ Cộng-hòa muôn năm !

Khâm-Thử
Phụng-Ngự ký BẢO-ĐẠI

Ban chiếu tại lầu Kiến Trung ngày 18 tháng 7 năm Bảo Đại thứ hai mươi (25-8-1945).

Số hiệu 1872

Ngự tiền văn phòng cung lục

Chính-phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa do ông Hồ-Chí-Minh lãnh đạo thành lập, chưa được bao lâu thì gặp nhiều sự rắc rối như trên đây chúng tôi đã có dịp nói đến. Giờ phút này từ địa vị Hoàng-Đế Ngài đã bước xuống địa vị một người công-dân. Những nhà chính trị thời bấy giờ đã khéo léo hết sức đặt ngài lên làm Cố-vấn tối cao cho Chính-Phủ dân-chủ Cộng-Hòa (Sắc lệnh ngày 20-9-1945). Người ta phê bình rằng Ngài đã đóng vai trò chính-trị ấy một cách hết sức lơ đãng vì ngài hiểu tình thế của Ngài bấy giờ hơn ai hết cho tới ngày 15-3-46 ông Hồ-Chí-Minh đến nhà riêng của ngài yêu cầu ngài cầm đầu phái đoàn ngoại giao Việt-Nam qua Trung-Hoa. Việc này tới nay vẫn gần như là một bí-mật chính trị mà hiện thời chúng ta chưa rõ lắm. Người ta xôn xao rằng Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa ra đời lúc đó địa vị chưa vững lắm vì một phần dân còn mến tiếc Cựu-Hoàng, lại do cuộc tuyên truyền của một hai đảng phái quốc gia (nhóm Thiết-Thực do ông Phan Huy-Đán, sinh viên trường Y-Khoa đại học hồi đó đứng lên xuất bản báo, phát truyền đơn, gây biểu tình phản đối Chính Phủ Hồ-Chí-Minh và đòi Cựu-Hoàng Bảo-Đại ra làm Tổng Thống tại Hà-nội một thời kỳ đã ồn ào và không phải là không tai hại cho uy-thể của Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa. Ông Đán sau này có dự vào Chính-Phủ Nguyễn-văn-Xuân chừng ngót hai tháng rồi bất đồng chính kiến nên đi Pháp và từ chức với chính phủ này). Người ta thấy Cựu-Hoàng là cả một sự cản trở nên nhân dịp quân đội Trung-Hoa (cuối năm 1945) lấy danh nghĩa sang đóng từ Bắc-Việt vào tới vĩ tuyến 16 giải giáp quân đội Phù-tang, chính phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa vận động với một hai tướng Trung-Hoa (Lư-Hán, Hoàng-Cường hay Tiêu-Văn) sau đó chính phủ Tưởng-giới-Thạch chấp nhận tiếp một phái đoàn ngoại giao Việt-Nam. Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh liền cử Cố-Vấn Vĩnh-Thụy cầm đầu phái đoàn đi Trung-Hoa để một thời kỳ ngài vắng mặt đi.

Một giả thuyết nữa nói rằng vì Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh có màu sắc cộng-sản nên vừa mới thành lập, Đồng-Minh biết ngay và tổ ý không tán thành. Một nhóm Quốc-Gia đã vận động với Chính-Phủ Tưởng, hoặc do mưu kế của Đồng-Minh mà Chính-Phủ Tưởng đã bày mưu yêu cầu Chính-Phủ Hồ cử phái đoàn ngoại giao đi Trung-Khánh để có dịp mời cố vấn Vĩnh-Thụy sang chơi rồi mời ngài ở lại đất Tàu.

Ngài đi ngày 16-3-46. Nghe nói: Khi sang tới Côn-Minh thì các nhà đương-cục Trung-Hoa liền mời Ngài lên luôn chiếc máy bay khác đi Trùng-Khánh, còn toàn thể nhân viên của phái đoàn bị triệt hồi về Việt-Nam, trong đó có ông Nghiêm Kế-Tổ Thứ Trưởng Bộ Ngoại-Giao là một đảng viên của Việt-Nam Quốc-dân-đảng tham gia Chính Phủ liên hiệp bấy giờ.

Lại có người nói rằng phái đoàn của Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh được theo Cựu-Hoàng đến Trùng-Khánh và khi trở về Việt-Nam, Cựu-Hoàng có gửi họ một lá thư cho Chính-phủ Dân-chủ Cộng-Hòa trong đó Ngài ngỏ ý từ chức Cố-Vấn tối cao.

Giả thuyết này có thể có ít nhất một phần sự thực nào và như thế Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh đã chơi một nước cờ hơ hay vì tình thế đã chẳng được chẳng? Cựu-Hoàng sau khi hội kiến với Tổng Thống-Chế cũng có gặp cả Đại-Tướng Marshall ở Trùng-Khánh để bày tỏ tình thế Việt-Nam trong những giờ cuối cùng và có trao cho Đại-Tướng một chứng-kiến-thư nhấn mạnh về sự tiến triển của Việt-Nam qua bốn nghìn năm lịch-sử và nguyện vọng duy nhất của Việt-Nam là được Độc-Lập để cộng tác cùng Quốc-tế, xây dựng Hòa-Bình cho nhân-loại. Rồi Ngài qua Hương-Cảng ít bữa sau để không về Việt-Nam.

Lúc này trên bán đảo Đông-Dương, cuộc bang giao của Việt-Nam và Pháp đang ở at: Hiệp ước 6-3-46 ra đời rồi Hội-Nghị Đà-Lạt. Hội-Nghị Fontainebleau ở Pháp cho tới Tạm ước 14-9 giữa Chủ-Tịch Hồ-chí-Minh và ông Moutet (Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại) cuộc tình duyên Việt Pháp như ta xem đến 19-12-46 là đứt đoạn; sau việc người Pháp chiếm ty quan thuế Hải-phòng và chừng vài tuần sau đến cuộc xung đột tại Thủ-Đô Việt-Nam.

Ở Hương-Cảng, Ngài được dịp tiếp xúc với nhiều nhà Cách-Mạng Quốc-Gia: ông Nguyễn-Hải-Thần, ông Nguyễn-Tường-Tam và nhiều vị khác nữa sau này họp thành Mặt Trận Quốc-Gia toàn quốc nhóm ở Hương-Cảng ngày 17-2-47 thảo một bản chương trình ủng hộ Cựu-Hoàng đứng ra thương thuyết với nước Pháp.

Mặt trận này gồm có:

Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh Hội,
Việt-Nam Quốc-dân-Đảng,
Việt-Nam Dân-chủ Xã-hội-Đảng,
Việt-Nam Quốc-Gia Thanh-niên-đoàn.

Đoàn thể dân chúng Tịnh-Độ Cư-Sĩ Cao-Đài tuyên bố ủng hộ ngài.

Giữa lúc này, chiến tranh kéo ngót một năm ròng, người Pháp chẳng lượm được kết quả khả quan nào nên lại lên tiếng điều-định với Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh. Tại Hà-Đông ngày 10-9-47, Cao-Ủy Bollaert đã đọc một bài diễn văn để kêu gọi ngừng chiến. Sự thất bại của Cao-Ủy và các cuộc tiến triển kế tiếp thế nào chúng tôi đã nói ở những trang trên đây.

Cũng ngay khi đó, ở trong nước, Hội-Đồng Chấp Chánh Trung-Kỳ, Hội-Đồng An-Dân Bắc-Kỳ, Hội-Đồng Nam Kỳ, các đảng chính-trị và tôn giáo như Cao-Đài, Hòa-Hảo, Quốc-Gia Liên-Hiệp, Liên-Đoàn Thanh-Niên, Liên-Đoàn báo giới, Liên-Đoàn Trí-Thức gửi điện văn thỉnh cầu Hoàng-Đế đứng ra thương thuyết với nước Pháp, trở về chấp chính quyền để hòa-bình chóng phục hồi trên đất nước. Những cuộc biểu-tình từng xã, từng huyện, từng tỉnh, lần lượt tổ chức cũng không ngoài mục đích nói trên.

Vì thấy dân chúng một lòng nhiệt thành hậu thuẫn, Ngài mới cả quyết đứng ra lãnh trọng trách mở cuộc thương thuyết với nước Pháp.

Ngài chuyển giao cho hãng Reuter một bức thông điệp :

« Nhận được điện văn của các nhóm chính-trị, các nghiệp đoàn, và các tôn-giáo trong nước gửi sang yêu cầu tôi đem lại trật-tự và an-ninh cho Tổ-Quốc, tôi yêu cầu các lãnh-tụ đảng-phái chính-trị hiện-hữu cùng tôi giải bày tình hình chính-trị trong nước.

Tôi mong gặp các đại-biểu trong ngày 9-9-47 ».

Theo lời hiệu triệu, đại-biểu các đảng chính-trị, tôn-giáo đều tề tựu tại Hương-Cảng.

Một cuộc hội nghị họp vào hai hôm 10 và 11-9 đã tán đồng một bản quyết nghị ủng-hộ Hoàng-Đế Bảo-Đại trong cuộc tranh thủ độc-lập thống nhất. Ngài gửi cho quốc dân một bản tuyên-ngôn sau này :

HỒI QUỐC-DÂN VIỆT-NAM

Vì muốn tránh máu đổ, Trẫm đã từ ngôi của các bậc Tiên đế để lại vì quốc dân muốn giao phó vận mạng nước nhà cho những nhà lãnh đạo mới.

Trẫm đã tự ý tránh mặt, thoái vị, chọn con đường đi lưu trú ở hải-ngoại để tránh khỏi phải chịu sự thí nghiệm mà trong ý của quốc-dân là sẽ đem lại hạnh phúc. Ở nơi đất khách quê người mà Trẫm hiện nay còn lưu trú, Trẫm rất quan tâm đến những sự biến chuyển của lịch sử nước nhà. Đôi khi có tia hy vọng, nhưng lúc nào Trẫm cũng buồn. Mặc dầu những nhà độc tài muốn che lấp tiếng nói của quốc-dân, nay Trẫm cũng biết được những hy vọng đau đớn của quốc-dân vì chế-độ độc tài. Hiện nay, Trẫm nghe tiếng rên xiết của mọi người, được nghe tả những cảnh đau khổ, những nỗi tai hại mà nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta đã phải chịu. Sau hai năm kinh nghiệm dưới quyền hành tuyệt đối của những nhà lãnh đạo mới, dần dần mỗi hy vọng hạnh phúc đã tiêu tan, một hạnh phúc mà lời tuyên truyền khôn khéo đã làm nảy nở trong tâm quốc-dân.

Sau những nỗi lầm than, quốc-dân đã kêu gọi đến Trẫm, để đem lại cho quốc-dân đã bị sự tàn phá của chiến tranh, của cảnh cốt nhục tương tàn, một nền hòa bình thích hợp với các quốc gia tự-do và bình đẳng, một nền hòa-bình nội-trị đem lại sự an-ninh. Quốc-dân đã yêu cầu Trẫm đứng ra thương thuyết với Pháp, chính nước Pháp đã do vị đại-diện tối cao ở Việt-Nam là Thượng-Sứ Bollaert đề xướng trong bài diễn văn đọc tại Hà-Đông, đề cử những nhân vật được quốc-dân tin nhiệm. Đáp lại lời kêu gọi của quốc-dân, Trẫm chấp nhận sứ mạng mà quốc-dân giao phó cho Trẫm. Trẫm sẵn sàng tiếp xúc với nhà đương cục Pháp và cùng họ xét những đề nghị mà Pháp đã đưa ra cho chúng ta. Trước hết Trẫm muốn dành độc-lập và thống-nhất Quốc-gia hợp theo nguyện vọng của Quốc-dân. Khi đã đi đến một thỏa-hiệp được bảo đảm cho đôi bên, quả quyết rằng những lý tưởng mà vì đó chúng ta đã kháng chiến đã đạt được, lúc ấy, Trẫm sẽ đem uy quyền của Trẫm để ngừng chiến, vì một khi mục đích của chúng ta đã thấu hoạch được thì không còn gì cản trở sự phục hồi hòa-bình. Đây là

một nền hòa-bình phong phú, thịnh vượng và an ninh mà Trăm sẽ đem về cho Quốc-Dân và Trăm muốn duy trì nền hòa bình ấy. Thời gian sẽ làm êm dịu các dự-c vọng.

Trong sự thống nhất, tất cả quốc-dân Việt-Nam sẽ xây-dựng lại nước nhà trên những nền tảng mới, dựa theo những nguồn sinh-lực cổ-truyền anh-dũng của chúng ta.

BẢO-ĐẠI

(Theo nguyên-văn Đài phát-thanh Sài-gòn
ngày 19-9-1947).

Ngài tuyên bố với báo chí ở Hương-Cảng : « Tôi chỉ trở về Việt-Nam khi nào những điều-kiện thương thuyết đã được hai bên chấp thuận, nhất là nước Pháp phải công nhận Việt-Nam là một nước hoàn toàn độc-lập, cần phải có ngoại giao, tài-chính và kinh-tế riêng ».

Sau khi Hoàng-Đế Bảo-Đại nhận lời đứng ra thương thuyết với nước Pháp, Cao-Ủy Bollaert sai đặc-phái-viên Consseau, luôn trong mấy tháng trời đi lại Sài-gòn, Hương-Cảng để thông tin tức. Và đến ngày 16 tháng 12 năm 1947 thì có cuộc hội-kiến đầu tiên ở Vịnh Hạ-Long giữa Cao-Ủy Bollaert và Hoàng-Đế Bảo-Đại.

Hôm 16-12-47 hai nhà đại-diện Việt-Pháp đã khảo sát tổng quát tình thế.

Ngày 26-3-48, Hoàng-đế Bảo-Đại định rõ lập trường của Ngài đối với thời cuộc, trong bản tuyên ngôn gửi cho đại biểu các tổ-chức chính-trị và tôn-giáo.

«... Tuy cuộc tranh đấu gay go vì Độc Lập vẫn triền miên, hết thấy quốc dân ta đều muốn sớm thỏa hiệp với nước Pháp. Đề nêu cao tư tưởng hiếu hòa đó, hưởng ứng lời dân chúng yêu cầu tôi mở cuộc thương thuyết, ngày 6 tháng 12 năm 1947, tôi nhận lời của Thượng-Sứ Pháp ra Vịnh Hạ-Long. Cuộc đàm phán tiếp tục ở Genève và hiện chưa kết thúc.

Mặc dầu tình thế có chiều phức tạp, đối với nước Pháp xưa nay vẫn chuộng tự do công bình, lại đã nhiều lần tuyên bố sẵn sàng công nhận Việt-Nam thống-nhất và độc-lập trong một tổ chức Liên Hiệp Pháp có ý nghĩa rộng rãi, chúng ta có thể hy vọng sớm muộn sẽ tìm được sự thỏa-hiệp phải chăng.

Những cuộc đàm phán đã qua, về phần tôi, chỉ có tình cách cá nhân. Tôi có trở lại chính quyền, cuộc đàm phán mới chính-thức, và mới có thể đưa những kết quả định đoạt tương lai nước ta. Nhưng nguyện vọng quốc dân chưa đạt được thì có bao giờ tôi nghĩ đến việc trở lại chính quyền, và chẳng-đó chỉ là việc phụ.

Trong khi chờ đợi, quốc dân có thể thành lập một Chính-Phủ trung ương lâm thời để thực hiện việc thống-nhất quốc-gia là vấn đề thuộc phạm vi nội bộ Việt-Nam mà nước Pháp đã tuyên bố không can dự đến».

Ngày 5-6-48, Hiệp định Hạ-Long ra đời do Trung Tướng Nguyễn-văn-Xuân (lúc đó là Thiếu Tướng) ký cùng ông Bollaert đại diện cho nước Pháp. Cựu Hoàng có phó-thự vào bản Hiệp định này trên chiếc tàu Duguay Trouin. Chính Phủ Nguyễn-văn-Xuân thành lập dưới sự bảo trợ của Ngài. Sau việc ký kết này ít lâu Ngài có qua Pháp tiếp xúc cả với nhiều nhân viên cao cấp của Chính-phủ Pháp và các đại-diện Đồng-Minh.

Ngày 8-3-49, Ngài cùng Tổng Thống Vincent Auriol có cuộc trao đổi quốc thư rất long trọng tại điện Elysée. **Lập trường của Ngài là Việt-Nam phải được độc-lập và thống-nhất thực sự.**

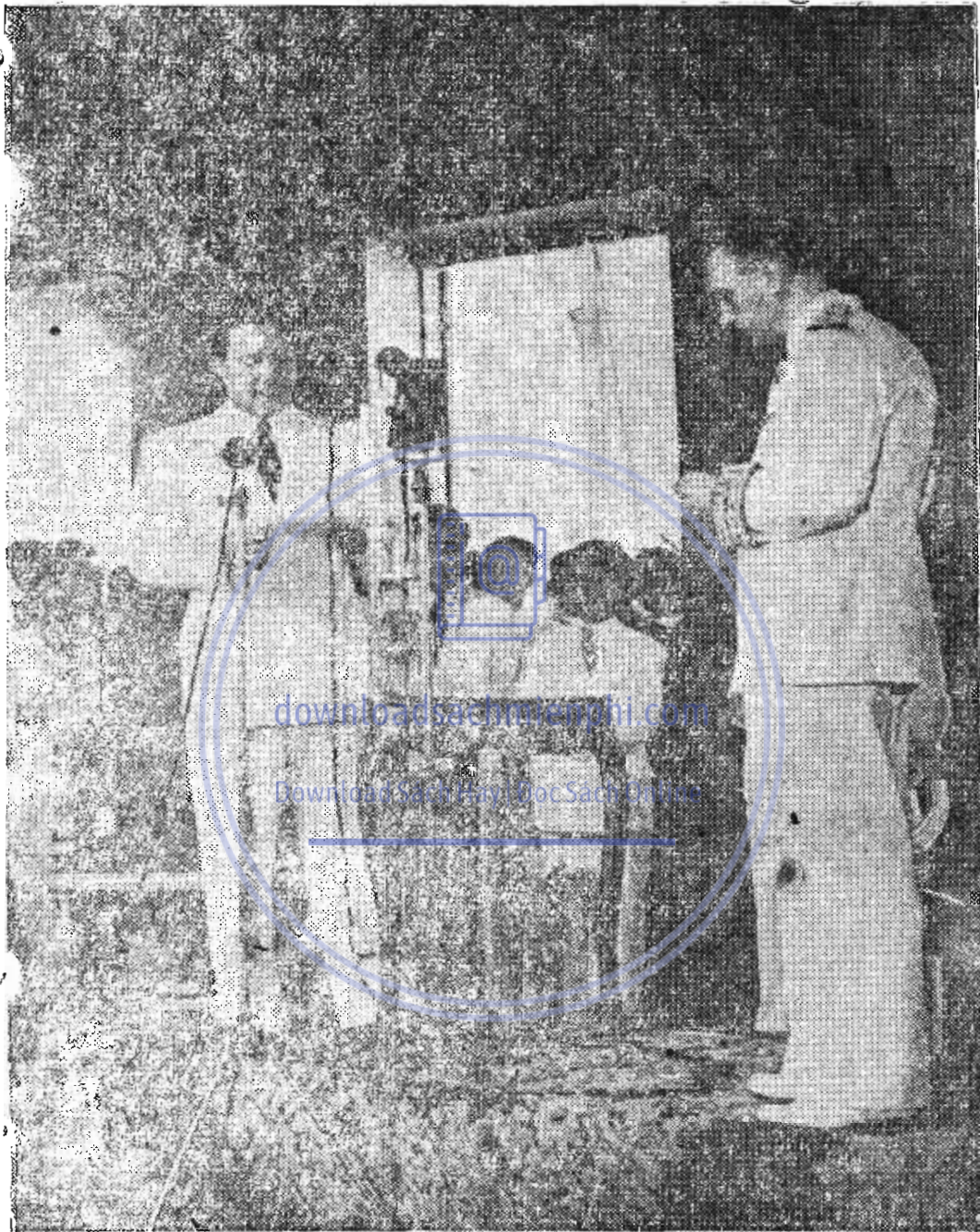
Xét đại cương thỏa hiệp 8-3-49 nhiều đảng phái nhất là phái cực hữu ở Pháp đã kịch liệt phản đối rằng : Bảo-Đại yêu sách hơn Hồ-Chí-Minh nhiều lắm.

Mặc dầu gặp những phản-lực này nước Pháp trước cuộc tiến triển của tình thế Quốc-tế mỗi ngày một mạnh, đã phải cả quyết công nhận Việt-Nam độc-lập và thống-nhất. Chúng ta nên nhớ rằng riêng vấn đề thống-nhất của Việt-Nam cũng đã là chuyện vô cùng gay go giữa các lực lượng chính-trị bên Pháp.

Việt-Nam thống-nhất là nước Pháp mất đứt một lãnh thổ hải-ngoại, là thủ tiêu hòa-ước 1862 và 1874 do triều-dinh Huế ký với Pháp.

Nó gay go đến nỗi Cựu-Hoàng phải nói : *Nước Việt-Nam không thể Độc-lập nếu không thống-nhất.*

Rồi ngày 3-6-49 một cuộc đầu phiếu của Quốc-Hội Pháp chính thức công nhận Nam-Việt trở về với đại gia-đình Việt-Nam.



CUỘC TRAO ĐỔI VĂN KIỆN 8-3-1949 GIỮA HOÀNG-ĐẾ BẢO-ĐẠI
VÀ CAO-ỦY LÉON PIGNON TẠI SÀI-GON NGÀY 14-6-1949

Tiếp tới ngày 14-6-49 có cuộc trao đổi văn kiện trọng-thể tại Sài-gòn giữa Cựu-Hoàng và Thượng-Sứ Pignon.

Ngày 30-12-49, cũng tại Sài-gòn hai Chính Phủ Việt-Pháp làm lễ trao trả chủ quyền nội-bộ Việt-Nam. Đáng ghi rằng những ngày tháng cuối cùng năm 1949 do sự thắng trận của Mao-Trạch-Đông, nhà lãnh tụ Cộng-Sản Trung-Hoa, mà cuộc bang-giao Việt-Pháp được tiến hành mau lẹ hơn mặc dầu nhóm Thực-Dân vẫn cố gây các trở lực và các phong trào phân ly ở Nam-Việt. Từ nay theo nguyên tắc, Việt-Nam định đoạt lấy vận mệnh của mình sau ngót một thế-kỷ chìm đắm trong vòng nô-lệ. Lúc này tình hình Đông-Nam-Á, do sự hoạt động của Đệ-tam Quốc-lẽ, trở nên rất nghiêm trọng. Do chương trình bài Cộng, các đại sứ Anh-Mỹ luôn luôn qua lại giao dịch với Chính-Phủ Bảo-Đại và ngổ ý thừa nhận và ủng-hộ Chính-Phủ quốc-gia Việt-Nam đầu năm 1950.

Từ nay Việt-Nam đã có mặt có tên trong trường Quốc-Tế và địa-vị của tân quốc-gia Việt-Nam có thể nói là rất quan-hệ cho cục diện quốc-tế hiện giờ.

Nhìn về tương lai ta thấy có rất nhiều hy-vọng ; nhưng trên đường tranh đấu của người Việt-Nam, giai đoạn này vẫn chưa phải là giai đoạn chót. Dân tộc chúng ta mới vượt được những nỗi khó khăn đầu tiên là đưa được mình ra nơi biển rộng trời cao, góp mặt trong đại gia-đình các nước tự-do trên thế-giới, nhưng còn phải tranh đấu để thực hiện nền Độc-Lập và củng-cố địa-vị mới này giữa năm châu, đó không phải là công trình riêng của các người lãnh-đạo mà còn của toàn dân nữa.

Mấy vấn đề khó khăn mà Quốc-Trưởng Bảo Đại và chính - phủ của Ngài đã gặp và đương tiếp tục tranh đấu

Chúng tôi thấy cần phải chép ra đây mấy bài tuyên ngôn mà Cựu-Hoàng Bảo-Đại đã đọc trong dịp du hành Trung-Nam-Bắc trước khi Ngài thân cầm chính quyền để trực tiếp giải quyết mọi việc gồm có mấy điểm chính sau đây : mấy điểm này đã gián tiếp trình bày nội tình của chúng ta về mặt chính-trị và xã-hội cần được cấp tốc giải quyết :

A. — Với Nam-Việt, mặc dầu việc thủ tiêu chế độ thuộc địa tại phần huyết mạch này của Quốc-gia Việt-Nam đã trọn vẹn trên lập-trường pháp-lý, một phần-lực của thực-dân và của một nhóm phân ly vong - bản đã gây nên nhiều sự trướng ngại cho việc nội-trị trong giờ phút cuối cùng này. Ngài đã phải áp dụng một chính sách hòa hoãn để êm dịu tình thế.

B. — Với Trung-Việt, Hoàng-Gia và dân chúng một phần còn lưu-luyến nền quân-chủ, Cựu-Hoàng đã an ủi dân chúng nên tin tưởng ở vận-mệnh Tổ-quốc do các tiên-liệt đã cố công xây dựng và một phần nữa nhấn mạnh về sự phục-hồi cương-thường lấy hai nhữ giáo dưỡng làm khẩu hiệu trong cuộc canh-tân.

C. — Với Bắc-Việt, nơi đã bị chiến tranh tàn phá hơn hết cả, mọi người đều lâm vào cảnh đói rét, thiếu ăn thiếu mặc, nên Ngài chú trọng đặc biệt về vấn đề xã - hội và dân-sinh để tránh nạn đói tái diễn và nạn khan nhà ở nghĩa là vấn đề kiến-thiết lại quốc-gia và cải tổ đời sống của dân chúng về mọi phương diện cần phải thực hiện ngay để có thể tái tạo được sức mạnh của quốc-gia. Ngài không quên đề ý đến nông-dân, giới cần-lao và thanh - niên là những yếu-tố căn-bản để phục-hưng đất nước và xây dựng nền độc-lập.

Bản tuyên cáo của Hoàng-Đế Bảo-Đại đọc tại Sài-gòn ngày 14-6-1949

Tại Tòa Thị-Sảnh Sài-gòn, sáng hôm 14-6-1949, đã cử hành lễ trao đổi văn kiện ngoại giao một cách trọng thể giữa Hoàng-Đế Bảo-Đại và Cao-Ủy Pignon. Sau đấy, trước máy vô tuyến truyền thanh Hoàng-Đế Bảo-Đại đã đọc bản tuyên cáo với toàn thể quốc dân.

Quốc dân Việt-Nam,

Hôm nay, đặt chân trên đất Nam-Phần, tôi không thể nén nỗi lòng cảm động chứa chan hòa với vui mừng vô hạn. Lãnh thổ này, giòng Hồng Việt đã dày công khai thác từ bao thế-kỷ. Ninh-Vương, Minh-Vương và Võ-Vương đều kế vị tại đây. Và cũng từ đây, Đức Gia-Long cùng biết bao anh hùng liệt sĩ các

xứ Đồng-Nai, Gia-Định khởi nghĩa Cần-Vương, trùng hưng nghiệp cả, tổ vẽ lại non sông từ Sài-gòn qua Thuận-Hóa, ra Thăng-Long tới Biên-Thùy Trung-Quốc. Bầu nhiệt huyết của tiền nhân vẫn còn sôi cháy cổ truyền nói giống, trong rừng rậm nơi bùn lầy, biết bao nhiêu chiến-sĩ quyết chí hy-sinh đi phấn đấu cho chính nghĩa. Lành-thờ của Tổ-Tiên ngày nay đã quy về một khối. Được như vậy là nhờ chí anh dũng của toàn dân, lòng tận tụy của đồng bào các giới và nhờ tình hữu-nghị của dân tộc Pháp.

Sau bao năm sống riêng biệt, đồng bào Nam-phần đã tỏ ra rằng người Việt-Nam không bao giờ quên nguồn gốc giống nòi. Trong công cuộc xây dựng lại quốc gia, Nam phần đã đặt viên đá đầu tiên, đã ghi một công nghiệp vẻ vang trong lịch-sử. Công nghiệp ấy chỉ có thể lớn tại và phát-triển nếu dân tộc ta tiến-triển trong vòng kỷ-luật, trật-lự và an-ninh.

Nhưng ròng rã 4 năm nay chỉ vì nguyện vọng quốc dân chưa đạt được, nên nạn chiến tranh kéo dài, tàn phá đất nước. Còn cảnh nào thể thảm bằng hai dân tộc Việt Pháp, xưa nay vẫn thiết tha với hoà-bình, yêu chuộng tự do và công-lý, mà ngày nay phải dùng võ-lực bạo tàn để đối phó với nhau.

Để chấm dứt thảm trạng ấy, tôi không ngần ngại đảm nhận trách nhiệm tìm phương pháp hòa bình để giải quyết sự xung đột, và làm thỏa mãn những nguyện vọng thiết tha của dân tộc. Vì cần phải có một lập trường quốc-tế hợp pháp nên tôi đảm nhận địa vị xưa nhưng đối với quốc dân, ý định của tôi vẫn không thay đổi. Một lần nữa, tôi trình trọng tuyên bố: Chính thể nước Việt-Nam sau này sẽ do quốc dân định đoạt.

Quốc dân đã dùng cảm phấn đấu cho nền độc-lập của Tổ-Quốc, lẽ dĩ-nhiên, quốc dân lại là nguồn gốc mọi sự hoạt động của Quốc-gia. Nhưng vì tình hình quốc tế nghiêm trọng và tình thế chính trị hiện tại chưa thuận tiện để đồng bào có thể phát biểu ý kiến sau một cuộc tổng tuyển cử, nên từ ngày nay, tôi nhận đứng điều khiển bộ máy quốc gia.

Trước đây nửa giờ đã cử hành lễ trao đổi văn kiện với vị Đại-diện tối cao của nước Pháp. Như quốc dân đã biết, cuộc thương thuyết giữa Chính-Phủ Pháp và tôi đã đi tới thỏa-hiệp ký ngày 8-3. Thỏa-Hiệp này chỉ là một phác họa những nguyên

tắc căn bản cho nền bang giao Việt, Pháp, trên lập trường Thống Nhất và Độc-lập của nước Việt-Nam. Thỏa-Hiệp ấy đánh dấu và là kết quả của tình-thế chính-trị trong giai đoạn hiện thời.

Cũng như các Hiệp-Định khác đã ký, thỏa-hiệp 8-3 sẽ do Quốc-Hội Việt-Nam sau này chuẩn y. Quốc-dân Việt-Nam theo đúng nguyên tắc thỏa-hiệp nói trên. Sự thống-nhất lãnh-thổ Việt-Nam ngày nay đã được thực hiện. Ngày 3 tháng 6 vừa rồi, Quốc-Hội Pháp cũng đã biểu quyết long trọng thừa nhận sự sát nhập Nam-Phần vào lãnh-thổ Việt-Nam.

Như vậy, thể chế thuộc địa do các hòa-ước 1862 và 1874 tạo nên, đã hoàn toàn thủ tiêu. Nền Độc-Lập nước nhà đã tái hiện và từ nay, nước Việt-Nam sẽ tự điều khiển công việc mình trên trường quốc-tế, như về mặt nội bộ.

Phương diện quốc-lẽ, nước ta có đủ quyền năng một nước Độc-Lập ; quyền ngoại giao riêng, quyền đặt sứ quán tại ngoại quốc, quyền tiếp nhận các sứ đoàn ngoại giao ngoại quốc, quyền đặt lãnh sự tại các nước, quyền điều đình và ký Hiệp-ước quốc-tế, cùng là quyền gia nhập tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc để thực hiện các quyền này. Chính-phủ thành lập nay mai có nhiệm vụ sẽ hành-động để dành cho nước nhà có một địa vị xứng đáng trong khu vực Đông-Nam Á-Châu.

Các việc cần thực hiện ngay là việc đặt các lãnh sự tại ngoại quốc và việc đặt đại sứ Việt-Nam tại các nước đã định rõ trong Thỏa-Hiệp 8-3. Chúng ta thiết tha mong đợi các nước bạn sớm cử đại biểu đến nước ta và mau chóng đến ngày Việt-Nam gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Sở dĩ chúng ta cố gắng hành-động để có một địa vị xứng đáng trên trường quốc-tế là vì chúng ta tin tưởng rằng nước Việt-Nam có sứ mạng phải cộng tác với các nước khác, để bảo vệ tất cả các phong thể của loài người, căn cứ vào lòng yêu chuộng hòa-bình, dân chủ và tôn-trọng tự do cá nhân.

Về phương diện nội bộ, tổ-chức quốc-gia hợp với ý dân là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Danh dự dân tộc thúc dục ta phải nên hành động sao cho thế-giới thấy hình ảnh nước Việt-Nam tân tiến tiến bộ, biết trọng kỷ-luật, biết yêu chuộng công-lý. Trước hết về mặt hành chính, các cơ quan đặt ra là để làm việc cho dân. Một tổ chức gì đi ngược căn bản ấy, không thể nào tồn

tại được. Vậy cần phải có một quy chế mới cho công chức làm việc. Quy chế ấy cần phải tôn trọng quan niệm thiết yếu là tương tin, năng lực cá-nhân cùng việc làm và sự dùng năng lực cho hợp lý và công bằng.

Một chương trình cải tạo xã-hội cũng sẽ được ấn định và thực hiện, chúng ta phải theo đuổi cuộc chống nạn mù chữ, mở mang giáo dục phổ thông, nâng cao dân trí. Giới cần-lao là gốc của mọi cuộc canh-tân, sẽ được Chính-phủ săn sóc đến, mục-đích là nâng cao mức sống đồng bào.

Nhưng dầu chính trị tốt đẹp đến đâu mặc lòng, cũng sẽ mất hết ý nghĩa và không còn ảnh hưởng gì, nếu trong nước dân ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Bởi thế ta cần gấp mở mang kỹ nghệ, khuyến-chương thương-mại, chấn chỉnh nông nghiệp để xây dựng nước Việt-Nam mới. Một người thợ phải có một ngôi nhà, một người dân cây phải có một cây cày. Tôi ước mong những nhà chuyên môn các nước có cảm tình với ta góp sức cùng chúng ta để chóng thực hiện chương trình kiến thiết mà tôi vừa phác họa.

Lẽ dĩ-nhiên những quyền lợi xứng đáng của ngoại kiều đều được bảo-vệ và tôn trọng.

Trong phạm vi đại gia-đình Việt-Nam mới, Nam-Phần, với những tài nguyên trù-mật, sáng kiến khả năng, với những tập quán cố hữu, cần được tôn trọng sẽ đóng một vai trò quan hệ trên đường tiến triển sau này.

Nam-Kỳ tuy là quê hương của chúng ta, nhưng trước kia đối với tôi thường chỉ được coi như một nơi tạm nghỉ cho người khách lạ. Nam-Phần ngày nay là máu thịt Việt-Nam, là gốc nguồn của sinh lực mới, là trung tâm của mọi ngành hoạt động quốc-gia.

Từ nay tôi mong toàn thể quốc dân cùng tôi cố gắng, mỗi người sẽ đem hết tâm trí, tài năng ra gánh vác một phần nhiệm vụ mới, lấy việc thịnh suy nước nhà làm trọng, gạt bỏ tư lợi, óc đảng phái và chia rẽ.

Dưới mái nhà quốc gia phục hưng và duy nhất, dưới mái từ-đường Tổ-Quốc trùng tu, tôi thiết-tha nhẫn nhủ toàn thể quốc dân hãy trở về với an ninh và hòa-mục, để cùng nhau xây dựng một Tổ-Quốc xứng đáng mà phụng sự,

Bao năm hy sinh của đồng bào là một bảo đảm chắc chắn cho sự thành công.

Tin tưởng vào tương lai quốc-gia, nối giống, cùng nhau chúng ta hợp sức và bắt đầu viết trang sử mới của Tân Quốc-Gia Việt-Nam.

**Bản tuyên cáo Đức Bảo-Đại đọc tại Huế
ngày 12-7-1949**

Đồng bào Trung-Phần,

Ở nơi này bốn năm trước, vì tôn trọng nguyên tắc « Dân vi Quý » và để tránh một cuộc huynh đệ tương tàn, tôi đã rời bỏ để vị.

Ngày nay cũng vì quyền lợi tối cao của Tổ-Quốc và cũng để chấm dứt một cuộc chiến-tranh, tôi lại thể lời thỉnh cầu của quốc-dân mà đích thân đứng lên chấp chính.

Đoái trông cảnh tàn phá nơi cung-miếu còn ghi di-tích Liệt-Thánh, tôi chạnh nhớ công ơn của Người xưa, lại tưởng nghĩ tới những khó khăn đang chờ đợi quốc dân trong cuộc tái tạo nước nhà. Tôi cũng biết nhiệm vụ đó ngày nay vô cùng phức tạp; song tôi tin cậy ở lòng kiên quyết, chí cần năng của đồng bào ở đây, cũng như tôi tin cậy ở trí sáng kiến, lòng hăng hái của đồng bào Nam-Bắc.

Trong khu vực Thuận-Hóa này, kể từ ngày Đức Thái-Tổ dựng cờ mở cõi, trải qua bao nhiêu thế kỷ, vương khí non sông đã đào tạo được bao nhiêu con dân anh dũng hoặc tranh đấu cho vinh quang Tổ-quốc trong rừng Hồng-Lâm, rừng Bó-Trạch, hoặc lấy công-lao huyết hãn khai thác những vùng cao nguyên hoang dã, cùng những khu ma thiêng cộp dũ ở Bình-Thuận, Khánh-Hòa, để làm giàu thêm gia tài của Tổ-Phụ.

Ngày nay nữa, trong nước Việt-Nam thống-nhất với những phù-nguyên trù-mật ở vùng Thanh-Hóa, Khánh-Thuận, với tinh thần quả cảm của con dân đất Nghệ-Tĩnh, với nho phong khu Từ-Quang, Thừa-Thiên, Trung-phần vì vị-trí thiên-nhiên, sẽ phải đảm nhận sứ mệnh lịch-sử liên-lạc, điều hòa Bắc-Nam, và làm đạo lăm cho một nền văn hóa mới.

Rồi đàng trên thuần phong mỹ tục truyền thống chúng ta sẽ dùng nguyên liệu mới mẻ kiến tạo một xã hội hợp thời trong đó tinh thần trật tự cố-hữu sẽ được dung hòa với tinh thần tân tiến hiện đại.

Trong việc biến chuyển lịch-sử vừa qua, cương thường luôn luôn bị rầy xéo, tôn ti lắm khi bị đảo lộn, giá trị tinh thần nhiều lần bị rẻ khinh.

Quốc dân không nên quên rằng trong nước Việt-Nam quân-dân cộng chủ từ nghìn xưa này, cương thường vẫn là căn bản của giáo hóa, tôn-ti là cơ sở của xã-hội.

Cho nên việc cấp bách là việc « phục hưng luân-lý », tái-tạo tinh thần để gây lại lòng tin tưởng ở vận mệnh của Tổ-Quốc, tin tưởng ở những lý tưởng cao quý của Giống-Nòi và nhân-loại.

Ta lại phải nghĩ tới đời sống hằng ngày của dân chúng : khai thác những nguồn lợi mới, cải thiện đời sống của dân quê, dân chài, dân thợ, làm cho cuộc tranh đấu với thiên nhiên bớt hiểm nghèo, việc mưu tìm cơm áo thường ngày đỡ khó nhọc.

Nuôi dân cho dân được yên vui, no ấm; dạy dân cho dân đủ tin tưởng, kiến văn, hai mục tiêu đó sẽ nêu cao trong cuộc canh tân lấy hai chữ « giáo dưỡng » quốc dân làm khẩu hiệu.

Mục đích ấy, 16 năm về trước, tôi đã mưu đồ thực hiện; song vì hoàn cảnh đương thời ngang trái, nên việc không thành.

Ngày nay nước ta đã lấy lại được chủ quyền thì việc thực hành thành hay bại, trách nhiệm ở ta.

Ngay bây giờ phải lập ngay lại trật tự nội bộ, đoàn kết toàn thể dân chúng, ngõ hầu huy động tử lực toàn quốc, để cho nước Việt-Nam có thể theo kịp các nước tiên tiến trên bước đường lịch sử.

Đồng bào Trung Phần,

Hãy noi gương tổ phụ, giữ vững linh thần tôn trọng trật tự và chí khí quật cường, truyền thống mà phụng sự Tổ Quốc.

Tuyên Ngôn của Đức Bảo-Đại tại Hà-nội ngày 16-7-1949

Đồng bào thân mến,

Cuộc hội-ngộ của tôi cùng quốc dân ngày hôm nay, tôi mong đợi từ lâu.

Cách đây 4 năm, đã có dịp tôi tạm dừng chân ở đất Thăng-Long này. Chung sống với đồng bào trong 6 tháng, tôi đã thấy rõ tinh thần sáng suốt, chí khí anh hùng, và đức tính cần lao của mọi tầng lớp quốc dân. Tôi thấy đồng bào không bao giờ thiên về lý-tưởng nào, chỉ có một nguyện vọng thiết tha: nền Độc-Lập của giang sơn Tổ-Quốc.

Tôi đã cùng đồng bào sống những ngày sôi nổi của Lịch sử. Khi đó trái tim chúng ta đã hòa cùng một nhịp, vì bao giờ chúng ta cũng vẫn hoài bão lý-tưởng cao siêu; cho nên ở nơi đất khách, khi tôi được tin chốn cố đô lại một phen sa vào vòng binh lửa, lòng tôi xiết bao thức mắc ngậm ngùi.

Suốt mấy nghìn năm lịch sử, đồ-thành cổ kính của nước Việt-Nam đã trải qua bao buổi thăng-bình? Khắp trên lãnh thổ chúng ta, không nơi nào còn ghi nhiều di tích của thời dĩ vãng hơn nơi này. Cố đô Quốc-gia Việt-Nam vừa là kho tàng văn hiến ngàn xưa, mà cũng lại chính là lò hun đúc hồn thiêng Tổ-Quốc. Dưới lớp rêu xanh, bên những tấm-bia ghi công của các danh hiền, vẫn còn những viên gạch nhắc ta nhớ luôn đến cái chí anh dũng tiền nhân.

Đồng bào thân mến, trong giờ phút này, tôi chúc đồng bào cũng như tôi, chúng ta cùng cảm thấy như có một sức mạnh từ quá khứ đưa tới, làm phấn khởi tâm hồn chúng ta, khiến cho lòng tin tưởng vào tương lai càng vững chắc.

Quá khứ oanh-liệt bao nhiêu, thì bồn phận chúng ta ngày nay nặng nề bấy nhiêu.

Trong cơn giông tố vừa qua, kinh thành Hà-nội đã bị tàn phá hơn cả mọi nơi. Cảnh tượng tiêu điều hiện ra trước mắt tôi ngày nay còn làm cho tôi thán phục sự hy-sinh của toàn thể đồng-bào trong cuộc tranh thủ Thống-Nhất và Độc-Lập Quốc-Gia.

Cảnh tượng đó lại càng thúc dục chúng ta phải cố gắng làm thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của dân-tộc. Cảnh

lượng đó lại càng bắt buộc chúng ta phải sớm hàn gắn những vết thương của đồng bào, xây dựng lại điêu tàn của đất nước.

Công cuộc kiến thiết ấy, có việc phải làm ngay, có việc cần phải một chương trình lâu dài.

Trong các vấn đề khẩn cấp, có vấn đề tiếp tế gạo. Nhất định cảnh thảm khốc vì đói kém 1945 không thể tái diễn. Nhất định giá gạo ở Bắc-Việt không thể giữ mức cao như bây giờ, trong khi Nam-Việt có thể cung cấp được đủ cho đồng bào ở đây. Tình đoàn kết cố hữu của dân tộc chúng ta từ Nam tới Bắc không khi nào để tình thế đó kéo dài mãi. Cuộc thống nhất nhân tâm đã mang lại sự thống nhất lãnh thổ. Cùng với linh thần ấy sẽ vượt được những nỗi khó khăn, trong công cuộc tương trợ cần kíp này. Đứng trước một tình thế liên quan đến đời sống của quốc dân. Chính phủ sẽ áp dụng những phương tiện thích hợp. Rồi đây, chẳng những sẽ đủ thóc, gạo tiếp tế cho dân, mà còn đủ đề phòng kỳ giáp hạt, cũng là sự bắt buộc sẽ xảy ra về đề điều.

Một vấn đề cần kíp nữa là vấn đề nhà ở. Tại Hà-nội cũng như tại các thành phố khác, cuộc tàn phá bởi chiến tranh gây nên khiến cho hàng triệu đồng bào khổ đốn về sự thiếu nơi ẩn trú. Rồi đây Chính Phủ sẽ tìm cách xây dựng những căn nhà gọn ghẽ, hoặc cho thuê rẻ tiền, hoặc bán lại và cho góp dài hạn. Ngoài ra sẽ có quy chế ấn định rõ ràng thể lệ cho thuê nhà tại các đô thị lớn.

Đi đôi với những việc nói trên, còn cần giải quyết ngay vấn đề may mặc, vấn đề giúp các giới nông công thương, để có thể tiếp tục hoạt động

Trên đây chỉ là những khoản cần được thi hành cấp tốc. Nhưng muốn cho nước Việt-Nam trở nên một quốc-gia có năng lực, muốn cho dân chúng được an cư lạc nghiệp, sống một cuộc đời tươi sáng hơn, cần phải áp-dụng một chương trình đầy đủ và rộng rãi.

Nghề nông ở Nam-Việt, vựa thóc của nước Việt-Nam, phải cải tổ theo những phương pháp khoa học, trong khi Bắc-Việt, với nguyên liệu dồi dào, nhân công thừa thãi, sẽ được kỹ-nghệ hóa một cách mạnh mẽ. Còn Trung-Việt sẽ tăng sức khai thác các nguồn lợi lâm sản và hải sản. Ba xir mỗi xir một nhiệm vụ, hợp thành một khối chắc chắn, có đủ điều kiện để làm cho nước Việt-Nam trở nên một quốc gia phú cường tại Á-Đông.

Chúng ta cũng cần mở rộng phạm-vi kinh-tế quốc-gia bằng sự khuyếch trương những phương tiện giao thông đường thủy, đường bộ, và tạo nên một đội thương thuyền ăn nhịp với sự nhu cầu của một nước độc-lập.

Giới cần lao sẽ được Chính-Phủ săn sóc tới một cách thiết thực. Qui định luật lao động, lập quỹ bảo hiểm xã-hội là những việc cần được thực hiện, mục đích là làm cho cuộc đời khó khăn hiện tại được đôi phần êm dịu. Giữa giới lao-động và giới chủ, sẽ là một sự cộng tác mật thiết đặt trên nền tảng sự tôn trọng nguyên tắc công lý xã-hội.

Cải tổ chế độ hương thôn là một việc hệ trọng phổ thông những điều cần thiết về khoa học, vệ sinh, về công dân giáo dục, nâng đỡ những gia đình nghèo khổ đông đúc, cần mở mang triệt để nền phổ thông giáo dục để nâng cao tinh thần dân chúng. Nền học chuyên nghiệp sẽ được mở mang, và Chính phủ sẽ phái nhiều du học sinh ra ngoại quốc để tạo nên một số lớn nhà chuyên môn rất cần dùng cho nước nhà.

Gây và nuôi óc tự chủ và tự cường trong dân chúng ; bảo vệ những thuần phong mỹ tục của dân tộc nhưng phải bài trừ những thói mê tín dị đoan.

Tóm lại Chính-Phủ mà tôi trực tiếp lãnh đạo sẽ gắng công thực hiện một chương trình cải cách xã-hội để kiến thiết một chế độ hợp lý, công bằng và nhân đạo.

Tôi mong toàn thể dân chúng, gồm cả các dân tộc tuy không cùng một nòi giống, song vẫn thuộc đại gia-đình Việt-Nam, góp sức với Chính-Phủ để thực hiện chương trình tôi vừa phác họa.

Trong công cuộc này, lẽ dĩ-nhiên là thanh niên sẽ đóng một vai quan trọng. Biết bao thanh niên đã xả thân đền nợ nước trong các năm tháng gần đây. Ai treo gương sáng cho toàn thể đồng bào làm rạng vẻ giống nòi trước năm Châu, nếu không là Thanh-niên Việt-Nam? Hướng về tương lai, cũng do một tấm lòng yêu nước ấy, Thanh-Niên sốt sắng bắt tay vào một công trình tái tạo đất nước. Bồn phận của Thanh-Niên chẳng những chỉ là hy-sinh, mà còn gồm thâu hai chữ « Phụng-sự ». Quốc-gia đặt nhiều hy vọng vào tinh thần cao quý, chí khí hăng hái, lòng can đảm, óc mạo hiểm của Thanh-Niên. Tôi mong Thanh-Niên Việt-Nam sẽ chẳng phụ lòng trông đợi của Quốc-Dân.

Dân vốn là nền tảng của nước, nên trong mọi việc hành động luôn luôn Chính-Phủ nghĩ tới dân, mưu hạnh phúc cho dân, làm sao cho Chính-Phủ và dân có một cảm tình thân mật. Chính-Phủ hiểu biết quyền lợi của dân, dân biết trọng và mến Chính-Phủ.

Làm công dân Việt-Nam vào buổi này, không thể đặt mình ra ngoài việc nước được. Vận mệnh là vận mệnh chung. Mỗi người tất phải có một nhiệm vụ gánh vác một phần việc nước. Vì không ra sức đảm đương trách nhiệm nhất là trên quãng đường hiểm nghèo ngày nay của Lịch-Sử, thì định mặc cho ai thay thế?

Nước chúng ta sau bao cơn giông tố, nay đã tới kỳ phải lập lại trật tự an ninh, để tái tạo đất nước và xây dựng nền Độc-lập.

Chúng ta còn phải cố gắng nhiều lắm mới thực hiện được chương trình nói trên; nhưng nếu cả một dân tộc đoàn kết nỗ lực, lấy việc thịnh suy nước nhà làm trọng, thì thời thế nào mà không chuyển dịch được. Và nhất định công cuộc kiến thiết trên đây phải thành công. downloadsachmienphi.com

Như vậy những hy sinh lớn lao của quốc dân cũng sẽ được đền bù một cách xứng đáng và anh hồn các chiến-sĩ đã phơi thây trên sa trường cũng khỏi phải tủi hờn.

Ngày hôm nay, trở về tới cổ đò, tôi tha thiết kêu gọi đồng bào toàn quốc hãy cùng tôi nhận lấy trách nhiệm kiến quốc đó.

Tôi tin ở Quốc-Dân, tôi đặt hy-vọng nơi Quốc-dân, và tôi chắc rằng với sự ủng hộ linh ứng của tiền nhân và các anh hùng liệt nữ, với chí cương cường bất diệt của giống nòi, với đức cần lao kiên nhẫn của đồng bào đất Bắc, nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta sẽ chuộc lại sự chậm trễ bấy lâu và sẽ sống một đời sống vẻ vang cùng với non sông trường cửu.

* *

Những bức thư đáng chú ý**Hoàng-Đế Bảo-Đại
gửi Tổng-Thống Truman**

Được tin Chủ-Tịch Chính-Phủ Lâm-Thời Pháp sẽ qua yết kiến các-hạ để giải quyết tình thế tương lai của Đông-Dương. Quả-Nhân xin tin các-hạ biết rằng các nước Đông-Dương đã tuyên bố độc-lập và cả quyết giữ vững nền độc-lập ấy.

Riêng về phần dân-tộc Việt-Nam, chúng tôi không coi kiêu dân Pháp là kẻ thù, lại trọng nhân mạng và tài sản của họ; nhưng chúng tôi sẽ cực lực phản kháng việc nước Pháp lập lại nền thống trị của họ trên đất Việt-Nam bất cứ theo một chế độ nào.

Chính sách thực-dân nay không hợp thời nữa. Một dân tộc như dân tộc Việt-Nam, đã có 4000 năm lịch sử và một dĩ vãng vẻ vang không thể chịu ở dưới quyền một dân-tộc khác.

Nước Pháp nên cúi đầu theo lẽ công bằng ấy, mà Mỹ quốc là nước hào hiệp đã tuyên bố và bênh vực.

Nước Pháp phải vui lòng thừa nhận chân lý đó để tránh khỏi tai vạ và chiến tranh có thể xảy ra trên đất nước chúng tôi. Trong cuộc chiến tranh vừa kết liễu, dân-tộc chúng tôi không dự chiến mà cũng đã chịu bao nhiêu nỗi khổ, nên chúng tôi chỉ mong tham dự vào cuộc kiến thiết mọi cuộc hòa bình hợp với công-lý trên thế-giới.

Quả nhân nhờ các-hạ chuyển đạt thư này, sang quý Chính-phủ ANH, TÀU, NGÀ.

Xin quý Tổng-Thống vui lòng nhận lời cảm ơn của Quả-Nhân và dân-tộc Việt-Nam vì công-lý và nhân đạo mà giúp chúng tôi.

BẢO-ĐẠI

..

Hoàng-Đế Bảo-Đại gửi Đại-Tướng de Gaulle

Lúc thiếu thời Quả-nhân đã ở nước Pháp nên nay Quả-nhân muốn lấy tư cách một người bạn hơn là một đấng Quốc-Trưởng để tỏ ít lời với cả dân-tộc Pháp và với người đã giải phóng nước Pháp và hiện còn làm Thủ-lĩnh Pháp.

Các ngài hãy nhớ lại những hồi đau đớn khổ sở mà các Ngài đã phải chịu trong bốn năm qua nước các Ngài bị nước ngoài xâm chiếm thì các Ngài sẽ hiểu rằng thời này một dân-tộc có hơn 4000 năm lịch sử vẻ vang chắc không thể nào chịu để cho người ngoài áp chế hoặc cai-trị nữa.

Sự ấy, nếu các ngài thấy rõ hiện tình xứ này và biết cái sức mạnh của bầu nhiệt huyết đã tràn trề trong tâm can dân-tộc Việt-Nam không nhân lực nào đè nén nổi, thì các Ngài liền hiểu thấu rõ hơn nữa. Vả lại vạn nhất mà các Ngài cố lấy lại được quyền cai-trị xứ này thì quyền đó cũng không ai phục tòng nữa. Mỗi một làng sẽ trở nên một sào huyết phản kháng, mỗi một người cộng tác cũ sẽ trở nên một cừu địch và bọn quan lại và thực dân của các Ngài sẽ phải tự xin lui không thể nào ở được trong bầu không khí chết ngạt ấy.

Quả-Nhân muốn các Ngài hiểu rằng: Cách độc nhất vô nhị để giữ lại quyền lợi người Pháp và ảnh hưởng tinh thần của người Pháp ở xứ này là các Ngài đường đường chính chính công nhận nền Độc-Lập của nước Việt-Nam và đừng có nghĩ gì đến việc lấy lại chủ quyền hoặc lập lại nền cai trị Pháp bất cứ theo cách nào.

Nếu các Ngài bỏ hẳn cái mộng tưởng trở lại làm chủ đó, thì chúng ta sẽ hiểu nhau mà trở nên bạn hữu một cách dễ dàng.

Nước Pháp là một nước sùng thượng lý-tưởng chủ nghĩa. Quốc-Trưởng Pháp là một người rất khôn ngoan, vậy Quả-Nhân mong rằng đang lúc tiếng thái-bình và hoan hỉ đã reo chung cho tất cả thế giới, các Ngài sẽ chú ý đến lời cảnh cáo này để cho dân-tộc bản-xứ và ngoại quốc ở Đông-Dương cộng vinh cộng lạc với tất cả các dân-tộc khác trên hoàn cầu.

BẢO-ĐẠI

Hai văn-kiến quan trọng về thỏa hiệp Elysée

Paris, ngày mùng 8 tháng 3 năm 1949

Tổng-Thống Cộng-Hòa Pháp-quốc

Chủ-tịch Liên-hiệp-Pháp

Kính-lâu Hoàng-Đế Bảo-Đại

T
ÂU Hoàng-Thượng,

Về vấn-đề thống-nhất và độc-lập nước Việt-Nam, Hoàng-Thượng ngỏ ý muốn thấy chứng nhân và xác định rõ-ràng những nguyên-tắc đặt trong bản tuyên-ngôn chung giữa ông E. Bollaert, Cao-Ủy Pháp tại Đông-Dương và Thiếu-tướng Nguyễn-văn-Xuân, Chủ-tịch Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam, tại Vịnh Hạ-long ngày mùng 5 tháng 6 năm 1948, có Hoàng-Thượng chứng kiến.

Chính-phủ Pháp cũng đồng ý với Hoàng-Thượng, và sau khi Hội-đồng Tổng-trưởng đã thảo-luận, yêu-cầu tôi lấy danh-nghĩa là Chủ-tịch Liên-Hiệp-Pháp theo thủ-tục trao đổi giắc-thư, định kết với Hoàng-Thượng một bản thỏa-hiệp mục-đích là xác định để thi hành các nguyên-tắc bản Tuyên-ngôn ngày mùng 5 tháng 6.

Xin đề tuyền quyền Chính-phủ Hoàng-Triều :

Một mặt, định kết với vị Cao-Ủy Pháp tại Đông-Dương những bản thỏa-hiệp riêng, để ấn định cuộc bang giao giữa nước Việt-Nam và Liên-Hiệp-Pháp chiếu theo các nguyên-tắc đã đặt trong cuộc trao đổi giắc-thư này, và chiếu theo thực trạng hiện tại.

Một mặt nữa, cùng vị Đại-diện Pháp, và liên-lạc với các Chính-phủ Mên Lào, trừ-bị những luật-lệ cần thiết, căn nguyên ở giác-thư này.

Trên nền tảng đã đặt với các điều - kiện như trên, nhân danh Chính-phủ Cộng-hòa Pháp, tôi xin xác nhận ưng thuận các điều khoản ghi sau đây :

I. — VẤN-ĐỀ THỐNG-NHẤT VIỆT-NAM

Mặc dầu có thể xử dụng những quyền hạn đã định trong các hiệp-ước ký kết từ trước, nước Pháp, một lần nữa, long-trọng tuyên-bố quyết-định không cản trở việc xứ Nam-kỳ trở lại lãnh-thổ Việt-Nam bằng bất cứ phương tiện pháp-lý hoặc hành-động nào. Lãnh-thổ đó gồm có các địa-hạt Bắc-kỳ (tức là Bắc-Việt), Trung-kỳ (Trung-Việt) và Nam-kỳ (Nam-Việt).

Tuy vậy chỉ khi nào dân chúng hoặc đại-biểu dân chúng miền Nam được tự-do phát biểu ý kiến, thì việc sáp nhập Nam-kỳ với Trung Bắc-Việt mới được coi là hoàn toàn về mặt pháp-lý.

Toàn thể các điều khoản bản thỏa - hiệp này chỉ có giá-trị khi nào xứ Nam-kỳ được thực sự và hợp pháp sáp nhập lãnh-thổ Việt-Nam.

Để đi tới mục-đích đó, Chính-phủ Pháp cam đoan thi hành các thủ-tục ấn định trong hiến-pháp.

Ngay sau khi thủ - tục này hoàn thành, Chính - phủ Pháp sẽ vĩnh-viễn công nhận rằng : lãnh-thổ nước Việt-Nam thống-nhất gồm cả ba phần : Trung, Nam, Bắc, như đã nói trên.

Chính-phủ Pháp ưng thuận thủ tiêu các quy-chế đặc-biệt do những đạo Chỉ Dụ đã ban bố từ trước cho 3 Thành-phố Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng.

Đối với các dân-tộc không thuộc về giống người Việt-Nam, mà khu-vực cư-trú lịch-sử vẫn ở trên lãnh-thổ Việt-Nam và theo truyền-thống vẫn quy thuận Hoàng-Triều, thì Hoàng-Đế Việt-Nam sẽ ban bố những quy-chế riêng biệt cho đại-biểu các dân-tộc đó. Các quy-chế này sẽ ấn định với sự thỏa-thuận của Chính-phủ Pháp, vì Chính-phủ Pháp

có bốn phần riêng biệt đối với các dân-tộc thiểu-số. Những quy-chế ấy đồng thời phải đảm bảo các quyền-lợi tối-cao của nước Việt-Nam, và sự tự-do tiến hóa của các dân-tộc trong sự tôn-trọng tục-lệ cổ-truyền của họ.

II. — VẤN-ĐỀ NGOẠI-GIAO

Chính-sách đối-ngoại của Liên-Hiệp-Pháp sẽ được nghiên cứu và hòa hợp dưới quyền điều khiển và trách-nhiệm của Chính-phủ Cộng-hòa Pháp tại Hội-nghị tối-cao Liên-Hiệp-Pháp. Trong đó nước Việt-Nam sẽ tự-do cử các đại-biểu. Chủ-quyền đối-ngoại, nước Việt-Nam sẽ phòng theo chính-sách ấy.

Để thi-hành chính cương nói trên, về phương-diện ngoại-giao, Hoàng-Đế Việt-Nam sẽ liên-kết hoạt-dộng ngoại-giao của Ngài với công-cuộc ngoại-giao Liên-Hiệp-Pháp.

Những viên Trưởng-đoàn ngoại-giảo các nước tại Việt-Nam, sẽ do Chủ-tịch Liên-Hiệp Pháp và Hoàng-Đế Việt-Nam công nhận.

Những viên Trưởng-đoàn ngoại-giao Việt-Nam mà Chính-phủ Việt-Nam chỉ định sau khi đã thỏa hiệp với Chính-phủ Cộng-hòa Pháp, để Đại-diện nước Việt-Nam tại nước ngoài, sẽ nhận ủy-nhiệm-trang do chủ-tịch Liên-Hiệp-Pháp cấp phát và Hoàng-Đế Việt-Nam phê chuẩn.

Nước Việt-Nam có quyền đặt sứ-đoàn ngoại-giao tại những nước mà danh-sách ấn định với sự thỏa-hiệp của Chính-phủ Pháp.

Đối với các nước ấy, sự thống-nhất chính-sách quốc-tế của Liên-Hiệp-Pháp sẽ được cấu-tạo một mặt do những cuộc tiếp xúc giữa các nhân-viên ngoại-giao Việt-Pháp, một mặt do những chỉ-thị đại-cương của Chính-phủ Pháp ấn định và chuyển đạt cho Chính-phủ Việt-Nam sau khi hội-nghị tối-cao Liên-Hiệp-Pháp đã phát biểu ý kiến.

Tại các nước khác, sứ-đoàn ngoại-giao của Chính-phủ Cộng-hòa Pháp sẽ đại-diện nước Việt-Nam. Các sứ-đoàn ấy có thể-gồm những đại-biểu Việt-Nam.

Nước Việt-Nam có quyền điều-định và ký kết những hiệp-định về quyền-lợi của mình, miễn là trước cuộc đàm-phán, Chính-phủ Việt-Nam thông-đạt cho Chính-phủ Cộng-hòa Pháp để Hội-Nghị Tối-Cao khảo-lũ, và miễn là trong khi điều-định, các đại-biểu Việt-Nam giữ liên-lạc với các sứ-đoàn ngoại-giao Pháp. Những hiệp-ước ký kết cần có Hội-Nghị Tối-cao tán đồng mới hoàn-bị.

Ở những xứ nước Việt-Nam xét có quyền lợi, nếu Chính-phủ Việt-Nam yêu-cầu, thì Chính-phủ Cộng-hòa Pháp sẵn lòng đứng trung-gian để điều-định việc đặt những Tòa Lãnh-sự Việt-Nam. Tại các nước có phái-đoàn ngoại-giao Việt-Nam, thì các Lãnh-sự Việt-Nam sẽ hoạt-động dưới quyền lãnh-đạo và sự kiểm-soát của vị Trưởng-đoàn ngoại-giao Việt-Nam; vị này sẽ liên-lạc với Trưởng-đoàn ngoại-giao Pháp; ở các nước không có sứ-đoàn ngoại-giao Việt-Nam, thì các Lãnh-sự Việt-Nam sẽ đặt dưới quyền lãnh-đạo và kiểm-soát của Trưởng-đoàn ngoại-giao Pháp.

Chính-phủ Cộng-hòa Pháp cam đoan sẽ giới-thiệu và ủng-trợ việc nước Việt-Nam xin gia nhập Liên-Hiệp-Quốc, khi nước Việt-Nam có đủ điều-kiện đại-cương đã định trong Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc về sự gia-nhập tổ-chức quốc-tế đó.

III. — VẤN-ĐỀ BÌNH-BỊ

Nước Việt-Nam có quân-đội quốc-gia, nhiệm-vụ là giữ gìn trật-tự an-ninh nội-bộ, và bảo-vệ lãnh-thổ Việt-Nam. Trong trường hợp thứ 3, quân-đội Việt-Nam có thể có quân-đội Liên-Hiệp-Pháp giúp sức. Quân-đội Việt-Nam cũng dự phần vào công cuộc phòng-thủ cương-giới Liên-Hiệp-Pháp để chống-lại mọi cuộc ngoại-xâm.

Sẽ có một thỏa-hiệp riêng ấn định tổng số binh lính quân-đội quốc-gia Việt-Nam và quân-đội Liên-Hiệp-Pháp đóng tại Việt-Nam, sao cho tổng số đó có đủ phương tiện để bảo-vệ lãnh-thổ Việt-Nam và lãnh-thổ Liên-Hiệp-Pháp trong khi có chiến-tranh.

Quân-đội Việt-Nam sẽ gồm những binh lính Việt-Nam do các cấp chỉ-huy Việt-Nam điều-khiển. Chính-phủ Pháp có thể để một số huấn-luyện-viên và cố-vấn chuyên-môn Pháp, để Chính-phủ Việt-Nam tùy nghi bổ-dụng.

Các ngạch sĩ-quan Việt-Nam sẽ do các trường quân-sự Việt-Nam và cũng có thể do các trường quân-sự Pháp đào-tạo. Việc lựa tuyển sinh-viên vào các trường quân-sự Pháp sẽ không có điều kiện phân biệt người Pháp với người Việt. Để cho sự hợp tác trong thời kỳ chiến-tranh được dễ-dàng, tổ-chức nội bộ của quân-đội Việt-Nam sẽ phỏng theo tổ-chức quân-đội Liên-Hiệp-Pháp.

Những khoản chi-phí về quân-đội Việt-Nam sẽ do ngân-sách Chính-phủ Việt-Nam chịu. Các chiến-cụ sẽ do Chính-phủ Việt-Nam đặt gửi mua nơi Chính-phủ Pháp.

Để có thể góp phần một cách có hiệu-quả vào công cuộc bảo-vệ Liên-Hiệp-Pháp, quân-đội Liên-Hiệp-Pháp sẽ đóng trên lãnh-thổ Việt-Nam tại những căn-cứ và những đồn binh mà danh-sách, biên-giới, và quyền-chế sẽ do một thỏa-hiệp ấn-định. Qui-chế đó phải để cho các lực-lượng nói trên có thể làm tròn nhiệm-vụ mà vẫn tôn-trọng nguyên-tắc chủ-quyền quốc-gia Việt-Nam. Thỏa-hiệp trên đây sẽ ấn định cả những chi-tiết về việc tự-do chuyển-vận các lực-lượng từ căn-cứ hoặc đồn binh này sang căn-cứ hoặc đồn binh khác. Theo nguyên-tắc « một-để hợp tác » áp-dụng trong khối Liên-Hiệp-Pháp, các lực-lượng này sẽ gồm có những phần tử Việt-Nam mà cách thức lựa tuyển cũng sẽ do thỏa-hiệp nói trên ấn-định.

Muốn cho cuộc hành-động chung có hiệu-quả gấp rút trong thời kỳ chiến-tranh, một Ủy-ban quân-sự thường-trực gồm có các sĩ-quan trong bộ Tham-mưu của hai quân-đội, sẽ được thiết-lập ngay trong thời bình để trù-bị một kế-hoạch phòng thủ chung, và sự cộng-tác quân-sự giữa quân-đội quốc-gia Việt-Nam và quân-đội Liên-Hiệp-Pháp. Ủy-ban quân-sự ấy, trong thời bình, cũng có thể tùy cơ dùng làm một cơ-quan liên-lạc thường trực giữa 2 quân-đội. Thỏa-hiệp riêng, phụ thuộc vào bản hiệp-ước Pháp-Việt, sẽ ấn định thể thức và cách hoạt động trong thời bình của Ủy-ban quân-sự nói trên.

Trong thời kỳ chiến-tranh, toàn-thể các phương-tiện phòng-thủ, mà phần chính gồm quân-đội Việt-Nam và quân-đội Pháp sẽ hợp lại thành một lực-lượng chung. Và Ủy-ban

quân-sự sẽ là căn-bản một bộ Tham-mưu hỗn-hợp, đặt dưới quyền điều-khiển và chỉ-huy của một vị tướng-quân phụ-trách khu-vực chiến-tranh trong đó lãnh-thổ Việt-Nam là phần chính. Một viên Tổng-Tham-mưu của vị Tướng-quân sẽ là người Việt-Nam.

IV. — CHỦ-QUYỀN NỘI-BỘ

Chính-phủ Việt-Nam sẽ triệt-để xử dụng những quyền năng thuộc về chủ-quyền nội-bộ. Chính-phủ ấy sẽ điều-đinh và ký kết với Thượng-sứ Pháp tại Đông-dương những thỏa-hiệp riêng biệt hoặc tạm thời, để ấn định tùy theo tình thế, các phương thức chuyển giao cho Chính-phủ Việt-Nam những quyền hành trước kia do nhà chức-trách Pháp xử dụng.

Mỗi khi cần đến những vị Cổ-văn, những nhà chuyên-môn, những viên Giám-định cho các công sở hoặc các cơ quan hay các xí-nghiệp có tính cách công, liên quan tới việc phòng thủ Liên-Hiệp-Pháp, thì Chính-phủ Việt-Nam, trước hết sẽ lựa chọn trong các thuộc dân Liên-Hiệp-Pháp.

Chỉ khi nào Chính-phủ Pháp gặp trường hợp không đề-cử được những nhân-viên mà Chính-phủ Việt-Nam cần dùng, thì mới bãi bỏ quyền tiên-tuyên của các thuộc-dân Liên-Hiệp-Pháp. Chi-tiết thi hành điều khoản này sẽ xác định sau.

Nếu không được vị đại-diện Liên-Hiệp-Pháp cho phép hoặc ưng thuận, thì không một công-dân Pháp, hoặc một công-dân nào của Liên-Hiệp-Pháp, được vào làm việc tại một công sở Việt-Nam. Trái lại cũng không một người-Việt-Nam nào được vào làm việc tại một công sở Pháp hoặc Liên-Hiệp-Pháp mà không được Chính-phủ Việt-Nam cho phép hoặc ưng thuận.

V. — VẤN-ĐỀ TƯ-PHÁP

Nước Việt-Nam có toàn quyền xét xử các việc tổ-tụng về dân-sự, thường-sự và hình-sự, trên toàn thể lãnh-thổ quốc-gia.

Tuy nhiên sẽ có những Tòa-án hỗn-hợp — mà cách tổ-chức và cách hoạt-động sẽ ấn định trong một bản thỏa-biệp tư-pháp đính theo hiệp-ước Pháp-Việt — để xét xử những việc sau đây :

a) Các việc tố-tung về dân-sự và thương-sự mà cả 2 bên nguyên bị (hoặc một bên, còn bên kia là người Việt-Nam) là những người thuộc dân Liên-Hiệp-Pháp (không phải người Việt - Nam) hoặc những kiều-dân ngoại-quốc được hưởng đặc-quyền tài-phán do những hiệp-ước mà nước Pháp đã ký kết ;

b) Những vụ truy-tố về hình-sự, trong đó bị-cáo hay nguyên-đơn là những hạng người đã nói trên ;

c) Các vụ truy-tố về tội phạm đối với quốc-gia Pháp.

Bản thỏa-hiệp tư-pháp, tuy nhiên, sẽ phải tôn-trọng nguyên tắc sau đây :

1^o Các bản án sẽ áp-dụng phương thức thi hành như sau : « Nhân danh Liên-Hiệp-Pháp và quốc - gia Việt - Nam, Việt-Nam Hoàng-Đế truyền và phán rằng : »

Sẽ có những thỏa-hiệp riêng định rõ một thủ-tục giản-dị để thi hành các bản án ngoài lãnh-thổ Việt-Nam.

2^o Khi nào kẻ đương sự là một người Pháp, thì luật Pháp sẽ được áp-dụng ;

3^o Khi nào trong những kẻ đương sự không có người Pháp, thì luật đem thi hành sẽ là luật Việt-Nam, nếu xét có thể kết định vụ án bằng luật đó.

Gặp trường hợp không thể kết định được bằng luật Việt-Nam, thì luật Pháp sẽ được áp-dụng.

Sau hết, xin xác định rằng chiếu theo nguyên tắc quốc-tế tư-pháp, những vụ thuộc về « nhân chiế » sẽ được xét xử theo quốc-pháp của những kẻ đương sự.

Các việc thuộc về hành-chính tố-tung cũng xét xử theo nguyên-tắc ấy và trên nền tảng triết-đề hồ-tương.

Bản thỏa-hiệp tư-pháp sẽ qui định tất cả các vấn-đề khác cũng thuộc về chương này.

VI. — VẤN-ĐỀ VĂN-HÓA

Về các bậc Trung-học và Tiểu-học, nước Pháp có thể tự-do mở tại Việt-Nam những trường công và tư, chỉ phải tuân theo các luật lệ áp dụng trên lãnh-thổ Việt-Nam.

Các luật lệ này sẽ không trực-tiếp hoặc gián-tiếp phân biệt người Việt-Nam và người Pháp.

Các điều kiện « nghề nghiệp » và « nhân phẩm » cần phải có để dạy trong các trường ấy, sẽ theo đúng những điều-kiện hiện hành bên Pháp.

Tất cả những khoản trên áp-dụng cho cả những trường chuyên-môn và chuyên-nghiep.

Các trường Pháp sẽ dạy theo chương-trình áp - dụng bên Pháp, tuy nhiên bắt buộc phải có lớp dạy về lịch-sử và văn-hóa Việt-Nam.

Các học-sinh Việt-Nam sẽ được tự - do nhập học các trường Pháp tại Việt-Nam. Các trường này sẽ bắt buộc mở một lớp dạy Việt-Ngữ cho các học-sinh Việt-Nam.

Các trường học Việt-Nam sẽ dành một địa-vị đặc-biệt, giữa Việt-ngữ với các tiếng ngoại-quốc khác, cho Pháp-ngữ, ngoại-giao-ngữ của nước Việt-Nam.

Nước Việt-Nam nhận dành cho Pháp-ngữ tại các lớp Trung-học, một địa-vị đủ khiến cho học-sinh học hết bậc này có thể theo các lớp trên dạy bằng tiếng Pháp ; nước Việt-Nam sẽ gắng hết sức đặt nhiều lớp Pháp-ngữ trong các trường Tiểu-học.

Khi nào chương-trình giáo-dục áp dụng tại các trường Việt-Nam và các trường Pháp, có thể đem ra đối-chiếu được, thì sẽ có một thỏa-hiệp ấn định sự tương-đương giữa các văn-bằng Việt-Nam và các văn-bằng công-thức Pháp.

Nước Việt-Nam có quyền tự-do tổ-chức lấy nền đại-học, đồng thời, nước Việt-Nam nhận cho nước Pháp có quyền tiếp-tục nền Đại-học Pháp, dưới danh-nghĩa Liên-Hiệp-Pháp.

Tuy nhiên, vì những sự khó khăn thực-tế hiện thời, và nhất là để có thể đào-tạo một số giáo-viên Việt-Nam đủ điều-kiện thích-hợp, sẽ mở một cao-đẳng học-viện chung theo những luật-lệ thi-hành trên lãnh - thổ. Một thỏa - hiệp Pháp-Việt riêng sẽ ấn định qui-chế Cao-Đẳng Học-viện đó. Các quốc-gia liên-kết khác tại Đông-dương, nếu muốn, có thể dự phần vào việc tổ-chức học-viện ấy sau khi điều-đinh với Chính-phủ Pháp và Chính-phủ Việt-Nam.

Qui-chế Cao-đẳng học-viện nói trên sẽ tôn-trọng các nguyên-tắc sau đây :

Cao-đẳng học-viện chung sẽ phải tổ-chức thành một cơ quan hết sức thích-hợp với các nguyên-tắc tự-trị của nền Đại-học hiện nay áp-dụng tại phần đông các cường quốc.

Đứng đầu Cao-đẳng học-viện, sẽ có một viện-trưởng do một sắc-lệnh chung của các Chính-phủ liên-kết và Chính-phủ Pháp bổ-dụng, trong số ba người được Ủy-ban Cố-vấn trường này đề cử. Giúp việc viên Viện-trưởng, sẽ có các Khoa-trưởng coi các ban Cao học, và một Hội-đồng Cao-đẳng học-viện để điều-khiển học-viện. Hội-đồng này đặt dưới quyền chủ-tọa của viên Viện-trưởng, sẽ gồm có các khoa-trưởng, các đại-biểu giáo-sư, các đại-biểu sinh-viên, các nhân-vật quan-tâm đến vấn-đề giáo-dục, các Giám-đốc các viện Khoa-học, các Đại-biểu của những Chính-phủ nói trên, mỗi Chính-phủ cử một Đại-biểu.

Các học-viện do tư-nhân sáng lập sẽ dạy bằng thứ tiếng do nhà sáng lập lựa chọn.

Trong khuôn khổ nền học chính thức :

- a) Tất cả các môn học sẽ dạy bằng tiếng Pháp.
- b) Nền học Việt-Nam sẽ do thể thức do Hội-Đồng Cao-Đẳng học-viện ấn-định

Các văn-bằng do Cao-đẳng học-viện chung cấp phát sẽ được cả hai Chính-phủ Pháp và Việt coi là văn-bằng công-thức ; tuy nhiên, những người có văn-bằng do một bậc học hoàn toàn Việt-Nam cấp phát, sẽ không có quyền tự nhiên được tuyển-bổ vào các ngạch Học-chính Pháp, hoặc các ngạch công chức Liên-Hiệp-Pháp tuyển bổ theo văn-bằng.

Để cho nền Đại-học được hết sức mở rộng, các khoản học-phi sẽ giữ một mực rất hạ và phải được Chính-phủ các quốc gia liên-kết ưng chuẩn.

Cao-đẳng Học-viện chung sẽ dành đủ chỗ cho các học-sinh có học bổng của các Chính-phủ nói trên.

Số phận các cơ-quan khoa-học hiện có tại Việt-Nam sẽ định đoạt do những thỏa-hiệp riêng ký kết hoặc giữa Chính-phủ Pháp và Chính-phủ Việt-Nam, hoặc giữa Chính-phủ Việt-Nam và ban Giám-đốc các cơ-quan đó. Tuy vậy các nguyên tắc sau đây sẽ phải được tôn-trọng,

Toàn thể tài-sản trường Bác-cổ Viễn-Đông sẽ là tài-sản chung của 3 quốc-gia liên-kết Đông-dương và nước Pháp ; tài-sản đó liệt vào hạng tài sản bất khả chuyển mãi.

Hội-đồng quản-trị trường Bác-cổ Viễn-đông sẽ gồm các Đại-biểu Việt, Mên, Lào và Pháp. Viên Giám-đốc sẽ do một sắc-lệnh chung của 4 Chính-phủ bổ-nhiệm trong số 3 nhân-vật được các ban có thẩm quyền của Viện « Institut de France » đề-cử.

Các Viện Pasteur thiết lập trên lãnh-thổ Việt-Nam sẽ do những hợp-đồng giữa Chính-phủ Việt-Nam và các cơ-quan đó quy định. Các hợp-đồng này sẽ tôn trọng những nguyên-tắc sau đây :

Những bất-động-sản, nhà và đất phụ thuộc của các Viện Pasteur Saigon, Dalat và Nhatrang, sẽ thuộc quyền sở hữu chung của 3 Chính-phủ Việt, Mên, Lào và của Chính-phủ Pháp.

Những bất-động-sản, nhà và đất phụ thuộc của Viện Pasteur Hanoi, sẽ thuộc quyền sở-hữu của nước Việt-Nam, nhưng Chính-phủ Việt-Nam cam đoan ký kết với Viện này một hợp-đồng giống như hợp-đồng ký kết với các Viện khác.

Viện Pasteur giữ quyền sở hữu các trang trại và đất cát thuộc hạng tăng vật và di-sản.

Hợp-đồng hiện thời sẽ tiếp tục thi hành cho đến hết hạn, nghĩa là đến cuối tháng chạp 1949.

CÔNG VĂN LƯU TRỮ

Mỗi Chính-phủ sẽ giữ quyền sở hữu các công-văn lưu-trữ của mình. Sự bảo-thủ và quản-trị các công-văn lưu-trữ sẽ theo thể-thức ấn-định sau.

Những vấn-đề : thư viện ; túc-mễ-cục, thiên-văn cục, hải-dương lý-học-viện và bảo-tàng-viện sẽ có thỏa-hiệp riêng định đoạt.

VII. — VẤN ĐỀ KINH-TẾ VÀ TÀI CHÍNH

Các Việt-kiều tại Pháp và các xứ trong Liên-Hiệp-Pháp, các Pháp-kiều và các kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp tại Việt-Nam, được hưởng quyền tự-do lập nghiệp như người bản-xứ trong khuôn khổ các luật lệ thi hành tại mỗi lãnh-thổ. Các Việt-kiều,

Pháp kiều và kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp được hưởng quyền tự-do đi lại, tự-do buôn bán và đại để tất cả mọi quyền tự-do dân-chủ về phạm-vi này.

Các tài-sản và xí-nghiệp của những kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp trên lãnh-thổ Việt-Nam, sẽ được hưởng chế độ những tài-sản và xí-nghiệp của người bản-xứ, nhất là về phương-diện thuế-khoá và luật-lệ lao-động. Chế-độ bình-đẳng đó cũng áp-dụng theo nguyên-tắc hỗ tương cho các tài-sản và xí-nghiệp của người Việt-Nam trên lãnh-thổ Liên-Hiệp-Pháp.

Pháp chế các tài-sản và xí-nghiệp của thuộc-dân Liên-Hiệp-Pháp ở trên lãnh-thổ Việt-Nam, chỉ có thể thay đổi khi nào được² Chính-phủ Việt, Pháp cùng thỏa-thuận.

Những tài-sản và quyền-lợi của kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp đã bị truất chiếm vì thời cuộc từ hồi tháng 3 năm 1945, sẽ được trả lại cho chủ cũ theo trạng huống hiện tại. Sẽ có một Ủy-ban hỗn-hợp để ấn định thể thức sự quy hoán này.

Các tư-bản Pháp sẽ được tự-do kinh-doanh trong nước Việt-Nam, nhưng phải tuân theo các điều hạn chế sau đây :

1.) Chính-phủ Việt-Nam có quyền tùy nghi góp phần vào tư-bản các doanh nghiệp liệt trong khu-vực gọi là « khu-vực công-ích » ;

2.) Việc mở cách doanh-nghiệp liên vào « khu vực quốc-phòng » phải được Chính-phủ Việt-Nam cho phép ;

3.) Đối với tài-sản (tích-cực) của các doanh-nghiệp đình hoạt-động, Chính-phủ Việt-Nam có quyền tiến-mãi.

Một Ủy-ban hỗn-hợp Pháp-Việt sẽ định trước phạm-vi các khu-vực « công-ích » và « quốc-phòng » cũng là các hạn chế đối với quyền tự-do lập-nghiệp trong các khu-vực ấy.

Những hạn chế nói trên sẽ không thi hành đối với các tài-sản và xí-nghiệp trên lãnh-thổ Việt-Nam và cũng không thi hành đối với việc khuếch-trương những hoạt-động bình thường của các tài-sản hoặc xí-nghiệp đó.

Chính-phủ Việt-Nam sẽ toàn-quyền quản-trị nền tài-chính của mình, sẽ thiết-lập và quản-lý ngân-sách quốc-gia, sẽ có quyền xử dụng hết thảy những số tiền thu được trên lãnh-thổ Việt-Nam, trừ những số tiền mà Chính-phủ Việt-Nam đã thỏa-

thuận với Chính-phủ Pháp cùng các Chính-phủ Mên, Lào dùng vào việc chi-phí cho các cơ-quan chung, hoặc bất cứ một việc nào khác sẽ định sau. Chính-phủ Việt-Nam có quyền tăng mọi khoản thuế và đặt các ngạch thuế mới. Khi các ngạch thuế này có ảnh hưởng đặc-biệt đối với các kiều-dân Liên-Hiệp-Pháp, thì Chính-phủ Việt-Nam sẽ hỏi ý kiến trước đại-biểu kiều-dân này, để điều-hòa chế-độ thuế-khoá giữa Việt-Nam và các nước quốc-gia Đông-dương và để đồng thời điều hòa hoạt-động bình thường của các ngành kinh-tế.

Nước Việt-Nam cùng với các quốc-gia Đông-dương sẽ hợp thành một liên-hiệp tiền-tệ. Tiền-tệ duy nhất lưu hành trên khắp lãnh-thổ Liên-hiệp này là đồng bạc « piastre » của Viện phát-hành Đông-dương.

Tại mỗi nước Việt. Mên, Lào, Viện này sẽ có thể phát hành những kiểu giấy bạc khác nhau.

Đồng-bạc Đông-dương sẽ ở trong khu-vực đồng franc. Tuy nhiên, giá đồng piastre đối với đồng franc không có tính cách bất di dịch, và sẽ có thể lên xuống tùy theo tình hình kinh-tế. Nhưng giá đồng « piastre » sẽ chỉ có thể thay đổi sau khi đã hỏi ý kiến các Chính-phủ liên-kết Đông-dương.

Cách thức hối-đoái tiền-tệ sẽ do Sở Hối-đoái Đông-dương quy định.

Nước Việt-Nam cùng với các quốc-gia khác tại Đông-dương sẽ hợp thành một liên-minh quan-thuế. Giữa các quốc-gia đó sẽ không có một « hàng rào quan-thuế » nào. Hàng-hóa qua biên-giới chung của các nước ấy sẽ không phải nộp thuế. Các hàng-hóa đem vào trong hoặc đem ra ngoài cương-vực liên-minh quan-thuế sẽ đánh thuế theo một thuế-xuất chung.

Hoàng-Đế Việt-Nam xét rằng về phương-diện kinh-tế và tài-chính, có những quyền lợi chung một mặt với các Quốc-vương Mên, Lào, một mặt với Liên-Hiệp-Pháp ; Ngài lại xét rằng sự dung-hòa các quyền-lợi ấy để gây nên thịnh-vượng toàn thể là một việc ích-lợi cho nước Việt-Nam, cho nên ngài nhận rằng việc tổ-chức một cơ-quan hỗn-hợp để nghiên-cứu điều-hòa, và xử dụng các quyền-lợi ấy là một việc nên làm.

Để đạt mục-đích đó Thượng-sứ Pháp sẽ triệu-tập tại Đông-dương một hội-ng nghị, trong đó bên cạnh đại-biểu Chính-phủ Cộng-hòa và Chính-phủ Nam-triều, sẽ có đại-biểu quốc-vương Mên, Lào. Hội-ng nghị này sẽ ấn định thành phần và quyền hạn các cơ-quan hỗn-hợp. Xét ra nên dành những vấn-đề sau đây cho hội-ng nghị xét-định :

a) Chuyển đạt (Bưu-điện, điện-thoại, v. v...); b) Kiểm-soát di-trú; c) Ngoại-thương và quan-thuế; d) Ngân-khố; e) Kế-hoạch chuẩn-bị dụng cụ.

Về việc này, Hội-ng nghị Đông-dương tổ-chức như trên sẽ được phát biểu ý kiến về kế-hoạch chuẩn-bị dụng cụ hiện đang nghiên-cứu.

Khi đào khai-mạc, Hội-ng nghị ấy sẽ tự ấn định thể-lệ và thủ-tục làm việc.

Nếu cần, Hội-ng nghị Tối-cao Liên-Hiệp-Pháp tùy nghi có thể được hỏi ý kiến hoặc làm trung gian hòa giải.

Các văn-kiện sẽ trao đổi tại Sài-gòn, giữa Hoàng-Thượng và Cao-ủy Pháp tại Đông-dương. Bản thỏa-hiệp sẽ bắt đầu và được thi hành kể từ ngày cử lễ trao đổi ấy.

Bản Tuyên-ngôn chung ngày mùng 5 tháng 6 năm 1948, và giắc-thư này, cùng các bản thỏa-hiệp phụ-thuộc, sẽ đưa ra Quốc-hội Pháp cùng các Viện-hội Việt-Nam có thẩm quyền chuẩn y, để thi hành thủ-tục ấn định trong khoản 61 hiến-pháp nước Cộng-hòa Pháp.

Chính-phủ Cộng-hòa Pháp và tôi đều tin tưởng rằng nhờ tinh-thần tương-tin và thiện-chí chung của Hoàng-Thượng và vị Đại-diện Pháp trong việc thi hành cấp tốc bản thỏa-hiệp này, hòa-bình sẽ chóng tái lập tại nước Việt-Nam, từ nay tự-do liên-kết với nước Pháp trên lập-trường bình - đẳng và trong tình hữu-ng nghị.

Tôi xin Hoàng-Thượng chấp thuận lòng thành kính của tôi.

VINCENT AURIOL.

Công-diệp (giải-thích) của Tổng-Thống Cộng-Hòa Pháp

Paris ngày mùng 8 tháng 3 năm 1949
Tổng-Thống Cộng-Hòa Pháp-Quốc
Chủ-tịch Khối Liên-Hiệp-Pháp
Kính tàu Hoàng-Đế Bảo-Đại,

TÀU Hoàng - Thượng,

Theo những lời bàn luận trong cuộc đàm-phán hiệp-ước Pháp-Việt ký tại Paris ngày 8-3-1949, trong giác-thư này tôi hân-hạnh xin giải-thích thêm một vài điểm của văn-án đó để phúc đáp Hoàng-Thượng.

I. — VẤN-ĐỀ THỐNG-NHẤT NƯỚC VIỆT-NAM

1.) Việc sáp nhập Nam-phần vào những phần khác của Việt-Nam sẽ theo thủ-tục kể sau :

— Quốc-hội Pháp biểu-quyết đạo luật lập một Hội-đồng lãnh-thổ cho Nam-phần Việt-Nam theo đúng khoản 77 của hiến-pháp Pháp, Hội - đồng đó có nhiệm-vụ tổ ý về việc thay đổi thể-chế lãnh-thổ vừa nói.

— Hội-đồng lãnh-thổ Nam-phần biểu-quyết việc thay đổi quy-chế nói trên, và việc sáp nhập Nam-phần Việt - Nam vào những phần khác của quí-quốc.

— Quốc-hội Pháp biểu quyết đạo-luật định ở khoản 75 của hiến-pháp Pháp, phê chuẩn việc thay đổi quy-chế Nam-kỳ.

— Quốc-hội Pháp sẽ lập tức được triệu tập theo thủ-tục khẩn cấp sau khi Hội-đồng lãnh-thổ Nam-phần đã tổ ý kiến.

Nói về những quy-chế đặc-biệt thừa-nhận cho những dân-tộc tuy không phải là giống Việt, song xưa nay vẫn sống trên lãnh-thổ Việt-Nam, Chính-phủ Việt-Nam sẽ thỏa-hiệp với Chính-phủ Pháp-quốc Cộng-hòa mỗi khi ban bố hay thay đổi những quy-chế đó.

Văn - án những quy - chế đó sẽ định rõ cho đôi bên những thể thức thi-hành. Chính-phủ Pháp không có ý đặt quyền quản-trị của Chính-phủ Việt-Nam dưới một sự kiểm-soát vật-chất đặc-biệt nào cả.

II. — VĂN-ĐỀ NGOẠI-GIAO

1.) Số đại-biểu Việt-Nam ở Hội-đồng tối-cao Liên-Hiệp-Pháp sẽ định sau với sự thỏa-hiệp của Chính-phủ Việt-Nam :

2.) Chính-phủ Cộng-hòa Pháp nhận đề Việt-Nam cử ngay sứ-đoàn ngoại-giao ở những nước sau này :

Toà-thánh, Trung-hoa, Xiêm.

Tuy vậy, nếu vì tình-hình hiện-thời ở Trung-hoa, nước Việt-Nam ứng-cử đại-diện ở một nước khác, Chính-phủ Pháp-quốc Cộng-hòa cũng không thấy điều gì trở ngại về việc thay thế nước Trung-hoa bằng nước Ấn-độ trong danh sách kể trên.

Quy-chế hiện thời muốn xét lại hay mở rộng, cần có sự đồng ý của Chính-phủ Pháp-quốc Cộng-hòa.

3.) Các nhà ngoại-giao Việt-Nam ở trong những sứ-đoàn ngoại-giao Pháp, sẽ do Chính-phủ Việt-Nam chỉ định và do Chính-phủ Pháp-quốc Cộng-hòa bổ nhiệm.

Những vị đó sẽ chuyên trông coi về những việc Việt-Nam hơn là về những việc khác.

Những vị đó sẽ có thể trao đổi thư-từ với Chính-phủ Việt-Nam, do viên Trưởng-đoàn ngoại-giao Pháp chuyển giao. Tiếng Pháp là tiếng chính thức dùng trong các văn-kiện.

4.) Những điều-khoản này sẽ được áp dụng cả cho những viên Lãnh-sự Việt-Nam hoạt-động dưới quyền lãnh-đạo của một Trưởng-đoàn ngoại-giao Pháp, ở những nước không có đại-diện ngoại-giao Việt-Nam.

5.) Những khi Việt-Nam mở cuộc đàm phán để thỏa định và ký kết những hiệp-ước có liên-quan tới quyền lợi riêng của Việt-Nam, việc « liên-lạc » với những phái-đoàn ngoại-giao Pháp không có nghĩa là bắt buộc phải có những phái-đoàn hỗn-hợp Pháp-Việt, mà có nghĩa là đặt ra một phương-pháp hỗ tương thông báo để phòng khi cần đến, ngoại giao Liên-Hiệp-Pháp, tuy tôn-trọng hoàn toàn tự-do hành-động và trách-nhiệm của phái-đoàn Việt-Nam, vẫn có thể ủng-hộ, phù-trợ phái-đoàn Việt-Nam trong những lúc khó-khăn và những việc bất trắc nghiêm-trọng có thể xảy ra trong cuộc đàm phán.

Xin Hoàng-Thượng chấp thuận lòng thành kính của tôi.

VINCENT AURIOL

Giai-đoạn thực-hành Thỏa-Hiệp 8-3-49

1) Ngoại-giao

VỀ phương-diện ngoại giao, Chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam đã thành-công trong việc đưa vấn-đề Việt-Pháp lên lập-trường quốc-tế. Nó không còn là vấn-đề riêng biệt của hai nước Pháp và Việt-Nam. Và Việt-Nam không còn sợ bị cô-lập nữa:

a) — Sau khi Quốc-hội Pháp duyệt-y thỏa-hiệp Bảo-Đại — Auriol, ngày 2-2-50, Pháp đã long-trọng, trước quốc dân Pháp và quốc-tế, *hủy bỏ chế-độ thuộc-địa cũ và trả lại độc-lập tự-do cho Việt-Nam* theo pháp-lý rõ-ràng.

b) — 34 nước đã lần-lượt công-nhận Việt-Nam. Phần đông những nước này đều giàu mạnh, theo chế-độ tự-do. Như vậy, Việt-Nam đã gia-nhập vào một khối có thể giúp ích cho mình về đủ mọi phương-diện: *bảo-đảm độc-lập tự-do, viện-trợ kinh-tế*.

c) Chủ quyền ngoại-giao của Việt-Nam không còn bị một hạn chế nào.

Sứ-quán. — Sứ-quán Việt-Nam ở Luân-Đôn và ở Vọng-Các đã đặt xong. Theo lời yêu cầu của chính-phủ Bỉ, một sứ-quán V.N. cũng sẽ mở ở Bỉ.

Từ nay Việt-Nam có thể cử đại-diện ngoại-giao đi tới tất cả những nước đã công nhận ta.

Ủy-nhiệm-thư. — Thỏa-hiệp 8-3-49 trù-định ủy-nhiệm-thư của các sứ-thần V.N. do Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại và chủ-tịch Liên-hiệp-Pháp ký.

Sau nhiều phen thương-thuyết, ngày 28-12-50 đã có một bản hiệp-định sửa đổi khoản ấy. Từ nay trên các ủy-nhiệm-thư, chỉ có chữ ký của Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại.

Vấn-đề viện-trợ của các nước bạn. — Sau ngày 7-2-50, ngày Chính-phủ Mỹ công-nhận Việt-Nam, dư-luận đặc-biệt chú-ý đến sự viện-trợ của Hoa-kỳ.

Mục đích việc Mỹ viện-trợ Việt-Nam không ngoài ý muốn nâng cao đời sống của quần chúng và gây lại một lòng tin-tưởng vào tương-lai, thỏa-mãn nguyện vọng của dân-tộc V.N. để duy-trì hòa-bình.

Thế theo lời của Đức Quốc-Trưởng đọc ngày 8-3-50, Việt-Nam nhận chịu sự viện-trợ Mỹ và sự viện-trợ này phải phù hợp với thể-chế quốc-gia độc-lập của V.N.

Sự viện-trợ đã bắt đầu và tỏ ra rất hiệu-lực.

2) Nội-bộ

Thỏa-hiệp Elysée ra đời với những nền tảng chắc chắn của một quốc-gia độc-lập. Chủ-quyền nội-bộ đã được chính thức công-nhận.

Ngày 1-7-1949, Chính-phủ quốc-gia Việt-Nam thành-lập và sau 6 tháng chính-quyền, nhờ đường lối khôn khéo, nhờ sự tranh-đấu cả-quyết, Chính-phủ quốc-gia V.N. đã ký với Pháp những bản phụ-ước thi-hành 30-12-49, và theo những phụ-ước này, lần lần từ Nam chí Bắc, Pháp long trọng trao trả cho Chính-phủ V.N. các công-sở hành-chính, chính-trị và tư-pháp mà từ trước Pháp vẫn nắm trong tay.

Từ ngày 31-12-49, các công-sở đã tiếp tục giao trả cho chính-phủ V.N. mặc dầu những nỗi khó khăn và chậm trễ, dân chúng V.N. đã lần lần nhận thấy rõ là Chính-phủ đang thâu hồi lại hết những cơ-quan trước đây ở trong tay Pháp để thực hiện nền độc-lập của V.N.

Tuy vậy, một nhóm người vẫn còn phàn nàn rằng chủ quyền nội-trị của V.N. chưa hoàn toàn. Nhóm người ấy đã quên hai điều.

Một là trong các cơ quan đã giao trả hoặc sắp giao trả, số-dĩ còn ít điều cần phải chỉnh-đốn, thì đó chỉ là một việc tạm thời mà thôi, vì nổi các ngạch còn thiếu

người và nhiều vùng chưa được yên ổn. Vì ta thiếu những nhà chuyên-môn, nên có khi tới một sở vẫn còn thấy ít nhiều công-chức người Pháp như trước. Nhưng phải hiểu rằng ngày trước thì người Pháp ấy là công-chức của Cao-ủy phủ, nhưng nay thì người Pháp ấy là công-chức của Chính-phủ V.N. Công-chức ấy làm việc cho V.N. có giao kèo, và phải tuân theo mệnh-lệnh của một viên Giám-Đốc người Việt, viên này tùy thuộc quyền một ông Tổng-Trưởng Việt-Nam.

Điều thứ hai là còn một số công sở sẽ do *Hội nghị Liên quốc* định-đoạt cách thức trao trả. Phần đông là những sở kinh-tế và tài-chính (ngoại-thương, quan-thuế, kế-hoạch vàn vãn)...

Vì vậy, *Hội nghị Liên-quốc* đã nhóm họp ở Pau vào tháng 6 năm 1950.

Và cũng do tính cách đặc-biệt của nó, Hội nghị này là một giai đoạn tối quan trọng trong việc thực-hiện nền độc-lập quốc-gia.

Phái-đoàn Việt-Nam tại Hội-nghị Liên-quốc ở Pau gồm có :

Ông Nguyễn-trung-Vinh, Thủ-Hiến Nam-Việt, Trưởng phái-đoàn.

Ông Dương-tấn-Tài, Tổng-trưởng Bộ Tài-chính.

Ông Hoàng-Cung, Tổng-trưởng quốc-gia kinh-tế,

Ông Lê quang-Huy, Tổng trưởng Bộ Công-chính, kế-hoạch và giao-thông,

Ông Trần-văn-Tuyên, Bộ-trưởng phủ Thủ-Tướng.

Ông Nguyễn-đắc-Khê, Phó Đồng-ly văn-phòng Đức Quốc-Trưởng.

Sau 5 tháng bàn-cãi ráo riết, Hội-nghị Liên-quốc khai-mạc vào tháng 6, đã kết-liệu công-việc hôm 28-11-50.

Sự kéo dài ngày tháng của Hội-nghị này, cũng như các phiên nhóm sôi-nổi từ đầu đến cuối là một bằng-chứng tỏ rằng phái-đoàn V.N. đã hết sức tranh-thủ quyền-lợi của đất nước.

Những kết-quả khả-quan mà V.N. đã dành được thật là không ưởng công-phu khó-nhọc của phái-đoàn và không phụ lòng của dân-tộc đã đặt cả tin-nhiệm ở Chính-phủ quốc-gia.

Lập trường của V.N. mà ông Trưởng phái-đoàn đã vạch rõ trong bài diễn-văn khai-mạc, và trong bài diễn-văn của phái-đoàn V.N trả lời ông Albert Sarraut ngày 14-10-50, đã được Hội-nghị chấp-thuận.

a) Chủ-quyền quốc-gia của mỗi nước Liên-kết :

Mọi thứ quyền-hành, do Pháp nắm giữ từ trước, đã giao trả hẳn cho các Chính-phủ quốc-gia, đó là một việc không có thể nào nghi-ngờ hay chối-cãi được nữa.

Ông Letourneau, Tổng-trưởng giữ việc giao-thiệp với các nước liên-kết, theo phong-tục quốc-tế đã nhân danh nước mời (nước Pháp) đọc bài diễn-văn bế-mạc hội-nghị, trong đó có đoạn như sau :

« Bắt đầu từ nay, mỗi nước sẽ có ngân-kho quốc-gia riêng. Mỗi nước sẽ toàn quyền điều-khiển nền tài-chính, quan-thuế, ngoại-thương, qui-định các kế-hoạch để chỉ-huy nền kinh-tế quốc-gia của mình.

« Ngay sau khi các Ngài thành lập những cơ-quan quốc-gia để bắt đầu thi-hành quyết-nghị, nước Pháp sẽ không « *thâu một xu nào trên toàn lãnh-thổ các Ngài về bất cứ khoản nào, và tất cả các thuế-má đều do qui Chính-phủ trọn quyền thâu và sử-dụng lấy. Khi ấy, sẽ chỉ còn lại một số công-chức người Pháp để làm việc trong những công-sở của Pháp mà thôi. Tôi xin nhắc lại rằng những công-sở Pháp vừa nói đây sẽ lần lần giảm bớt một khi quân-đội Pháp có thể trút hết trách-nhiệm nặng-nề đương gánh vác hiện thời.*

« Thế thì ngày hôm nay các Ngài kết-thúc công việc, « *chính là một ngày vẻ-vang nhất* ».

b) Địa-vị nước Pháp trong các cơ quan hợp-tác.

Nước Pháp sẽ chỉ can-thiệp vào trong các giai-đoạn nghiên-cứu, và đưa những nhà kỹ-thuật chuyên-môn giúp các quốc-gia còn đương cần dùng người. Mọi quyết-định đều do những cuộc hội-thương giữa các Chính-phủ. Nước Pháp chỉ được tham dự các hội-thương này *khi nào những cuộc thảo-luận có liên-can đến vấn-đề kinh-tế và tiền-lệ của Pháp.* Rốt lại, tất cả các công-sở có phận-sự thi-hành những quyết-định kia đều là những công-sở hoàn - toàn quốc-gia.

c) Kết-quả thực-tế của Hội-ngị Liên-quốc ở Pau:

Việt-Nam sẽ có các cơ quan quốc-gia để điều-khiển công-việc về di-trú, truyền-đạt, kinh-tế (kế-hoạch), ngoại-thương (xuất nhập-cảng), quan-thuế, công-khố, hối-đoái.

Những cơ-quan này sẽ có tất cả quyền-hành, như các cơ-quan hành-chính của một nước độc-lập.

Di-trú : Việt-Nam toàn-quyền kiểm-soát ngoại-kiều, và hân-hạnh được các nước Lào và Mên tin cậy mà đồng-tình giao lại cho sở di dân Liên-Bang hiện ở Sài-gòn với những tài liệu quan-trọng về V.N. được toàn-quyền trông nom. Lễ tất nhiên là V.N. sẽ để cho các nước bạn quyền dùng chung những tài-liệu chung ấy.

Truyền-đạt : Bản dự thảo nghị-quyết về vấn-đề truyền-đạt phù-hợp với chủ-quyền V.N. đã được chấp-thuận :

— Hội-thương các chính-phủ để định-đoạt về vấn-đề truyền-đạt chỉ gồm có đại-biểu của ba Chính-phủ Mên, Lào và V.N. Đại biểu của Pháp chỉ có quyền can-thiệp khi nào có những điểm liên-quan tới các lãnh-thổ khác của L.H.P. tức là nước Pháp và các lãnh-thổ hải-ngoại do Pháp phụ-trách.

— Đại-biểu các chính-phủ sẽ thỏa-thuận cùng nhau trên nền-tảng hoàn-toàn đồng-đẳng để quyết-định mọi việc. Nghĩa là, trong các hội-thương ấy, mỗi quốc-gia đều có đồng quyền như hai quốc-gia kia và một quyết-nghị chỉ có giá-trị đối với một quốc-gia, khi nào quốc-gia ấy ưng-thuận bằng một lời cam-kết quả quyết.

Quan-Thuế : Trong thời gian trước ngày 31-12-51, thi tạm-thời và đặc-biệt, sự phân-chia các số tiền thu được sẽ cử hành theo những tỷ-lệ quyết-định, tùy theo sự quan-trọng của tình-hình kinh-tế mỗi xứ. Đã dự-định chia cho :

Cao-Mên 22 phần 100

Lào 7 —

Việt-Nam 71 —

Ngoại - Thương : Việt - Nam có quyền ký - kết những hiệp-ước thương-mại liên-hệ về các quyền-lợi của riêng mình với ngoại-quốc.

Công-Khố : Viện phát hành giấy bạc của quốc-gia Cao-Mên, Lào và V.N. được quyền phát hành giấy bạc và có thể mang dấu-hiệu riêng biệt Cao-Mên, Lào và Việt-Nam tùy theo nơi phát hành.

Những cơ-quan và sở có tính-cách liên-bang, như là ngân-kho Đông-Dương, giám-đốc ngân-kho, ban giám-đốc ngân-sách, và sự kiểm-soát những chi-phí của những ngân-sách liên-bang và phụ-thuộc bị hủy bỏ.

Hối-Đoái. — Thiết-lập một ban hối-đoái do viện phát-hành giấy bạc của các quốc-gia Việt, Mên, Lào quản lý.

Các cơ-quan quốc-gia hối-đoái sẽ đảm-nhận trên lãnh-thổ mình, việc thi-hành qui-chế các cuộc hối-đoái.

2.) *Việc thực-hiện những thắng-lợi vừa dành được, hay việc cụ-thể-hóa những kết-quả của Hội-nghị Liên-quốc ở Pau.*

Hiện nay, giai đoạn giấy tờ đã giải-quyết xong. Giờ đây bắt đầu thực-hiện phần khó khăn nhất là cụ-thể-hóa những thắng-lợi vừa kể trên.

Trước hội-nghị Liên-quốc, các công sở An-ninh, Tư-pháp, Giáo-dục, Thông-tin (Đài phát thanh) đã được giao trả cho Chính-phủ V.N. Sau hội-nghị Liên-quốc, những cơ-quan thuộc truyền-đat, di-trú, giám-đốc ngoại-thương... cũng đã được giao lại cho người V.N. chỉ còn lại những sở kinh-tế, quan-thuế, và hối-đoái.

Tuy nhiên, việc thực-hiện những thắng lợi này mau hay chậm, hay hoặc dở, đều tùy ở tổ-chức của Chính-phủ quốc-gia và cách thi-hành đúng đắn những điều đã thỏa-thuận.

Có thể nói là một Chính-phủ, nhất là một Chính-phủ dân-chủ, chỉ có thể làm việc một cách có hiệu-quả và mau lẹ, khi nào dân-chúng biết đoàn-kết để giúp đỡ Chính-phủ ấy.

Vì vậy cho nên có thể quả-quyết nói rằng sự tổ-chức các cơ-quan quốc-gia để thực-hiện những thắng-lợi vừa dành được ở Pau mau hay chậm, hay hoặc dở cũng sẽ tùy thuộc ở trình-độ giác-ngộ và năng-lực của toàn-thể quốc-dân.

Từ nay trở đi, mỗi người công-dân V.N. sẽ có một phần trách-nhiệm trong sự tổ-chức đó. Không lúc nào các trách-nhiệm đó lại nặng-nề bằng lúc quốc-gia xây đắp nền độc-lập của xứ sở.

3.) Quân sự

Cũng trong bài diễn-văn bế-mạc Hội-nghị Liên-quốc ở Pau, ông Letourneau, Tổng-trưởng giữ việc giao-thiệp với các nước liên-kết, có nói một đoạn :

« Mỗi một trong ba nước của các Ngài, có một quân đội
 « hoàn toàn quốc-gia, đặt dưới quyền chỉ-huy của các vị Quốc-
 « Trưởng và Chính-phủ các Ngài. Ấy là bằng-chứng hiển-nhiên
 « rằng nền độc-lập của các Ngài từ nay được phục-hồi rõ-rệt.
 « Năm trọn quyền-bính về mặt cai-trị, hành-chính và quân-đội,
 « đó là biểu hiệu của chủ-quyền quốc-gia thực-sự, không ai
 « chối cãi được. »

Chính ngày 28-11-50 — ngày bế-mạc Hội-ngị Liên-quốc
 Pau — Đức Quốc-Trưởng Bảo-Đại trong bài diễn-văn lịch-sử
 đọc tại Hà-Đông trước 4 vạn dân-chúng, có tuyên bố như sau :

« Muốn giữ gìn lãnh-thổ, muốn bảo-vệ nền văn-minh cổ-
 « truyền, muốn sống một cuộc đời bình-dị không bó buộc,
 « không e-sợ, chúng ta phải gây một lực-lượng quốc-gia hùng-
 « hậu, một quân-đội mạnh-mẽ.

« Quân-đội đó phải có tính-cách hoàn-toàn V.N. phải chiến-
 « đấu dưới bóng cờ V.N. phải có một bộ tham-mưu V.N. và
 « bộ chỉ-huy cũng phải là người V.N. Quân-đội đó phải gồm
 « đủ thủy, lục, không-quân, phải có đủ vũ-khí tối-tân. »

Trước đó hơn một tháng, trường võ-bị Liên-quân Việt-
 Nam tại Dalat đã làm lễ thương quốc-kỳ mà mở cửa tiếp-nhận
 sinh-viên theo học lớp đào-luyện sĩ-quan cho quân-đội quốc-
 gia.

Đến nay, 18 tiểu-đoàn V.N. đã được tổ-chức và võ trang
 hoàn-bị, trong đó 13 tiểu-đoàn đã tham-gia trực-tiếp vào các
 cuộc hành-binh.

Việt-Nam đã gia nhập đại gia-đình Quốc-tế

HƠN bốn năm trường tranh đấu, nhờ ở trí anh dũng và hy sinh không bờ bến của dân tộc, Pháp đã phải công nhận nền thống-nhất và độc-lập của ta.

Thống-nhất và độc-lập rồi, chính-phủ quốc-gia Việt-Nam đã hoạt động để các cường quốc công nhận nước ta, vì phải có một địa vị rõ rệt trên trường quốc tế mới có thể đảm bảo nền độc-lập của mình.

Các cường quốc đã đòi quốc hội Pháp duyệt y xong Thỏa Hiệp Elysée để công nhận nước ta. Vì theo phép lịch sự quốc tế cũng như theo pháp lý, các cường quốc không thể công nhận Việt-Nam trước khí chính-phủ Pháp công nhận.

Dưới sự lãnh đạo của Đức Quốc-Trưởng, ngoại giao Việt-Nam đã khéo biết lợi dụng thời cơ để Pháp phải duyệt y Thỏa Hiệp Elysée một cách cấp tốc.

Thì đây, Hội-Đồng Liên-Hiệp-Pháp đã duyệt y hôm 20-1-50.
Quốc-Hội Pháp hôm 28-1-50.

Hội-Đồng Cố-Vấn Cộng-Hòa hôm 1-2-50.

Và 24 giờ sau thì Tổng Thống Pháp ký đạo quốc luật công bố việc duyệt y ấy.

Các chính đảng Pháp hầu hết đều bỏ phiếu thuận. Các đảng hiểu biết rằng quốc dân Việt-Nam không thể nào lại chịu đô hộ như xưa. Ông Léon BLUM lãnh tụ đảng xã hội Pháp đã viết ở tờ báo « Le Populaire » (24-1-50) rằng : « Thỏa Hiệp Elysée là một Thỏa Hiệp ký kết giữa hai dân tộc Việt Pháp. Nó có giá trị cho hết thầy mọi người Việt-Nam ».

Chỉ có cực tả (đảng Cộng-Sản Pháp) và cực hữu (bọn thực dân) là bỏ phiếu nghịch thôi. Cực hữu thì tiếc vì mất một thuộc địa cũ, mất cái thói dễ bắt nạt để làm giàu. Cực tả thì chỉ muốn quấy rối chính-phủ Pháp mà thôi, chứ chẳng có phải thực lòng bênh vực gì mình đâu : Người Việt-Nam chưa quên rằng khi Chính-phủ Pháp ra lệnh cho quân viễn chinh sang ta (1946) và dùng thủ đoạn vũ lực với dân ta, là lúc nội-các Pháp có tới 10 ông Thượng Cộng-Sản và chính ông Maurice Thorez (Tổng thư ký đảng Cộng-Sản Pháp) làm phó Thủ-Tướng lúc ấy.

Thỏa Hiệp Elysée duyệt y rồi thì các cường quốc dân chủ tiếp tục tuyên bố công nhận ta.

Như vậy, sau 80 năm vắng mặt trên trường Quốc-tế, Việt-Nam ngày nay lại gia nhập đại gia đình thế giới với tư cách một nước dân chủ độc-lập.



Ngày 7-2-50 Hoa-kỳ công nhận quốc-gia Việt-Nam

Tổng Thống Truman gửi Đức Quốc-Trưởng bức điện văn sau này, để công nhận chính-phủ quốc-gia Việt-Nam :

« Kính Hoàng Thượng,

Hiện tôi có bức thư của Ngài gửi cho tôi hay việc ký kết hiệp ước 8-3-1949 giữa Ngài, nhân danh Việt-Nam, và Tổng Thống Pháp, nhân danh Pháp quốc. Chính-phủ tôi cũng được chính-phủ Pháp cho hay việc duyệt y hiệp-ước 8-3-1949 vào ngày 2-2-50.

Vì các việc làm ấy lập nước Việt-Nam thành nước độc-lập trong Liên-Hiệp-Pháp, tôi xin đệ lời kính khen Ngài và dân tộc Việt-Nam.

Chính-phủ Mỹ vui mừng chào đón Việt-Nam vào đại gia đình các nước dân chủ yêu chuộng hòa bình, và bằng lòng nhìn nhận ngoại giao chính phủ Việt-Nam.

Tôi ước mong hai nước chúng ta sẽ sớm trao đổi đại sứ.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ với Hoàng Thượng cảm tình của tôi, và cầu chúc Việt-Nam được thịnh vượng và ổn định ».

Ký tên : HARRY S. TRUMAN

Đức Bảo-Đại có gửi điện văn phúc đáp Tổng Thống Hoa-Kỳ như sau này :

« Thừa Ngài,

Quốc dân Việt-Nam và tôi đã rất cảm động nhận được thư của Ngài báo tin chính-phủ Hoa-kỳ đã công nhận nước Việt-Nam và chính-phủ Việt-Nam.

Chúng tôi cảm ơn Ngài đã chúc mừng và chào đón nước Việt-Nam vào đại gia đình quốc tế. Với lại những điều tốt ấy nước Việt-Nam sẽ thực hiện sứ mệnh trong tự do và trật tự.

Ngày mà Hoa-kỳ và Việt-Nam trao đổi đại sứ là một ngày rực rỡ trong Việt sử.

Tôi cũng nhân dịp này, cảm ơn Ngài và gửi tình hữu nghị với quí quốc ».

Ký tên : BẢO-ĐẠI

— Hôm 17-2-50, Hoa-kỳ bãi bỏ tòa Tổng lãnh sự ở Việt-Nam, và lập ra một sứ quán. Ông E. Guillion được cử sang làm Sứ Thần ở bên ta và đã đệ trình ủy nhiệm thư lên Đức Quốc-Trưởng.

— Chính-phủ Việt-Nam có tuyên bố rằng Việt-Nam cũng sẽ cử Sứ Thần sang Hoa-Thịnh-Đốn.

Những người đã thắc mắc, sau khi đọc bản Thỏa-Hiệp Elysée, rằng sao ta lại chỉ có ba đại sứ, nay đã thấy rõ tính cách tiến triển của Thỏa-Hiệp ấy. Chính-phủ quốc gia dưới quyền lãnh đạo của Đức Bảo-Đại đã tranh đấu và khéo lợi dụng thời cơ quốc tế biến chuyển. Ta sẽ có Sứ Thần ở Hoa-Thịnh-Đốn như chúng tôi vừa nói, và ta cũng đã có Sứ Thần ở Luân-Đôn như chúng tôi sẽ nói ở mục sau, và ở tất cả những nơi khác mà ta muốn có.

— Sau sự công nhận của Hoa-kỳ, đặc sứ Jessup có tuyên bố trong một cuộc hội họp báo giới ở Vọng-Các hôm 11-2-50 rằng: « Nay Thỏa Hiệp Elysée đã duyệt y rồi thì tình thế ở Việt-Nam đã thay đổi nhiều lắm. Hoa-kỳ sẽ đối với Việt-Nam cũng như các nước độc lập khác. Tôi cho rằng Việt-Nam có quyền ký thẳng các thỏa-hiệp với Hoa-kỳ.

... Hoa-kỳ sẽ giúp Việt-Nam để củng cố nền độc-lập và giúp nền kinh tế được thịnh vượng ».

★

Ngày 7-2-50, nước Anh công nhận quốc-gia Việt-Nam

— Hôm 6-2-50, Ngoại Trưởng E. Bevin ở Hội-nghị Colombo trở về Luân-Đôn. 24 giờ sau, Nội-Các Anh họp phiên đặc biệt để bàn về việc công nhận Việt-Nam.

Sau cuộc hội họp ấy, Nội-Các Anh đã đồng ý tán thành việc công nhận Việt-Nam, và ban bố thông cáo cho dân chúng nước Anh biết việc công nhận này.

— Theo thủ tục ngoại giao, Ngoại Trưởng Bevin liền gửi điện văn cho chính-phủ Việt-Nam báo tin nước Anh đã công nhận Việt-Nam.

— Sau đấy nước Anh đã cử ông F. S. Gibbs sang làm Sứ-thần bên ta.

Chính-phủ Việt-Nam cũng cử bác sĩ Trần-văn-Đôn sang làm Sứ-thần bên Luân-Đôn.

— Cũng như việc công nhận của Hoa-kỳ, thái độ thân thiện và việc công nhận của Nội Các Attlee rất là quan trọng cho Việt-Nam trong việc củng cố nền độc lập của ta. *Nội Các Attlee, như ai cũng biết, là một Nội Các xã hội.*

— Những người đã bần khoản về mục ngoại giao trong Thỏa-hiệp Elysée thì nay đã được yên tâm với việc Việt-Nam có đại diện ở kinh đô hai đại cường quốc Anh, Mỹ.

Sau khi hai đại cường quốc Anh, Mỹ đã công nhận chính-phủ quốc gia Việt-Nam, thì lần lượt các nước dân chủ khác cũng tuyên bố công nhận ta. Chúng tôi xin kể ra đây các nước công nhận ấy :

Anh-cát-Lợi, Hoa-kỳ (7-2-50), Bỉ, Úc (8-2-50), Lục-xâm-Bảo, Tân-tây-Lan (9-2-50), Hy-Lạp (12-2-50), Ý (18-2-50), Jordanie (20-2-50), Honduras (25-2-50), Ba-Tây (27-2-50), Xiêm (28-2-50), Cao-ly, Tây-ban-Nha (3-3-50), Equateur, Pérou (10-3-50), Tòa Thánh La-Mã, Nam Phi-châu, Vénézuala (13-3-50), Bolivie, Costa Rica (15-3-50), Cuba (16-3-50), Hòa-lan (12-4-50), Paraguay (13-4-50), Colombie (29-4-50), Argentine (4-5-50), Chi li, Haïti, Liberia, Nicaragua, Panama, Salvador, Phi-luật-Tân, Gia-nã-Đại.

Đức Quốc-Trưởng, trong bản tuyên ngôn hôm 8-3-50, có nói : « Việc các cường quốc dân chủ công nhận nước ta làm

cho ta phần khởi đi trên con đường chúng ta đã chọn từ một năm nay vì là con đường quốc-gia dân chủ. Chúng ta sẽ không bao giờ bỏ con đường ấy vì nó hợp với những nguyện vọng sâu xa của quốc dân.

Việc công nhận ấy lại còn là bảo đảm cho nền độc-lập của ta. Từ nay không nước nào có thể phạm tới chủ quyền của ta mà thế giới dân chủ lại không phản kháng...»

Tóm lại dưới quyền lãnh đạo của chính - phủ Bảo-Đại, Việt-Nam đã nắm được những thắng lợi như sau :

- a) Phục-hồi thống nhất
- b) Dành độc-lập
- c) Góp tên tuổi trong gia đình Quốc Tế và được các cường quốc công nhận.

Tới giờ phút này giai đoạn đầu đã qua. Giai đoạn tới (chúng tôi xin nhắc thêm lần chót) là Việt-Nam phải thực hiện đầy đủ mọi chủ quyền nội ngoại đã ấn định trong thỏa-hiệp Elysée. Đó còn là điều cốt-yếu để củng-cố nền độc-lập của chúng ta nữa.

Rượu đã rót ra rồi, từ cốc đến môi không phải là không thể xảy ra nhiều điều trắc trở. Nhưng dù sao chúng ta vẫn nhìn vào sức quật cường của dân-tộc, vào sự tiến hóa của Nhân-Loại trong hai cuộc đại chiến, vừa qua mà vững lòng tin tưởng rằng :

Việt-Nam phải độc-lập

PHẠM-VĂN-SƠN
27-7-1951

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Trước in	Xin đọc là
84	8	Nùng-trí-Cao	Nông-văn-Vân
192	16	Nguyễn-văn-Tiến	Nguyễn-văn-Tiểu